



KIẾN TẠO THỊNH VƯỢNG

I	Thông điệp
II	Thông tin chung
III	Tình hình hoạt động trong năm 2023
IV	Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
V	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của VPBank
VI	Quản trị Ngân hàng
VII	Giải thưởng, các sự kiện đáng chú ý, hoạt động từ thiện xã hội năm 2023
VIII	Báo cáo phát triển bền vững
XI	Báo cáo tài chính
X	Phụ lục báo cáo phát triển bền vững

Thông điệp Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc	08
Dấu ấn 2023	10
Thông tin khái quát, quá trình hình thành và phát triển	14
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	24
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	26
Định hướng phát triển	38
Các rủi ro	40
Tình hình hoạt động kinh doanh	44
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và công ty con	68
Tình hình tài chính	70
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	72
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	74
Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	78
Tình hình tài chính	80
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	88
Định hướng hoạt động kinh doanh trong năm 2024	90
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của VPBank	96
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành	99
Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	100
Danh sách Thành viên HĐQT, BKS và BDH	104
• Thành viên Hội đồng Quản trị	104
• Thành viên Ban Kiểm soát	107
• Thành viên Ban Điều hành	108
• Thay đổi thành viên BDH trong năm 2023	115
Báo cáo Quản trị Ngân hàng	116
• Hội đồng Quản trị	117
• Ban Kiểm soát	124
• Giao dịch và Thù lao	126
Đánh giá công tác quản trị DN theo thẻ điểm quản trị khu vực ASEAN	128
Giải thưởng	148
Các sự kiện đáng chú ý	148
Hoạt động từ thiện xã hội	150
Thông điệp của Ban Lãnh đạo	154
Chiến lược phát triển bền vững	156
Thành tựu nổi bật trong năm 2023 của VPBank	158
Tổng quan về báo cáo thông tin	159
Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu	160
Xác định rõ ràng các lĩnh vực trọng yếu	164
Mô hình quản trị định hướng phát triển bền vững	166
Thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững	172
Tham gia thúc đẩy xu hướng phát triển vững chắc của thị trường	182
Đóng góp kiến tạo nền tảng giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội	183
Đóng góp bảo vệ môi trường	192
Báo cáo kiểm toán độc lập	198
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	202
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	205
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	206
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	208

08-11

14-41

44-75

78-93

96-101

104-145

148-151

154-195

198-292

293-298

LỜI TỰA

KIẾN TẠO THỊNH VƯỢNG

2023 là năm ghi nhận cột mốc mới về vốn của VPBank: vốn điều lệ tăng lên gần 79.340 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt xấp xỉ 140.000 tỷ đồng, lần lượt đứng đầu và đứng thứ hai hệ thống. Nền tảng vốn vững chắc đã trở thành bộ đệm chống sốc giúp VPBank vượt qua các khó khăn và thách thức của năm 2023 - khi nền kinh tế phục hồi chậm hơn kỳ vọng, cầu tiêu dùng yếu và sức hấp thụ vốn của người dân và doanh nghiệp còn hạn chế.

Năm 2023 cũng là năm chào đón cổ đông chiến lược SMBC, tập đoàn tài chính lớn thứ 2 Nhật Bản, tham gia vào hành trình vươn tầm trở thành một định chế tài chính hùng hậu, vững mạnh tại Việt Nam và khu vực của VPBank. Tinh thần vươn lên, ý chí quật cường và bền bỉ của VPBank, kết hợp với các bí quyết riêng có, kinh nghiệm dày dạn và văn hóa Nhật Bản của làn gió mới SMBC, hứa hẹn sẽ đưa con tàu VPBank không ngừng tiến về phía trước.

Tiềm lực tài chính hùng hậu, cộng với sự đồng hành của SMBC đã mở đường để VPBank mở rộng bước tiến sang phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn, khách hàng FDI và các tập đoàn đa quốc gia, bổ trợ cho mảnh ghép còn thiếu trong hệ sinh thái bao trùm và đa dạng của ngân hàng, sánh vai cùng các phân khúc trọng yếu là khách hàng cá nhân và doanh nghiệp SME.

Tất cả đang tạo những nền tảng quan trọng để VPBank tiếp bước vào năm 2024 với hy vọng về một tương lai tươi sáng hơn, tiếp tục con đường kiến tạo thịnh vượng cho cổ đông, cộng đồng và xã hội.





Bank





Thông điệp

Thông điệp
Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám đốc

08

Dấu ấn 2023

10

Thông điệp

Chủ tịch Hội đồng Quản trị & Tổng Giám Đốc

**Các Quý cổ đông, khách hàng
và đối tác thân mến,**

2023 là một năm có rất nhiều khó khăn, thách thức với nền kinh tế Việt Nam nói chung, và đặc biệt với hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng đã phải đối mặt với cuộc khủng hoảng thanh khoản và cuộc khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp kéo dài từ cuối năm 2022 sang đầu năm 2023. Thực tế, hệ quả của hai cuộc khủng hoảng lớn này đã kéo dài gần như cả năm 2023. Tăng trưởng kinh tế chậm lại, nhu cầu tín dụng giảm và sức khỏe tài chính của nhiều khách hàng bị suy yếu cũng khiến hoạt động của các ngân hàng gặp khó khăn và phải thận trọng hơn trong việc lựa chọn khách hàng, thu hồi nợ. Nhiều ngân hàng trên thị trường đã không thể hoàn thành được mục tiêu kinh doanh đề ra và VPBank cũng không nằm ngoài vòng xoáy đó.

Mặc dù chúng ta phải đối mặt với nhiều áp lực, khó khăn lớn như vậy, nhưng trong bức tranh chung về hoạt động của VPBank năm qua, vẫn còn có nhiều điểm tích cực. Thậm chí, chúng ta còn hoàn thành hoặc bắt đầu triển khai được những mục tiêu, kế hoạch mang tính chiến lược, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển trong tương lai của ngân hàng. Đó là các điểm sau:

Thứ nhất, trong năm 2023, VPBank đã hoàn tất việc phát hành 15% cổ phần cho cổ đông chiến lược là ngân hàng SMBC của Nhật Bản. Bất chấp một năm có rất nhiều khó khăn, thách thức đe dọa tới hiệu quả hoạt động của ngân hàng, nhưng SMBC vẫn đưa ra quyết định cuối cùng là trở thành cổ đông chiến lược của VPBank, đồng hành cùng VPBank trên một chặng đường rất dài trong tương lai.

Điều đó cho thấy rằng SMBC đánh giá rất cao nội lực và chiến lược phát triển của ngân hàng. Sức mạnh SMBC mang đến cho VPBank không chỉ là gần 36 nghìn tỷ đồng tiền vốn, mà còn cả kinh nghiệm và những đối tác, khách hàng của một trong những ngân hàng lớn nhất thế giới. Sức mạnh đó sẽ góp phần củng cố một nền tảng vững chắc, sức bật lớn cho sự phát triển của VPBank trong tương lai.

Thứ hai, VPBank không chỉ đứng vững trong một giai đoạn mà toàn bộ hệ thống ngân hàng bị đe dọa bởi các áp lực thanh khoản, nợ xấu gia tăng, mà còn có sự tăng trưởng mạnh về quy mô ở rất nhiều chỉ tiêu quan trọng, như huy động, tăng trưởng tín dụng, nền tảng vốn, tổng tài sản và quy mô khách hàng. Về huy động, chúng ta đã có sự tăng trưởng mạnh, hơn 33%, đạt hơn 490 nghìn tỷ đồng. Mức tăng trưởng này cao hơn nhiều so với trung bình ngành và đã giúp ngân hàng đảm bảo các chỉ tiêu thanh khoản.

Cùng với nguồn vốn từ phát hành cổ phần cho SMBC, hệ số CAR của ngân hàng đạt hơn 17%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. Chính nhờ đảm bảo được các chỉ tiêu an toàn thanh khoản, VPBank trong năm qua đã đẩy mạnh được hoạt động cho vay nhằm mở rộng quy mô hoạt động. Tăng trưởng tín dụng hợp nhất trong năm qua đạt hơn 25%. Tổng tài sản của ngân hàng đạt trên 817 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2023, tăng gần 30% so với đầu năm. Số lượng khách hàng trên toàn hệ sinh thái VPBank cũng đã tăng từ 24 triệu cuối năm ngoái lên hơn 30 triệu.

Thứ ba, VPBank đã triển khai vận hành theo mô hình tập đoàn tạo ra sự hỗ trợ linh hoạt hơn giữa VPBank và các công ty trong hệ sinh thái, nhằm tối ưu hóa nguồn lực, và nâng cao hiệu quả hoạt động. Kết quả tích cực từ mô hình tập đoàn mà chúng ta có thể nhìn thấy ngay được đến từ sự hỗ trợ của ngân hàng mẹ VPBank đối với FE CREDIT.

Trong năm 2023, nhiều bộ phận ở VPBank đã tham gia trực tiếp vào quá trình tái cơ cấu lại FE CREDIT. Sự tham gia này diễn ra ở cả các hoạt động vận hành lẫn bán hàng trực tiếp. Kết quả là doanh số giải ngân FE Credit đã tăng trưởng trở lại trong hai quý cuối năm. Đồng thời, lợi nhuận theo quý có xu hướng cải thiện tích cực. Trong năm 2024, mô hình quản trị tập đoàn sẽ tiếp tục được triển khai ở các công ty thành viên như OPES và VPBankS nhằm tối ưu hóa nguồn lực và phát huy hiệu quả cao nhất.

Thứ tư, một trong những hoạt động mang tính chiến lược của ngân hàng mà VPBank đã đạt được trong năm qua, là đưa ra được định hướng mới cho văn hóa doanh nghiệp và 5 giá trị cốt lõi mới. Chúng ta đều biết rằng văn hóa doanh nghiệp có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp, định hình nên bản sắc và giúp doanh nghiệp đó đạt được các mục tiêu tham vọng trong tương lai. VPBank đã bước sang một giai đoạn mới, có những khát khao và giấc mơ lớn. Vì vậy ngân hàng cũng cần có sự thay đổi về bản sắc văn hóa cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới của ngân hàng.

Có thể thấy rằng trải qua những thời khắc khó khăn, chúng ta càng thấy rõ được sức chống chịu và năng lực ứng phó linh hoạt, sáng tạo của VPBank khi phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng. Qua đó, VPBank đã đúc kết ra được những bài học kinh nghiệm, những thiếu sót, đánh giá lại khẩu vị rủi ro và đưa ra những điều chỉnh phù hợp để tránh được những hạn chế đã gặp phải và đạt được sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Sự linh hoạt, sáng tạo chính là lợi thế của VPBank. Điều đó đã được chứng minh ở trong quá khứ. Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế 2012-2013, VPBank lúc đó với quy mô nhỏ đã phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, nhưng đã đạt được sự tăng trưởng ấn tượng về quy mô và tổng tài sản để mở ra một chương lịch sử huy hoàng cho ngân hàng. Giai đoạn này, sự linh hoạt, sáng tạo của VPBank một lần nữa đã được thể hiện. Ở một vị thế lớn hơn 10 năm trước rất nhiều, với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược SMBC, sở hữu một nền tảng vốn rất lớn, kinh nghiệm cũng như quy mô hơn 30 triệu khách hàng, chúng tôi tin rằng 2024 sẽ là một năm thành công của VPBank.

Xin trân trọng cảm ơn!



30 Hành trình Thịnh Vượng



Chủ tịch HĐQT
Ngô Chí Dũng

Dấu ấn 2023

Vốn điều lệ đạt
79,34 nghìn tỷ đồng



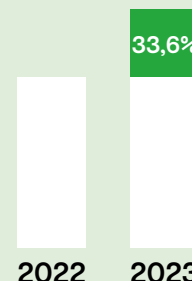
Huy động thành công
400 triệu USD
dưới sự hỗ trợ của SMBC



Nhận cam kết hỗ trợ
tài chính từ DFC trị giá
300 triệu USD

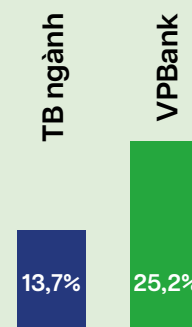
Huy động khách hàng &
Giấy tờ có giá

490,2 nghìn tỷ đồng

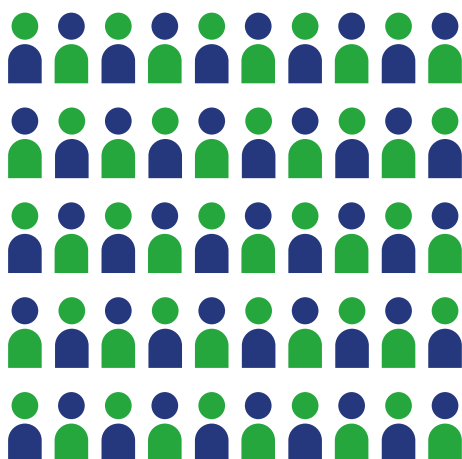


Quy mô tín dụng

600,5 nghìn tỷ đồng



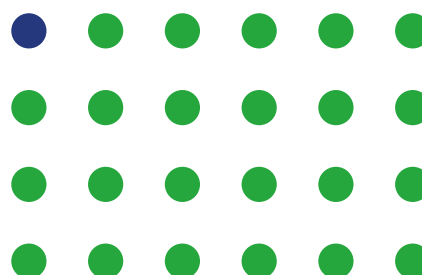
30 triệu khách hàng
trên toàn hệ sinh thái



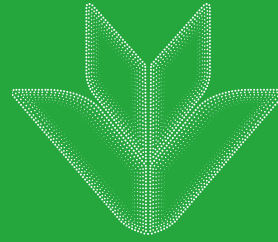
Được Brand Finance
định giá giá trị thương hiệu

1,3 tỷ USD

#173/500
ngân hàng có
giá trị thương hiệu
lớn nhất toàn cầu



● 2016
● 2023



Chi trả cổ tức
tiền mặt cho cổ đông



8 nghìn tỷ
đồng

Moody's
xếp hạng
tín nhiệm
Ba3



- Hoàn tất thỏa thuận chuyển nhượng 15% vốn điều lệ cho đối tác chiến lược SMBC, nâng vốn điều lệ tăng lên gần 79.34 nghìn tỷ đồng và vốn chủ sở hữu lên gần 140 nghìn tỷ đồng, lần lượt đứng đầu và đứng thứ hai hệ thống. Tỷ lệ an toàn vốn đạt 17%, cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam.
- Thực hiện cam kết chi trả gần 8 nghìn tỷ đồng cổ tức tiền mặt cho các cổ đông.
- Huy động khách hàng và Giấy tờ có giá đạt hơn 490 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 33,6% so với năm 2022, nằm trong top đầu ngành.
- Quy mô tín dụng hợp nhất đạt hơn 600 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 25,2% so với năm 2022, trong đó tăng trưởng tại ngân hàng mẹ đạt 31,8%, cao hơn nhiều so với trung bình ngành (13,7%).
- VPBank huy động thành công 400 triệu USD các khoản vay hợp vốn trung-dài hạn từ các định chế tài chính lớn dưới sự hỗ trợ và thu xếp của SMBC trong năm 2023, nâng tổng số các khoản vay quốc tế hậu thuẫn bởi SMBC lên gần 1,7 tỷ USD trong 3 năm vừa qua. Ngân hàng đồng thời nhận cam kết hỗ trợ tài chính trị giá 300 triệu USD từ Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (DFC) trong thỏa thuận vay song phương để thúc đẩy tài chính bền vững.
- Xếp hạng tín nhiệm của VPBank được Moody's duy trì ở mức Ba3, triển vọng ổn định trong bối cảnh thị trường tài chính đối mặt nhiều khó khăn và thách thức.
- Chương trình hành động quyết liệt đầu tiên được ưu tiên triển khai tại FE CREDIT, đã giúp FE CREDIT trở lại quỹ đạo tăng trưởng, đồng thời ứng phó nhanh với những diễn biến phức tạp của thị trường và nền kinh tế
- Tập khách hàng cán mốc hơn 30 triệu người trên toàn hệ sinh thái trải dài từ ngân hàng, tài chính, chứng khoán, bảo hiểm... tới công nghệ.
- Giá trị thương hiệu VPBank được Brand Finance định giá gần 1,3 tỷ USD, tăng 23 lần trong 7 năm kể từ lần đầu tiên được định giá thương hiệu vào năm 2016. VPBank giữ vị trí 173 trong bảng xếp hạng 500 ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất toàn cầu của Brand Finance.
- Công bố 5 giá trị cốt lõi mới Khát vọng - Chính trực - Hiệu quả - Kỷ cương - Sáng tạo, trở thành nền móng giúp ngân hàng hiện thực hóa các mục tiêu tham vọng.





Thông tin chung

Thông tin khái quát, quá trình hình thành và phát triển 14

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 24

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 26

Định hướng phát triển 38

Các rủi ro 40

1.

Thông tin khái quát, quá trình hình thành và phát triển

Thông tin khái quát

Tên Ngân hàng	
Tên tiếng Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Tên tiếng Anh	Vietnam Prosperity Joint-Stock Commercial Bank
Tên giao dịch	VPBank
Mã cổ phiếu	VPB
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0100233583
Đăng ký lần đầu	8/9/1993
Sửa đổi lần thứ 45	27/11/2023
Vốn điều lệ	
Bằng chữ	79.339.236.010.000 đồng Bảy mươi chín nghìn ba trăm ba mươi chín tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, không trăm mười nghìn đồng chẵn.
Trụ sở chính	
Số điện thoại	Tòa tháp VPBank Tower, 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. (84) (24) 39288869
Fax	(84) (24) 39288867
Website	www.vpbank.com.vn



VÌ MỘT
VIỆT NAM

THỊNH VƯỢNG



VPBank

VPBank đã sẵn sàng cho hành trình phát triển tiếp theo:
Hành trình vươn tầm trở thành một định chế tài chính hùng hậu,
vững mạnh, nằm trong Top 3 ngân hàng hàng đầu Việt Nam
và Top 100 ngân hàng lớn nhất châu Á



Quá trình hình thành và phát triển

Thành lập từ năm 1993 - khi Việt Nam đang ở giai đoạn đầu thực hiện công cuộc Đổi mới, VPBank đã luôn song hành cùng sự phát triển của đất nước trong hành trình 30 năm xây dựng và trưởng thành vừa qua, trở thành cầu nối huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả cho nền kinh tế, giúp người dân tiếp cận các dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, hỗ trợ nhiều doanh nghiệp vay vốn kịp thời để đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Trải qua nhiều thăng trầm cùng năm tháng, chứng kiến sự lên ngôi của Internet, sự thay đổi trong hành vi, tâm lý của khách hàng, và gần đây là làn sóng số hóa ngành tài chính - ngân hàng mạnh mẽ, VPBank đã và đang vận động không ngừng để thích nghi và đón bắt các xu hướng và vận hội mới.

Thành công trong các giai đoạn chạy đà (2012-2017) và bứt phá (2018-2022), VPBank hiện đã vươn mình trở thành ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam tại thời điểm 31/12/2023, với mạng lưới hoạt động phủ rộng trên cả nước và một hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tài chính đa dạng, phong phú, đáp ứng các yêu cầu từ thanh toán tới quản lý tài sản của khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, tới khách hàng doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp FDI.

VPBank đã sẵn sàng cho hành trình phát triển tiếp theo: hành trình vươn tầm trở thành một định chế tài chính hùng hậu, vững mạnh, nằm trong Top 3 ngân hàng hàng đầu Việt Nam và Top 100 ngân hàng lớn nhất châu Á, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và thịnh vượng của quốc gia và cộng đồng, theo đúng tinh thần “Vì một Việt Nam thịnh vượng”.

Mục tiêu này cũng chính là tầm nhìn của chiến lược phát triển 5 năm được VPBank lựa chọn cho giai đoạn 2022-2026, và là kim chỉ nam dẫn lối cho ngân hàng vững bước trên con đường khai phá các vận hội mới, chinh phục các đỉnh cao mới, bất chấp các khó khăn, thách thức và những hệ lụy khôn lường mà cuộc khủng hoảng hậu đại dịch đang ảnh hưởng đến kinh tế thế giới và thị trường tài chính quốc tế, cũng như Việt Nam.

Với ý chí bền bỉ và kiên định, VPBank quyết tâm vượt qua giông bão, tiếp tục bám sát mục tiêu tăng trưởng chất lượng, luôn không ngừng đổi mới, củng cố chất lượng sản phẩm, dịch vụ để khẳng định vị thế của một ngân hàng hàng đầu Việt Nam, sẵn sàng vươn cao, vươn xa tầm khu vực và quốc tế.



Lịch sử và thành tựu 30 năm phát triển của VPBank (1993-2023)



1993

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) được thành lập ngày 12/8/1993, là một trong những ngân hàng TMCP có lịch sử lâu đời tại Việt Nam.



2015

Thành công chuyển đổi hoạt động Tín dụng tiêu dùng sang một pháp nhân độc lập mới với tên gọi Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (được nhận diện với Thương hiệu FE CREDIT). FE CREDIT đã thống lĩnh thị trường tài chính tiêu dùng tại Việt Nam với khoảng 50% thị phần.



2018

- Xây dựng chiến lược 2018-2022, xác định các động lực tăng trưởng và thúc đẩy quá trình số hóa
- Ra mắt thương hiệu VPBank Diamond cho phân khúc khách hàng cao cấp.



2010

VPBank thực hiện chiến lược chuyển đổi sang mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại, và có bước phát triển mạnh mẽ thông qua mức độ mở rộng mạng lưới các chi nhánh, điểm giao dịch trên toàn quốc cùng sự phát triển đa dạng của các kênh bán hàng và phân phối.



2017

Niêm yết cổ phiếu thành công trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP.HCM, huy động thêm gần 300 triệu USD từ phát hành riêng lẻ, mở ra giai đoạn phát triển hội nhập mới, với vị thế hàng đầu Việt Nam.



2020

- Hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II
- Kích hoạt kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) và xây dựng các phương án đối phó với Covid-19
- Triển khai hàng loạt sáng kiến số hóa về nền tảng công nghệ như Open Banking.



2022

- Gia hạn Thỏa thuận hợp tác độc quyền phân phối bảo hiểm AIA.
- Tái định vị thương hiệu và tuyên bố sứ mệnh mới "Vì một Việt Nam thịnh vượng" cùng với chiến dịch "Light up Viet Nam".
- Tăng vốn điều lệ lên hơn 67.000 tỷ đồng, trở thành ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống.



2019

- Phát hành thành công 300 triệu USD trái phiếu quốc tế.
- Triển khai chương trình BeFit tinh chỉnh bộ máy hoạt động và nâng cao năng suất lao động.



2021

- Hoàn tất chuyển nhượng 49% vốn tại FE CREDIT cho SMBC.
- Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm của VPBank và FE CREDIT lên Ba3 – ngang trần quốc gia.



2023

- Hoàn tất thỏa thuận chuyển nhượng 15% vốn điều lệ cho cổ đông chiến lược Ngân hàng SMBC, nâng vốn chủ sở hữu lên gần 140 nghìn tỷ đồng, đứng thứ hai toàn hệ thống.
- Xếp hạng tín nhiệm được Moody's duy trì ở mức Ba3, triển vọng ổn định, trong bối cảnh thị trường tài chính đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức.
- Công bố 5 giá trị cốt lõi mới.





VPBank đang từng bước khẳng định uy tín của một ngân hàng năng động, có năng lực tài chính ổn định và có trách nhiệm với cộng đồng, theo đúng tinh thần “Vì một Việt Nam thịnh vượng”.

Tầm nhìn

Trở thành ngân hàng có vị trí vững chắc trong Top 3 ngân hàng lớn nhất Việt Nam và quy mô thuộc Top 100 ngân hàng lớn nhất châu Á, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và thịnh vượng của quốc gia và cộng đồng.

Sứ mệnh

Tiên phong đổi mới, nâng tầm chất lượng dịch vụ tài chính vượt trội cho khách hàng và đối tác, phát triển hiệu quả mang lại các giá trị thịnh vượng bền vững cho cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Chiến lược

Xây dựng một ngân hàng đa năng, dẫn đầu về năng lực triển khai, sáng tạo và kiến tạo giá trị thông qua các giải pháp tài chính toàn diện với sức mạnh tổng hợp của hệ sinh thái và ứng dụng công nghệ tiên tiến.



Giá trị cốt lõi

VPBank luôn xác định văn hóa doanh nghiệp là tài sản quý giá của tổ chức, là sức mạnh hậu thuẫn ngân hàng theo đuổi những mục tiêu tham vọng, kiến tạo những giá trị khác biệt, là nền móng nâng đỡ chiến lược, giúp hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh của ngân hàng. Trong năm 2023, VPBank chính thức công bố 5 giá trị cốt lõi mới, bao gồm:

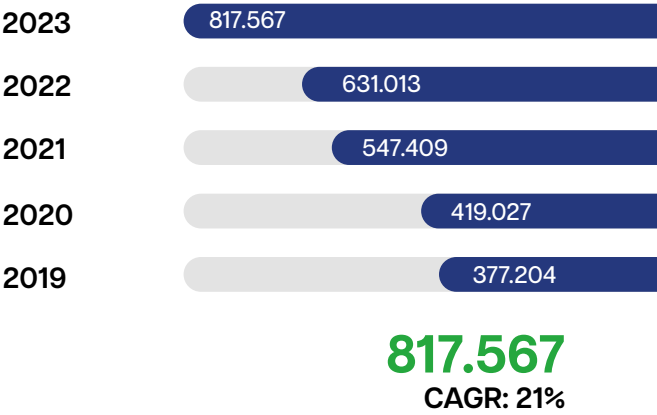


Hệ giá trị cốt lõi mới này được phát triển dựa trên sự kế thừa những giá trị phẩm chất đã hình thành nên bản sắc VPBank trong nhiều năm qua, đồng thời bổ sung những tinh thần, giá trị mới để ngân hàng tiếp tục duy trì sự tăng trưởng bền vững trong tương lai. 5 giá trị cốt lõi sẽ là kim chỉ nam để mỗi VPBanker tự soi chiếu, hoàn thiện, phát triển bản thân trở thành những cá nhân thịnh vượng, giàu khát vọng, đam mê sáng tạo, có tư tưởng, hành động kỷ luật. 5 giá trị cốt lõi được kích hoạt sẽ tiếp sức để VPBank mở ra kỷ nguyên thịnh vượng mới.

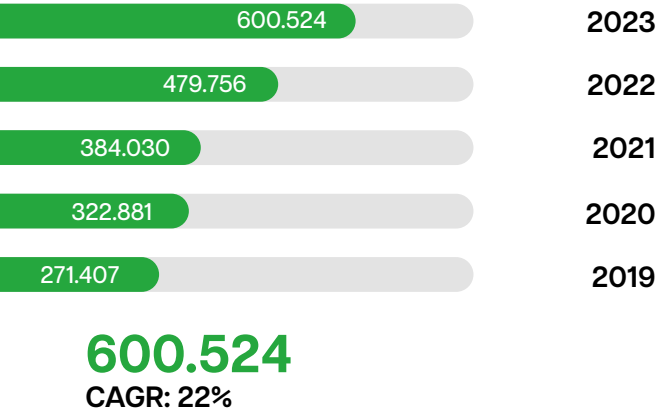
Các biểu đồ tăng trưởng

Trong 5 năm vừa qua, VPBank kiên định thực hiện kế hoạch tăng trưởng quy mô, củng cố nền tảng, trong khi vẫn đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động với tỷ lệ an toàn vốn (CAR) và tỷ lệ chi phí trên thu nhập trong từng năm luôn tốt hơn trung bình ngành.

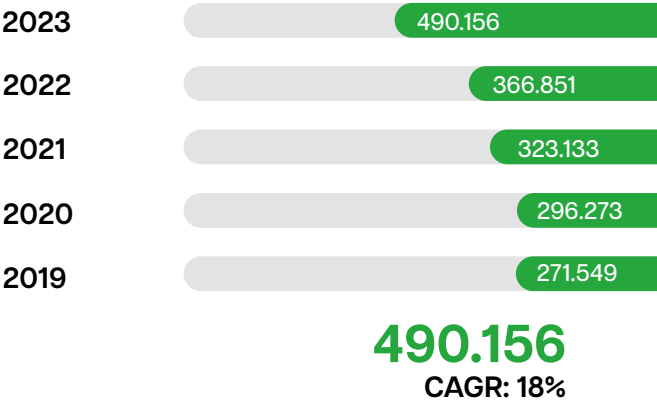
Tổng tài sản (tỷ đồng)



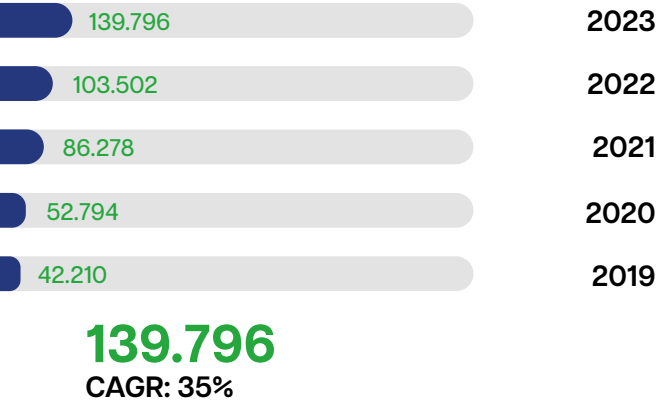
Dư nợ cấp tín dụng (tỷ đồng)



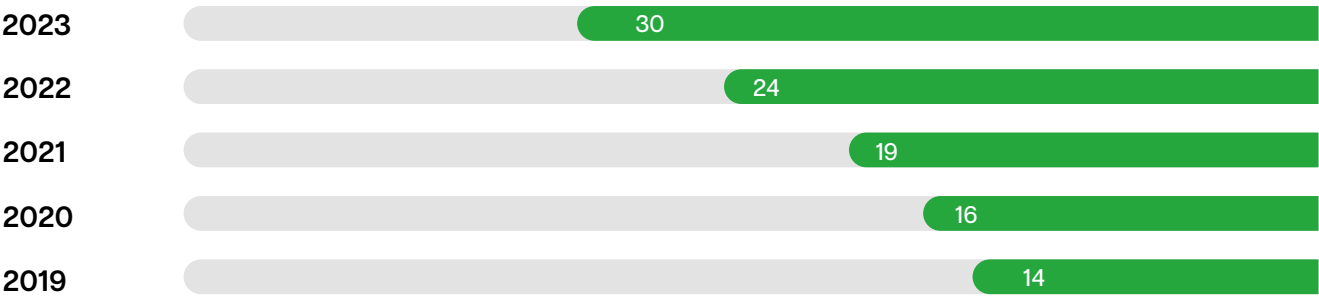
Huy động khách hàng & Giấy tờ có giá (tỷ đồng)



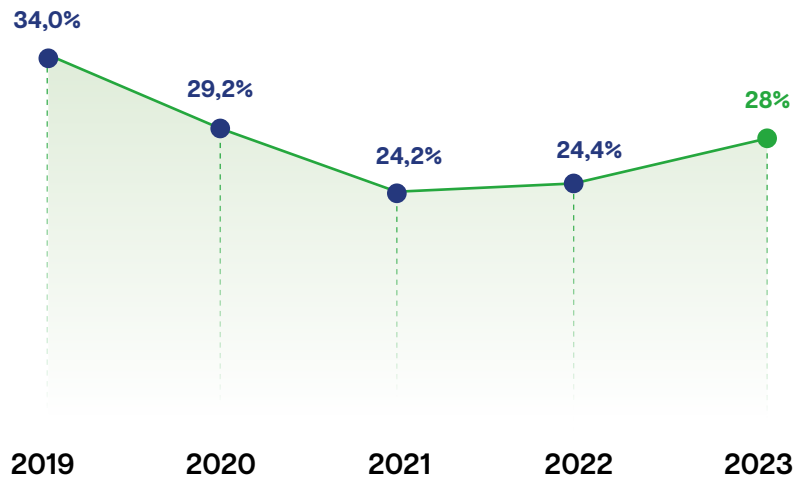
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



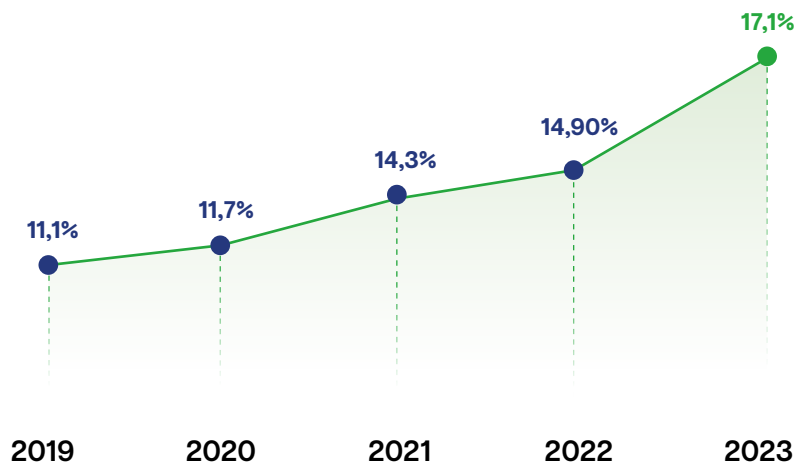
Số lượng khách hàng (triệu khách hàng)



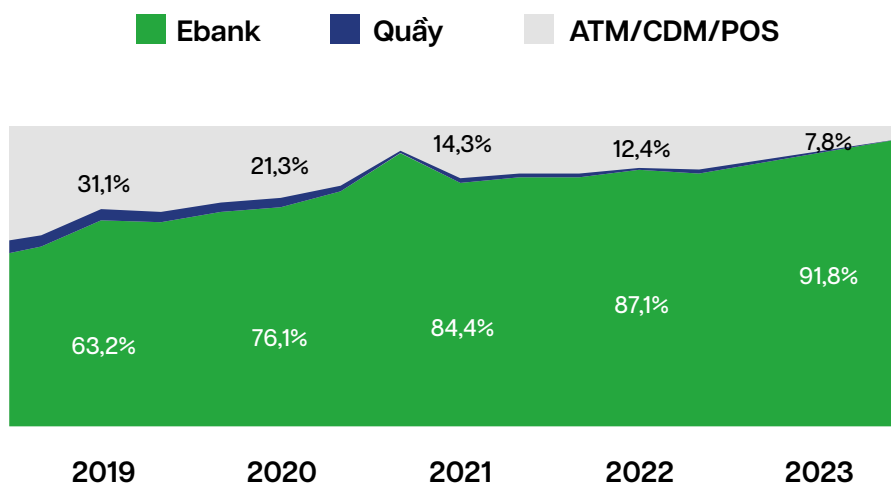
CIR



CAR theo TT 41 (Basel II, %)



Tỷ lệ thâm nhập giao dịch tài chính



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Dịch vụ ngân hàng

Các hoạt động chính của VPBank bao gồm:



Thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân.



Đầu tư chứng khoán, trái phiếu; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ



Cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử



Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác



Cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho phép.



Dịch vụ quản lý tài sản

1 HỘI SỞ
76 CHI NHÁNH
187 PHÒNG GIAO DỊCH

Đến cuối năm 2023, VPBank có 1 Hội sở, 76 chi nhánh và 187 phòng giao dịch hoạt động trên toàn quốc

1 HỘI SỞ
31 CHI NHÁNH
113 PHÒNG GIAO DỊCH

MIỀN BẮC

8 CHI NHÁNH
16 PHÒNG GIAO DỊCH

MIỀN TRUNG

37 CHI NHÁNH
58 PHÒNG GIAO DỊCH

MIỀN NAM

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của VPBank bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, và Tổng Giám đốc theo như quy định tại Điều 32 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của ngân hàng. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, định hướng hoạt động của ngân hàng; triển khai các công tác quản trị, đưa ra quyết định thực hiện quyền và nghĩa vụ của ngân hàng ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị có hai ủy ban trực thuộc giúp việc là Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý Rủi ro.

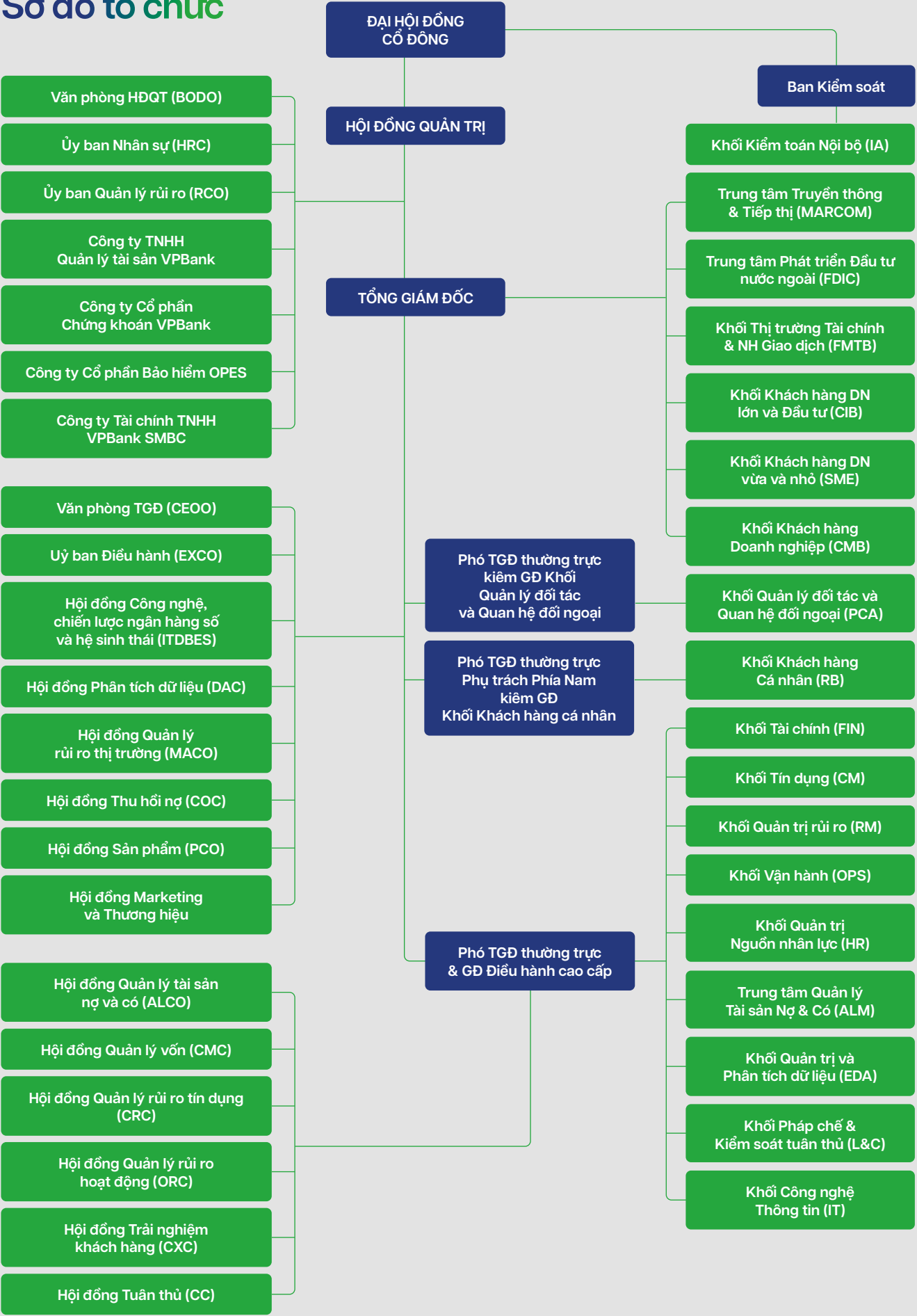
Cơ cấu bộ máy quản lý

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị.

Các thành viên còn lại của Ban Điều hành (BDH) gồm các Phó Tổng Giám đốc thường trực, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc các khối, trung tâm... có nhiệm vụ giúp việc và hỗ trợ. Tổng Giám đốc thực thi các định hướng, chính sách do Hội đồng Quản trị phê duyệt trong quá trình tiến hành các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Ngân hàng thiết lập thành 17 khối và trung tâm chính, triển khai các hoạt động kinh doanh và vận hành - hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ cụ thể, do các thành viên Ban Điều hành được phân công trực tiếp quản lý.

Tổng Giám đốc cũng tổ chức, thành lập các Hội đồng chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý rủi ro (Hội đồng Quản lý Rủi ro hoạt động, Hội đồng Quản lý Rủi ro tín dụng và Thu hồi nợ, Hội đồng Quản lý Rủi ro thị trường); quản lý tài sản (Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, Hội đồng Quản lý vốn), quản lý/phê duyệt tín dụng, phát triển sản phẩm... nhằm tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý và ra quyết định cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Sơ đồ tổ chức



Các công ty con



Công ty TNHH Quản lý Tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB AMC)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần gần nhất ngày 12/5/2023
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng L2B, Tòa nhà R6 Royal City, 72A đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Loại hình kinh doanh	Quản lý nợ và khai thác tài sản
Vốn điều lệ	115.000.000.000 đồng
% sở hữu bởi VPBank	100%



Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES (OPES)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 79/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20/3/2018 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất ngày 16/12/2021
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng 6, số 5 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Hà Nội
Loại hình kinh doanh	Bảo hiểm
Vốn điều lệ	550.000.000.000 đồng
% sở hữu bởi VPBank	98%

Nhờ đầu tư mạnh mẽ và bài bản vào hạ tầng công nghệ, Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES đã có những bước chuyển mình đáng ghi nhận trong năm 2023, về doanh thu, thị phần và uy tín đối với khách hàng.

Sau 5 năm gia nhập thị trường, từ một doanh nghiệp bảo hiểm non trẻ, OPES đã vươn lên nằm trong top 15 công ty bảo hiểm phi nhân thọ có doanh thu lớn nhất tại Việt Nam. Trong năm 2023, doanh thu của OPES đạt hơn 1.600 tỷ đồng. ROE và ROA lần lượt đạt 22,9% và 5,8%. Hơn 109,3 triệu hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ đã được OPES phát hành thành công trong năm, với tệp khách hàng lên tới hơn 11 triệu khách hàng. Trong thời gian cao điểm, OPES phát hành tới hơn 500.000 đơn bảo hiểm/ ngày và con số dự kiến sẽ tiếp tục gia tăng trong năm 2024.

Mô hình kinh doanh đa dạng

Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, OPES đã mở rộng dải sản phẩm bảo hiểm, bao gồm: bảo hiểm Nhà An Gia O.HOUSE, bảo hiểm rơi vỡ màn hình, bảo hiểm thiết bị di động và nhiều sản phẩm khác.

Cùng với đó, OPES đang hợp tác cung cấp dịch vụ cho các đối tác lớn như BE, GSM... trong nỗ lực mở rộng thị phần tại Việt Nam.

Đặc biệt, trong tháng 7/2023, OPES đã bắt tay cùng hai thương hiệu có tiếng trên thị trường, Bảo hiểm Quân đội (MIC) và Bảo hiểm Petrolimex (PJICO), để giới thiệu sản phẩm bảo hiểm vật chất ô tô O-CAR dành cho Khối Khách hàng cá nhân (RB) và Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) của ngân hàng mẹ. Chương trình hợp tác trên quy mô lớn, quy tụ hơn 200 chi nhánh và phòng giao dịch, cùng 132 đơn vị kinh doanh khắp cả nước, 7.370 cán bộ nhân viên bán hàng, 460 giám định viên chuyên nghiệp, và 2.639 gara liên kết tham gia.

2024 - Tăng tốc trên nền tảng công nghệ số vượt trội

Mục tiêu tăng trưởng

100,3%

doanh thu phí bảo hiểm gốc so với năm 2023

OPES đặt ra chỉ tiêu tăng trưởng 100,3% doanh thu phí bảo hiểm gốc so với năm 2023, lọt top 10 công ty bảo hiểm phi nhân thọ lớn nhất tại Việt Nam trong năm 2024.

Để hiện thực hóa những mục tiêu này, OPES sẽ đẩy mạnh kinh doanh, khai thác tối đa tiềm năng bảo hiểm trong hệ sinh thái, tối ưu chi phí vận hành kinh doanh và làm tròn bẫy thương hiệu.

Bên cạnh đó, OPES cũng sẽ không ngừng hoàn thiện nền tảng D2C và triển khai các hoạt động digital marketing nhằm nâng cao thương hiệu bảo hiểm số. Doanh nghiệp sẽ tiến tới số hóa toàn bộ hành trình của khách hàng, trở thành công ty bảo hiểm số tiên phong và sáng tạo nhất tại Việt Nam trong những năm tới đây.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (VPBankS)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8/4/2009 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất ngày 14/8/2023
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng 21 và 25, Tòa nhà VPBank Tower, 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Loại hình kinh doanh	Hoạt động chứng khoán
Vốn điều lệ	15.000.000.000.000 đồng
% sở hữu bởi VPBank	99,95%



2023 - Vững nền tảng

Thừa hưởng sức mạnh và triết lý kinh doanh “Lấy khách hàng làm trọng tâm” từ ngân hàng mẹ, VPBankS tập trung xây dựng nền tảng sản phẩm dịch vụ chuyên biệt, “đo ni đóng giày” với từng khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trong năm 2023, hướng tới mục tiêu trở thành One-stop Shop - Điểm đến duy nhất của mọi nhà đầu tư tới năm 2026.

Hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ, theo đó, dần được hoàn thiện và đa dạng hóa để phục vụ nhu cầu và khẩu vị phong phú, đồng thời mang tới các giá trị gia tăng trên hành trình đầu tư của khách hàng.

- Sản phẩm có rủi ro thấp: money market
- Sản phẩm trading: chứng khoán cơ sở, chứng quyền có bảo đảm, danh mục đầu tư mẫu, các chính sách vay margin đa dạng
- Sản phẩm wealth: trái phiếu, chứng chỉ quỹ
- Công cụ hỗ trợ đầu tư: hệ thống báo cáo phân tích chuyên nghiệp, hệ thống kênh livestream hàng tuần với nhiều thông tin tư vấn hữu ích.
- Nền tảng số để mang đến cho khách hàng trải nghiệm số tốt nhất, điển hình như ứng dụng NEO Invest, Web Trading NEO Invest và nền tảng hỗ trợ quản lý khách hàng NEO Advisor.
- Dịch vụ khách hàng chuyên biệt, gia tăng quyền lợi khách hàng với VPBankS Loyalty và chương trình phân hạng khách hàng hợp tác với VPBank.

Trong năm 2023, các hoạt động Văn hóa doanh nghiệp, Nhân sự, Quản trị rủi ro, Nghiệp vụ và tuân thủ cũng được Công ty chú trọng đầu tư và đẩy mạnh. Đặc biệt, hoạt động Văn hóa doanh nghiệp đã cho ra mắt Sứ mệnh, Tầm nhìn và Bộ 5 Giá trị cốt lõi mới của VPBankS (Khát vọng - Chính trực - Hiệu quả - Kỷ cương - Sáng tạo). Đi đôi với đó, triết lý “Khách hàng làm trọng tâm” đã và đang trở thành nền tảng hỗ trợ lan tỏa thương hiệu VPBankS, tạo đà cho tăng trưởng bứt phá và chất lượng trong những năm tới đây.

2023 là năm thứ 2 hoạt động dưới thương hiệu VPBankS, Công ty ghi nhận các kết quả kinh doanh vượt trội: tổng doanh thu đạt 1.936 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.255 tỷ đồng, tương ứng tăng 150% và tăng 131% so với năm 2022. Vốn chủ sở hữu của VPBankS tính tới cuối năm 2023 cán mốc 16.445 tỷ đồng. Doanh thu trong năm đến từ các mảng cốt lõi như chứng khoán cơ sở, ngân hàng đầu tư, trái phiếu, chứng quyền và phái sinh.

- **Chứng khoán cơ sở:**
 - Số lượng tài khoản lũy kế đạt gần 250.000 tài khoản mở mới, tăng hơn 4,5 lần so với cuối năm 2022.
 - Tổng NAV khách hàng bình quân đạt hơn 21.000 tỷ đồng, tăng 345% so với cuối năm 2022.
 - Dư nợ margin tăng 151% so với cuối năm 2022, đạt gần 7.200 tỷ đồng.
 - Thị phần giao dịch chứng khoán cơ sở bình quân đạt gần 1,6% vào cuối năm 2023, tăng 167% so với đầu năm.
- **IB và Đầu tư:** Hoàn thành các deal nổi bật như thương vụ đầu tư vào BE với giá trị gần 740 tỷ đồng và các thương vụ khác với tổng giá trị đầu tư hơn 4.500 tỷ đồng.
- **Trái phiếu:** Ghi nhận sự phục hồi với hơn 27.700 tỷ đồng doanh số bán ra thị trường.
- **Chứng quyền và phái sinh:** Chuẩn bị nền tảng sẵn sàng để gia nhập thị trường trong năm 2024.

Tổng doanh thu đạt

1.936 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu đạt

16.445 tỷ đồng

Số lượng TKCK tăng hơn

4,5 lần

Đầu tư vào BE với giá trị

740 tỷ đồng

Giải thưởng

Giải thưởng Ứng dụng giao dịch sáng tạo nhất - Most Innovative Trading App cho ứng dụng đầu tư NEO Invest từ International Finance Award 2023



Định hướng 2024

Trở thành

one-stop shop

của mọi nhà đầu tư tới năm 2026

Đặt mục tiêu đạt doanh thu

3.509 tỷ đồng

Đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế

1.932 tỷ đồng

Sau năm 2023 tập trung xây dựng một nền tảng vững chắc, VPBankS đặt mục tiêu năm 2024 đạt doanh thu 3.509 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1.932 tỷ đồng. Đây sẽ là năm dự kiến mở ra nhiều cơ hội phía trước cho VPBankS nắm bắt và khai phá, nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh, mạnh và bền vững tới năm 2026.

Kế thừa và phát huy triết lý “Khách hàng là trọng tâm”, VPBankS sẽ tiếp tục xây dựng và mở rộng các phân khúc khách hàng, quản lý và chăm sóc hiệu quả từng phân khúc, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm từ tiết kiệm tới đầu tư trên nền tảng số đơn giản và tiện lợi, trở thành One-stop Shop không thể thiếu của các nhà đầu tư tài chính.

Song song với đó, Công ty sẽ rà soát, tối ưu và số hóa quy trình nghiệp vụ liên tục để tạo nền tảng hoạt động vững chắc, mở đường cho tăng trưởng vượt trội trong thời gian tới.

Năm 2024 được xác định là mảnh ghép quan trọng trong hành trình **tầm nhìn 2026 của VPBankS**, thực hiện khát vọng trở thành công ty chứng khoán dẫn đầu tại thị trường Việt Nam, đồng thời đạt được những mục tiêu cụ thể trong các mảng kinh doanh như:

- Top 5 thị phần môi giới với hơn 1 triệu tài khoản và 150.000 tỷ đồng NAV.
- Top 5 công ty về cung cấp dịch vụ đầu tư.
- Top đầu về mảng phân phối các sản phẩm Wealth và Đầu tư và kinh doanh hiệu quả nguồn vốn.

FE CREDIT đang từng bước khẳng định lại vị thế của một công ty tài chính tiêu dùng có thị phần lớn nhất Việt Nam.

Công ty Tài chính TNHH
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (FE CREDIT)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi gần nhất ngày 14/2/2022
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng 2, Tòa nhà REE Tower, số 9 đường Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Loại hình kinh doanh	Hoạt động dịch vụ tài chính
Vốn điều lệ	10.928.000.000.000 đồng
% sở hữu bởi VPBank	50%



Bước chuyển đổi chiến lược

Năm 2023 đánh dấu những bước đi đầu tiên trong hành trình chuyển đổi theo mô hình tập đoàn của FE CREDIT, nhằm tối ưu mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức, phù hợp với định hướng kinh doanh trong giai đoạn mới.

Trong chặng đường chuyển đổi của năm 2023, FE CREDIT đã đạt được những thành tựu nhất định trong hoạt động bán hàng, xử lý tín dụng và vận hành, cũng như trong hoạt động củng cố hạ tầng công nghệ số phục vụ cho tăng trưởng bền vững.

Hoạt động kinh doanh bán hàng

FE CREDIT điều chỉnh mô hình bán hàng từ đa nhiệm thành chuyên trách, trong đó phân tách sản phẩm chính và phụ, với KPI và chính sách bán hàng phù hợp với định hướng nhưng vẫn có tính cạnh tranh trên thị trường, đi đôi với hàng loạt hoạt động nhằm thúc đẩy bán và tối ưu hóa quy trình bán hàng. FE CREDIT đã xuất sắc duy trì đội ngũ nhân sự bán hàng với kết quả đáng tự hào.

- Năng suất lao động ở các vị trí tăng 2 lần so với thời gian trước chuyển đổi, trong khi chi phí thưởng kinh doanh/giải ngân giảm 20% - so với TOI giảm 36% so với thời gian trước.
- Tăng trưởng vượt bậc đối với sản phẩm Banca, trong đó tỷ lệ bảo hiểm khoản vay tiến mặt trên 90% và bảo hiểm độc lập ở mức trên 70 tỷ đồng/tháng.
- Ngoài ra, chất lượng giải ngân các khoản vay mới đều có chỉ số rủi ro tốt hơn, góp phần cải thiện chất lượng danh mục mới của công ty.

Hoạt động xử lý tín dụng

Thông qua việc tái cơ cấu tổ chức, tập trung hóa quản lý và chuyên môn hóa chức năng, xây dựng môi trường làm việc để tối ưu năng lực của cán bộ nhân viên, FE CREDIT đã tinh gọn cơ cấu nhân sự xử lý tín dụng với hơn 3 nghìn nhân viên, tính tới cuối năm 2023. Ngoài ra, với những chính sách thưởng kinh doanh đổi mới, sáng tạo và linh hoạt, áp dụng nhiều sáng kiến xử lý tín dụng, tổng tiền thu trung bình của 1 nhân viên xử lý tín dụng tăng tới 30% trong quý cuối năm.

Hoạt động vận hành

Tăng năng suất
lao động phổ thông lên

30% – 40%

Để tối ưu hóa chi phí vận hành toàn Công ty thông qua hợp tác 3 bên theo mô hình tập đoàn, các hoạt động thuê ngoài được xem xét và thương thảo với mức chi trả tối ưu - giảm 10-20% so với trước, trong đó phải kể đến việc tối ưu hóa 50% chi phí thuê mặt bằng. Bên cạnh đó, FE CREDIT đã thành công trong xây dựng nền tảng quản lý vận hành Operational Hub - phase 1 để đảm bảo duy trì chất lượng dịch vụ, tăng năng suất lao động của các vị trí phổ thông lên 30-40% cho hoạt động thu - chi hộ, cũng như trong triển khai Voicebot, thúc đẩy các ứng dụng công nghệ và thay đổi chiến lược.

Hoạt động phát triển công nghệ thông tin

Năm 2023, ngân hàng mẹ VPBank đã phê duyệt triển khai Chiến lược và Lộ trình công nghệ thông tin 2023-2025, cũng như mô hình tổ chức khối theo chiến lược phát triển của tập đoàn. Hơn 10 dự án đã và đang được triển khai, cùng với hơn 600 thay đổi hệ thống đã được áp dụng. Ngoài ra, lộ trình bảo mật thông tin, đạt chứng chỉ ISO 27001, các hoạt động tuân thủ cũng được FE CREDIT ưu tiên triển khai.

Hoạt động phát triển sản phẩm

Năm 2023 cũng là năm ghi nhận nhiều thay đổi liên quan đến sản phẩm của FE CREDIT. Theo đó, dựa trên chiến lược hướng đến nguồn khách hàng chi tiêu bền vững, dòng thẻ FE CREDIT đã có rất nhiều chương trình khuyến khích chi tiêu, chương trình tích điểm và quà tặng hấp dẫn, nhằm kích cầu vay tiêu dùng.

Kết quả hoạt động

Phục vụ
15 triệu
khách hàng

Năm 2023 đánh dấu hành trình chuyển đổi hướng tới nền tài chính thông minh với mục tiêu “Make FE CREDIT great again” của FE CREDIT. Tính tới 31/12/2023, FE CREDIT đã giải ngân cho hơn 15 triệu khách hàng, trong đó có 5,9 triệu khách hàng vẫn đang tiếp tục sử dụng dịch vụ tài chính của FE CREDIT. Kết quả giải ngân tăng trưởng qua từng quý - cuối quý 2, quý 3 và 4 lần lượt đạt 4%, 13% và 17%, đi kèm với chi phí rủi ro cải thiện thông qua giải ngân vào phân khúc an toàn và thúc đẩy hoạt động xử lý tín dụng. Trong quý 4, FE CREDIT đã ghi dấu thành quả chuyển đổi với lợi nhuận dương, trở thành tham chiếu quan trọng cho nền tảng tăng trưởng trong năm 2024.

Kế hoạch 2024

Sang năm 2024, tiếp nối nền tảng thiết lập trong năm 2023, FE CREDIT sẽ tiếp tục tập trung vào các mũi nhọn:

- Đánh giá lại mô hình kinh doanh, trong đó tập trung vào nhóm khách hàng thận trọng và an toàn hơn, kiện toàn bộ máy hoạt động.
- Xây dựng chính sách quản lý riêng biệt dành cho các khoản vay cũ và mới, đưa ra các giải pháp để kiểm soát rủi ro các khoản nợ cũ và mới.
- Tăng cường hoạt động quản trị.
- Tối ưu lợi nhuận thông qua hoạt động kiểm soát rủi ro để đưa chi phí dự phòng giảm, đồng thời tiếp tục tận dụng môi trường lãi suất thấp và giá trị hợp lực của hệ sinh thái VPBank.

FE CREDIT đang trên đà phục hồi và với tình hình kinh tế vĩ mô tiến triển tích cực hơn trong năm 2024, từ đó kích cầu tiêu dùng, cánh tay tài chính tiêu dùng nổi dài của VPBank sẽ tìm lại được vị thế, quy mô thị phần và lợi nhuận hàng đầu Việt Nam

Các giải thưởng trong nước và quốc tế

“Công ty tài chính tiêu dùng chuyển đổi kỹ thuật số tốt nhất Việt Nam 2023” và “Chiến lược phát triển bền vững tốt nhất mảng tài chính tiêu dùng tại Việt Nam 2023”, do Tạp chí The Global Economics bình chọn.



4.

Định hướng phát triển

Định hướng kinh doanh

VPBank xác định 7 mục tiêu trọng tâm trong kế hoạch phát triển 5 năm lần thứ 3 (2022-2026), bao gồm:

1

Đẩy mạnh quy mô và tốc độ tăng trưởng của mạng ngân hàng bán lẻ thông qua khai thác sâu phân khúc trung lưu, cao cấp và tiếp tục tối ưu cơ hội trong các phân khúc tiềm năng.

2

Gia tăng các sáng kiến và giải pháp tài chính toàn diện, đồng thời mở rộng hệ sinh thái đối tác nhằm thúc đẩy quy mô và chiếm lĩnh thị phần trong phân khúc khách hàng SME.

3

Nắm bắt các cơ hội hợp tác phát triển các dịch vụ ngân hàng giao dịch, thanh toán và tăng cường thâm nhập vào các ngành nghề mới hoặc còn nhiều tiềm năng để giao tăng doanh thu từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp quy mô tầm trung và lớn.

4

Tăng tốc chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trên tất cả các phân khúc và sản phẩm.

5

Chủ động áp dụng các công cụ phân tích chuyên sâu tiên tiến (Advanced Analytics) nhằm tối đa hóa hiệu quả của các quyết định kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp quản trị rủi ro.

6

Tiếp tục đầu tư phát triển và mở rộng hệ sinh thái nhằm mang lại cho khách hàng những dịch vụ tài chính có giá trị cao nhất, tìm kiếm và phát triển các động lực tăng trưởng mới và cơ hội kinh doanh mới trong các mảng ngân hàng đầu tư, quản lý tài sản...

7

Củng cố và nâng cao Sức khỏe doanh nghiệp (OHI) để VPBank trở thành miền đất thu hút và giữ chân nhân tài.

The image features two hands, one on the left and one on the right, each holding a heart-shaped leaf. The left hand holds a vibrant green leaf, while the right hand holds a bright yellow leaf. The hands are positioned in the lower half of the frame, with the fingers gently gripping the stems of the leaves. The background is a soft, out-of-focus green, creating a bokeh effect with circular light spots. The overall composition is clean and symbolic, representing nature, love, and sustainability.

Theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững

Tham khảo Chương VIII Báo cáo Phát triển bền vững.

5. Các rủi ro



Nhận diện và quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu

Nhờ có khung quản lý rủi ro vững chắc, cùng với nỗ lực triển khai các chiến lược và giải pháp đa dạng, VPBank đã vượt qua năm 2023 đầy thử thách bằng cách giám sát thận trọng và toàn diện mọi khía cạnh các rủi ro trọng yếu.

Rủi ro tín dụng

Trước những biến động của thị trường trong năm 2023, VPBank đã nhanh chóng áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro thận trọng và linh hoạt điều chỉnh chính sách tín dụng với mục tiêu: (i) bám sát chỉ đạo của Chính phủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận vốn; (ii) đảm bảo sự tăng trưởng mạnh mẽ của danh mục khách hàng chiến lược với hồ sơ rủi ro chọn lọc và phân bổ hợp lý ở tất cả các phân khúc; đồng thời (iii) nâng cao chất lượng tài sản. Nhờ nỗ lực quản lý rủi ro kịp thời và sát sao, chất lượng tài sản của VPBank vẫn được duy trì ở mức an toàn trong bối cảnh năng lực thanh toán của khách hàng bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế vĩ mô. Cụ thể, tính đến ngày 31/12/2023, tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ và nợ xấu hợp nhất được kiểm soát tốt ở mức lần lượt là 2,95% và 4,48%.

Rủi ro thanh khoản

Xuyên suốt năm 2023, VPBank luôn **đảm bảo duy trì tình trạng thanh khoản ổn định với bộ đệm vững chắc** để đảm bảo khả năng chống chịu trước các cú sốc thanh khoản bất ngờ có thể xảy ra. Cụ thể, đến 31/12/2023, tỷ lệ dự trữ thanh khoản của ngân hàng đạt 13,4%, cao hơn so với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước là 10%. Bên cạnh đó, VPBank định kỳ thực hiện Bài kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản với tần suất 2 lần một năm. Trong đó, các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng đã được điều chỉnh phù hợp với môi trường kinh tế năm 2023, phản ánh tác động của (i) chiến tranh Nga - Ukraine kéo dài, (ii) lãi suất toàn cầu duy trì ở mức cao tới cuối năm 2023, (iii) tăng trưởng GDP giảm tốc do nhu cầu toàn cầu sụt giảm và (iv) những thay đổi trong chiến lược kinh doanh của ngân hàng. Qua đó, VPBank có thể ước tính chính xác hơn các tác động có thể xảy ra với tình hình thanh khoản và đưa ra phương án dự phòng thanh khoản phù hợp.

Rủi ro thị trường

Năm 2023 ghi nhận hoạt động số hóa rủi ro thị trường được đẩy mạnh tại VPBank. Nhờ ứng dụng hệ thống Kondor, ngân hàng có thể triển khai thông suốt và nhanh chóng các giao dịch khối lượng lớn với các sản phẩm quỹ, đồng thời có được sự linh hoạt tối ưu trong hỗ trợ các công cụ phái sinh, quyền chọn và giao dịch có cấu trúc phức tạp. VPBank cũng trở thành ngân hàng đầu tiên của Việt Nam triển khai quy trình xác thực dữ liệu thị trường vào hệ thống Kondor trong năm, nhằm đảm bảo tính chính xác của dữ liệu đầu vào, qua đó cho phép ngân hàng theo dõi sát sao các biến động của thị trường, đưa ra các nhận định chính xác, nắm bắt rủi ro sớm, từ đó đưa ra các khuyến nghị phòng ngừa rủi ro hiệu quả. Ngoài ra, Hệ thống Xác thực dữ liệu thị trường đã được chuyển đổi thành công lên nền tảng đám mây với khả năng vận hành hiệu quả và mang lại kết quả nhanh hơn so với nền tảng truyền thống.

Rủi ro hoạt động

Nhờ chiến lược quản lý sát sao, triển khai kịp thời các biện pháp phù hợp và áp dụng các công cụ quản lý rủi ro hoạt động, như Thu thập và phân tích số liệu tổn thất, Chỉ số rủi ro chính, Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát và Phân tích kịch bản, **số sự kiện rủi ro hoạt động được hạn chế ở mức tối thiểu và không có tác động đáng kể đến hoạt động của VPBank** trong năm 2023. Với mục tiêu cao nhất là có được năng lực phân tích nâng cao nhằm phát hiện sớm và cảnh báo sớm về rủi ro hoạt động, từ đó hỗ trợ đắc lực cho các đơn vị kinh doanh và ngăn chặn các sự cố rủi ro hoạt động trong tương lai, ngân hàng đã đặt ra lộ trình rõ ràng trong việc áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến nhất - **Phương pháp đo lường tiêu chuẩn (SMA) theo Chuẩn mực Basel 3 sửa đổi**. Trong đó, một trong những sáng kiến quan trọng là cải thiện chất lượng của tập dữ liệu tổn thất. Theo đó, (i) quy trình nhập liệu và các quy định liên quan đã được rà soát và củng cố, (ii) cơ chế và công cụ làm sạch dữ liệu được phát triển và (iii) thư viện phân loại rủi ro hoạt động ở cấp độ chi tiết hơn đã được sửa đổi để đảm bảo tính chính xác, nhất quán và đầy đủ của dữ liệu liên quan đến tổn thất và sự kiện rủi ro hoạt động. Đồng thời, việc cải thiện dữ liệu sẽ là nền tảng cho việc phân tích rủi ro hoạt động và là đầu vào quan trọng cho việc nâng cấp Hệ thống Quản lý rủi ro hoạt động, phát triển và tập trung trên nền tảng đám mây, giúp nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác quản lý rủi ro hoạt động tại VPBank.

Rủi ro Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG)

Trước những thách thức đến từ các vấn đề nóng lên toàn cầu, biến đổi khí hậu cũng như sức ép hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải ròng bằng "0", ngành ngân hàng đã phải đối mặt với những rủi ro tài chính và phi tài chính ngày càng gia tăng. VPBank đã **tiên phong xây dựng Khung quản lý rủi ro ESG toàn diện được đánh giá độc lập bởi một đơn vị tư vấn hàng đầu** là phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro ESG. Bộ khung quản lý rủi ro này bao gồm cơ cấu quản trị rủi ro vững chắc, tuyên bố chiến lược về khẩu vị rủi ro ESG rõ ràng và quy trình quản lý rủi ro hiệu quả. VPBank nhận dạng các loại rủi ro ESG thông qua danh mục rủi ro toàn diện (tổng hợp thông tin theo cách tiếp cận từ dưới lên và từ trên xuống), báo cáo trạng thái hồ sơ rủi ro môi trường - xã hội hàng quý để đảm bảo chủ động giám sát cũng như thực hiện bài kiểm tra sức chịu đựng rủi ro khí hậu hàng năm; qua đó, xây dựng chiến lược kinh doanh thích ứng với biến đổi khí hậu trong tương lai. Ngân hàng cũng chủ động kiểm soát rủi ro môi trường và xã hội thông qua việc triển khai Hệ thống Quản lý môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng (ESMS) cũng như áp dụng Khung tài chính xanh và xã hội thông qua việc tài trợ cho các dự án bền vững. Điều này thể hiện quyết tâm thực hiện nguyên tắc kinh doanh bền vững. Đáng chú ý, trong 2 năm liên tiếp, VPBank là ngân hàng duy nhất trên thị trường trong nước công bố Báo cáo thông tin tài chính liên quan đến khí hậu hàng năm. Ngân hàng tiếp tục củng cố vị thế tiên phong bằng việc từng bước xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng "0" với các mục tiêu và hành động cụ thể, rõ ràng được xác định cho từng giai đoạn, nhằm đảm bảo rằng Ngân hàng có đủ khả năng hỗ trợ và tài trợ cho quá trình chuyển đổi của nền kinh tế để đạt được mục tiêu theo định hướng của Chính phủ.



Tình hình hoạt động trong năm 2023

Tình hình hoạt động kinh doanh 44

Tình hình đầu tư, tình hình thực
hiện các dự án và công ty con 68

Tình hình tài chính 70

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn
đầu tư của chủ sở hữu 72

Báo cáo tác động liên quan đến
môi trường và xã hội 74

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Kiến tạo nền tảng, xây đắp tương lai

Năm 2023 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Hoạt động sản xuất - kinh doanh giảm sút do thiếu đơn hàng, cầu tiêu dùng chững lại trong khi các thị trường lớn như bất động sản rơi vào trầm lắng, bảo hiểm và trái phiếu giậm chân tại chỗ. Trong môi trường kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, hoạt động kinh doanh của VPBank cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực. Thấu hiểu những khó khăn trong ngắn hạn và xác định một tầm nhìn dài hạn, ngân hàng đã chủ động kiện toàn hệ thống nền tảng để tạo sức bật cho tăng trưởng trong các năm tiếp theo. Đây cũng chính là một trong những nỗ lực không ngừng nhằm khẳng định vị thế của một trong những ngân hàng hàng đầu của Việt Nam.

- VPBank đã hoàn tất thương vụ phát hành riêng lẻ 1,19 tỷ cổ phiếu (tương đương 15% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư chiến lược SMBC, nâng vốn chủ sở hữu lên gần 140 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 2 hệ thống ngân hàng. Cùng với đó, tỷ lệ CAR được nâng lên mức 17,1%, dẫn đầu toàn ngành.
- Trong năm 2023, VPBank đã hoàn thành cam kết với các cổ đông khi thực hiện chi trả cổ tức tiền mặt lần đầu tiên sau 10 năm với tỷ lệ 10%, tổng giá trị lên tới gần 8.000 tỷ đồng. Hoạt động nằm trong kế hoạch chi trả cổ tức đều đặn trong 5 năm liên tiếp của ngân hàng.
- Tiếp tục chiến lược đẩy mạnh và đa dạng hóa nguồn vốn, trong năm 2023, VPBank đã thành công ký kết thỏa thuận với Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (DFC) cho khoản vay song phương trị giá 300 triệu USD, với kỳ hạn 7 năm, trong khuôn khổ chuyển thăm chính thức của Tổng thống Mỹ Joe Biden tới Việt Nam trong tháng 9/2023. Tổng tài sản hợp nhất của ngân hàng đạt trên 817 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2023, tăng 29,6% so với đầu năm.
- Xuyên suốt cả năm 2023, VPBank tích cực kiện toàn hệ thống nền tảng cùng công tác quản trị tại ngân hàng và các công ty thành viên nhằm tối ưu hóa vận hành, đồng thời nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro. Tại thời điểm cuối năm, hệ sinh thái của VPBank đã đạt mốc phục vụ trên 30 triệu khách hàng, trong đó, số lượng khách hàng cá nhân tăng hơn 4 triệu khách hàng chỉ trong vòng 1 năm vừa qua.
- Trước thực trạng khó khăn của lĩnh vực tài chính tiêu dùng trong năm 2023, VPBank đã tiến hành tái cấu trúc toàn diện tại FE CREDIT thông qua chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng ít rủi ro hơn. Trong 6 tháng cuối năm, quá trình tái cấu trúc cho thấy nhiều dấu hiệu tích cực khi doanh số giải ngân tại công ty tài chính tiêu dùng đã tăng trưởng trở lại và dần hồi phục hiệu quả hoạt động.
- VPBank lần thứ 5 liên tiếp lọt top 20 doanh nghiệp có cổ phiếu nằm trong danh mục Chỉ số Phát triển bền vững VNSI do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM đánh giá, tiếp tục khẳng định vai trò của một trong những ngân hàng tiên phong trong các hoạt động phát triển bền vững.



Nền tảng được bồi đắp và củng cố trong năm 2023 sẽ mở đường cho VPBank tiến lên trên hành trình tăng trưởng bền vững, kiến tạo thịnh vượng của giai đoạn từ 2022 đến 2026, bên cạnh việc tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp phát triển giàu mạnh của quốc gia. Trên chặng đường này, VPBank đặt mục tiêu trở thành ngân hàng có vị trí vững chắc trong top 3 ngân hàng lớn nhất Việt Nam và quy mô thuộc top 100 ngân hàng lớn nhất châu Á, đồng thời, tiếp tục khẳng định sứ mệnh tiên phong đổi mới, nâng tầm chất lượng dịch vụ tài chính vượt trội cho khách hàng và đối tác, phát triển hiệu quả mang lại các giá trị thịnh vượng bền vững cho cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong khó khăn chung của nền kinh tế, ngành ngân hàng cũng trực tiếp đối diện với các thách thức từ môi trường vĩ mô thiếu thuận lợi, tác động tới hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, chi tiêu của đa số khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Thêm vào đó, thị trường bất động sản vẫn còn tồn tại nhiều nút

thắt chưa thể giải quyết trong ngắn hạn, cũng đã phần nào ảnh hưởng tới nhu cầu tín dụng toàn nền kinh tế. Thực tế, tín dụng toàn hệ thống tăng trưởng chậm trong 9 tháng đầu năm, và chỉ thực sự có dấu hiệu khởi sắc trở lại trong quý 4/2023. Trong bối cảnh trên, VPBank đã nỗ lực cao để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng, song song với việc kiểm soát chất lượng, hoàn thành các chương trình, kế hoạch mang tính chiến lược để ra. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, 2023 là một năm thách thức không hề nhỏ đến hiệu quả kinh doanh đạt được ở cả ngân hàng riêng lẻ và hợp nhất.

- VPBank đã hoàn thành kế hoạch tăng vốn thông qua đợt phát hành riêng lẻ 1,19 tỷ cổ phiếu cho cổ đông chiến lược SMBC, nâng tổng vốn chủ sở hữu của ngân hàng lên mức gần 140 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 2 hệ thống. Sự đồng hành của SMBC trong bối cảnh thị trường có nhiều diễn biến không thuận lợi đã thể hiện sự tin tưởng của một đối tác quốc tế lớn đối với nội lực và tiềm năng phát triển của VPBank.
- Ngân hàng đã thực hiện cam kết chi trả hơn 8.000 tỷ đồng cổ tức tiền mặt

cho cổ đông với tỷ lệ 10%, hoàn thành cam kết tại ĐHĐCĐ.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2023 đạt 817.567 tỷ đồng, tăng trưởng 29,6% so với cuối năm 2022, hoàn thành 93,2% kế hoạch.
- Dự nợ cấp tín dụng hợp nhất cuối kỳ đạt 600.524 tỷ đồng, tăng 25,2% so với đầu năm, vượt trội so với trung bình ngành, hoàn thành 94,4% kế hoạch.
- Huy động tiền gửi và giấy tờ có giá đạt 490.156 tỷ đồng, tăng 33,6%, hoàn thành 94,6% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng dưới 3%, đạt 2,95%, hoàn thành kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt khoảng 11 nghìn tỷ đồng, hoàn thành xấp xỉ 50% kế hoạch.



Khối Khách hàng Cá nhân (KHCHN)

Khối KHCHN thuận lợi vượt qua một năm khó khăn và nhiều thách thức, ghi nhận tăng trưởng quy mô vượt trội nhờ chiến lược phân khúc sắc nét, các sản phẩm may đo theo nhu cầu của khách hàng và nhiều tính năng số hóa giúp nâng cao trải nghiệm người dùng.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất - kinh doanh đình trệ, đời sống và thu nhập người dân bị ảnh hưởng, lĩnh vực ngân hàng nói chung và mảng ngân hàng bán lẻ nói riêng đối diện với thách thức mang tên “cầu tín dụng yếu”. Việc thị trường bất động sản giảm chân tại chỗ và các sự kiện khủng hoảng trong lĩnh vực bảo hiểm và trái phiếu cũng đã gây những ảnh hưởng tiêu cực tới toàn ngành.

Mặc dù trong năm 2023, NHNN đã 4 lần giảm lãi suất điều hành (từ 0,5-1,5%), từ đó kéo giảm mặt bằng lãi suất huy động vốn và cho vay, tăng khả năng tiếp cận và cung ứng vốn cho nền kinh tế, nhưng cầu tín dụng vẫn yếu.

Trong bối cảnh như vậy, để thích ứng, VPBank đã nhanh chóng triển khai các giải pháp tài chính hỗ trợ khách hàng cá nhân và linh hoạt điều chỉnh chính sách sản phẩm nhằm giảm thiểu tác động của môi trường kinh tế vĩ mô không thuận lợi, qua đó tiếp tục phát huy vai trò đầu kéo tăng trưởng của toàn hàng.

Các con số nổi bật

TOI tăng trưởng

19%

so với năm 2022

hoàn thành 103% kế hoạch

Khách hàng eKYC mang về

3,2 triệu

khách hàng mới, tăng trưởng

61%

so với năm 2022

Tổng số lượng khách hàng cá nhân đạt

11,6 triệu

tăng trưởng

44%

so với năm 2022

Huy động vốn tăng trưởng

75%

so với năm 2022

Quy mô CASA tăng trưởng

101%

so với năm 2022

Quy mô tín dụng tăng trưởng

26%

so với năm 2022

Giải ngân mới đạt

117%

kế hoạch

Số thẻ tín dụng đang lưu hành đạt

1,5 triệu thẻ

tăng trưởng

20%

so với năm 2022

Chi tiêu thẻ tín dụng tăng trưởng

49%

Dư nợ thẻ tăng trưởng

27%

Tổng doanh số bảo hiểm nhân thọ đứng

top 3 thị trường

(tăng 3 bậc so với 2022)

tổng doanh số bán đạt 970 tỷ đồng

Doanh số bán bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng

56%

hoàn thành 101% kế hoạch

Năng suất lao động tăng trưởng

25%

so với năm 2022

Chiến lược kinh doanh theo phân khúc

603 nghìn

khách hàng ưu tiên

▲ 35% so với năm 2022

Tổng tài sản quản lý (AUM) đạt

271.000

tỷ đồng

2,3 triệu

khách hàng trung lưu

▲ 52% so với năm 2022

AUM đạt

24.600

tỷ đồng

VPBank tiếp tục đẩy mạnh chiến lược kinh doanh theo phân khúc, gặt hái nhiều kết quả ấn tượng từ các phân khúc trọng điểm là Phân khúc Affluent Banking - VPBank Diamond, Phân khúc Mass Affluent - VPBank Prime, và Phân khúc Hộ kinh doanh - CommCredit.

Phân khúc Affluent Banking

VPBank Diamond tiếp tục kiên định với hoạt động định vị giá trị, tập trung cung cấp các giải pháp tài chính cho khách hàng và gia đình, kiến tạo phong cách sống đẳng cấp, trải nghiệm khác biệt dành cho khách hàng.

- Kiến tạo vị thế cạnh tranh, chinh phục phân khúc khách hàng siêu giàu thông qua chương trình “Vị thế kim cương - Đặc quyền đẳng cấp”, với những đặc quyền nghỉ dưỡng, ẩm thực, chăm sóc sức khỏe, golf... trong và ngoài nước.
- Dịch vụ Family Banking: Chỉ sau 7 tháng, dịch vụ đã thu hút hơn 1.000 khách hàng ưu tiên mới, gần 3.300 Family ID được thành lập với tổng giá trị tài sản quản lý (AUM) đạt 22.000 tỷ đồng.
- Chương trình “Khách hàng giới thiệu khách hàng ưu tiên”: Thu hút 22.000 khách hàng mới, đóng góp 24% khách hàng New to Bank (NTB) năm 2023.
- VPBank là ngân hàng đầu tiên trên thị trường ra mắt chuỗi đặc quyền sang trọng tại nước ngoài dành riêng cho nhóm khách hàng có AUM trên 200 tỷ đồng.

Phân khúc Mass Affluent

VPBank Prime triển khai nhiều chương trình giúp tăng trưởng tập khách hàng, theo đó số lượng khách hàng lũy kế đạt mức 2,3 triệu, gấp 5 lần so với năm đầu ra mắt trên thị trường.

- Số lượng khách hàng mới tăng 482.000, với 25% hoàn toàn từ kênh trực tuyến và hướng tới tập khách hàng Gen Z giúp tăng tỷ trọng nhóm khách hàng này lên 30%. Cùng với đó, công tác khai thác danh mục hiện hữu tiếp tục được chú trọng, với 300.000 khách hàng tiềm năng lên phân khúc khách hàng ưu tiên.
- VPBank là ngân hàng tiên phong triển khai tính năng ShopQR trên VPBank NEO dành cho khách hàng kinh doanh để quản lý nguồn tiền và chia sẻ biến động số dư của chuỗi nhiều cửa hàng. Kết thúc năm 2023, sau 3,5 tháng ra mắt, đã có gần 11.500 cửa hàng sử dụng tính năng ShopQR.

Phân khúc Hộ kinh doanh (CommCredit)

CommCredit đẩy mạnh số hóa và gia tăng kết nối với các đối tác Hệ sinh thái tạo ra các giá trị gia tăng, tăng tính cạnh tranh của các sản phẩm dịch vụ, kiến tạo giá trị khác biệt cho khách hàng tiểu thương; đồng thời tối ưu chi phí để đạt hiệu suất hoạt động tốt nhất với rủi ro thấp nhất.

Nhập cuộc số hóa, CommCredit đã ra mắt thành công Combo ePay4.0 hỗ trợ đầy đủ các tiện ích thanh toán và giao dịch online, giúp giao thương mua bán online thêm phần thuận lợi, mở ra cơ hội kinh doanh khởi sắc.

Cuối năm 2023, **CommCredit đã thu hút thêm gần 70.000 khách hàng mới, hoàn thành 150% kế hoạch.**

Huy động khách hàng vượt trội

Huy động vốn ở phân khúc KHCN có tốc độ tăng trưởng nằm trong top đầu thị trường, đóng góp hơn 60% trong cơ cấu huy động toàn hàng. Cùng với tăng trưởng về quy mô, chi phí vốn được kiểm soát tốt hơn nhờ việc điều hành giá huy động có kỳ hạn hiệu quả trong khi quy mô CASA tăng lên gấp đôi trong năm 2023.

Để đạt được các kết quả tích cực này, nhiều giải pháp, sản phẩm huy động vốn đã được phát triển theo nhu cầu của từng phân khúc chiến lược bao gồm phân khúc khách hàng cao cấp, khách hàng trung lưu, khách hàng hộ kinh doanh..., qua đó tăng cường tính cạnh tranh, tối ưu lợi nhuận và gia tăng tiện ích cho khách hàng.

- Tăng trưởng CASA trở thành điểm sáng trong năm nhờ các giải pháp thanh toán phục vụ cả nhu cầu giao dịch cá nhân và nhu cầu kinh doanh của khách hàng, như tính năng quản lý doanh thu ShopQR, tiện ích POS... cùng các công cụ quản lý dòng tiền của cả cá nhân khách hàng và nhóm gia đình khách hàng.
- Sản phẩm mới **Tiết kiệm Thịnh vượng linh hoạt** dẫn đầu xu thế thị trường khi cho phép khách hàng lựa chọn linh hoạt ngày đáo hạn thay vì tròn kỳ như các sản phẩm truyền thống khác.
- VPBank cũng là ngân hàng đầu tiên và duy nhất trên thị trường hiện nay **tặng bảo hiểm trợ cấp mất việc làm cho khách hàng** là cán bộ nhân viên của các doanh nghiệp có đăng ký sử dụng dịch vụ trả lương Payroll của VPBank. Sản phẩm này cho thấy sự nỗ lực của VPBank trong việc chia sẻ với doanh nghiệp trong thực hiện trách nhiệm với người lao động, cũng như trong đồng hành với doanh nghiệp trong hành trình vươn đến thịnh vượng, giúp người lao động yên tâm công tác, doanh nghiệp ổn định nguồn lực. Sau 2 tháng ra mắt sản phẩm, đã có gần 2.000 khách hàng đăng ký bảo hiểm trợ cấp mất việc làm.

Cho vay ổn định

Đối với cho vay thế chấp, hoạt động giải ngân được điều tiết vào các danh mục sản phẩm có khả năng sinh lời phù hợp với khẩu vị rủi ro, cũng như định hướng tín dụng của ngân hàng trong nửa đầu năm, thông qua chính sách giá và kiểm soát khối lượng cho vay. Cùng với đó, lãi suất được điều chỉnh trong nửa cuối năm để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng ngay khi Chính phủ có thay đổi về xu hướng điều hành.

- Nhóm sản phẩm tín dụng lớn được cụ thể và chuyên biệt hóa thành các sản phẩm con để phục vụ nhu cầu đa dạng của các phân khúc khách hàng như: Cho vay bất động sản có giấy chủ quyền, Cho vay bất động sản dự án chiến lược, Cho vay ô tô cũ, Cho vay kinh doanh đầu tư tài sản cố định, Cho vay kinh doanh vốn lưu động theo món và hạn mức...
- Đẩy mạnh **các giải pháp xử lý tín dụng nhanh**, thông qua hoàn thiện **tự động hóa** một phần các nghiệp vụ định giá tài sản, mở rộng danh mục xử lý phê duyệt tín dụng nguyên tắc tự động. Trong đó, việc triển khai mới công tác **số hóa sản phẩm sản xuất - kinh doanh** đã đem lại động lực tăng trưởng tín dụng chính cho sản phẩm tín dụng thế chấp về quy mô và hiệu quả.

Đối với cho vay tín chấp và thẻ, VPBank tiếp tục điều chỉnh thận trọng chính sách sản phẩm tín chấp nhằm đảm bảo chất lượng danh mục, đánh giá các nhóm khách hàng phù hợp nhằm tối ưu cơ hội bán.

- Ra mắt sản phẩm **UPL Upper HHB** dành cho các hộ kinh doanh lớn với hạn mức cho vay lên tới 1 tỷ đồng, cùng với lịch thanh toán linh hoạt và lãi suất hấp dẫn, cạnh tranh với thị trường.
- Là ngân hàng đầu tiên trên thị trường ra mắt sản phẩm tín chấp linh hoạt **Flexipay**, cho phép khách hàng linh hoạt trong việc chia nhỏ số tiền giải ngân thành từng đợt, lãi suất linh hoạt tăng - giảm dựa trên hành vi trả nợ của khách hàng, linh hoạt trong số tiền trả góp.
- Triển khai thành công sản phẩm thanh toán và tài chính kết hợp **Mua trước trả sau (BNPL)** với đối tác Ecom chiến lược lớn nhất trên thị trường là Shopee. Toàn bộ quy trình từ đăng ký, phê duyệt đến kích hoạt để sử dụng diễn ra trong vòng dưới 2 phút, đảm bảo trải nghiệm mua sắm online liền mạch cho khách hàng.
- Ngân hàng đầu tiên hoàn thiện bộ giải pháp ví thanh toán toàn diện nhất trên thị trường; dẫn đầu xu hướng số hóa thanh toán không dùng tiền mặt với **trọn bộ giải pháp Tap & Pay** - ví thanh toán không chạm bao gồm VP Pay, Apple Pay, Samsung Pay, Google Pay và Garmin Pay cho cả 2 danh mục thẻ Mastercard và Visa.
- Ra mắt các sản phẩm mới: **Z card** dành cho nhóm khách hàng GenZ, **Shopee IDC** dành cho khách hàng chưa đủ điều kiện cấp tín dụng.
- **Cá nhân hóa thiết kế thẻ:** Step Up, Lady, Prime & World..., đưa đến nhiều sự lựa chọn hơn cho khách hàng dựa trên sở thích cá nhân.
- Ra mắt sản phẩm **thấu chi** mới cho khách hàng có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh được xác minh qua bên thứ 3.

Bancassurance

Đối với bảo hiểm nhân thọ, VPBank và đối tác AIA đã nhanh chóng triển khai Dự án Sustainable Growth (Tăng trưởng bền vững) dành cho tệp khách hàng không vay vốn (non-lending). Dự án đã nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm, hành trình trải nghiệm khách hàng phù hợp để tăng cường mức độ gắn kết của khách hàng với AIA và VPBank. Hai bên đã phối hợp ra mắt sản phẩm Vitality với concept mới lạ đi kèm thông điệp Sống khỏe cùng AIA Vitality. Với tệp khách hàng vay vốn, hai bên đã triển khai thành công gói sản phẩm 3P đầu tiên và duy nhất trên thị trường với ưu điểm vượt trội (đóng phí 1 lần bảo vệ 3 năm), giúp khách hàng yên tâm trước các bệnh hiểm nghèo khi vay vốn tại ngân hàng.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, VPBank đã phối hợp cùng OPES xây dựng và triển khai thành công sản phẩm Đồng bảo hiểm với MIC và PJICO tạo được tiếng vang lớn khi triển khai chóng và hiệu quả với tăng trưởng vượt bậc về quy mô và doanh số. Sản phẩm Medcare, trong khi đó, được may đo riêng cho kênh chi nhánh đã bước đầu ghi nhận kết quả nổi bật trong tháng đầu triển khai vào quý 4 năm ngoái, góp phần hoàn thành chỉ tiêu thu phí của phân khúc KHCN.

VPBank NEO

Trong năm 2023, VPBank NEO tiếp tục ra mắt hơn 120 sản phẩm, dịch vụ mới, nâng tổng số lượng tính năng, sản phẩm lên con số 250; đồng thời mở rộng liên kết với hơn 20 đối tác từ hệ sinh thái. Các tính năng nổi bật bao gồm CardZone, Loan On Card, ShopQR, Tap & Pay, Apple Pay, eKYC trên hệ sinh thái, mua bán trái phiếu/chứng chỉ quỹ... cho phép khách hàng dễ dàng quản lý và thực hiện các yêu cầu về giao dịch tài chính chỉ trong một ứng dụng duy nhất.

8,7 triệu
tài khoản đăng ký

402 triệu
giao dịch

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2023

Giải thưởng Mastercard



Ngân hàng dẫn đầu về doanh số giao dịch thẻ tín dụng



Ngân hàng dẫn đầu về doanh số giao dịch thẻ ghi nợ



Ngân hàng dẫn đầu về doanh số chi tiêu thẻ tại nước ngoài



Ngân hàng dẫn đầu về doanh số giao dịch thương mại điện tử



Ngân hàng tiên phong triển khai thanh toán Apple Pay cho thẻ Mastercard trên thị trường



Ngân hàng dẫn đầu doanh số giao dịch tại đơn vị thanh toán

Giải thưởng Visa



Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng ấn tượng Doanh số giao dịch thẻ 2023



Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng số lượng Thẻ kích hoạt xuyên biên giới 2023



Ngân hàng dẫn đầu về doanh số thanh toán tại đơn vị chấp nhận thẻ năm 2023



Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng doanh số thẻ đồng thương hiệu năm 2023

Giải thưởng từ đối tác Shopee



Best Product Excellence (Đối tác có sản phẩm hợp tác xuất sắc nhất)

Khối Khách hàng Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME)

“Đồng hành và tiếp sức doanh nghiệp vươn mình thịnh vượng”
chính là kim chỉ nam trong các chương trình hành động thúc đẩy kinh doanh và vận hành của VPBank.

Lựa chọn con đường “đồng hành”

Trước thực tế nền kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, sức chống chịu của nhiều doanh nghiệp đã đến mức tới hạn, khả năng hấp thụ vốn còn yếu. Trước thực tế đó, VPBank đã lựa chọn phương thức “đồng hành và tiếp sức doanh nghiệp vươn mình thịnh vượng”.

Đây chính là kim chỉ nam cho các chương trình hành động thúc đẩy kinh doanh và vận hành của ngân hàng. Theo đó, đặt khách hàng, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa làm trọng tâm, VPBank đã liên tục cải tiến và số hóa hệ thống, nhằm mang lại các giải pháp tài chính tối ưu.

VPBank đã tập trung vào 4 trụ cột lõi, bao gồm:

Tăng cường giải pháp số

VPBank ưu tiên đầu tư phát triển công nghệ và nguồn lực vào việc hoàn thiện sản phẩm, rút ngắn quy trình, tối giản giấy tờ giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí. Cụ thể, ngân hàng trực tuyến NEOBiz bổ sung nhiều tính năng vượt trội giúp doanh nghiệp quản lý dòng tiền hiệu quả như phát hành bảo lãnh online, chuyển tiền quốc tế, mua bán ngoại tệ được thỏa thuận tỉ giá, tài khoản ảo, dịch vụ chi lương doanh nghiệp toàn diện....Song song, chuỗi sản phẩm tín dụng trực tuyến như thấu chi online, tái cấp online, Auto Race App, Micro Plus Online, Grow500 online trên nền tảng SMEConnect cũng tạo được dấu ấn “Chuyển đổi số” đột phá khi hệ thống xử lý trực tuyến, trả kết quả phê duyệt nhanh chóng và giải ngân online trong vòng 2h. Chuỗi sản phẩm được kỳ vọng đạt tỉ lệ chuyển đổi trực tuyến 89% trong năm 2024, giúp cải thiện hành trình trải nghiệm và nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng.

Ngoài ra, để thích nghi với bối cảnh thị trường và sự “lên ngôi” của thương mại điện tử, giải pháp thanh toán Ecompay giúp doanh nghiệp bán hàng online mọi lúc, mọi nơi trên đa dạng nền tảng (Tiktok, Facebook, Website, Instagram...), qua đó tối ưu doanh thu trên nhiều kênh bán. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp có mô hình kinh doanh bán lẻ, các sản phẩm thanh toán POS, Tap To Phone, QR code đã và đang hỗ trợ quản lý giao dịch chặt chẽ bằng các công cụ báo cáo đối soát chuyên nghiệp, qua đó tối ưu hóa chi phí vận hành, nhân lực, mặt bằng, kho bãi... Các doanh nghiệp theo đó có thể quản trị rủi ro theo khẩu vị riêng, xử lý được nhiều đơn hàng cùng lúc, kịp thời, chính xác, nâng cao hiệu suất kinh doanh.

Thúc đẩy hợp tác, khai thác nguồn vốn lãi suất thấp

Năm 2023, ngân hàng đã tăng cường hợp tác với các tổ chức tín dụng uy tín quốc tế như ADB, Care Inigte và IFC để nâng cao khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp với lãi suất ưu đãi. VPBank đã điều chỉnh giảm lãi suất với mức giảm lên tới 2%/năm, mức lãi suất cho vay ngắn hạn dao động trong khoảng 5,5 - 8,0% tùy vào lịch sử tín dụng và đối tượng khách hàng cụ thể, nhằm hỗ trợ tối đa khách hàng vay vốn phục vụ nhu cầu đầu tư, sản xuất - kinh doanh, qua đó góp phần phục hồi nền kinh tế.

Đóng gói giải pháp

Trong nỗ lực đồng hành với doanh nghiệp SME, ngân hàng chủ động thiết kế, đóng gói giải pháp theo tình hình và đặc thù doanh nghiệp. Có thể kể tới các gói giải pháp quản lý dòng tiền và thanh toán thương mại như VPBasic, VPSmartPay, VPDelux, VPSMEVIP... Theo đó, khách hàng được miễn phí hoàn toàn khi giao dịch qua NEOBiz và nhận được nhiều ưu đãi phí dịch vụ khác, như tài khoản số đẹp, tài khoản trả lương, thanh toán quốc tế...

Hệ sinh thái toàn diện

VPBank tiếp tục mở rộng kết nối với các đối tác lớn cung cấp các giải pháp tài chính đa chiều, triển khai các chương trình tiếp sức doanh nghiệp toàn diện miễn phí. Chẳng hạn, hỗ trợ khách hàng sử dụng hóa đơn điện tử, phần mềm CRM, phần mềm chấm công và khóa học đào tạo CEO và kiến thức thương mại điện tử.

Các con số nổi bật

Quy mô tín dụng đạt

53.024
tỷ đồng

tăng **7,3%** so với năm 2022

Quy mô huy động đạt

29.643
tỷ đồng

tăng **44%** so với năm 2022, trong đó huy động có kỳ hạn đạt 21.300 tỷ, tăng **50%** so với năm trước

Số lượng khách hàng
active đạt

76.164
khách hàng

tăng gần **33%** so với năm 2022

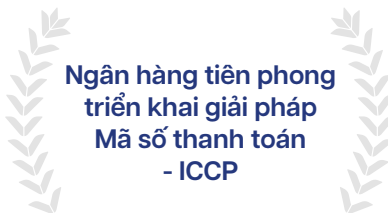
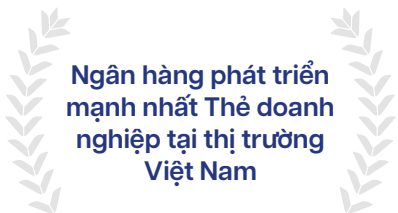
Số lượng thẻ mở mới đạt

14.000
thẻ

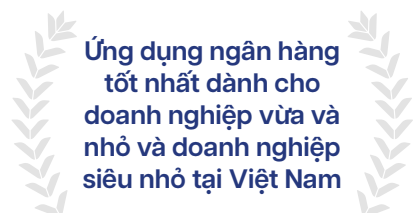
trong năm 2023

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2023

Giải thưởng Mastercard



Giải thưởng từ Tạp chí
Global Banking & Finance Review



Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và đầu tư, Khối Khách hàng Doanh nghiệp (CIB + CMB)

Thấu hiểu và đồng hành

Năm 2023, thấu hiểu thế khó của thị trường và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, hai khối CMB và CIB của VPBank đã luôn nỗ lực để có thể sát cánh cùng khách hàng doanh nghiệp lớn.

Thấu hiểu thế khó thị trường và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, có độ mở cao và nhạy cảm với các biến động của nền kinh tế, VPBank đã luôn nỗ lực sát cánh cùng khách hàng doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn kịp thời, trong khi vẫn bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh.

Trong năm 2023, ở phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn của VPBank đã tập trung bám sát, đồng hành với doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường gặp khó khăn chung về dòng tiền. Tất cả đã cùng ngồi lại để tìm ra các giải pháp xử lý, cấu trúc và thu hồi nợ quá hạn.

Hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát nợ xấu và các khoản nợ tiềm ẩn rủi ro, cùng công tác thẩm định, quản trị rủi ro và kiểm soát sau cho vay vì vậy là trọng tâm của các chương trình hành động của ngân hàng trong năm 2023.

Tỷ lệ nợ xấu của các khách hàng doanh nghiệp lớn, theo đó, đã được kiểm soát ở dưới ngưỡng kế hoạch đặt ra. Cùng với đó, danh mục cho vay được quản lý rủi ro sát sao, nhờ sự thận trọng, bề dày kinh nghiệm, kiến thức và độ nhạy thị trường của đội ngũ cán bộ nhân viên ngân hàng.

Bám sát và thấu hiểu khách hàng cũng đồng thời là cơ sở quan trọng để VPBank tiếp tục triển khai bước tiếp theo, đó là cung cấp các sản phẩm, giải pháp dịch vụ “may đo”, phù hợp nhất đối với từng nhóm và chân dung khách hàng doanh nghiệp.

Đi cùng với nghiệp vụ tư vấn chuyên nghiệp của cán bộ nhân viên, việc áp dụng các giải pháp, sản phẩm phù hợp, vận dụng sáng tạo và linh hoạt, thời gian triển khai nhanh đã đem lại lợi ích thực tế cho khách hàng, bao gồm cả câu chuyện dòng tiền và sự hài lòng khi trải nghiệm dịch vụ tốt.

Một yếu tố quan trọng khác giúp VPBank tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn trong năm qua, đó là tận dụng lợi thế từ hệ sinh thái đa tầng của ngân hàng và hệ sinh thái rộng mở của chính khách hàng. Ngân hàng, theo đó, đã thành công khai thác các doanh nghiệp trong hệ sinh thái của khách hàng, bao gồm khách hàng đầu ra - đầu vào, các công ty con, công ty liên kết, nhóm công ty liên quan đến khách hàng hiện hữu.

Khối Thị trường tài chính và Ngân hàng giao dịch (FMTB)

Khối Thị trường tài chính và Ngân hàng giao dịch (FMTB) đã chính thức được thành lập vào năm 2023. Đây là bước đi quan trọng để VPBank có thể kiện toàn hệ thống, khai thác sức mạnh tổng hòa.

Kiến toàn hệ thống, khai thác sức mạnh tổng hòa

Trên cơ sở kết hợp hoạt động định chế tài chính, ngân hàng giao dịch và thị trường tài chính, năm 2023, VPBank chính thức ra mắt Khối Thị trường tài chính và Ngân hàng giao dịch (FMTB). Động thái này giúp Ngân hàng kiện toàn cơ cấu tổ chức và khai thác sức mạnh tổng hòa của các mảng kinh doanh sản phẩm ngân hàng giao dịch, trong nỗ lực mang tới các gói giải pháp thống nhất và toàn diện cho các nhu cầu giao dịch và tài trợ vốn lưu động phục vụ sản xuất - kinh doanh cho doanh nghiệp.

Khai thác nguồn vốn bền vững

Với tầm nhìn phát triển bền vững trong giai đoạn 2022-2026 của VPBank, Khối FMTB mang sứ mệnh tìm kiếm và huy động nguồn vốn trung - dài hạn, để tạo động lực tăng trưởng và hỗ trợ các hoạt động phát triển bền vững của ngân hàng.

Khối FMTB ghi dấu ấn đặc biệt trong năm 2023 khi thành công huy động về cho VPBank nhiều nguồn tài chính bền vững từ quốc tế. Theo đó, Ngân hàng hoàn tất toàn bộ giao dịch vay hợp vốn trị giá 300 triệu USD từ IFC và các định chế tài chính phát triển (DFI) của châu u, bao gồm DEG, FMO, CDP, Swedfund và Norfund.

Đặc biệt, Ngân hàng đã thành công trong ký cam kết với Tập đoàn Tài chính phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (DFC) đối với khoản vay song phương trị giá 300 triệu USD, kỳ hạn 7 năm. Đây là khoản vay có giá trị lớn nhất từ trước tới nay mà DFC dành cho khu vực tư nhân Việt Nam, nhằm hỗ trợ nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của các SME, đặc biệt là các doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ/lãnh đạo và hỗ trợ các dự án xanh và bền vững.

Bên cạnh đó, khối FMTB còn đóng vai trò tham vấn chiến lược về Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) cho các khối và đơn vị khác của VPBank, hướng tới mục tiêu nhất quán về phát triển bền vững trên toàn hàng.

Khai thác nguồn vốn bền vững

Tiếp nối các thành tựu đã đạt được trong năm 2023, trong thời gian tới, VPBank sẽ tiếp tục đẩy mạnh huy động nguồn vốn tài chính bền vững từ các DFI theo Chiến lược ESG của ngân hàng.

Dòng vốn này sẽ được dẫn lối tập trung vào tài chính xanh, tài chính xã hội, góp phần cụ thể hóa cam kết cắt giảm khí nhà kính của Chính phủ Việt Nam, đóng góp vào việc cải thiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp quốc.

Song song đó, VPBank sẽ tiếp tục mở rộng triển khai các cấu trúc tài chính chuyên biệt như tín dụng xuất khẩu, tài trợ dự án, tài trợ thương mại để đa dạng hóa các nguồn hỗ trợ vốn cho các khách hàng doanh nghiệp.



Năm thứ 5 liên tiếp trong danh sách VNSI - 20 công ty có Chỉ số Phát triển Bền vững cao nhất thị trường chứng khoán của HOSE



Top 10 Doanh nghiệp trong danh sách VNSI - 20 công ty có Chỉ số Phát triển Bền vững cao nhất thị trường chứng khoán

Nhà tạo lập thị trường tích cực

Trong nhiều năm qua, VPBank luôn duy trì vai trò nhà tạo lập thị trường tích cực trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp đối với hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ. Ngân hàng hiện là một trong 12 nhà tạo lập thị trường cho năm 2024. Bên cạnh đó, VPBank đồng thời là thành viên tích cực của Hiệp hội Thị trường trái phiếu (VBMA), đóng vai trò quan trọng trong hoạt động xây dựng đường cong lợi suất chuẩn cho thị trường.

Giai đoạn 2022-2026, VPBank vẫn sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh tạo lợi nhuận bền vững cho ngân hàng, giữ vững vị thế nhà tạo lập thị trường và đóng góp nghĩa vụ đầu thầu với Kho bạc Nhà nước, nhằm tăng cường hình ảnh của VPBank trên thị trường.

Ngân hàng giao dịch mạnh mẽ

Trung tâm Ngân hàng giao dịch trực thuộc FMTB được thành lập trong năm qua với cam kết thúc đẩy mạnh mẽ mảng sản phẩm ngân hàng giao dịch với 5 mũi nhọn:

- **Kinh doanh ngoại hối:** VPBank nắm bắt nhanh chóng và linh hoạt tình hình thị trường, tích cực cung cấp các giải pháp phái sinh kỳ hạn, hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo, nhằm giúp khách hàng cố định tỷ giá kỳ hạn thấp hơn tỷ giá giao ngay, chuyển các khoản vay ngoại tệ có lãi suất cao sang VND thấp hơn, tiết kiệm chi phí tài chính và phòng vệ rủi ro biến động tỷ giá, lãi suất cho khách hàng. Hệ thống quản lý giao dịch Kondor và FX Online hoàn thiện trong năm 2023 giúp VPBank tối ưu hiệu quả hoạt động kinh doanh ngoại hối.
- **Giải pháp thanh toán:** Tiếp tục triển khai mạnh mẽ các giải pháp kết nối hệ thống, quản lý thanh khoản, đối soát phải thu, phải trả tự động và các giải pháp thu chi hộ.
- **Tài trợ thương mại và chuỗi cung ứng:** VPBank tập trung nâng cấp và đầu tư hệ thống tiện ích, đẩy mạnh số hóa, tài trợ thương mại, tài trợ vốn lưu động cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu..., qua đó giúp tiết kiệm thời gian và chi phí, tăng hiệu quả hoạt động.
- **Dịch vụ lưu ký chứng khoán và ngân hàng giám sát "VSS":** Trong năm 2023, VPBank kiện toàn mảng dịch vụ lưu ký chứng khoán và ngân hàng giám sát, hoàn thành triển khai hệ thống dịch vụ quỹ và ngân hàng giám sát. Dù mới gia nhập thị trường, ngân hàng bước đầu xác lập vị thế với tổng tài sản quản lý tính đến thời điểm 31/12/2023 là hơn 25.000 tỷ đồng.
- **Năng lực số hóa mạnh mẽ:** VPBank đã hoàn thiện các tính năng cho hệ thống mở tài khoản online, eKYC, tài trợ chuỗi cung ứng và hệ thống giao dịch ngoại hối. Phiên bản nâng cấp của NEOBiz là NEOBiz plus ra mắt với nhiều tính năng vượt trội, đặc biệt là khả năng cá nhân hóa theo nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp.

Tổng giá trị giao dịch phái sinh tăng trưởng

208%

so với năm 2022

Khối lượng giao dịch thực hiện qua kênh kết nối hệ thống tăng

244%

Giá trị giao dịch tăng **126%** so với năm 2022

Các khoản tài trợ chuỗi cung ứng được giải ngân online

100%

Tổng số lượng đại lý mở mới tăng **24%** so với năm 2022

Giải ngân cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu tăng

34%

số lượng khách hàng mở mới tăng **26%** so với năm 2022

Số lượng người dùng & số lượng giao dịch lũy kế trên NEOBiz tăng

41% và 36%

so với năm 2022

Trung tâm Phát triển Đầu tư nước ngoài (FDIC)

Việt Nam đang trở thành tâm điểm chú ý của dòng đầu tư toàn cầu. Để nắm bắt cơ hội từ dòng vốn ngoại, VPBank đã thành lập Trung tâm Phát triển Đầu tư nước ngoài - FDIC. Đây chính là mắt xích thứ 5 quan trọng của ngân hàng.

FDIC - Mắt xích thứ 5

FDIC bắt đầu được thành lập và hoạt động từ tháng 4/2023, sau khi VPBank ký kết thỏa thuận bán 15% vốn cho Tập đoàn Ngân hàng Sumitomo Mitsui (SMBC) của Nhật Bản. Vào thời điểm đó, ngân hàng xác định bên cạnh hai mảng chiến lược truyền thống là khách hàng cá nhân và SME, trọng tâm mới trong năm 2023 sẽ là nhóm khách hàng doanh nghiệp lớn, cùng nhóm khách hàng doanh nghiệp FDI.

Đây là nhóm khách hàng đầy niềm năng, có triển vọng tăng trưởng cao, khi mà Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầy tiềm năng của nhiều tập đoàn và nhà đầu tư lớn trên toàn cầu. Dòng FDI vào Việt Nam đã không ngừng gia tăng trong những năm qua và được dự báo sẽ còn tăng mạnh trong thời gian tới, khi xu hướng dịch chuyển đầu tư được đẩy mạnh hơn.

Thành lập FDIC chính là cách để VPBank có thể đón bắt cơ hội, không chỉ từ các doanh nghiệp FDI hiện hữu, mà còn từ các nhà đầu tư trong tương lai. Hơn nữa, quan hệ hợp tác với SMBC không chỉ giúp VPBank có cơ hội tiếp cận tệp khách hàng rộng lớn của đối tác Nhật Bản, mà còn được hỗ trợ các công nghệ tài chính tiên tiến, cũng như kiến thức chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và tinh tế của khách hàng, trong đó có khách hàng FDI.

Chiến lược và thành tựu

Để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, FDIC xây dựng hai chiến lược chính là tăng cường hợp tác với SMBC và phát triển hệ sinh thái.

Chiến lược thứ nhất vô cùng hợp lý khi nhìn dưới hai góc độ tăng trưởng nhanh danh mục khách hàng và tăng trưởng về chất lượng dịch vụ và các sản phẩm gia tăng giá trị. SMBC đã có sẵn nguồn khách hàng FDI dồi dào ở trong và ngoài nước, VPBank có thể tận dụng lợi thế này để mở rộng danh mục FDI một cách hiệu quả. Sự hợp tác này thực tế mang lại lợi ích cho cả hai bên, bởi nhiều khách hàng của SMBC cũng yêu cầu các dịch vụ do ngân hàng nội cung cấp. Nhờ vậy, cả SMBC và VPBank đều có thể mang lại sự hài lòng cao hơn cho khách hàng.

Chiến lược hợp tác này đã giúp VPBank thu hút hơn 250 khách hàng doanh nghiệp FDI, tính tới cuối năm 2023.

Trong khi đó, chiến lược thứ hai trở thành yếu tố then chốt để VPBank cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trị thiết thực cho khách hàng FDI. VPBank có nhiều lợi thế trong cung cấp dịch vụ ngân hàng, như có mạng lưới khách hàng hùng hậu trong nhiều phân khúc

chiến lược, bao gồm bán lẻ và SME, cùng một hệ sinh thái các công ty con và các công ty đối tác trải dài từ ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm tới công nghệ. Đây là yếu tố giúp kiến tạo thêm sức mạnh trong các hoạt động hợp tác xúc tiến kinh doanh với SMBC, bởi có thể giúp thu hút thêm nhiều khách hàng FDI và mang tới các dịch vụ trọn gói cho những khách hàng này.

Một trong những sản phẩm ngân hàng tiêu biểu mang đặc tính của hệ sinh thái VPBank là sản phẩm Tài trợ chuỗi cung ứng, cung cấp tài chính cho cả nhà cung cấp và nhà phân phối trong chuỗi cung ứng. Trong năm 2023, VPBank triển khai thành công chương trình tài trợ cho 3 nhà phân phối mới với các khách hàng quốc tế chủ chốt (Anchor customers), trong đó hỗ trợ vốn lưu động cho các nhà phân phối nội địa để mua hàng hóa từ các Anchor với mức lãi suất hợp lý. Chương trình được xây dựng với sự tham gia của các Anchor nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ đại lý, kích cầu bán hàng và giảm thiểu rủi ro. Chương trình có sự phối hợp của nhiều khối như FMTB, SME và FDIC, nhằm cung cấp các sản phẩm chuyên biệt theo nhu cầu thực tế của khách hàng.

Khối Vận hành (OPS)

Củng cố nền tảng, gia tăng thịnh vượng

Năm qua, VPBank đã tạo ra những thay đổi mang tính nền tảng khi VPBank từng bước kiến tạo chuỗi giá trị vận hành theo định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, nhằm mục tiêu gia tăng thịnh vượng, nâng tầm sự hài lòng của khách hàng.

Tối ưu hóa vận hành

Xử lý

20,3 triệu

giao dịch phức tạp/năm

▲ 35% so với năm 2022

Năng suất lao động tăng

28%

năng lực xử lý của
Khối Vận hành tăng

131%

so với năm 2022

Phát hiện, cảnh báo
và khắc phục gần

9.200 giao dịch

nhận diện sớm hơn

270 vấn đề mang
tính hệ thống

và ngăn chặn hơn **13 triệu phản
nàn tiềm ẩn** từ phía khách hàng

Đảm bảo chất lượng trải nghiệm
cho gần

12 triệu

khách hàng

mức độ Hài lòng Khách hàng
(CSAT) đạt mức **4,8/5**

Với mục tiêu đi tiên phong trong việc triển khai các giải pháp end-to-end (quy trình đầu cuối) cho mỗi phân khúc khách hàng, VPBank đã thực hiện tập trung hóa mô hình dịch vụ, dịch chuyển các hoạt động non-sale hỗ trợ kinh doanh về OPS, đồng thời xây dựng Mô hình Dịch vụ Doanh nghiệp (Corporate Service Model) cho phân khúc SME, cùng với mô hình Housing Team, Auto Team phục vụ chuyên biệt cho sản phẩm trọng tâm của mảng bán lẻ.

Sự dịch chuyển này đã giúp kiến tạo những trải nghiệm khác biệt cho khách hàng, gia tăng tính cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ VPBank trên thị trường.



Đẩy mạnh số hóa /tự động hóa

Triển khai

315 sáng kiến

giúp tiết giảm

102

FTE (nhân sự) và **59 tỷ đồng** chi phí/năm.

Quá trình số hóa/tự động hóa quy trình nghiệp vụ diễn ra xuyên suốt trong năm đã góp phần tối ưu hóa và nâng cao hiệu quả vận hành chung toàn ngân hàng. Ngân hàng đã triển khai **315 sáng kiến**, giúp tiết giảm **102 FTE** (nhân sự) và **59 tỷ đồng chi phí/năm**.

Một số thành tựu đạt được:

- Dự án ECM (hệ thống quản lý doanh nghiệp) đã tạo bước đột phá trong việc số hóa quy trình phê duyệt - thẩm định và giải ngân online dành cho phân khúc SME, với số lượng giao dịch giải ngân bình quân **74.355 giao dịch/năm**.
- Tỷ lệ giải ngân tự động đạt **mức 90%** trong mảng tín chấp của Khối Khách hàng Cá nhân.
- Hoạt động RPA (Robotic Process Automation) với 67 quy trình mới được triển khai năm 2023 đã nâng tổng khối lượng giao dịch xử lý bởi Robot lên **5,5 triệu giao dịch/năm**. Tối ưu được ~300 giờ làm việc với thời gian làm việc 20 giờ/ngày.
- Chiến dịch mở mới máy POS đạt con số **9.510** máy, **tăng 256,5%** so với năm 2022.
- Tiên phong với phương pháp luận Risk-based Approach (Tiếp cận dựa trên rủi ro) và kiến trúc theo mô hình Cloud AWS, dự án quy hoạch quản trị văn bản được OPS phụ trách triển khai đã giúp tinh gọn hệ thống văn bản, gia tăng tính bảo mật dữ liệu cho toàn hệ thống, góp phần quan trọng vào việc kiểm soát rủi ro thông tin hệ thống.

Nâng cao trải nghiệm khách hàng

Với sứ mệnh **kiến tạo thịnh vượng cho khách hàng**, trong năm 2023, VPBank đã dịch chuyển định hướng mô hình dịch vụ từ “processing” sang “servicing”, nhằm mang tới các giá trị vượt trội trong hành trình trải nghiệm của khách hàng.

- Khách hàng được lắng nghe và góp ý trên tất cả các điểm chạm thông qua ứng dụng công nghệ AI, Machine Learning. OPS có thể thu thập, phân tích tự động hơn 20.000 ý kiến của khách hàng hàng ngày, trong đó nhiều ý kiến của khách hàng đã được lắng nghe và đưa vào ứng dụng trong thực tế, như tính năng gợi nhớ mật khẩu, tính năng tra cứu trạng thái phát hành thẻ trên app VPBank NEO.
- Khách hàng được trải nghiệm dịch vụ nhanh chóng, chất lượng cao, thông qua các mô hình phục vụ chuyên biệt thiết kế riêng cho từng sản phẩm. Ví dụ khách hàng có nhu cầu vay mua nhà hoặc mua ô tô được phục vụ bởi một bộ phận riêng trong suốt hành trình vay, được trải nghiệm không gian giao dịch thiết kế mới, hiện đại, chuyên nghiệp, thời gian giải ngân nhanh **trong vòng 30 phút**.
- Trải nghiệm dịch vụ hỗ trợ và chăm sóc khách hàng 24/7 chuyên sâu, hiện đại, cá nhân hóa theo từng phân khúc khách hàng. Đặc biệt, các khách hàng là doanh nghiệp được chăm sóc qua kênh tổng đài chuyên biệt của Khối OPS với đầu số riêng **1900.234.568**, với các tổng đài viên am hiểu chuyên môn, ứng dụng công nghệ nhận diện giọng nói, callbot, chatbot, có thể phục vụ khách hàng mọi lúc mọi nơi trên tất cả các nền tảng tương tác, thời gian gặp tổng đài viên chỉ trong vòng **vài giây**.
- Trải nghiệm các tiện ích số hóa mới được VPBank thiết kế riêng và duy nhất trên thị trường, như: chuyển tiền du học online, giải ngân cho các doanh nghiệp SME online, phát hành chứng thư bảo lãnh L/C, bảo lãnh online, cấp giấy đi đường online cho các khách hàng có khoản vay ô tô...

Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu (EDA)



Khi dữ liệu là chìa khóa vạn năng

Xác định dữ liệu là chìa khóa vạn năng giúp nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số, VPBank đã quyết định thành lập Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu (EDA) vào tháng 6 năm 2023.

Chìa khóa của sự thấu hiểu

Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu (EDA) được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Phân tích kinh doanh (BIC) với các bộ phận quản trị hệ thống Kho dữ liệu tập trung (Data Warehouse - DWH), hệ thống báo cáo tuân thủ và kiến trúc dữ liệu thuộc Khối Công nghệ thông tin cùng với việc xây dựng mới Trung tâm Khoa học dữ liệu (AIC), Trung tâm Dữ liệu hệ sinh thái (EC) và Phòng Chiến lược & sáng kiến dữ liệu (DSI).

Thay đổi lớn này giúp nâng cao hiệu suất kinh doanh, hiệu quả quản trị của ngân hàng, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi việc khai thác và sử dụng dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây. Điều này sẽ góp phần đưa VPBank trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu về quản trị và ứng dụng phân tích dữ liệu, nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số.

Khi chiến lược dữ liệu trưởng thành toàn diện, vươn tầm tới “Data everywhere - Data everything - Data everytime” (Dữ liệu mọi nơi - Dữ liệu mọi thứ - Dữ liệu mọi lúc), việc thấu hiểu và đổi mới hành trình tương tác và trải nghiệm của khách hàng sẽ trở nên liền mạch và tối ưu trên toàn ngân hàng, và rộng hơn nữa là toàn bộ hệ sinh thái VPBank.

EDA đã thành công trong việc đặt nền móng cho các mảng chức năng trọng yếu, bao gồm

Quản trị dữ liệu

Tăng cường khung quy định, chính sách quản trị dữ liệu và kiện toàn từ điển dữ liệu cho các tầng cơ sở dữ liệu. Bước đầu xây dựng khung quản trị các mô hình phân tích, dự báo, cũng như xây dựng cơ chế quản trị dữ liệu trên quy mô tập đoàn.

Cơ sở hạ tầng dữ liệu

Thành công trong thống nhất kiến trúc dữ liệu toàn hàng và đảm bảo tính nhất quán trong quá trình phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu. SLA hệ thống DWH được cải thiện đáng kể về mức độ sẵn sàng của dữ liệu, đạt mức trung bình 95% vào tháng 12/2023. Dự án Nền tảng dữ liệu và phân tích thể hệ mới "on Cloud" đã hoàn thành nghiên cứu khả thi và đề xuất khởi tạo dự án đã được ban lãnh đạo chính thức phê duyệt triển khai.

Ứng dụng sản phẩm BI

BIC tiếp tục thúc đẩy năng lực phân tích theo chiến lược tăng cường phân tích chẩn đoán. Các nền tảng hiện đại mới như Power BI, Superset đã được ứng dụng rộng rãi để phát triển hàng loạt báo cáo phức tạp cho các đơn vị trên toàn hàng.

Ứng dụng sản phẩm AIML

Trung tâm Khoa học dữ liệu (AIC) liên tục nghiên cứu và phát triển các mô hình phân tích, dự báo và đề xuất tối ưu, mang lại tác động tích cực cho kết quả kinh doanh và vận hành. 28 mô hình đã được phát triển và ứng dụng trên toàn hàng trong năm 2023.

Chiến lược Dữ liệu hệ sinh thái

Đã bước đầu hoàn thành xây dựng khung quản trị, kế hoạch khởi tạo để chuẩn bị cho sự kiện kick off chính thức vào quý 1/2024



Khối Công nghệ thông tin (IT)



Chuyển đổi số và hành trình “đổi bộ lên mây”

Đưa một loạt ứng dụng lên điện toán đám mây (Cloud), nhằm tối ưu chi phí vận hành, cải thiện chất lượng dịch vụ và nâng cao trải nghiệm của khách hàng là một bước đi quan trọng VPBank đã thực hiện trong năm qua.

Đổi bộ lên mây

Chuyển đổi số và phát triển ngân hàng số là định hướng chiến lược xuyên suốt của VPBank từ nhiều năm nay. Năm 2023 đánh dấu sự kiện ngân hàng “đổi bộ” lên Cloud - bước tiến tiếp theo trong hành trình chuyển đổi số, nhằm hướng tới mục tiêu tối ưu chi phí vận hành, cải thiện chất lượng dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng của ngân hàng.

Dự án Public Cloud - khởi động qua hợp tác chiến lược giữa VPBank và Amazon Web Services (AWS) từ đầu năm 2023 - đã mang tới cho ngân hàng những thay đổi mang tính nền tảng, giúp tăng cường năng lực công nghệ, cải thiện quy trình và chi phí vận hành, đồng thời củng cố nguồn lực con người trong tổ chức.

8 ứng dụng ngân hàng

Được đưa lên Cloud

8 ứng dụng của ngân hàng, theo đó, đã được đưa lên Cloud, bao gồm CBMS, FXFO, SmartOTP, AML, BICC 2 user case, EKS Container Platform, và Phoenix. Bên cạnh đó, kiến trúc chuẩn hoá giúp tổ chức và quản lý môi trường đám mây của doanh nghiệp Landing Zone đã được triển khai thành công, giúp tích hợp các dự án cho vay tức thì (Instant Lending), định danh điện tử (eKYC), callbot... lên môi trường Cloud, từ đó cải thiện chất lượng dịch vụ với thời gian đáp ứng nhanh, ít lỗi, và minh bạch.

Tiết giảm

3,5 tỷ đồng

Chi phí thuê tài nguyên Cloud

Trong khi đó, mô hình hoạt động Trung tâm Đám mây xuất sắc (CCoE) hỗ trợ vận hành trên đám mây cũng được áp dụng vào thực tế, với các công cụ, cơ chế và quy trình kiểm soát chi phí của các ứng dụng đưa lên Cloud. Nhờ CCoE, chi phí thuê tài nguyên Cloud được tiết giảm khoảng 3,5 tỷ đồng. Điểm số tối ưu chi phí (CO - cost optimisation) của VPBank đạt 46,6% - cao hơn trung bình ASEAN (40,7%) và vượt xa trung bình của Việt Nam (32,9%).

Về mặt nhân lực, thông qua chương trình Public Cloud, VPBank chủ động tăng cường nguồn lực nội bộ thực hiện các công tác chuyển đổi, thay thế cho việc sử dụng nguồn lực ngoài từ đối tác AWS, tiết kiệm 19,1 tỷ đồng chi phí nhân lực cho ngân hàng.

Cùng với đó, chương trình hạ tầng Disaster Recovery (DR - Phục hồi sau thảm họa) đưa vào triển khai từ tháng 5/2023, dự kiến hoàn thiện trong quý 1/2024, sẽ giúp chuẩn hóa kiến trúc hệ thống và mô hình hoạt động của ngân hàng, đồng thời đảm bảo khả năng mở rộng và phát triển trong tương lai. Sự kết hợp của DR và Cloud, theo đó, sẽ nâng cao khả năng sẵn sàng của các sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng, bảo đảm quyền lợi của khách hàng trong trường hợp sự cố xảy ra trong khi tuân thủ các quy định của NHNN.

Tiết kiệm

19,1 tỷ đồng

Chi phí nhân lực cho ngân hàng

SWIFT Trao thưởng

116.531,52
USD

VPBank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam triển khai thành công các **dịch vụ SWIFT mới** (SWIFT GPI, SWIFT Pre-Validation và SWIFT GO) chỉ trong 5 tháng - ít hơn 1/2 so với kế hoạch 12 tháng của SWIFT, mang tới trải nghiệm dịch vụ Thanh toán quốc tế vượt trội cho khách hàng. VPBank được SWIFT trao thưởng **116.531,52 USD** cho năng lực triển khai nhanh chóng.

Chuyển được

60% Dữ liệu lịch sử
của Core Banking T24

Vận hành thành công phân hệ **T24 Data Lifecycle Management (DLM)**, chuyển được **60% dữ liệu lịch sử** của Core Banking T24, giúp tiết kiệm chi phí hạ tầng lưu trữ.

Dự án

DIH Data Intergration
Hub

Dự án Data Intergration Hub (DIH) phát triển các năng lực mới hỗ trợ trao đổi dữ liệu theo thời gian thực và gần thời gian thực, cải thiện trải nghiệm của khách hàng, đẩy nhanh quá trình số hóa và xây dựng tổ chức dựa trên dữ liệu.

Một số sáng kiến và thành tựu nổi bật

Trong năm 2023, VPBank đã thực hiện tổng cộng 2.347 sáng kiến, tăng 21% so với năm 2022. Các sáng kiến này, ngoài mục tiêu thúc đẩy ngân hàng số, đã hỗ trợ phục vụ hoạt động kinh doanh, vận hành hiệu quả và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Giải thưởng Mastercard/VISA

Dịch vụ ApplePay

1. Mobile Tap & Pay by Cards

- VPBank là ngân hàng đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam hỗ trợ ApplePay cho cả thẻ VISA/Mastercard, hỗ trợ GarminPay và Tap&Pay qua ứng dụng ngân hàng số.
- Giành được giải thưởng của Mastercard/VISA cho dịch vụ ApplePay.

3. Collection

- Triển khai 9 sáng kiến chính liên quan đến hệ thống thu hồi nợ.
- Cải thiện mức độ khả dụng của hệ thống thu nợ lên tới 99,94%.
- Thêm ngưỡng hệ thống đáp ứng mức tăng 300% số lượng người dùng - mở rộng phạm vi bao phủ tới 3.000 đối tác để hỗ trợ công tác thu hồi nợ không phát sinh thêm chi phí.

5. Neobiz Mobile App

- Xây dựng các tính năng dịch vụ thẻ trên Neobiz Mobile App giúp đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

7. ERP hỗ trợ cho các công tác quản trị nội bộ

- Số hóa VBNS cho quy trình Assignment: Số lượng 3.000 case/năm. Tiết kiệm thời gian xử lý của doanh nghiệp 12.000 giờ/năm.
- Cải thiện quy trình thanh toán hoa hồng môi giới: Tiết kiệm thời gian làm việc của ngành: 1.100 giờ/năm. Tiết kiệm thời gian làm việc của nhân viên kinh doanh: **25.000 giờ/năm**.
- Báo cáo hợp nhất Tập đoàn VPBank: Quản lý tập trung thông tin, lưu trữ, truy xuất, tìm kiếm, khai thác báo cáo nhanh hơn, dễ dàng hơn, từ đó tăng trải nghiệm người dùng và nâng cao hiệu quả công việc.

9. Cải thiện quy trình hợp đồng khách hàng Doanh nghiệp lớn

- Quy trình cho Hợp đồng tiền gửi của Khách hàng doanh nghiệp lớn đã được cải thiện thông qua hoàn thiện luồng số hóa cho sản phẩm tiền gửi xuyên suốt khách hàng DNL-TBO, giúp tiết kiệm thời gian và giảm tỷ lệ sai sót trong quá trình xử lý, đã được số hóa, giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến sai sót con người.

2. Instant Lending

- Triển khai hệ thống phê duyệt khoản vay mới cho phê duyệt tức thì.
- Áp dụng đầu tiên với sản phẩm cho vay thẻ tín dụng, thời gian từ phê duyệt tới mở thẻ chỉ còn 1-1,5 phút.

4. RB EKYC Casa Onboarding

- Nâng cao năng lực hệ thống, phục vụ trung bình tới 28.000 khách hàng mỗi ngày.
- Mở rộng khả năng tích hợp với đối tác và các hệ sinh thái (Momo, Finviet, VPBankS) thông qua năng lực giao diện lập trình ứng dụng (API).

6. Branch Model

- Giúp Kiosk SSM (Kiosk Neo Express) tăng trưởng **80%** so với 2022.
- Dịch vụ Tablet Digital Zone tại quầy tăng trưởng **44%** so với 2022.

8. SME GrowOnline

- Luồng cấp hạn mức tín dụng/thẻ không tài sản đảm bảo từ kênh dữ liệu GrowOnline cho khách hàng SME được cải thiện để rút ngắn thời gian xử lý từ 15-20 ngày xuống chỉ còn 2-3 ngày.
- Quy trình phê duyệt nguyên tắc, phê duyệt chính thức và cấp hạn mức tự động đã được số hóa, giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến sai sót con người.



14 sáng kiến

Được triển khai thành công

Đạt chứng chỉ

PCI DSS

Vào tháng 5/2023

Đối với công tác an ninh bảo mật, ngân hàng không ghi nhận sự kiện/sự cố phát sinh ngoài ý muốn trong khi tăng cường hỗ trợ các công ty thành viên củng cố năng lực an ninh bảo mật. 14 sáng kiến được triển khai thành công, mang tới cho ngân hàng những kết quả khả quan, bao gồm:

- Triển khai thành công dự án Tường lửa cơ sở dữ liệu (Database firewall) cho các hệ thống quan trọng của ngân hàng (W4, DWH, EbankUtil), giúp bảo vệ dữ liệu quan trọng của ngân hàng, khách hàng khỏi nguy cơ bị xâm nhập trái phép, rò rỉ bất hợp pháp làm tổn thất cho khách hàng và ngân hàng.
- Hoàn thành triển khai dự án Phòng chống tấn công DDOS, giúp bảo vệ các ứng dụng, website của ngân hàng khỏi nguy cơ tấn công từ chối dịch vụ, giúp đảm bảo trải nghiệm của khách hàng với dịch vụ của VPBank không bị gián đoạn.
- VPBank đạt chứng chỉ PCI DSS vào tháng 5/2023, chứng minh năng lực của ngân hàng trong việc bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán, giúp bảo vệ dữ liệu của khách hàng, chống lại việc xâm nhập và sử dụng dữ liệu trái phép.

Khối Quản trị Rủi ro

Kinh tế Việt Nam 2023 chịu tác động kép từ các yếu tố bất lợi bên ngoài, như bất ổn kinh tế và chính trị toàn cầu, và cả các yếu tố bên trong, khi thị trường nội địa chưa kịp hồi phục hoàn toàn sau ảnh hưởng kéo dài của đại dịch Covid-19. Trước những thách thức này, VPBank đã dành nhiều nỗ lực trong công tác quản lý rủi ro để vừa ứng phó với khó khăn, vừa tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh doanh.

Bên cạnh việc triển khai một loạt sáng kiến dựa trên các thông lệ quốc tế tốt nhất nhằm nâng cao năng lực quản lý rủi ro, ngân hàng linh hoạt sửa đổi các quy định nội bộ, bổ sung thêm các quy trình quản lý rủi ro sát sao để đáp ứng các khuyến nghị từ hoạt động đánh giá độc lập thực hiện bởi các đơn vị kiểm toán nội bộ và kiểm toán bên ngoài. Mục tiêu cuối cùng là đảm bảo tính toàn diện và hiệu quả của các khung quản lý rủi ro trọng yếu, tạo nền tảng vững chắc để thúc đẩy tăng trưởng bền vững, phù hợp với chiến lược kinh doanh 5 năm của ngân hàng.

Bồi đắp nền móng vững chắc

Kết thúc năm 2023, tỷ lệ CAR riêng lẻ và hợp nhất của VPBank lần lượt đạt **15,9%** và **17,1%, nằm trong nhóm các ngân hàng có CAR cao nhất hệ thống**. Ngân hàng ghi nhận tỷ lệ CAR vượt trội nhờ trong năm đã hoàn tất thỏa thuận phát hành riêng lẻ 15% cổ phần cho cổ đông chiến lược SMBC. Nền tảng vốn vững mạnh cho phép VPBank đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong các phân khúc chiến lược như khách hàng cá nhân, SME, cũng như hướng tới mở rộng tệp khách hàng doanh nghiệp quy mô lớn, tạo nền tảng quan trọng cho sự bứt phá trong tương lai.

Củng cố khung quản lý rủi ro

Triển khai tiêu chuẩn

Basel 3

về quản lý rủi ro thanh khoản

VPBank đặt mục tiêu tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tiên tiến nhất tại Việt Nam thông qua hoạt động củng cố và cải thiện khung quản lý rủi ro liên tục.

Sau khi hoàn thành sớm cả 3 trụ cột Basel 2 so với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng tiếp tục nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với lộ trình triển khai các tiêu chuẩn Basel nâng cao (Basel 2 IRB - Phương pháp xếp hạng nội bộ và Basel 3). Sáng kiến chiến lược này được thực hiện với mục đích duy trì nền tảng vốn vững mạnh, quản lý hiệu quả các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh và đầu tư của ngân hàng, đồng thời củng cố vị thế của ngân hàng tại thị trường trong nước và quốc tế. Việc chủ động áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế đã thể hiện cam kết của VPBank trong việc hướng tới mục tiêu phát triển lành mạnh và bền vững.

VPBank đã chủ động triển khai tiêu chuẩn Basel 3 về quản lý rủi ro thanh khoản từ năm 2021 và được đánh giá độc lập bởi một trong những công ty kiểm toán độc lập hàng đầu tại Việt Nam. Tiêu chuẩn quản lý rủi ro thanh khoản tại ngân hàng, theo đó, hiện sánh ngang với các khuyến nghị của Chuẩn mực Basel. Tính tới cuối năm 2023, không chỉ triển khai thành công Phương pháp xếp hạng nội bộ cơ bản (FIRB) cho Rủi ro tín dụng (Basel 2) và sẵn sàng tham gia thí điểm theo lộ trình của Ngân hàng Nhà nước vào năm 2025, VPBank đã mở rộng nghiên cứu triển khai Basel nâng cao cho các cấu phần rủi ro khác, như Basel 3 đối với Rủi ro tín dụng đối tác, Rủi ro thị trường và Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (IRRBB), qua đó tạo lợi thế dẫn đầu trên thị trường về công tác quản trị rủi ro. Song song với đó, Ngân hàng vẫn đang tiếp tục nghiên cứu các tiêu chuẩn, thông lệ phù hợp khác có thể áp dụng tại Việt Nam.

Áp dụng

IFRS 9

vào việc quản lý thực tiễn hoạt động kinh doanh

Liên quan đến lộ trình triển khai Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS 9, sau khi xây dựng thành công phương pháp luận và công cụ tính toán, VPBank đã áp dụng IFRS 9 vào việc quản lý thực tiễn hoạt động kinh doanh, như quy trình định giá, xây dựng KPI với mục tiêu định hướng hoạt động của ngân hàng theo chuẩn mực tiên tiến. Việc áp dụng chính thức tiêu chuẩn IFRS tại VPBank sẽ tuân thủ nghiêm ngặt theo lộ trình và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



Số hóa quản trị rủi ro

VPBank là một trong những ngân hàng Việt Nam đi đầu về số hóa và phát triển nền tảng hệ sinh thái với các tiêu chuẩn an toàn thông tin chặt chẽ, đặc biệt là trong hoạt động quản trị rủi ro.

Trong năm 2023, đồng hành với chiến lược số hóa toàn hàng, các hệ thống quản lý rủi ro đã được dịch chuyển lên nền tảng đám mây, qua đó cho phép thực hiện các phân tích linh hoạt hơn. Cùng với đó, ngân hàng cũng tích cực triển khai hàng loạt chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm trang bị cho toàn bộ cán bộ chuyên trách các kiến thức, kỹ năng phù hợp để làm việc hiệu quả trên nền tảng đám mây.

Ngân hàng đã đạt được nhiều thành tựu về số hóa quản lý rủi ro. Cụ thể:

- Phát triển hệ thống tích hợp tính toán cho Chuẩn mực Basel và liên tục củng cố, mở rộng và tối ưu hóa hệ thống cho nhiều mục đích quản lý rủi ro khác nhau;
- Ứng dụng dữ liệu dấu chân điện tử trong phân tích rủi ro;
- Xây dựng và nâng cấp hệ thống chấm điểm rủi ro tín dụng để hỗ trợ các quyết định tín dụng, phát hiện gian lận và tăng cường hiệu quả thu hồi nợ.

VPBank tin rằng, an ninh thông tin đóng vai trò then chốt trong việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động ngân hàng. Do vậy, ngân hàng tập trung xây dựng và duy trì hệ thống quản lý bảo mật thông tin tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và được định kỳ hàng năm chứng nhận bởi DAS UK phù hợp với tiêu chuẩn ISO/ IEC 27001:2013 (chứng nhận hàng đầu về hệ thống quản lý an ninh thông tin).

Nhận thức được vai trò quan trọng của công nghệ trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động thu hồi nợ, trong đó chuyển đổi từ phương pháp thu hồi nợ truyền thống sang các phương pháp hiện đại giúp tăng năng suất và trải nghiệm khách hàng, VPBank đã triển khai chiến lược thu hồi nợ dựa trên phản hồi của khách hàng và tối ưu hóa quy trình tổ tụng thông qua các hệ thống tự động, như Tổng đài tư vấn viên ảo với nền tảng AI, Công cụ chuyển đổi giọng nói thành văn bản, Nhắc nợ tự động trên nhiều nền tảng... để giảm chi phí vận hành, cải thiện hiệu quả thu nợ cũng như trải nghiệm khách hàng.

2.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và công ty con

Gia cố nền tảng hạ tầng và an ninh bảo mật thông tin, tăng cường chuyển đổi số các hoạt động quản lý, vận hành

VPBank xúc tiến và đẩy mạnh xây dựng nền tảng về quy trình, công nghệ và con người cho hành trình chuyển đổi số của ngân hàng theo giải pháp điện toán đám mây (cloud) trong năm 2023. Ngân hàng đồng thời thực hiện chuyển đổi gần 20 ứng dụng lên cloud trong năm 2023 và đã thực hiện ký kết chiến lược với Amazon Web Services (AWS), công ty công nghệ thuộc Tập đoàn toàn cầu Amazon.com. Việc hợp tác giữa VPBank và AWS sẽ giúp gia tăng tốc độ phát triển các phần mềm tài chính ngân hàng, tăng cường năng lực tự động hóa và cải thiện tốc độ xử lý các tác vụ ngân hàng, đẩy nhanh tiến độ triển khai các tính năng ngân hàng số mới, từ đó đem đến cho khách hàng ngày càng nhiều sản phẩm ngân hàng số đa dạng hơn với chất lượng ngày càng tốt hơn.

Bên cạnh đó, VPBank triển khai thêm 7 dự án an ninh bảo mật trong năm 2023, bao gồm Chứng chỉ PCIDSS (tiêu chuẩn bảo mật xác lập bởi Hội đồng Tiêu chuẩn bảo mật của các tổ chức thẻ quốc tế), nâng cấp hệ thống quản lý tài khoản đặc quyền, giải pháp quản lý bản vá, ngăn chặn các cuộc tấn công qua Internet và ứng dụng online.

Về quản lý vận hành, hơn 100 quy trình đã được tiếp tục số hóa, giúp cải thiện 10-30% thời gian xử lý các giao dịch mở tài khoản, giải ngân khoản vay, tài trợ thương mại online... Về quản trị dữ liệu, dự án Data Integration Hub với mục tiêu nâng cao năng lực tích hợp dữ liệu đã được triển khai thành công và hỗ trợ việc cung cấp dữ liệu lớn một cách kịp thời, đáp ứng được các nhu cầu của kinh doanh, tăng trải nghiệm khách hàng trên các nền tảng giao dịch như VPBank NEO BIZ, kênh dịch vụ khách hàng cskhs.vpbank.com.vn, LynkID.

Cùng trong năm 2023, VPBank cũng đã chính thức thành lập Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu (EDA), trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Phân tích kinh doanh (BICC) cùng các bộ phận quản trị hệ thống Kho dữ liệu tập trung, hệ thống báo cáo tuân thủ và kiến trúc dữ liệu thuộc Khối Công nghệ thông tin. Bên cạnh việc vận hành ổn định nền tảng dữ liệu, VPBank sẽ tăng cường ứng dụng khoa học dữ liệu (AI) và công nghệ máy học (ML), cũng như thúc đẩy quá trình chuyển đổi dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây, hướng tới mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu về quản trị và ứng dụng dữ liệu, nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số.

Phát triển và triển khai các giải pháp giao dịch trực tuyến cho khách hàng

Giải pháp e-KYC ra mắt thị trường từ năm 2022 và liên tục nâng cấp tính năng và trải nghiệm dịch vụ trong năm 2023, giúp VPBank mở rộng thêm khách hàng, gia tăng hiệu quả bán hàng các sản phẩm CASA, thẻ tín dụng và vay tín chấp.

Đối với các khách hàng SME và doanh nghiệp, VPBank cũng đẩy mạnh đầu tư để tối ưu hóa hành trình số hóa khách hàng. Các sản phẩm được VPBank phát triển cho khách hàng doanh nghiệp gồm có: tính năng eKYC; Thanh toán điện tử EcomPay – Simplify, Cybersource; Dịch vụ vay thấu chi online và giải ngân online; Blockchain LC.



Đặc biệt trong năm 2023, VPBank cho ra mắt sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng Lưu ký chứng khoán và Ngân hàng Giám sát cho đối tượng là các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có đối tác SMBC và khách hàng do SMBC giới thiệu. Tập khách hàng này hứa hẹn sẽ tăng trưởng mạnh trong những năm tiếp theo, qua đó mở rộng cơ hội khai thác, hợp tác sử dụng toàn diện các sản phẩm, dịch vụ tài chính dành cho doanh nghiệp tại VPBank.

Triển khai mô hình tập đoàn

Với định hướng mở rộng hệ sinh thái nhằm đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh tài chính để cung cấp toàn diện các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, VPBank xác định việc kiện toàn hệ thống và nâng tầm năng lực quản trị là yếu tố then chốt để đảm bảo tính tối ưu và hiệu quả của hoạt động. Theo đó, VPBank đã triển khai mô hình tập đoàn kể từ năm 2023 hướng tới mục tiêu xây dựng một định chế tài chính hàng đầu Việt Nam, từ đó mở ra nhiều cơ hội phát triển trên nền tảng hệ sinh thái tổng thể.

3. Tình hình tài chính trong năm 2023

Quy mô tín dụng

600.524

tỷ đồng

▲25,2% so với 2022

Top 3 về tốc độ tăng trưởng

Tỷ lệ an toàn vốn
(CAR)

17,1%

Top 1 ngành ngân hàng

Tổng thu nhập hoạt động
(TOI)

49.739

tỷ đồng

Top 1 trong nhóm ngân hàng tư nhân

Vốn chủ sở hữu

139.796

tỷ đồng

Top 2 ngành ngân hàng

Lợi nhuận trước thuế

10.803

tỷ đồng

Top 10 ngành ngân hàng

Vốn điều lệ

79.339

tỷ đồng

Top 1 ngành ngân hàng

Tổng tài sản

817.567

tỷ đồng

▲ 29,6% so với 2022

Tăng trưởng thuộc Top 3
ngành ngân hàng

Quy mô huy động

490.156

tỷ đồng

▲ 33,6% so với 2022

Tăng trưởng thuộc
Top 3 ngành ngân hàng

CIR

28,0%

Top 2 ngành ngân hàng

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ đầu năm 2023 của VPBank là 67,4 nghìn tỷ đồng, tương đương với 6.743.423.601 cổ phiếu. Trong tháng 10/2023, ngân hàng đã hoàn tất giao dịch phát hành riêng lẻ 1,19 tỷ cổ phiếu, tương đương 15% cổ phần cho cổ đông chiến lược SMBC. Nhờ đó, tổng vốn chủ sở hữu của VPBank được nâng từ 103,5 nghìn tỷ đồng lên trên mức gần 140 nghìn tỷ đồng, trở thành 1 trong 2 ngân hàng có vốn chủ sở hữu lớn nhất Việt Nam. Bên cạnh đó, vốn điều lệ của VPBank cũng chính thức tăng lên 79,3 nghìn tỷ đồng, tương đương với 7.933.923.601 cổ phiếu, duy trì vị thế dẫn đầu thị trường. Đây là kế hoạch tăng vốn được triển khai từ năm 2022 nhằm củng cố năng lực tài chính dài hạn và giúp ngân hàng đạt được các mục tiêu tăng trưởng trong chiến lược phát triển 5 năm lần thứ 3 (2022 - 2026).

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Ngân hàng đã chào bán 30 triệu cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên (ESOP) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, dựa trên Nghị quyết HĐQT số 199/2023/NQ-HĐQT ngày 03/10/2023 và Công văn số 6755/UBCK-QLCB ngày 09/10/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

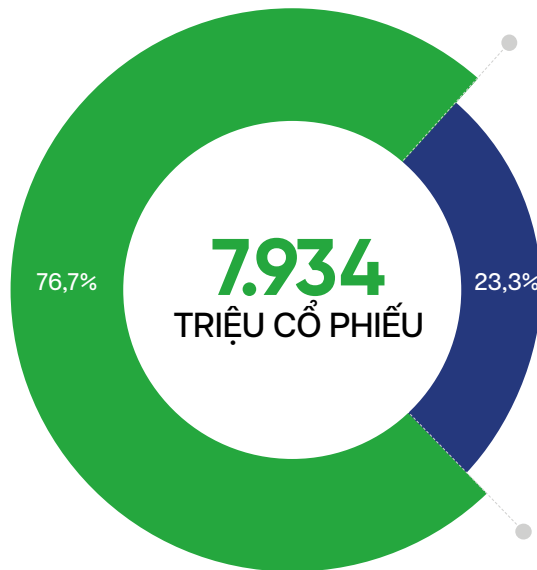
Vốn chủ sở hữu	Riêng lẻ (triệu đồng)		Hợp nhất (triệu đồng)	
	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023
Vốn điều lệ	67.434.236	79.339.236	67.434.236	79.339.236
Thặng dư vốn cổ phần	-	23.992.546	-	23.992.546
Các quỹ dự trữ	9.056.043	9.796.774	13.535.084	12.233.282
Cổ phiếu quỹ	(883.466)	-	(883.466)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	19.940.792	21.024.428	16.751.804	19.065.969
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	6.664.262	5.164.494
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	95.547.605	134.152.984	103.501.920	139.795.527

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ phần tại 31/12/2023

6.088
TRIỆU

Số lượng cổ phiếu
tự do chuyển nhượng

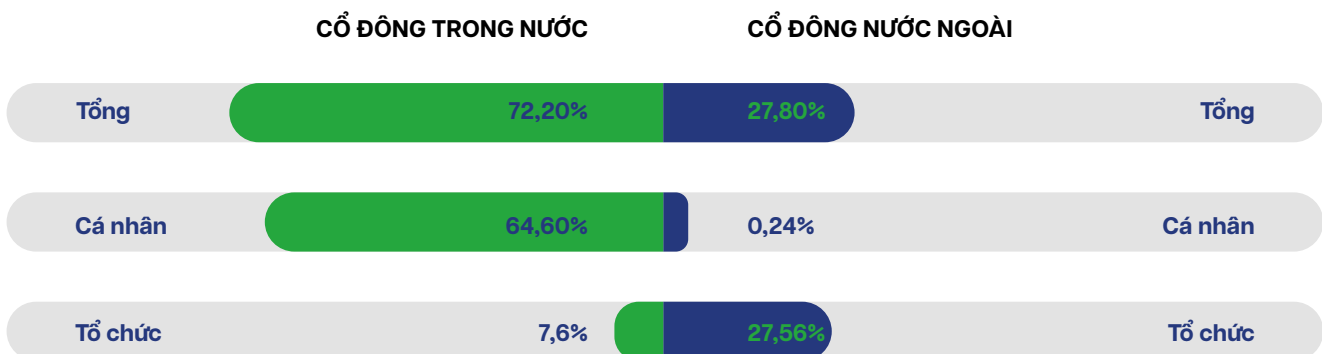


(Tại 31/12/2023, VPBank không có cổ phiếu quỹ)

1.846
TRIỆU

Số lượng cổ phiếu
hạn chế chuyển nhượng

Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2023



Tính đến 31/12/2023, VPBank có 01 cổ đông lớn (sở hữu từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết).

STT	Cá nhân/ Tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ báo cáo
1	Sumitomo Mitsui Banking Corporation	Cổ đông lớn	1.190.500.000	15,005%

Cổ đông là người nội bộ của ngân hàng gồm các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành của ngân hàng. Số cổ đông này đang sở hữu tương ứng là 7,78% tổng số cổ phần.

STT	Người nội bộ	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ báo cáo
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	328.553.899	4,141%
2	Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	156.329.202	1,970%
3	Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	8.249.316	0,104%
4	Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	104.905.020	1,322%
5	Kim Ly Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát	269.997	0,003%
6	Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát	164.355	0,002%
7	Vũ Hồng Cao	Thành viên Ban Kiểm soát	378.855	0,005%
8	Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc thường trực, Giám đốc Điều hành cao cấp	9.898.869	0,125%
9	Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	2.179.077	0,027%
10	Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	436.541	0,006%
11	Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	955.964	0,012%
12	Đinh Văn Nho	Phó Tổng Giám đốc	1.628.107	0,021%
13	Phùng Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc thường trực	1.282.486	0,016%
14	Phạm Thị Nhung	Phó Tổng Giám đốc thường trực	1.065.995	0,013%
15	Lê Hoàng Khánh An	Giám đốc Tài chính	357.892	0,005%
16	Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	188.440	0,002%
17	Lê Lan Kim	Người phụ trách quản trị công ty/thư ký công ty	647.242	0,008%

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	11	727.700
Bán	13	283.100
Tổng	24	1.010.800

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông là người có liên quan của người nội bộ

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	2	70.000.000
Bán	5	390.770
Tổng	7	70.390.770

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Vui lòng xem Phần VIII. Báo cáo Phát triển bền vững.



Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

Đánh giá kết quả hoạt động
kinh doanh 78

Tình hình tài chính 80

Những cải tiến về cơ cấu
tổ chức, chính sách và quản lý 88

Định hướng hoạt động
kinh doanh trong năm 2024 90

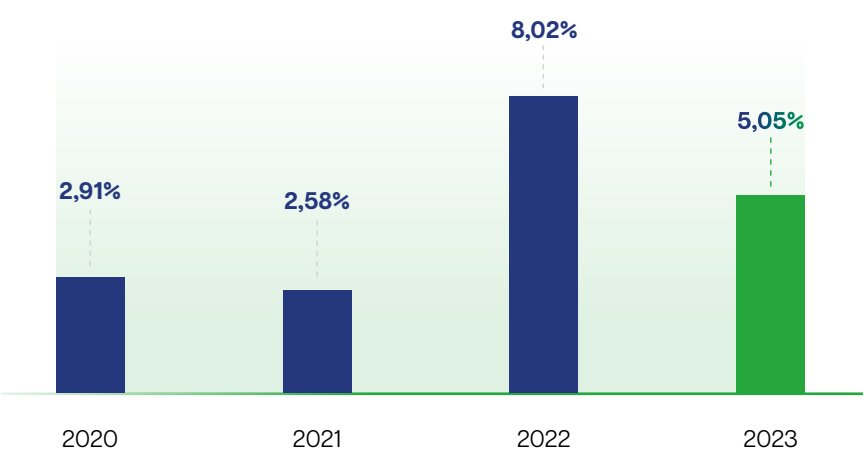
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình vĩ mô và ngành ngân hàng năm 2023

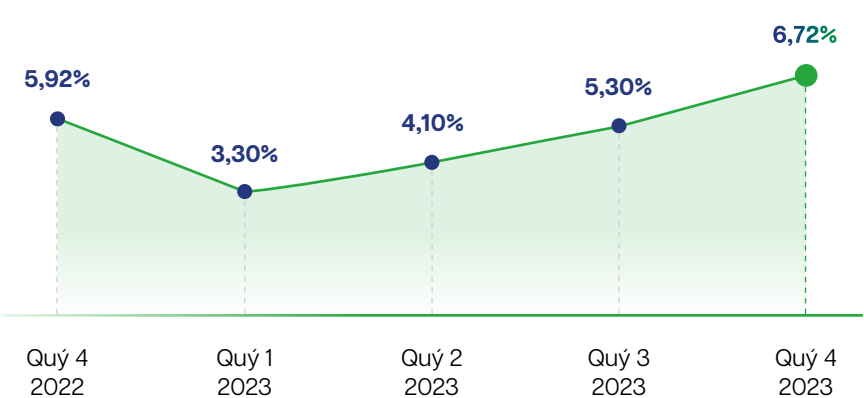
Môi trường vĩ mô năm 2023

Trái ngược với kỳ vọng năm 2023 kinh tế sẽ phục hồi sau dịch bệnh, khó khăn tiếp tục len lỏi vào mọi ngõ ngách của kinh tế toàn cầu. Kéo theo đó, hoạt động đầu tư, thương mại cũng suy yếu. Là một nền kinh tế có độ mở lớn, Việt Nam cũng không tránh khỏi các tác động từ bên ngoài.

Tăng trưởng GDP qua các năm



Tăng trưởng GDP qua các quý



Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng trưởng 5,05% trong năm 2023, chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng trong 2 năm đại dịch Covid-19 (2020 - 2021). Mặc dù vậy, tăng trưởng GDP ghi nhận xu hướng cải thiện dần trong nửa cuối năm, khi GDP quý 4/2023 đã tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước và là quý có mức tăng trưởng cao nhất trong năm. Trong khi đó, lạm phát được kiểm soát tốt, ở mức 3,25%, hoàn thành mục tiêu mà Chính phủ đặt ra.



Động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế trong năm 2023 đến từ khu vực dịch vụ, với sự phục hồi rõ rệt của lĩnh vực du lịch. Trong năm, đã có 12,6 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam, gấp 3,4 lần năm 2022. Bên cạnh đó, đầu tư công và thu hút vốn FDI cũng đạt nhiều dấu ấn tích cực. Giải ngân đầu tư công trong năm 2023 đạt trên 625 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 21% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 73,5% kế hoạch, là mức cao nhất từ trước tới nay. Trong khi đó, vốn FDI đăng ký đạt 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm 2022. Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc, dòng đầu tư vẫn đang trong xu hướng chậm lại, con số này cho thấy niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào môi trường đầu tư, kinh doanh và triển vọng kinh tế Việt Nam.

Ngược lại, việc sụt giảm đơn hàng từ các thị trường xuất khẩu chính (như Mỹ và EU) do nhu cầu suy giảm đã tác động mạnh tới hoạt động sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2023 chỉ đạt 3,02% so với năm trước. Đây là mức tăng hàng năm thấp nhất trong giai đoạn 2011-2023. Hoạt động xuất nhập khẩu, theo đó, chịu nhiều thiệt hại với kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt giảm 4,4% và 8,9% so với năm trước.

Mặc dù vậy, với những nỗ lực hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN), bức tranh kinh tế Việt Nam đã ghi nhận nhiều điểm sáng hơn trong nửa cuối năm, dự kiến có sự phục hồi tích cực hơn trong năm 2024.

Ngành ngân hàng 2023

Lĩnh vực tài chính - ngân hàng, với vai trò dẫn dắt trong nền kinh tế, cũng không tránh được những tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu. Tăng trưởng tín dụng của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm thấp hơn so với kỳ vọng, do điều kiện vĩ mô không thuận lợi "nén chân" cầu tín dụng của khối doanh nghiệp và cá nhân. Kết thúc năm 2023, tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế đạt 13,7%, thấp hơn so với mục tiêu 14%.

Trong khi đó, nợ xấu có xu hướng tăng nhanh khi dòng tiền chững lại. Số liệu từ Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia cho thấy, nợ xấu nội bảng toàn hệ thống leo thang tới 4,97% tại thời điểm cuối năm 2023, cao hơn mục tiêu 3% của Chính phủ và tăng mạnh so với cuối năm 2022 (1,92%).

Để hỗ trợ nền kinh tế phục hồi, trong năm vừa qua, NHNN đã thực hiện chính sách điều hành chủ động, linh hoạt, đồng thời, đưa ra một loạt biện pháp để khắc phục và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Có thể kể tới 4 lần cắt giảm lãi suất điều hành trong 6 tháng đầu năm 2023, các đợt phát hành tín phiếu để hấp thụ thanh khoản dư thừa trên thị trường trong nỗ lực ổn định tỷ giá, và Thông tư 02/2023/TT-NHNN cho phép các tổ chức tín dụng cơ cấu và giãn nợ cho các khách hàng gặp khó khăn...

Các chính sách của NHNN khi đi vào cuộc sống đã bước đầu cho thấy hiệu quả trong những tháng cuối năm 2023, tạo xung lực để nền kinh tế phục hồi tích cực trong năm 2024.

2. Kết quả kinh doanh nổi bật năm 2023

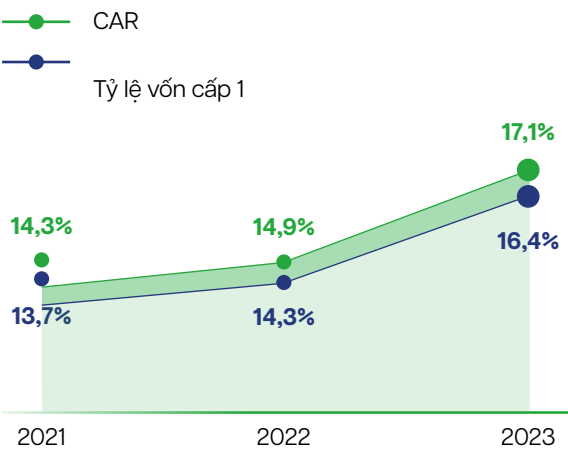
Củng cố nền tảng vốn vững mạnh

Với thành công của thương vụ phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược SMBC, vốn chủ sở hữu của VPBank được nâng lên vị thế số 2 toàn ngành, đồng thời, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Basel II được nâng lên vị trí dẫn đầu hệ thống.

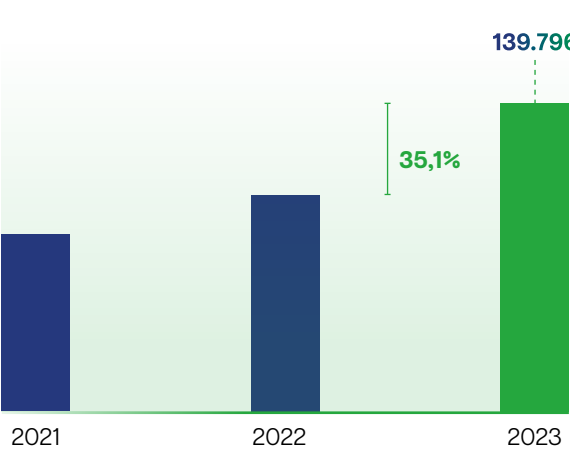
Nền tảng vốn vững chắc giúp tăng cường sức mạnh tài chính cho VPBank trong nỗ lực mở rộng và đáp ứng đa dạng nhu cầu của các phân khúc khách hàng. Ngân hàng cùng với đó đã hội tụ năng lực tài chính cần có để phục vụ nhóm khách hàng doanh nghiệp có quy mô lớn. Đặc biệt, với sự hỗ trợ từ SMBC, VPBank đã đẩy mạnh khai thác mảng kinh doanh mới trong năm 2023 - phân khúc khách hàng FDI, nhằm tận dụng các cơ hội thị trường, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận bổ trợ cho các phân khúc truyền thống.

Bên cạnh đó, thông qua việc hợp tác với SMBC, VPBank kỳ vọng sẽ nhận được sự hỗ trợ để tiếp cận các nguồn vốn quốc tế với chi phí hợp lý cũng như được chia sẻ về mặt chuyên môn, kinh nghiệm mà tập đoàn này đã tích lũy được trong nhiều năm qua ở nhiều thị trường châu Á, qua đó, giúp VPBank tiếp tục phát triển và mở rộng không chỉ ở trong lãnh thổ Việt Nam mà còn vươn ra trong khu vực.

CAR theo TT 41 (Basel II,%)



Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



Thanh khoản vượt trội

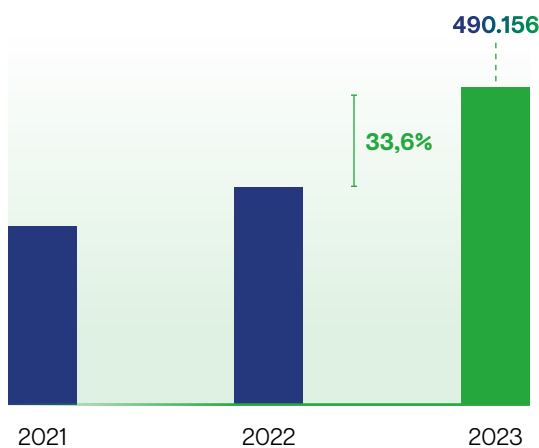
Huy động tiền gửi và giấy tờ có giá của ngân hàng hợp nhất, tại thời điểm cuối năm 2023, đạt hơn 490 nghìn tỷ đồng, tăng 33,6% so với năm 2022, trong đó, ngân hàng mẹ tăng trưởng 37,1%, dẫn đầu hệ thống và vượt trội so với mức trung bình ngành là 13,2%. Phân khúc khách hàng cá nhân đóng góp chủ yếu trong tăng trưởng huy động với quy mô đạt hơn 291 nghìn tỷ đồng, chiếm hơn 62% tổng huy động của ngân hàng.

Tiền gửi không kỳ hạn (CASA) trở thành điểm sáng trong hoạt động huy động của VPBank, tăng trưởng tích cực 33% so với cuối năm 2022, nâng tỷ lệ CASA lên 17,6%. Đây là thành tựu của các hoạt động và giải pháp thúc đẩy phát triển CASA, tạo đà để tiếp tục thu hút dòng vốn chi phí rẻ thông qua các chiến lược phân khúc sắc nét, đưa ra giải pháp thanh toán mang tính tiên phong, dịch vụ tài khoản vượt trội với đa dạng sản phẩm và tính năng đi kèm, đáp ứng linh hoạt và chủ động nhu cầu của khách hàng.

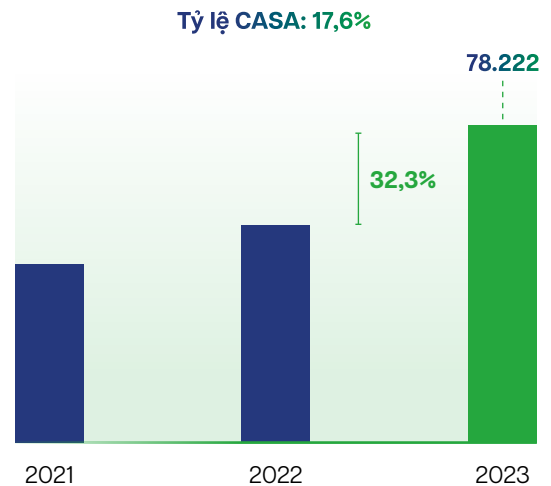
Trong năm, VPBank đã triển khai tính năng thanh toán 1 chạm (Tap & Pay) cho cả thẻ VISA và Mastercard. Đồng thời, ngân hàng liên tiếp đẩy mạnh các hoạt động phát triển và thu hút khách hàng, như Tài khoản số đẹp, Apple Pay, Garmin Pay, ShopQR..., giới thiệu các gói sản phẩm được thiết kế riêng biệt dựa trên chân dung từng khách hàng, và mở rộng chiến lược POS, phủ trên các phân khúc khách hàng.

Trong nỗ lực giảm thiểu chi phí vốn trong trung - dài hạn, VPBank luôn không ngừng khai thác nguồn vốn ngoại với kỳ hạn dài và chi phí hợp lý, nhằm đáp ứng nhu cầu vay phục vụ sản xuất, kinh doanh và đặc biệt là cho vay các dự án xanh và các dự án do phụ nữ làm chủ. Theo thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa VPBank và SMBC, với năng lực tài chính hùng hậu, SMBC đã thu xếp và hỗ trợ VPBank huy động thành công 400 triệu USD các khoản vay hợp vốn trung-dài hạn với các định chế tài chính lớn trong năm 2023, nâng tổng số các khoản vay quốc tế dưới sự hỗ trợ từ SMBC lên gần 1,7 tỷ USD trong 3 năm vừa qua. Việc thành công ký kết với Tập đoàn Tài chính phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (DFC) cho khoản vay song phương trị giá 300 triệu USD một lần nữa khẳng định uy tín của VPBank trên trường quốc tế, đồng thời giúp ngân hàng tăng cường đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN, như tỷ lệ LDR (79,6%), tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (25,3%) đều ở mức tốt hơn so với quy định của NHNN.

Huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá (tỷ đồng)



Số dư CASA (tỷ đồng)



Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ, đa dạng phân khúc

Với nền tảng vốn mạnh mẽ cùng thanh khoản dồi dào, VPBank hoàn toàn có cơ sở để đặt ra một mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao. Theo đó, tại cuối năm 2023, quy mô dư nợ tín dụng hợp nhất của ngân hàng đạt hơn 600 nghìn tỷ đồng, tăng 25,2% so với đầu năm, nằm trong nhóm dẫn đầu toàn ngành. Trong đó, tăng trưởng tín dụng tại ngân hàng mẹ đạt 31,8%, phân bổ đồng đều vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, với khối chiến lược khách hàng cá nhân và SME đóng góp khoảng 57% tổng dư nợ của ngân hàng riêng lẻ.

Dư nợ tín dụng của phân khúc khách hàng cá nhân đạt hơn 245 nghìn tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2022, trong đó tăng nổi bật ở sản phẩm cho vay kinh doanh, thẻ tín dụng. Để đạt được mức tăng vượt trội này, VPBank đã thực hiện các chương trình kích cầu khuyến mại và tăng cường hợp tác với các đối tác cũng như những nhãn hàng lớn. Trong khi đó, hiểu rõ năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn đối với thị trường bất động sản, đặc biệt là phân khúc nhà dự án, VPBank đã thực hiện đa dạng hóa danh mục cho vay mua nhà, dịch chuyển dần sang phân khúc cho vay nhà phố.

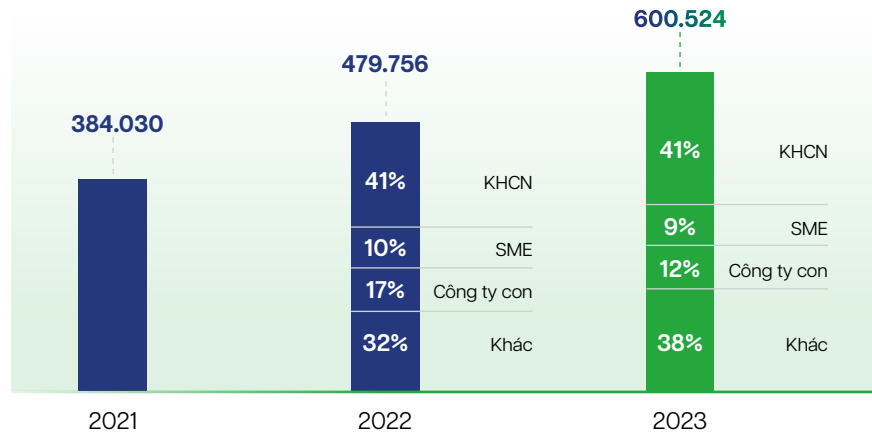
Song song với các chương trình hành động thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, hưởng ứng lời kêu gọi của NHNN, VPBank đã triển khai nhiều chương trình vay ưu đãi với lãi suất chỉ từ 5%/năm, với tổng quy mô lên tới 13 nghìn tỷ đồng, dành cho các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay mua ô tô, vay sản xuất - kinh doanh, vay mua nhà, vay tiêu dùng. Chương trình cho vay ưu đãi là một trong những nỗ lực của ngân hàng nhằm kích cầu tín dụng trên diện rộng, góp phần phục hồi kinh tế, hỗ trợ cá nhân và doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay với chi phí hợp lý phục vụ tiêu dùng, đầu tư và sản xuất - kinh doanh.

Bên cạnh đó, hoạt động cho vay margin tại VPBankS cũng đạt nhiều dấu ấn tích cực. Tăng trưởng cho vay tại VPBankS đạt hơn gấp đôi trong năm 2023, thị phần tăng 142% so với cuối năm 2022.



Tác động kép từ đại dịch Covid-19 và sự tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế trong năm 2023, đã tác động nặng nề tới khả năng tài chính cũng như làm tiêu hao dự trữ tiết kiệm của nhóm khách hàng phổ thông, cũng là phân khúc chính của FE CREDIT, khiến hoạt động kinh doanh tại mảng tài chính tiêu dùng bị ảnh hưởng. VPBank và đối tác chiến lược SMBC đã thực hiện rà soát tổng thể, tiến hành tái cấu trúc toàn diện và điều chỉnh mô hình kinh doanh tại công ty tài chính tiêu dùng nhằm thích nghi với các biến động thị trường. Quá trình này đang cho thấy những kết quả tích cực khi doanh số giải ngân của FE CREDIT đã tăng trưởng trở lại trong 2 quý cuối năm.

Dư nợ cấp tín dụng (tỷ đồng, %)



Kiểm soát chất lượng tài sản, sử dụng linh hoạt các biện pháp xử lý nợ

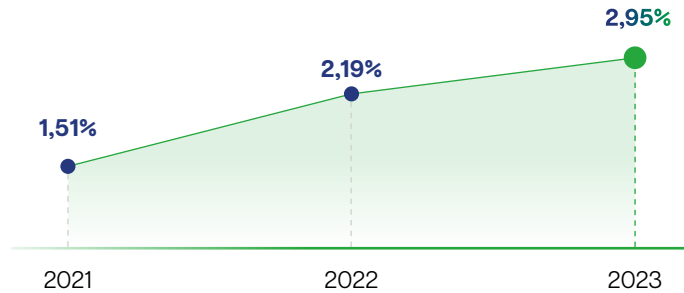
Với mô hình hoạt động tập trung vào bán lẻ, khi nhiều lĩnh vực trong nền kinh tế rơi vào khó khăn, VPBank không tránh khỏi những áp lực đè nặng lên chất lượng tài sản và chi phí dự phòng gia tăng. Ngân hàng, theo đó, đã chủ động điều chỉnh các chính sách rủi ro theo hướng tập trung cho vay có lựa chọn, điều chỉnh danh mục sang các phân khúc ít rủi ro và thu hẹp cho vay tín chấp.

Cùng với đó, VPBank đã quyết liệt triển khai các giải pháp cơ cấu nợ kịp thời, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và hỗ trợ khách hàng trong nỗ lực kiểm soát nợ xấu. Cụ thể, VPBank đã thực hiện cơ cấu nợ cho các khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN. Ngân hàng thực hiện quy trình thẩm định và phê duyệt một cách cẩn thận, kỹ lưỡng đối với các khoản nợ tái cơ cấu nhằm hỗ trợ các khách hàng gặp khó khăn. Đến cuối năm 2023, dư nợ tái cơ cấu của VPBank đã giảm mạnh 61% trong quý 4, chỉ còn chiếm khoảng 1% tổng dư nợ ngân hàng hợp nhất.

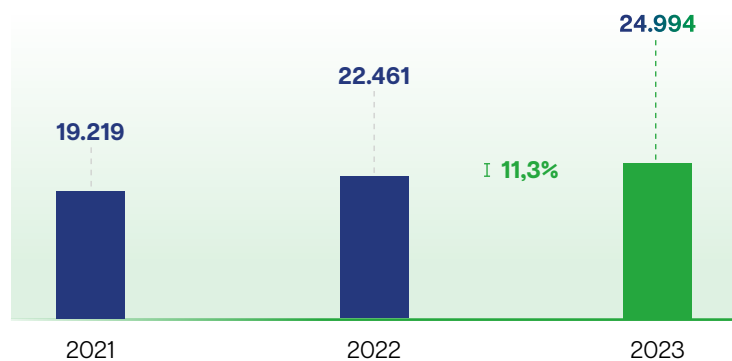
Ngoài ra, VPBank cũng linh hoạt sử dụng các biện pháp xử lý nợ để kiểm soát nợ xấu bao gồm cả việc tăng cường việc thu hồi nợ và bán nợ, đồng thời hợp tác với các công ty mua bán nợ. Kết thúc năm 2023, ngân hàng đã kiểm soát được tỷ lệ nợ xấu (NPL) dưới ngưỡng 3%, hoàn thành cam kết tại ĐHCĐ 2023. Đồng thời, tỷ lệ NPL theo TT11 của ngân hàng hợp nhất cũng có những chuyển biến tích cực, giảm xuống còn 4,48% vào cuối năm 2023, từ mức 4,73% tại cuối năm 2022.

Trong điều kiện thị trường còn nhiều rủi ro và thách thức, VPBank đã chủ động tăng cường trích lập dự phòng để củng cố bộ đệm dự phòng, đảm bảo an toàn hoạt động. Chi phí dự phòng, theo đó, tăng 11,3% so với năm 2022, ở mức gần 25 nghìn tỷ đồng.

NPL Ngân hàng riêng lẻ (%)



Chi phí dự phòng (tỷ đồng)



Phí dịch vụ tăng trưởng ổn định, doanh thu duy trì vị thế dẫn đầu

Nhận thức được những khó khăn từ điều kiện thị trường không thuận lợi, VPBank tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa nguồn thu trong năm 2023. Chiến lược này đã ghi nhận hiệu quả tốt trong năm qua, khi thu nhập phí cũng như lãi thuần từ hoạt động dịch vụ vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực, đạt lần lượt hơn 12 nghìn tỷ đồng, tăng 17,7% và hơn 7 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2022, và là một trong những động lực chính thúc đẩy doanh thu toàn hàng, giúp VPBank giữ vững vị thế là 1 trong 2 ngân hàng tư nhân có thu nhập phí thuần cao nhất trên thị trường.

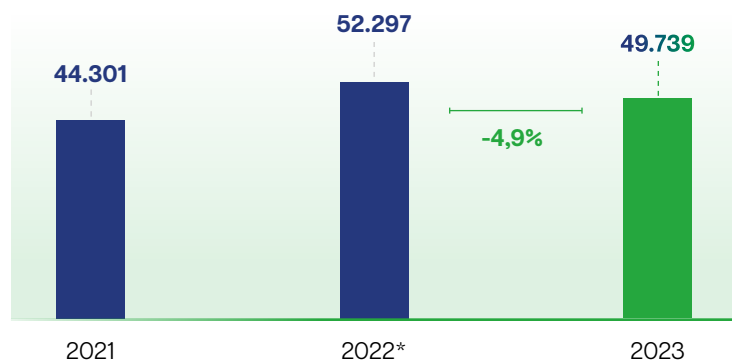
Các thay đổi về chính sách điều phối hoạt động bán bảo hiểm đã ảnh hưởng tới thu nhập từ mảng kinh doanh này của ngân hàng. Tuy nhiên, thu nhập phí được bù đắp bởi thu từ hoạt động thanh toán, và mảng kinh doanh thẻ. Thu phí từ hoạt động thanh toán & thu hút khách hàng tăng trưởng 40,2% trong năm 2023. Theo đó, VPBank đã đẩy mạnh việc đa dạng hóa các giải pháp thanh toán như Ecompay, Simplify, CyberSource, POS, giúp thúc đẩy hoạt động của mảng thanh toán, gia tăng nguồn thu nhập ngoài lãi của ngân hàng. Cùng với đó, thu phí từ thẻ tăng 11,4%, với số lượng thẻ phát hành tăng 24,2% trong năm qua, đạt hơn 9 triệu thẻ vào cuối năm 2023.

Thu nhập lãi thuần hợp nhất đạt hơn 38 nghìn tỷ đồng, giảm 7% so với năm 2022, trong đó, thu nhập lãi thuần của ngân hàng riêng lẻ tăng trưởng 3,1% so với năm trước, đạt 26,3 nghìn tỷ đồng. Thu nhập lãi thuần của ngân hàng hợp nhất ghi nhận giảm chủ yếu do mảng tài chính tiêu dùng vẫn đang chịu ảnh hưởng mạnh từ các yếu tố vĩ mô. Cần lưu ý, cuộc khủng hoảng thanh khoản cuối năm 2022 đã đẩy chi phí vốn của VPBank lên cao cùng áp lực lãi treo khi chất lượng tài sản bị tác động đã khiến biên lãi ròng (NIM) suy giảm. Mặc dù vậy, chỉ số này đang cho thấy xu hướng cải thiện dần ở các quý cuối năm.

Nhờ thu nhập lãi riêng lẻ cải thiện dần về cuối năm, tổng thu nhập hoạt động tại ngân hàng mẹ vẫn ở mức ổn định so với cùng kỳ khi so sánh loại bỏ đi thu nhập bất thường trong năm 2022, đạt hơn 35 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2023. Trong khi đó, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất đạt gần 50 nghìn tỷ đồng, giảm 4,9% so với năm trước do những khó khăn của FE CREDIT trước bối cảnh môi trường vĩ mô thiếu thuận lợi. Tuy nhiên, VPBank vẫn tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu về doanh thu trong khối ngân hàng tư nhân trong hơn 30 quý liên tiếp.

Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)

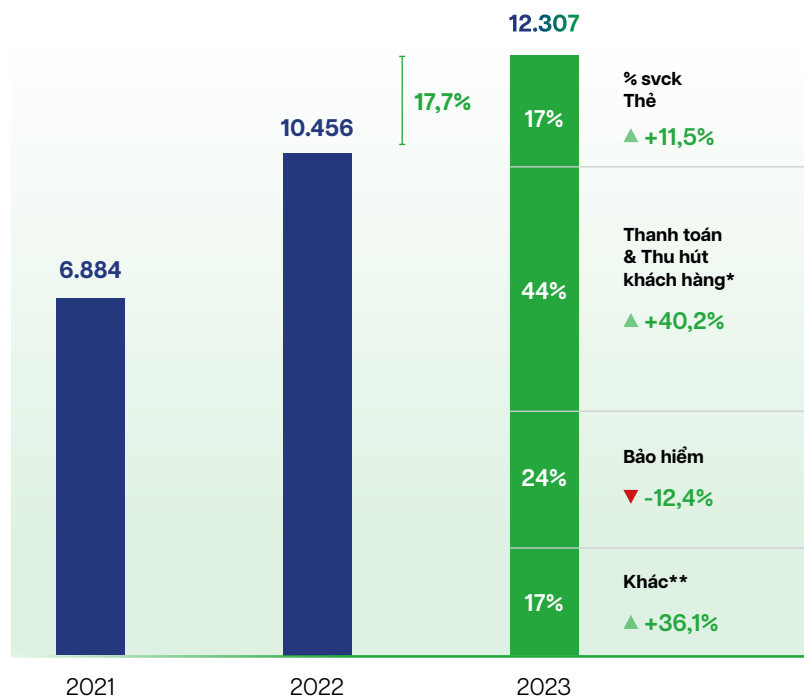
* Tổng hoạt động thu nhập năm 2022 loại trừ thu nhập thất thường



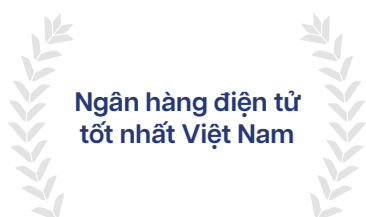
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (tỷ đồng)

* Thanh toán & thu hút khách hàng bao gồm LC, thanh toán LG, thanh toán quốc tế, nội địa & POS

** Thu nhập phí khác: Phí tài khoản, phí thu xếp



Kiên trì chuyển đổi số, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động



VPBank luôn tự hào là một trong những ngân hàng đi đầu trên thị trường về chiến lược số hóa bài bản và toàn diện. Chuyển đổi số luôn là một trong những trọng tâm và định hướng chiến lược của ngân hàng trong nhiều năm nay.

Nền tảng ngân hàng số toàn năng VPBank NEO liên tục được đầu tư hoàn thiện và cập nhật những tính năng mới. Điển hình, trong năm 2023, VPBank đã tiên phong cho ra mắt tính năng ShopQR trên nền tảng VPBank NEO - giải pháp giúp các cửa hàng, hộ kinh doanh đơn giản hóa công tác quản lý và theo dõi nguồn thu ngay trên ứng dụng ngân hàng số VPBank NEO, mà không cần thêm ứng dụng khác. Nhờ liên tục được cải tiến, nâng cao trải nghiệm khách hàng, trong năm qua, VPBank NEO đã thu hút thêm 3,5 triệu tài khoản đăng ký mới, đưa tổng số lượng tài khoản VPBank NEO đăng ký đạt mức 8,7 triệu tài khoản với hơn 400 triệu giao dịch trong năm 2023. VPBank NEO đã vinh dự nhận giải thưởng “Ngân hàng điện tử tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí The Asian Banker trao tặng. Đây là năm thứ 2 liên tiếp VPBank nhận được giải thưởng này, khẳng định bước đi tiên phong trong số hóa cũng như sự đầu tư bài bản cho một ứng dụng ngân hàng số được thị trường đón nhận.

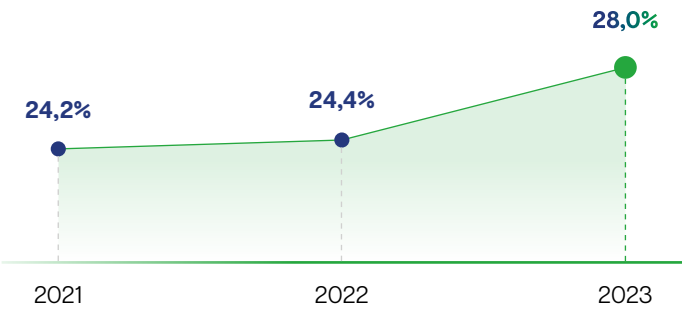


**Kiên trì chuyển đổi số,
tối ưu hóa hiệu quả
hoạt động**

Bên cạnh đó, Ngân hàng số Cake by VPBank hướng tới tập khách hàng trẻ và đam mê công nghệ, cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính. Với sứ mệnh “Thấu hiểu và phục vụ khách hàng tốt hơn nữa”, sau 3 năm đi vào hoạt động, Cake đã thu hút hơn 4,1 triệu người dùng. Hơn nữa, với chiến lược thu hút và giữ chân khách hàng trên nền tảng số, Cake đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ nhằm mang tới trải nghiệm khách hàng thuận tiện nhất. Nhờ đó trong năm vừa qua, Cake đã nhận được giải “Ngân hàng số tốt nhất tại Việt Nam 2023”, do tạp chí Global Banking and Finance Review bình chọn, minh chứng cho năng lực công nghệ và sáng tạo của Ngân hàng số này.

Việc tăng cường đẩy mạnh các hoạt động số hóa cũng như khởi động lại các dự án đã bị trì hoãn trong giai đoạn Covid-19 trong khi tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng giảm nhẹ, khiến tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) tăng lên ở mức 28% tại cuối năm 2023. Dù vậy, VPBank vẫn là một trong những ngân hàng có tỷ lệ CIR thấp nhất hệ thống. Mặc khác, các hoạt động chuyển đổi số được kỳ vọng sẽ phát huy hiệu quả trong trung và dài hạn, góp phần tối ưu hóa nguồn lực và thúc đẩy năng suất lao động của ngân hàng.

CIR





Sức mạnh cộng hưởng của hệ sinh thái

VPBankS và OPES sau hơn một năm gia nhập đại gia đình VPBank đã đóng góp tích cực cho kết quả kinh doanh của ngân hàng hợp nhất hơn 1,4 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của ngân hàng mẹ, VPBankS và OPES đạt hơn 14 nghìn tỷ đồng trong năm 2023.

Mất xích tài chính tiêu dùng của hệ sinh thái, ngược lại, chưa thực sự tìm lại sức mạnh vốn có. Trước các ảnh hưởng sâu rộng từ đại dịch Covid-19, FE CREDIT liên tiếp đối mặt với nhiều khó khăn khi tệp khách hàng chính bị cắt giảm việc làm và thu nhập, trực tiếp ảnh hưởng tới nhu cầu vay tiêu dùng và khả năng trả các khoản nợ tới hạn. Trong bối cảnh đó, VPBank đã chủ động thực hiện chiến lược tái cấu trúc cánh tay tài chính tiêu dùng, toàn diện cho FE CREDIT nhằm vực dậy và tái khẳng định vị thế của công ty.

Quá trình tái cơ cấu toàn diện bước đầu đã có những tiến triển tích cực khi chuyển đổi mô hình quản trị, triển khai chiến lược cho vay thận trọng hơn, tập trung cải tiến quản trị rủi ro và thu hồi nợ. Tuy nhiên, các khó khăn chung của lĩnh vực tài chính tiêu dùng được đánh giá vẫn sẽ diễn ra, trở thành một thách thức chưa có điểm dừng trong thời gian sắp tới, đòi hỏi sự kiên trì và bền bỉ trong định hướng và hoạt động kinh doanh của không chỉ FE CREDIT mà còn tại ngân hàng mẹ.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của VPBank trong năm 2023 đạt gần 11 nghìn tỷ đồng, giảm 31,3% so với năm 2022 cùng kỳ nếu loại trừ đi khoản thu nhập bất thường trong năm 2022. Hiệu quả kinh doanh thấp hơn kỳ vọng do nhiều yếu tố không thuận lợi, nhưng VPBank xác định năm 2023 là năm “lửa thử vàng, gian nan thử sức” để củng cố các nền tảng hệ thống cần có để bước tiếp những bước đi mạnh mẽ hơn trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Tổng số nhân viên và thu nhập bình quân của người lao động (theo BCTC hợp nhất)

- Tại thời điểm 31/12/2023, VPBank có 24.973 nhân viên.
- Thu nhập bình quân của CBNV trong năm 2023 đạt gần 25 triệu đồng/tháng.

Tóm tắt những thay đổi trong chính sách đối với người lao động 2023

- Áp dụng khung lương năm 2023 căn cứ Báo cáo Khảo sát tiền lương theo thực tế thị trường năm 2023 (by Mercer), phù hợp thực tế tỷ lệ chi trả lương thưởng (pay mix) từng phân khúc nhân viên tại các mảng Front/Mid/Back. Đây là căn cứ để xác định mức lương đối với CBNV tuyển mới/thăng chức, bổ nhiệm.
- Điều chỉnh danh mục Hot Job 2023 (công việc khó thu hút và giữ chân nhân sự) dựa trên mức độ ưu tiên của ngân hàng ở các mảng chức năng/nghiệp vụ và dựa trên đánh giá thực tế danh mục hot job trên thị trường năm 2023 (Mercer). Đây là căn cứ để áp dụng định vị thu nhập cạnh tranh hơn cho CBNV đảm nhận các công việc khó thu hút và giữ chân nhân sự.
- Triển khai Chương trình thưởng theo kết quả công việc cá nhân CBNV và kết quả doanh thu/lợi nhuận của các đơn vị kinh doanh, đảm bảo sự cân bằng nội bộ dựa trên định hướng paymix, tính chất front/mid/back cho CBNV, tiệm cận gần hơn với định vị thị trường mục tiêu (local banks). Điểm thay đổi/lần đầu được áp dụng trong chính sách thưởng là scheme phân bổ thưởng extra bonus cho các đơn vị vượt kế hoạch lợi nhuận, từ đó khuyến khích và gắn chặt hơn nữa giữa tiền thưởng và thành tích đơn vị/cá nhân.

Các chương trình phúc lợi hiện hữu (khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn VPBank Care...) được duy trì với chất lượng tốt hơn trong khuôn khổ ngân sách bằng hoặc thấp hơn. Triển khai chương trình mới (quà tặng voucher nghỉ dưỡng cho CBNV và người thân). Đây là một chế độ phúc lợi khá nổi bật trên thị trường lao động.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và công tác quản lý nhân sự 2023

- Rà soát hệ thống công việc, đánh giá lại giá trị các vị trí công việc phù hợp quy mô phát triển hiện nay của VPBank và thị trường, nhằm đảm bảo tính tương quan, từ đó góp phần đảm bảo nguyên tắc “Trả lương theo vị trí”.
- Rà soát và tinh chỉnh hệ thống quản trị hiệu quả công việc theo nguyên tắc “Thưởng theo hiệu quả công việc”. Rà soát quy trình giao KPIs, đánh giá/xếp loại CBNV nhằm đảm bảo kết quả xếp loại nhân viên thể hiện đúng hiệu quả làm việc. Từ đó, chính sách Thưởng theo hiệu quả công việc phát huy tác dụng thúc đẩy CBNV làm việc hiệu quả.
- Thể chế hóa chuẩn mức hành vi theo 5 giá trị cốt lõi mới trong đánh giá hiệu quả làm việc của CBNV thông qua điều chỉnh cách chấm điểm hành vi theo 5 giá trị cốt lõi mới.
- Thay đổi phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc kỳ giữa năm từ phương pháp xếp loại 5 mức sang phương pháp đánh giá On track/Off track, hướng tới tập trung theo dõi tiến độ KPIs. Phương pháp này phù hợp thực tiễn thế giới.
- **Số hóa và tự động hóa các quy trình nhân sự.** Hòa theo chiến lược số hóa của ngân hàng và tiếp tục thực hiện lộ trình số hóa của nhân sự, Khối QTNNL không ngừng tìm kiếm các cơ hội để đẩy mạnh tự động hóa, số hóa các tác vụ nhân sự nhằm đảm bảo tuân thủ, tăng cường hiệu quả và nâng cao trải nghiệm của CBNV. Khối đã triển khai 37 cải tiến, thay đổi hệ thống (CRs) trong năm 2023. Các cải tiến điển hình bao gồm:
 - Đảm bảo Tuân thủ (8 CRs): Thực hiện hiệu chỉnh dây phê duyệt theo cơ chế phán quyết nhân sự, nâng cao bảo mật hệ thống E-learning, bổ sung trường thông tin liên hệ khẩn cấp trong PA.
 - Số hóa/cải tiến tính năng (4 CRs): Hoàn thành số hóa văn bản nhân sự với các quy trình: tiếp nhận CBNV mới, quy trình bổ nhiệm, điều động, kiêm nhiệm, điều chỉnh lương, đang tiếp tục triển khai quy trình exit; số hóa quy trình giao kết hợp đồng lao động, đang triển khai theo kế hoạch với IT...
 - Tự động hóa quy trình nhân sự (2 CRs): Tạo mới quy trình trên SAP đối với quy trình probation, Tự động hóa quy trình tái ký hợp đồng lao động, quy trình đăng ký tham gia gói bảo hiểm sức khỏe cho người thân trên SAP Portal...

4. Định hướng hoạt động kinh doanh trong năm 2024

Triển vọng vĩ mô năm 2024

Thách thức, khó khăn phía trước vẫn còn rất lớn nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu 2024 đã có những mảng màu tươi sáng và lạc quan. Nhiều tổ chức và chuyên gia kinh tế - tài chính uy tín đã nhận định rằng, có thể, những điều tồi tệ nhất đã đi qua trong năm 2023 và những diễn biến tích cực và kết quả khả quan sẽ đến trong năm 2024. Đặc biệt, trong cuộc họp cuối năm 2023, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã phát đi tín hiệu sẽ có 3 lần cắt giảm lãi suất trong năm 2024, kết thúc chu kỳ tăng lãi suất, mở ra cơ hội tăng trưởng tích cực cho kinh tế toàn cầu.

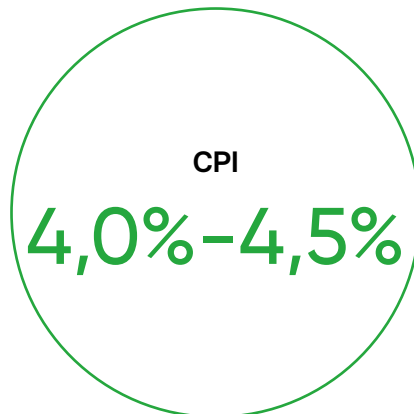
Với sự phục hồi của kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ có sự bứt tốc trở lại trong năm 2024, trở thành một trong những điểm sáng của kinh tế khu vực. Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2024 được Chính phủ đặt mục tiêu ở mức 6,0 - 6,5%, còn CPI được kiểm soát ở mức 4,0 - 4,5%.

Động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế Việt Nam sẽ đến từ:

- Sự hồi phục của hoạt động sản xuất, xuất khẩu khi nhu cầu toàn cầu trở lại;
- Tiêu dùng nội địa duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ các chính sách kích thích tiêu dùng cũng như sự phục hồi của lĩnh vực du lịch, dịch vụ;
- Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI;
- Đầu tư công tiếp tục được Chính phủ đẩy mạnh để kích thích tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh những triển vọng tích cực nói trên, Chính phủ sẽ phải nỗ lực xử lý các khó khăn tồn đọng trong lĩnh vực bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp và bảo hiểm. Nền kinh tế Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với rủi ro lạm phát gia tăng khi căng thẳng địa chính trị leo thang làm đứt gãy chuỗi cung ứng.

Trong bối cảnh đó, ngành ngân hàng được kỳ vọng sẽ trở lại tích cực hơn trong năm 2024, nhờ nhu cầu tín dụng tăng trở lại khi kinh tế phục hồi. NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành đạt 15% trong năm 2024. NHNN cũng sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và phù hợp với diễn biến thị trường. Bên cạnh đó, việc môi trường lãi suất được duy trì ở mức thấp sẽ giúp các ngân hàng tối ưu chi phí vốn, tạo cơ hội thúc đẩy tín dụng ra nền kinh tế. Ở góc độ khác, việc nợ xấu tăng lên trong năm 2023 cũng sẽ là thách thức cần phải xử lý trong năm 2024 để đảm bảo được mục tiêu kép là tăng trưởng kinh tế đồng thời giữ cho hệ thống ngân hàng được khỏe mạnh.



Định hướng kinh doanh của VPBank trong năm 2024

Trên nền tảng vĩ mô có nhiều gam màu sáng hơn, VPBank đã thực hiện phân tích và đánh giá các kịch bản tăng trưởng, đồng thời, xác định các trọng tâm trong hoạt động trong năm tới.

Theo đó, VPBank sẽ tiếp tục duy trì chính sách điều tiết linh hoạt, với mục tiêu duy trì tăng trưởng hiệu quả, ứng phó nhanh với những diễn biến trên thị trường, cũng như nắm bắt được các cơ hội phát triển mới.

VPBank xác định các mục tiêu chủ đạo cho năm 2024 như sau:

1

Tăng trưởng quy mô chất lượng, đồng bộ ở tất cả các phân khúc

- Các phân khúc chiến lược (KHCN và SME) sẽ là trọng tâm tăng trưởng
- Tìm kiếm cơ hội phát triển trong phân khúc FDI đầy tiềm năng
- Đảm bảo thanh khoản dồi dào và đa dạng hoá nguồn huy động để tối ưu chi phí vốn

2

Quản lý chất lượng tài sản toàn diện

- Triển khai chiến lược quản trị rủi ro chuyên biệt để hỗ trợ khách hàng
- Áp dụng chính sách thu hồi nợ hiệu quả

3

Đẩy mạnh các chiến lược phát triển bền vững

- Thúc đẩy giải ngân các khoản tín dụng xanh
- Xanh hoá danh mục tín dụng

4

Củng cố nền tảng hệ thống

- Đẩy mạnh các giải pháp số hoá
- Chuyển đổi sang công nghệ điện toán đám mây
- Ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để nâng cao trải nghiệm khách hàng

5

Thúc đẩy các hoạt động hệ sinh thái

- Mở rộng các giá trị gia tăng cho khách hàng thông qua hệ sinh thái số
- Nắm bắt được các cơ hội phát triển và tìm kiếm động lực tăng trưởng mới trong hệ sinh thái

5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Công ty kiểm toán EY không có ý kiến không chấp thuận đối với Báo cáo tài chính của VPBank.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Vui lòng xem Phần VIII Báo cáo Phát triển bền vững.



Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của VPBank

Đánh giá của HĐQT về các
mặt hoạt động của VPBank 96

Đánh giá của HĐQT về hoạt
động của Ban Điều hành 99

Các kế hoạch và định hướng
của HĐQT 100

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của VPBank



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ngân hàng năm 2023

Khi bức tranh toàn cảnh kinh tế thế giới mang gam màu xám, nhiều nền kinh tế đối diện với nguy cơ suy thoái, kinh tế Việt Nam đã chịu tác động và ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ. Trong bối cảnh đó, lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam có thêm áp lực lớn từ các cuộc khủng hoảng thanh khoản, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường bất động sản kéo dài từ năm 2022. Kết quả kinh doanh của các ngân hàng nói chung và VPBank nói riêng theo đó đều bị suy giảm. Tuy nhiên, trong môi trường thiếu thuận lợi, VPBank vẫn quyết liệt, kịp thời và linh hoạt trong công tác quản trị điều hành, vừa đồng hành với Chính phủ và NHNN trong thực thi các chính sách để tháo gỡ khó khăn cho khách hàng; vừa chủ động hỗ trợ cho công ty con FE CREDIT tái cấu trúc toàn diện nhằm từng bước khắc phục khó khăn và tìm cơ hội để phục hồi.

Một số kết quả đạt được trong năm 2023

Mức vốn chủ sở hữu tăng

35,1%

so với năm 2022

#2 toàn ngành ngân hàng

Tỷ lệ an toàn vốn CAR đạt

17,1%

#1 các ngân hàng tại Việt Nam

- VPBank vẫn duy trì được đà tăng trưởng cao (tín dụng ngân hàng mẹ tăng 31,8%), huy động thị trường 1 của ngân hàng hợp nhất tăng trưởng 46% với sự đóng góp chủ yếu từ Khối Khách hàng cá nhân.
- Hoàn tất đợt chào bán cổ phần cho SMBC, giúp củng cố năng lực tài chính và an toàn hoạt động với mức vốn chủ sở hữu tăng 35,1% so với năm 2022, cao thứ 2 toàn ngành ngân hàng, và tỷ lệ an toàn vốn CAR đạt 17,1% - cao nhất trong các ngân hàng tại Việt Nam.
- Mở rộng nền tảng khách hàng với số lượng khách hàng mới gia tăng qua các kênh online và các đơn vị trong hệ sinh thái.
- Chi phí hoạt động được kiểm soát với tốc độ tăng chi phí thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu, nhờ quyết liệt thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, số hóa/tự động hóa quy trình, ưu tiên đầu tư cho nhân sự bán hàng và các nền tảng quan trọng.
- Tiếp tục chuyển đổi số và củng cố công nghệ số liên tục cho các hệ thống nền tảng cũng như quản lý dữ liệu, nhằm tăng cường năng lực dịch vụ sản phẩm, đảm bảo an ninh thông tin, tối ưu hiệu quả hoạt động và gia tăng trải nghiệm khách hàng nội bộ và bên ngoài.
- Nâng tầm quản trị doanh nghiệp thông qua việc bắt đầu xây dựng và triển khai mô hình quản trị theo tập đoàn, nhằm tối ưu hóa nguồn lực, tạo sự tương hỗ chặt chẽ, linh hoạt giữa ngân hàng mẹ và các công ty con.
- Công bố và triển khai các hoạt động cho 5 giá trị cốt lõi mới theo dự án Văn hóa doanh nghiệp áp dụng cho giai đoạn phát triển chiến lược tiếp theo, nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của ngân hàng.

Tuy vậy, năm 2023 là năm VPBank phải đối mặt với những khó khăn lớn, thể hiện trong kết quả hoạt động kinh doanh: Chất lượng nợ suy giảm, áp lực lên việc thực thi các giải pháp kiểm soát chất lượng nợ toàn diện; Nợ nhóm 2 tăng cao, lãi treo tiếp tục phát sinh ở mức cao so với cuối 2022, ảnh hưởng lớn đến thu nhập lãi và chi phí dự phòng; Thu nhập và lợi nhuận năm 2023 bị thách thức mạnh bởi chất lượng nợ, chi phí vốn cao từ dư âm của năm 2022 và việc suy giảm các nguồn thu nhập một phần từ các chương trình giảm lãi suất, thực hiện cơ cấu lại khoản vay nhằm hỗ trợ khách hàng cũng như các khoản thu từ phí từ các dịch vụ thanh toán chi tiêu cũng như hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Kế hoạch và kỳ vọng theo nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng được HĐQT thường xuyên rà soát và đánh giá thảo luận trong phiên họp định kỳ của HĐQT. Tại phiên họp tháng 9/2023, HĐQT đã thực hiện điều chỉnh các chỉ tiêu giao cho BĐH ở mức hợp lý hơn dựa trên tình hình vĩ mô cũng như thực tế ngân hàng. Tuy vậy, mức lợi nhuận riêng lẻ Ngân hàng cuối năm cũng đạt mức 80% so với kế hoạch đã điều chỉnh. Kết quả lợi nhuận hợp nhất bị ảnh hưởng nặng nề bởi kết quả kinh doanh của công ty con là Công ty Tài chính VPB SMBC FC.

Đối với các trách nhiệm môi trường - xã hội, VPBank đã có những bước tiến lớn trên con đường trở thành ngân hàng xanh hàng đầu Việt Nam, đóng góp toàn diện cho các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường và kiến tạo tương lai phát triển bền vững. VPBank đã tiên phong xây dựng Khung quản lý rủi ro ESG và áp dụng trên phạm vi toàn hàng, đồng thời xây dựng chiến lược rõ ràng và hệ thống quản trị hiệu quả - được Moody's đánh giá điểm ESG đạt mức 2/5, sánh ngang các tổ chức tín dụng hàng đầu trong khu vực. Ngân hàng đã được IFC trao giải thưởng "Ngân hàng dẫn đầu về tài chính khí hậu khu vực Đông Á và Thái Bình Dương" hạng mục "Tổ chức tài chính đạt được mục tiêu khí hậu cao nhất trong năm tài chính" và giải thưởng "Ngân hàng xuất sắc nhất trong lĩnh vực quản trị rủi ro khí hậu" do Asia Risk trao tặng.

VÌ MỘT
VIỆT NAM

THỊNH
VƯƠNG



 VPBank

VPBank

VPBank

2.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành

Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành (BDH)

Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên BDH được tổng hợp từ 2 yếu tố chính: mức độ hoàn thành KPIs (điểm KPI) và xếp loại hành vi (điểm Hành vi).

- Từ bộ KPI đầu tiên do HĐQT giao cho Tổng Giám đốc, các chỉ tiêu cụ thể sẽ được phân bổ tới từng thành viên BDH dựa trên định hướng kinh doanh, mục tiêu chiến lược của ngân hàng, kế hoạch hoạt động/kinh doanh của Đơn vị. KPI được giao gồm các cấu phần liên quan đến kinh doanh, vận hành, phát triển hệ thống, và phát triển con người với các tỷ trọng khác nhau tùy thuộc vào mỗi vị trí và yêu cầu của HĐQT theo từng năm.
- VPBank yêu cầu CBNV thể hiện các hành vi chuẩn mực theo Giá trị cốt lõi trong công việc hàng ngày. Mô tả Hành vi chuẩn mực được quy định và hướng dẫn tại tài liệu nội bộ của VPBank trong từng thời kỳ. Mỗi thành viên BDH ngoài việc thực hiện các hành vi chuẩn mực theo Giá trị cốt lõi, còn phải đảm bảo vai trò làm gương (Role Modeling) cho CBNV trong đơn vị mình cũng như CBNV toàn hàng.
- Ngoài ra, HĐQT cũng đánh giá từng thành viên dựa trên sự nỗ lực, sự chủ động, sáng kiến của mỗi cá nhân BDH đối với những nhiệm vụ được giao bổ sung.

KPI của đơn vị sẽ được đánh giá theo 2 kỳ trong năm, tuy nhiên, kết quả hiệu quả làm việc cá nhân của mỗi thành viên được thực hiện mỗi năm một lần. Từng thành viên BDH sẽ có phiên trình bày riêng với HĐQT về các kết quả đạt được, các khó khăn vướng mắc, các đề xuất đối với HĐQT. HĐQT sẽ có quyết định cuối cùng về kết quả hiệu quả làm việc của từng thành viên dựa trên điểm KPI, điểm hành vi, các nỗ lực cá nhân và cũng ghi nhận yếu tố tác động của thị trường chung.

Với năm 2023, HĐQT đã thảo luận, đánh giá và tổng kết: Mặc dù chưa đạt chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch đặt ra nhưng Tổng Giám đốc và BDH đã có nỗ lực lớn trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao trong bối cảnh thị trường chung gặp nhiều khó khăn, ngân hàng gặp nhiều thách thức. BDH đã rất chủ động, sáng tạo và kịp thời ứng biến trong công tác điều hành, song song vẫn đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Mỗi thành viên đã hợp tác hiệu quả trong các hoạt động chung, cũng như triển khai nhiệm vụ quản lý riêng đối với đơn vị được giao phụ trách, đóng góp vào việc đưa ngân hàng hoạt động an toàn, ổn định, tạo dựng môi trường làm việc văn minh, hạnh phúc và hiệu quả cho các cán bộ nhân viên, thúc đẩy và gìn giữ thương hiệu, uy tín của ngân hàng trong mắt khách hàng, nhà đầu tư và xã hội. Ngoài ra, nhiều thành viên BDH luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ bổ sung, chủ động, nhiệt huyết tham gia hỗ trợ tái cấu trúc các công ty con nhằm xây dựng một hệ sinh thái VPBank ổn định, cùng nhau tăng trưởng bền vững và hiệu quả.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị



Định hướng hoạt động kinh doanh chủ đạo năm 2024

Các mục tiêu tài chính trọng tâm 2024

Bám sát các mục tiêu tài chính trong kế hoạch 5 năm làm cơ sở để xây dựng các chỉ tiêu tài chính cho năm 2024:

- Tăng trưởng tín dụng nội bảng toàn ngân hàng 2024 dự kiến tăng 25,2% so với cuối năm 2023. Mức tăng trưởng thực tế sẽ được điều chỉnh theo hạn mức của NHNN và tình hình thị trường.
- Tăng trưởng CASA tiếp tục là trọng tâm trong năm 2024.
- Chi phí hoạt động của ngân hàng sẽ được kiểm soát tăng hợp lý để đảm bảo duy trì tỷ lệ chi phí/doanh thu ở mức cạnh tranh trong ngành.
- Đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng tín dụng và công tác thu hồi nợ nhằm kiểm soát hiệu quả hơn chi phí dự phòng.
- Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ dự kiến đạt khoảng hơn 20.709 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến sẽ đạt hơn 23.165 tỷ đồng vào cuối năm 2024.

	Kế hoạch 2024	2023	Kế hoạch 2024 vs. 2023
Tổng tài sản	974.270	817.567	19%
Tiền gửi khách hàng và Giấy tờ có giá	598.864	490.156	22%
Dư nợ cấp tín dụng	752.104	600.524	25%
Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ (theo TT11)	<3%	2,95%	
Lợi nhuận trước thuế ngân hàng hợp nhất	23.165	10.804	114%
• Lợi nhuận trước thuế ngân hàng riêng lẻ	20.709	13.468	54%
• Lợi nhuận trước thuế FE CREDIT	1.200	(3.699)	
• Lợi nhuận trước thuế VPBankS	1.902	1.255	52%
• Lợi nhuận trước thuế OPES	873	156	459%

Các định hướng mục tiêu phi tài chính

- Về các sản phẩm dịch vụ: Đẩy mạnh quy mô và tốc độ tăng trưởng mảng ngân hàng bán lẻ từ các phân khúc khách hàng cơ bản, chủ động mở rộng thị trường tìm kiếm các sáng kiến mới trong các phân khúc mới; Phát triển các dịch vụ ngân hàng giao dịch, thanh toán, xây dựng các giải pháp theo ngành nhằm nâng cao khả năng thâm nhập sâu vào các nhóm ngành nghề mới/ tiềm năng cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp quy mô tầm trung và lớn.
- Tăng tốc chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trên các phân khúc và sản phẩm thông qua tối ưu hóa hệ thống quy trình, đẩy nhanh tiến độ giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ lên hệ thống nền tảng số, đảm bảo giữ vững vị thế tiên phong và tâm thế sẵn sàng cho sự hòa nhập trong kỷ nguyên số.
- Tiếp tục củng cố hệ thống nền tảng với những chuyển đổi ưu việt giúp tăng hiệu suất và cải thiện chất lượng hoạt động, tăng trải nghiệm gắn kết khách hàng với các hoạt động của ngân hàng.
- Tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện các mô hình quản trị tập đoàn, phát triển hợp tác với các doanh nghiệp có các sản phẩm dịch vụ liên quan/tương hỗ cho hoạt động của ngân hàng để tạo dựng hệ sinh thái hoàn chỉnh nhằm thu hút khách hàng và doanh thu
- Tiếp tục đẩy mạnh việc củng cố, triển khai mạnh mẽ 5 giá trị cốt lõi với mục tiêu là đẩy mạnh hiệu quả của giá trị văn hóa doanh nghiệp.



Quản trị ngân hàng

Danh sách Thành viên Hội đồng
Quản trị, BKS và Ban Điều hành 104

- Thành viên Hội đồng Quản trị 104
- Thành viên Ban Kiểm soát 107
- Thành viên Ban Điều hành 108
- Thay đổi thành viên BDH trong năm 2023 115

Báo cáo Quản trị Ngân hàng 116

- Hội đồng Quản trị 117
- Ban Kiểm soát 124
- Giao dịch và Thù lao 126

Đánh giá công tác quản trị DN theo
thể điểm quản trị khu vực ASEAN 128

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)



Ông **NGÔ CHÍ DŨNG**

Chủ tịch HĐQT

- 2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT VPBank
- 2006 - 4/2010: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
- 1996 - 2004: Cổ đông sáng lập và thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)
- Tiến sĩ Kinh tế, Viện nghiên cứu Chiến lược chính trị kinh tế thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga; Kỹ sư Địa chất công trình, Đại học Thăm dò địa chất Matxcova, Liên bang Nga.

Ông **BÙI HẢI QUÂN**

Phó Chủ tịch HĐQT

- 12/2008 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT VPBank
- 2006 - 2008: Thành viên HĐQT VPBank
- 2020 đến nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES
- 2017 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Ván Công nghệ cao Bison
- 2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Hải
- Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev, Ukraina



Ông **LỖ BẰNG GIANG**

Phó Chủ tịch HĐQT

- 3/2010 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT VPBank
- 2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC)
- 2012 - 2015: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- 2009 - 2012: Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Delta Bank, Ukraina
- 2008 - 2017: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương
- 2008 - 2013: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Delta - Valley BT
- Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Hàng không Quốc gia Kiev, Ukraina; Cử nhân Tài chính tín dụng, Đại học Kinh tế, Thống kê và Thông tin Matxcova, Liên bang Nga





Ông
NGUYỄN VĂN PHÚC

Thành viên độc lập HĐQT

- 05/2020 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT VPBank
- 2016 đến nay: Chuyên gia độc lập cho các dự án kinh tế của các bộ ban ngành
- 1989 - 2016: đảm nhiệm các vị trí Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật, Vụ trưởng Vụ Kinh tế và Ngân sách, Phó Giám đốc Quốc gia Dự án của Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội và Kiểm toán Nhà nước - Vụ Kinh tế và Ngân sách của Văn phòng Quốc hội
- Cử nhân Luật chuyên ngành Luật kinh tế, Đại học Tổng hợp Quốc gia Azerbaijan, Liên Xô; Thạc sỹ Luật, chuyên ngành Luật và Phát triển, Đại học Phương Đông và Châu Phi – Đại học Tổng hợp London, Vương quốc Anh; Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Khoa học quản lý, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ông
NGUYỄN ĐỨC VINH

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- 7/2012 đến nay: Tổng Giám đốc VPBank và trở thành Thành viên HĐQT từ tháng 4/2013
- 8/2014 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC
- Từ 1999 - 2012: Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
- 1984 - 1999: Công tác tại Tổng công ty Hàng Không Việt Nam
- Cử nhân Đại học Ngoại Thương Hà Nội; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học HEC, Pháp (theo Chương trình Trao đổi với Đại học Michigan, Mỹ)



Thành viên Ban Kiểm soát (BKS)



Bà KIM LY HUYỀN

Trưởng BKS

- 12/2022 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát VPBank
- 1999 - 12/2022: trải qua các vị trí Trưởng Kiểm toán Nội bộ và Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát tại VPBank
- Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính ngân hàng, Đại học ESCP Europe và Pari Dauphine, Pháp; Cử nhân Luật, chuyên ngành Pháp luật kinh tế, Đại học Luật Hà Nội



Bà TRỊNH THỊ THANH HẰNG

Thành viên chuyên trách BKS

- 4/2017 đến nay: Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát VPBank
- 2015 - 2017: Kiểm soát viên chuyên trách Công ty TNHH Quản lý Tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC)
- 2010 - 2015: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm chuyên gia cao cấp Khối Kiểm toán Nội bộ VPBank; Kiểm soát viên VPBank AMC
- 1999 - 2010: trải qua nhiều vị trí khác nhau tại MBBank bao gồm Chuyên gia số liệu báo cáo phân tích tài chính, Khối Tài chính Kế toán; Trưởng bộ phận phụ trách Công nghệ thông tin (CNTT), Khối CNTT
- Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Học viện Ngân hàng; Cử nhân Khoa học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc Gia Việt Nam; Cử nhân Kinh tế - Tài chính ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông VŨ HỒNG CAO

Thành viên BKS

- 4/2019 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát VPBank
- 1998 - 2018: trải qua các vị trí Phó trưởng Kiểm toán Nội bộ tại VPBank; Phó trưởng Kiểm toán Nội bộ tại Techcombank; Phó Giám đốc Khối phụ trách Kiểm soát Nội bộ tại MBBank
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân và Học viện Ngân hàng

Thành viên Ban Điều hành



Ông NGUYỄN ĐỨC VINH

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- 7/2012 đến nay: Tổng Giám đốc VPBank và trở thành Thành viên HĐQT từ tháng 4/2013
- 8/2014 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC
- 1999 - 2012: Tổng Giám đốc Techcombank
- 1984 - 1999: công tác tại Tổng công ty Hàng Không Việt Nam
- Cử nhân Đại học Ngoại Thương Hà Nội; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học HEC, Pháp (theo Chương trình Trao đổi với Đại học Michigan, Mỹ)



Bà LƯU THỊ THẢO

Phó Tổng Giám đốc thường trực và Giám Đốc điều hành cao cấp

- 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc và từ năm 2021 trở thành Phó Tổng Giám đốc thường trực và Giám đốc Điều hành cao cấp VPBank
- 2009 - 8/2011: Giám đốc Tài chính, Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam
- 2002 đến 2008: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Quyền Giám đốc phụ trách vận hành, chi nhánh Ngân hàng ANZ Việt Nam
- 1998 - 2001: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ và Tuân thủ, chi nhánh Ngân hàng ABN AMRO tại Việt Nam
- Cử nhân Học viện Ngân hàng; Thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA) và Hiệp hội Kế toán Công chứng Úc (CPA Australia)



Bà PHẠM THỊ NHUNG

Phó Tổng Giám đốc thường trực; Giám đốc Khối Quản lý Đối tác và Quan hệ đối ngoại

- 2023 đến nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Quản lý đối tác và Quan hệ đối ngoại VPBank
- 2016 - 2022: trải qua các vị trí tại VPBank: Giám đốc giao dịch phát triển mạng lưới, Tài sản bảo đảm; Giám đốc Trung tâm Quản lý đối tác; và trở thành Phó Tổng Giám đốc từ năm 2021
- Cử nhân, Đại học Đông Đô

Ông PHÙNG DUY KHƯƠNG

**Phó Tổng Giám đốc thường trực, phụ trách phía Nam;
Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân**



- 2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân, và từ năm 2022 trở thành Phó Tổng Giám đốc thường trực - Phụ trách khu vực phía Nam kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân VPBank
- 2014 - 2018: Giám đốc Khối Bán lẻ và Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)
- 2010 - 2014: Tổng Giám đốc Ngân hàng Cá nhân, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)
- 2008 - 2010: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ngân hàng Cá nhân, Ngân hàng TMCP Đông Á (DongA Bank)
- 2006 - 2008: Phó Chủ tịch phụ trách tài chính, GE Money South East Asia kiêm Giám đốc phát triển Kinh doanh, GE Money Vietnam
- Thạc sỹ Kế toán, Đại học Monash, Úc

Ông NGUYỄN THANH BÌNH

Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc Khối Tín dụng



- 2002 đến nay: Phó Tổng Giám đốc và từ năm 2012 trở thành Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng VPBank
- 1994 - 2002: trải qua các vị trí Cán bộ Tín dụng, Trưởng phòng Tín dụng, Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển/ Trưởng phòng Tổng hợp và quản lý chi nhánh tại VPBank
- 2012 đến nay: Trưởng Ban Kiểm Soát, Đại diện phần vốn góp của VPBank tại Công ty cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)
- 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC)
- Cử nhân, Đại học Kinh Tế Quốc Dân

Ông NGUYỄN THÀNH LONG

**Phó Tổng Giám đốc;
Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ**



- 2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ VPBank
- 2013 - 2014: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Pháp chế, Giám sát và Xử lý nợ, Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)
- 2007 - 2013: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Pháp chế, Techcombank
- 1990 - 2007: Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp chế, Ngân hàng Nhà nước
- Thạc sỹ Luật học, Đại học Luật Hà Nội

Thành viên Ban Điều hành



Bà DƯƠNG THỊ THU THỦY

Phó Tổng Giám đốc;

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư

- 2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư VPBank
- 2002 - 2008: trải qua các vị trí Trưởng phòng phục vụ Khách hàng doanh nghiệp và Giám đốc Chi nhánh Hà Nội tại VPBank
- Cử nhân Học viện Ngân hàng; Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông ĐINH VĂN NHO

Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

- 2017 đến nay: Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp và trở thành Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp VPBank từ năm 2018
- 2003 - 2013: trải qua các vị trí Giám đốc/ Phó Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khu vực, Giám đốc Vùng, Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp Middle Market MB, Techcombank
- 2014 - 2017: Giám đốc Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp miền Bắc
- Cử nhân Đại học Ngoại thương; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Benedictine, Mỹ



Ông NGUYỄN HUY PHÁCH

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp nhỏ và vừa

- 2020 đến nay: Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ VPBank
- 2005 - 2020: trải qua các vị trí Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp - Chi nhánh Thăng Long, Giám đốc Chi nhánh Thăng Long, Giám đốc Vùng Nam Hà Nội, Giám đốc Vùng 2 Khối Khách hàng cá nhân, Phó Giám đốc Khối Tín dụng tại VPBank
- Cử nhân Học viện Ngân hàng



Bà NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT

Giám đốc Khối Vận hành

- 2019 đến nay: Giám đốc Khối Vận hành VPBank
- 2014 - 2018: trải qua các vị trí Trưởng phòng Quản lý quy trình kinh doanh, Giám đốc Trung tâm Quản lý quy trình kinh doanh và dự án, Giám đốc Trung tâm Quản lý quy trình kinh doanh và Kiểm soát rủi ro và Phó Giám đốc Khối Vận hành tại VPBank
- 1997 - 2014: trải qua các vị trí Phó phòng Kiểm toán Nội bộ và Kiểm soát tuân thủ, Trưởng phòng Quản lý dự án, Trưởng phòng Tài chính Quản trị, Trưởng phòng Operational Excellence, và Trưởng phòng Rủi ro hoạt động và BCP tại ANZ Việt Nam
- Cử nhân Đại học Ngoại thương



Bà LÊ HOÀNG KHÁNH AN

Giám đốc Khối Tài chính

- 2019 đến nay: Giám đốc Khối Tài chính VPBank
- 2014 - 2018: Trưởng phòng Tài chính Quản trị phân khúc KHCN
- 2008 - 2014: Trưởng phòng Kiểm toán, Công ty Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam
- Cử nhân Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; Chứng chỉ ACCA do Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc cấp



Bà TRẦN THỊ DIỆP ANH

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

- 2018 đến nay: Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực VPBank
- 2014 - 2018: Giám đốc Nhân sự, Công ty Carlsberg Việt Nam
- 2011 - 2014: trải qua các vị trí Phó Giám đốc khối, Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực tại Techcombank
- 1997 - 2011: trải qua các vị trí Quản lý nhân sự, Giám đốc Nhân sự tại Công ty Cargill Việt Nam
- Cử nhân Đại học Giao thông Vận tải và Cử nhân Đại học Ngoại ngữ

Thành viên Ban Điều hành



Ông WONG KOK SENG AUGUSTINE

Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin

- 2019 đến nay: Giám Đốc Khối Công nghệ Thông tin VPBank
- 2014 - 2019: Phó Chủ tịch phụ trách Hạ tầng và Công nghệ thông tin cho các địa bàn kinh doanh, DFS Group Limited
- 2010 - 2014: Giám đốc Vận hành dịch vụ CNTT & hạ tầng, Giám Đốc trung tâm dữ liệu toàn cầu & dịch vụ CNTT, Standard Charter Bank
- 2007 - 2010: Phó Chủ tịch phụ trách chương trình đổi mới CNTT, Phó Chủ tịch phụ trách tối ưu Chi phí, và Giám đốc hạ tầng CNTT tại Ngân hàng DBS Bank Singapore.
- Cử nhân chuyên ngành Hệ thống Thông tin & Phân tích Định lượng & Kinh tế, Đại học Portland State, Mỹ



Bà VÕ HẰNG PHƯƠNG

Giám đốc Khối Thị trường Tài chính và Ngân hàng giao dịch

- 4/2023 đến nay: Giám đốc Khối Thị trường Tài chính và Ngân hàng giao dịch VPBank
- 2014 - 4/2023: trải qua các vị trí Giám đốc Trung tâm Định chế tài chính và Ngân hàng giao dịch và Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch và Định chế quốc tế
- 2011 - 2014: Giám đốc Trung tâm Khách hàng doanh nghiệp miền Bắc, ANZ Việt Nam
- 2007 - 2011: trải qua các vị trí Chuyên gia Phê duyệt và Quản trị Rủi ro tín dụng Khách hàng doanh nghiệp, Giám đốc Quan hệ Khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng HSBC Việt Nam
- 2003 - 2007: trải qua các vị trí Cán bộ Kinh doanh sản phẩm Ngoại hối và Phái sinh, Cán bộ Quản lý Khách hàng doanh nghiệp bán buôn tại Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
- 1994 - 2000: trải qua các vị trí Cán bộ Quan hệ Khách hàng Định chế tài chính, Cán bộ Tín dụng Tài trợ Dự án tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
- Cử nhân Đại học Hà Nội; Cử nhân Đại học Ngoại thương Hà Nội; Thạc sỹ Kinh tế học, Đại học New York, Mỹ



Ông DMYTRO KOLECHKO

Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

- 2015 đến nay: Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro VPBank
- 1999 - 2003: Thanh tra Giám sát tại chỗ, Ngân hàng Quốc gia Ukraina (National Bank of Ukraine)
- 2012 - 2014: Giám đốc Quản trị rủi ro tại Ngân hàng Hyppo-Alpe-Adria (Addiko Bank) tại Bosnia & Herzegovina
- 2009 - 2012: Phó Giám đốc thường trực Quản trị rủi ro kiêm Trưởng phòng Quản trị rủi ro Thị trường, Vận hành và Bán lẻ tại Raiffeisen Bank Aval, Ukraine
- 2006 - 2009: Giám đốc Quản trị rủi ro tại Alfa Bank, Ukraine
- 2023 - 2006: trải qua các vị trí Chuyên gia Quản trị rủi ro, Giám đốc Quản trị rủi ro, Raiffeisen Bank Ukraine (hiện nay là OTP Ukraine)
- Tiến sỹ ngành Quan hệ quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc gia Kyiv và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học kinh tế Quốc gia Kyiv, Ukraine



Ông POH WEI LI JOHNSON

Giám đốc Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu

- 2023 đến nay: Giám đốc Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu, VPBank
- 2019 - 2022: Giám đốc Trí tuệ nhân tạo, Tập đoàn UOB
- 2017 - 2019: Phó Chủ tịch cao cấp, Giám đốc Khoa học dữ liệu & phân tích dữ liệu lớn, Ngân hàng DBS
- 2016 - 2017: Giám đốc Khoa học dữ liệu, khu vực Asean, Booz Allen Hamilton, Singapore
- 2014 - 2016: Trưởng phòng Khoa học dữ liệu, Bộ Quốc phòng, Singapore
- 2008 - 2014: Chuyên viên chính Khoa học dữ liệu, Phòng thí nghiệm quốc gia DSO, Singapore
- Cử nhân Toán, Thống kê & Kinh tế, Đại học California, Berkeley, Mỹ; Thạc sỹ Toán ứng dụng và Thống kê, Đại học Yale, Mỹ

Thành viên Ban Điều hành



Ông MOCHIZUKI MASASHI

Giám đốc Trung tâm Phát triển Đầu tư nước ngoài

- 2023 đến nay: Giám đốc Trung tâm Phát triển đầu tư nước ngoài VPBank
- 2015 - 2022: trải qua các vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Liên minh và Giám đốc cấp cao kiêm Trưởng phòng Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)
- 2011 - 2015: Phó Chủ tịch cao cấp của Ban Cố vấn Toàn cầu, Tập đoàn SMBC, Nhật Bản
- 2006 - 2011: Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp, SMBC Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- 1994 - 2005: Công tác tại Tập đoàn SMBC
- Cử nhân Luật, Đại học Kanazawa, Nhật Bản



Bà NGUYỄN THÙY DƯƠNG

Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị

- 2021 đến nay: Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị VPBank
- 2020 - 2021: Giám đốc Truyền thông, TPBank
- 2011 - 2019: Giám đốc truyền thông Thương hiệu, Tập đoàn Ecopark
- 2010 - 2011: Quản lý Truyền thông, Tập đoàn Vin Group
- 2008 - 2010: Quản lý Truyền thông, Tập đoàn Bitexco
- 2005 - 2007: Phóng viên, Báo Thể giới và Việt Nam (Bộ Ngoại giao)
- Cử nhân Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn



Ông VŨ MINH TRƯỜNG

Giám đốc Trung tâm Quản lý tài sản Nợ - Có

- 2023 đến nay: Giám đốc Trung tâm Quản lý tài sản Nợ & Có VPBank
- 2017 - 2023: Giám đốc Khối nguồn vốn và thị trường tài chính, Techcombank
- 2015 - 2016: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, Giám đốc Khối bán buôn, TPBank
- 2011 - 2015: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Thị trường tài chính, VPBank
- 2006 - 2011: Trưởng phòng Thị trường toàn cầu và Trưởng phòng Thể chế tài chính, khu vực Mekong mở rộng, ANZ Việt Nam
- 2002 - 2006: Giám đốc giao dịch, Thị trường toàn cầu, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
- 1997 - 2002: Giám đốc giao dịch nguồn vốn, Ngân hàng ABN AMRO Việt Nam
- Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Tổng hợp kỹ thuật Berlin, Đức

Thay đổi thành viên BĐH trong năm 2023



Bà
PHẠM THỊ NHUNG

Từ ngày 20/10/2023 được bổ nhiệm
Phó TGD thường trực; Giám đốc Khối
Quản lý Đối tác và Quan hệ đối ngoại



Bà
VÕ HẰNG PHƯƠNG

Từ ngày 1/4/2023 được bổ nhiệm
Giám đốc Khối Thị trường
Tài chính và Ngân hàng giao dịch



Ông
MOCHIZUKI MASASHI

Từ ngày 1/4/2023 được bổ nhiệm
Giám đốc Trung tâm Phát triển
Đầu tư nước ngoài



Ông
VŨ MINH TRƯỜNG

Từ ngày 3/7/2023 được bổ nhiệm
Giám đốc Trung tâm Quản lý
tài sản Nợ - Có



Ông
POH WEI LI JOHNSON

Từ ngày 1/6/2023 được bổ nhiệm
Giám đốc Khối Quản trị và
Phân tích dữ liệu



Báo cáo Quản trị Ngân hàng

Nhận thức rõ về vai trò quan trọng của quản trị công ty trong việc duy trì hoạt động liên tục và phát triển bền vững, đặc biệt với các mục tiêu vì một xã hội tương lai thịnh vượng và bền vững, VPBank luôn Cam kết, Tiên phong và Kiên định với các chính sách, chủ trương xây dựng một môi trường quản trị vượt lên sự tuân thủ, luôn chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp, gia tăng tính minh bạch thông tin trong hoạt động quản trị ngân hàng.

1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) VPBank gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập, 01 thành viên HĐQT điều hành (kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc). Nhiệm kỳ HĐQT là 05 năm (2020-2025). Các thành viên đều được bổ nhiệm vào ngày 29/05/2020.

Với các chức năng, nhiệm vụ được quy định rõ ràng tại Điều lệ của ngân hàng, Quy chế Quản trị nội bộ VPBank, Quy chế Tổ chức và hoạt động HĐQT và các tài liệu quản trị liên quan, HĐQT VPBank luôn tuân thủ các nguyên tắc hoạt động: có khát vọng và tầm nhìn, có định hướng và trách nhiệm đối với mọi hành động, đưa ra các quyết định dựa trên sự cẩn trọng, chính trực, hiệu quả, vì lợi ích cao nhất và lâu dài của tất cả các cổ đông, đảm bảo sự hài hòa với lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của ngân hàng và xã hội.

Tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, trong năm 2023, HĐQT VPBank đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ (hàng quý) với sự tham dự đầy đủ của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ngô Chí Dũng	4	100%
2	Bùi Hải Quân	4	100%
3	Lô Bằng Giang	4	100%
4	Nguyễn Đức Vinh	4	100%
5	Nguyễn Văn Phúc	4	100%

Tổ chức thực hiện vai trò định hướng chiến lược và các nhiệm vụ cổ đông giao phó và quyết định các nội dung quan trọng trong hoạt động của ngân hàng

- Tổ chức triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (các kế hoạch về tăng vốn điều lệ - chào bán cho cổ đông chiến lược nước ngoài, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên, chia cổ tức cho cổ đông...);
- Phê duyệt chiến lược, xem xét, giám sát và theo dõi việc thực hiện chiến lược của ngân hàng; Phê duyệt các chính sách, khẩu vị rủi ro theo đề xuất và tư vấn của Ủy ban Quản lý rủi ro; các chính sách/chiến lược phát triển bền vững và môi trường xã hội;

- Phê duyệt và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Ban Điều hành thực hiện. Thường xuyên cập nhật và đưa ra các định hướng cho phù hợp với tình hình thực tế và theo yêu cầu của ngân hàng;
- Phê duyệt các đề xuất đầu tư, các khoản tín dụng có giá trị lớn, các khoản vay vốn nước ngoài của công ty con (thông qua người đại diện phần vốn góp) và của ngân hàng theo các đề xuất từ Ban Điều hành;
- Phê duyệt việc tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động, các chế độ lương, thưởng, phúc lợi đối với các nhân sự cấp cao theo đề xuất/tư vấn từ Ủy ban Nhân sự đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định của pháp luật và nội bộ VPBank;
- Quyết định việc mở rộng/điều chỉnh hệ thống mạng lưới chi nhánh của ngân hàng, nhằm phát huy, tối ưu các điều kiện kinh doanh trong từng thời kỳ.

Thực hiện vai trò tạo dựng môi trường kiểm soát vững mạnh và giám sát chặt chẽ đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

HĐQT nói chung và từng thành viên HĐQT đều rất chú trọng các hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc, các Hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc, Hội đồng cấp Ban Điều hành, các đơn vị, bộ phận khác trong phạm vi các nội dung liên quan đến Kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro, Đánh giá về mức độ đủ vốn, việc triển khai kế hoạch kinh doanh/chiến lược kinh doanh và các hoạt động được HĐQT đánh giá là có rủi ro trọng yếu đối với ngân hàng trong các lĩnh vực tuân thủ, tín dụng, đầu tư, nhân sự, danh tiếng... của ngân hàng. Đối với nhiệm vụ giám sát công tác quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, HĐQT đã phê duyệt các chỉnh sửa và hoàn thiện các cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền HĐQT về quản lý các loại rủi ro trọng yếu dựa trên các kiến nghị của Ban Kiểm soát/ Kiểm toán Nội bộ đảm bảo phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Chính phủ và NHNN cũng như tình hình thực tế của ngân hàng. Như vậy, với hệ thống kiểm soát nội bộ theo mô hình 3 tuyến bảo vệ cùng các chính sách, quy trình, quy định chặt chẽ về quản lý rủi ro, HĐQT thực hiện rà soát đầy đủ các chốt kiểm soát trọng yếu cũng như thường xuyên chỉ đạo tăng cường triển khai các biện pháp quản lý rủi ro toàn diện và thận trọng, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành cũng như đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu, nhằm không ngừng nâng cao khả năng phòng ngừa các rủi ro trọng yếu, góp phần cải thiện chất lượng và hiệu quả hoạt động.

HĐQT và thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện trách nhiệm giám sát thông qua các hình thức trực tiếp và gián tiếp, thực hiện giám sát trước, trong và sau đối với các nội dung cần giám sát. Theo đó, HĐQT/thành viên HĐQT trong năm 2023 đã thực hiện:

- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban Điều hành (12 cuộc họp hàng tháng trong năm 2023) và các cuộc họp chuyên đề đối với lĩnh vực cần giám sát;
- Tham gia chất vấn, chỉ đạo, trao đổi, góp ý tại các cuộc họp;
- Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và ban hành các chính sách quản lý rủi ro tại VPBank;
- Thực hiện giám sát thông qua hệ thống báo cáo hoạt động kinh doanh hàng ngày, tuần, tháng, quý và các báo cáo/đề xuất phát sinh khác từ Ban Điều hành; xem xét và xử lý các thông tin từ các báo cáo của Ban Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ đối với các đơn vị của Ngân hàng;
- Ngoài ra, HĐQT cũng sử dụng các bộ máy là các ủy ban chuyên môn giúp việc cho HĐQT, như Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự... trong quá trình tổ chức triển khai trách nhiệm giám sát.

Thiết lập các ủy ban giúp việc trong một số lĩnh vực quan trọng

Việc thành lập các ủy ban giúp việc nhằm hỗ trợ HĐQT nắm bắt thông tin, hiểu biết sâu sát với thực tế và đưa ra các quyết định phù hợp trong một số mảng chuyên môn sâu, từ đó thực hiện tốt nhiệm vụ định hướng và giám sát của HĐQT.

Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự (UBNS) sự bao gồm 03 thành viên, là các thành viên của HĐQT bao gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ chuyên môn	Chức vụ tại UBNS
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên

UBNS thông qua các cuộc họp trực tiếp định kỳ (theo quý hoặc theo tháng) hoặc tiếp nhận các báo cáo của Khối Quản trị nguồn nhân lực và Ban Điều hành với các vấn đề về cơ cấu tổ chức, đề cử, lương thưởng, đánh giá nhân sự của ngân hàng và các công ty thành viên, từ đó đưa ra các đánh giá, phân tích và tư vấn cho HĐQT quyết định các vấn đề có liên quan.

Cụ thể các nội dung hoạt động của UBNS trong năm 2023 bao gồm:

- Xem xét và có các chỉ đạo kịp thời hàng tháng về các chỉ số nhân sự và hoạt động hàng tháng của Khối Quản trị nguồn nhân lực (QTNNL) và các công ty thành viên;
- Tư vấn cho HĐQT trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm, phê duyệt nghỉ việc đối với các cấp quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT;
- Tư vấn cho HĐQT các hoạt động định kỳ như: Phương án chia thưởng hiệu quả làm việc năm 2022, phê duyệt định biên và chi phí nhân sự năm 2023. Phê duyệt chương trình hành động và các trọng tâm hoạt động nhân sự cho năm 2023;
- Tư vấn cho HĐQT quyết định các nội dung về mục tiêu và quy mô dự án Văn hóa doanh nghiệp ở VPBank, dự án rà soát hệ thống công việc của toàn hàng;
- UBNS cũng tư vấn cho HĐQT trong việc tái cơ cấu tổ chức và điều chỉnh/hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị như Trung tâm Thu hồi nợ, Khối Thị trường Tài chính và Ngân hàng giao dịch, Trung tâm FDI, Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư, Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị, cũng như tái cấu trúc toàn bộ cơ cấu tổ chức của công ty.

Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) bao gồm 07 nhân sự sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ chuyên môn	Chức vụ tại UBQLRR
1	Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
5	Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thành viên
6	Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc thường trực, Giám đốc Điều hành cao cấp	Thành viên
7	Dmytro Kolehko	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro	Thành viên

Được trao tặng danh hiệu
**Ngân hàng xuất sắc nhất
năm trong lĩnh vực quản trị
rủi ro khí hậu - Climate Risk
Manager of the Year**
trong khuôn khổ giải thưởng
Energy Risk Asia Awards 2023

Tháng
12/2023
hoàn thành nghiên cứu áp dụng
Basel 2 FIRB

Năm 2023, UBQLRR với thành phần gồm các thành viên HĐQT, cùng với các lãnh đạo cấp cao của Ban Điều hành, đã hoàn thành mục tiêu chủ động triển khai các biện pháp quản lý rủi ro toàn diện và thận trọng, góp phần quan trọng duy trì kết quả hoạt động vượt trội của VPBank. Trong năm 2023, UBQLRR đã tham mưu, cho ý kiến để HĐQT quyết định các nội dung sau:

- Giám sát tình trạng tuân thủ của các chỉ tiêu rủi ro được nêu trong Tuyên bố Khẩu vị rủi ro (KVRR) giai đoạn 2023-2025 và Các chỉ tiêu chiến lược về Quản trị rủi ro theo phương pháp tiếp cận từ trên xuống năm 2023 (top-down) thông qua các báo cáo định kỳ kèm kế hoạch hành động khắc phục đối với các trường hợp có khả năng vi phạm hạn mức. Trong nửa cuối năm 2023, UBQLRR đã tham mưu cho HĐQT kịp thời điều chỉnh KVRR và top-down để phù hợp với tình hình kinh tế vĩ mô thực tế, cũng như kế hoạch kinh doanh của ngân hàng.
- Chủ trương tích hợp các hoạt động quản trị rủi ro Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) vào văn hóa rủi ro của VPBank. Ngân hàng đã thực hiện những bước đầu tiên bằng việc phát triển và triển khai quản trị rủi ro khí hậu phù hợp với xu hướng bền vững toàn cầu, cũng như dẫn đầu thị trường trong nước trong việc công bố báo cáo theo khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm về Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD) trong hai năm liên tiếp. Những nỗ lực tiên phong này đã được ghi nhận qua việc VPBank trở thành đại diện Việt Nam đầu tiên được trao tặng danh hiệu “Ngân hàng xuất sắc nhất năm trong lĩnh vực quản trị rủi ro khí hậu - Climate Risk Manager of the Year” trong khuôn khổ giải thưởng Energy Risk Asia Awards 2023 - giải thưởng uy tín nhằm ghi nhận những nỗ lực trong việc phát triển và triển khai quản trị rủi ro khí hậu.
- Nhận báo cáo những kết quả trọng yếu từ các bài kiểm tra sức chịu đựng về vốn (ICAAP) và thanh khoản (ILAAP) định kỳ nửa năm một lần. Trong đó, các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng đã được UBQLRR cho ý kiến sửa đổi để phù hợp với môi trường kinh tế năm 2023, phản ánh

tác động của (i) chiến tranh Nga - Ukraine kéo dài, (ii) lãi suất toàn cầu duy trì ở mức cao và dự kiến không tăng thêm cho tới cuối năm 2023, (iii) tăng trưởng GDP giảm tốc do nhu cầu toàn cầu sụt giảm, và (iv) những thay đổi trong chiến lược kinh doanh của ngân hàng. Qua đó, ngân hàng có thể ước tính chính xác hơn các tác động có thể xảy ra đối với vốn và thanh khoản, từ đó đưa ra các phương án dự phòng phù hợp.

- Định hướng phát triển Khung Quản trị rủi ro với mục tiêu không ngừng củng cố và nâng cao nhằm đón đầu các xu hướng mới trên thị trường, cũng như tiên phong trong công tác triển khai các tiêu chuẩn quản lý tiên tiến nhất. Dưới sự giám sát của UBQLRR, sau khi hoàn thành cả ba trụ cột Basel II trước thời hạn của NHNN, VPBank đã tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu và nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro theo lộ trình triển khai Basel nâng cao. Tính đến tháng 12/2023, với chỉ đạo cụ thể của UBQLRR, VPBank đã hoàn thành nghiên cứu áp dụng Basel 2 FIRB (Foundation internal ratings-based: Phương pháp xếp hạng nội bộ cơ bản) cho rủi ro tín dụng, Basel 3 IMM (Internal model-based method:

Phương pháp mô hình nội bộ) cho rủi ro đối tác, cũng như Basel 3 cho rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, mặc dù chưa có yêu cầu chính thức từ phía NHNN. Đồng thời, VPBank tiếp tục triển khai nghiên cứu các quy định về vốn khác theo tiêu chuẩn của Basel 3 theo định hướng của NHNN.

- Tích cực tham mưu và giám sát việc thực hiện Chiến lược Quản trị kinh doanh liên tục trên phạm vi toàn hàng để duy trì trạng thái hoạt động ổn định, đảm bảo được các mục tiêu phát triển kinh doanh của ngân hàng trong suốt năm 2023, khi mà những bất ổn và khó khăn nhiều hơn là thuận lợi đối với ngành ngân hàng.
- Tham mưu HĐQT phê duyệt và ban hành: i) Chi phí vốn áp dụng năm 2024; (ii) Tuyên bố Khẩu vị rủi ro giai đoạn 2024-2026 và (iii) Danh sách Hoạt động trọng yếu và Rủi ro trọng yếu..., nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa khẩu vị rủi ro và mục tiêu thường niên, cũng như triển khai hiệu quả chiến lược kinh doanh toàn hàng và tuân thủ các yêu cầu của NHNN.

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

VPBank có 01 thành viên HĐQT độc lập được bổ nhiệm từ năm 2020. Trong năm 2023, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia 04 phiên họp HĐQT định kỳ hàng quý; thực hiện việc cho ý kiến một cách khách quan và độc lập đối với các báo cáo, đề xuất tại cuộc họp cũng như các vấn đề trình HĐQT bằng văn bản. Tham gia phê duyệt các giao dịch với bên liên quan và thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Điều hành thông qua các báo cáo của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ, Báo cáo tài chính và các báo cáo, tài liệu khác do Ban Điều hành lập.

Đào tạo về quản trị doanh nghiệp

Trong năm 2023, VPBank thường xuyên cử các cán bộ lãnh đạo và quản lý cấp cao liên quan đến lĩnh vực quản trị công ty tham gia các khóa học, chương trình hội thảo, hội nghị do các đối tác trong nước, quốc tế, đối tác tổ chức qua các hình thức trực tiếp, trực tuyến nhằm cập nhật, nâng cao năng lực quản trị công ty. Cụ thể:

- Hội thảo về Chiến lược Phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2021-2030 do UBCKNN tổ chức;
- Chương trình đào tạo về “Kiểm kê và báo cáo khí nhà kính” do UBCKNN phối hợp IFC tổ chức;
- Hội thảo “Ai hay AI trong Hội đồng Quản trị”; Hội thảo Thư ký công ty - Nghề kiến tạo hệ sinh thái quản trị công ty... do Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức.

2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) VPBank gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách. Nhiệm kỳ của BKS cùng nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm (2020-2025). BKS VPBank thực hiện các vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng và các quy định pháp luật khác có liên quan. BKS có bộ phận giúp việc là Khối Kiểm toán Nội bộ, với nhiệm vụ chính là đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, thực hiện kiểm toán nội bộ theo nguyên tắc định hướng rủi ro và kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được BKS phê duyệt, nhằm đưa ra các kiến nghị góp phần hỗ trợ Ban lãnh đạo ngân hàng có phương án xử lý kịp thời các tổn tại, hạn chế.

Tổ chức triển khai các kế hoạch hành động của BKS và Kiểm toán Nội bộ

Trong năm 2023, BKS đã tổ chức 08 cuộc họp để triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của BKS. Tại các cuộc họp, BKS đã trao đổi về việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm hàng quý và có các định hướng cho bộ phận Kiểm toán Nội bộ (KTNB) các công tác liên quan. Cụ thể:

- Tổng kết hoạt động BKS năm 2022 và báo cáo Đại hội đồng cổ đông;
- Xây dựng công tác trọng tâm 2023 và kế hoạch hoạt động của mỗi quý;
- Thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022, thẩm định Báo cáo tài chính giữa niên độ 2023 của KTNB;
- Định kỳ rà soát và cập nhật, điều chỉnh các kế hoạch kiểm toán năm 2023 cho phù hợp với nhu cầu và tình trạng thực tế của ngân hàng;
- Thông qua nguyên tắc lập kế hoạch kiểm toán năm 2024 và thông qua kế hoạch kiểm toán năm 2024.

BKS cũng đã thực hiện Giám sát quản lý cấp cao đối với KTNB, như:

- Định hướng và chỉ đạo KTNB triển khai kế hoạch kiểm toán hàng năm;
- Yêu cầu KTNB cập nhật rủi ro để có những điều chỉnh cách tiếp cận kiểm toán phù hợp với diễn biến thực tế
- Triển khai, thực hiện đầy đủ công tác báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của NHNN.

Ngoài ra, BKS chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng, quản trị nhân sự, trong đó, bao gồm: Tổ chức các cuộc đào tạo để nâng cao chất lượng nhân sự KTNB, nhằm đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ kiểm toán; Có các giải pháp để giữ chân các nhân sự quan trọng của KTNB thông qua việc phát triển, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm và triển khai các chính sách đào tạo chung của ngân hàng...

Triển khai trách nhiệm giám sát đối với HĐQT, BDH

Hoạt động giám sát của BKS tập trung chủ yếu vào công tác quản trị điều hành của VPBank; việc thực hiện của HĐQT, BDH đối với các định hướng, mục tiêu và chỉ tiêu kinh doanh của VPBank đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Thông qua giám sát quản lý cấp cao và kết quả KTNB, cho thấy về cơ bản, ngân hàng đã:

- Thiết lập Hệ thống Kiểm soát nội bộ (KSNB) gồm 3 tuyến bảo vệ độc lập đáp ứng cơ bản các yêu cầu của Thông tư 13. Hệ thống KSNB được thực hiện, vận hành thông qua (i) Các cơ chế phân cấp, ủy quyền cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành, quy định và quy trình; (ii) Các chức năng nhận dạng và kiểm soát rủi ro tại chính các đơn vị kinh doanh và hỗ trợ trực tiếp; (iii) Xây dựng chính sách/quy định nội bộ về QTRR, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật; (iv) Thiết lập một số đơn vị kiểm tra/ kiểm soát chéo trong một số mảng nghiệp vụ có rủi ro cao/ hoặc có các hệ thống hỗ trợ
- Hệ thống văn bản quy định, quy trình về KSNB, QTRR cơ bản đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật có thiết kế các chốt kiểm soát chính, trong vận hành các đơn vị cơ bản tuân thủ các quy định nội bộ của ngân hàng. Các sai sót, hạn chế phát hiện qua KTNB đã được BKS/KTNB đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BDH về các biện pháp tăng cường KSNB, QTRR, hoàn thiện quy định nội bộ, tăng cường văn hóa tuân thủ ở một số đơn vị..., nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

BKS cũng đã xây dựng và triển khai cơ chế phối hợp đối với HĐQT, BDH để đảm bảo BKS thực hiện việc giám sát, kiểm tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế tổ chức hoạt động của BKS. Các ý kiến, kiến nghị của BKS/KTNB đã được BDH ghi nhận và thực hiện các giải pháp khắc phục liên quan.



3. Giao dịch và Thù lao

Thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BKS, BDH

Mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS VPBank năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của ngân hàng phê duyệt hạn mức là tương đương bằng 0,5% của mức lợi nhuận trước thuế hợp nhất của ngân hàng, tức là vào khoảng 54 tỷ đồng. Tuy vậy, mức thực tế thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2023 vào khoảng 16 tỷ đồng, các chi phí hoạt động khác khoảng 12 tỷ đồng. Các khoản thù lao HĐQT, BKS được cân nhắc và đề xuất bởi UBNS và HĐQT đồng thuận phê duyệt dựa trên vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm, đóng góp của từng cá nhân đối với ngân hàng. Riêng thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, nhận mức lương thưởng của vị trí Tổng Giám đốc, không nhận thù lao với tư cách là thành viên HĐQT. Chi tiết mức thù lao của HĐQT được trình bày thành mục riêng trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của ngân hàng.

Mức lương, thưởng của từng thành viên BDH sẽ do UBNS đề xuất và HĐQT xét duyệt dựa trên vai trò, vị trí, nhiệm vụ, kết quả hoạt động của từng cá nhân, đã được thống nhất giữa ngân hàng và mỗi cá nhân về mức khung/tỷ lệ tương ứng phù hợp với từng nhân sự và chính sách của ngân hàng, cũng như tình hình hoạt động chung của ngân hàng trong năm. Các khoản chi trả cho các thành viên BDH đạt mức độ cạnh tranh, tạo động lực để BDH nỗ lực triển khai các kế hoạch kinh doanh của ngân hàng cho cả mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. Các nhân sự thuộc BDH là lực lượng lao động cao cấp và là những nhân sự rất quan trọng của ngân hàng, đặc biệt là vị trí Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, được tuyển dụng và đàm phán các mức chi trả lương thưởng khác biệt cho từng cá nhân theo các tiêu chí lựa chọn nhân sự khác nhau.

Ngoài ra, trong môi trường cạnh tranh cao về nguồn nhân lực, cùng với việc cần bảo mật chính sách đãi ngộ và thu nhập của từng cá nhân, VPBank trình bày mức tổng chi phí gồm tiền lương và phụ cấp cho Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Tổng Giám đốc thành một hạng mục chung trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm của ngân hàng.

Bên cạnh các lợi ích nêu trên đây, các thành viên HĐQT, BKS và BDH được tham gia vào Chương trình Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn theo chính sách bảo hiểm chung của ngân hàng. BDH đồng thời được hưởng các chính sách khác, như mua cổ phiếu ưu đãi theo các chương trình ESOP của ngân hàng.

Quan hệ nhà đầu tư và các bên hữu quan

Nghiên cứu áp dụng

Thẻ điểm Quản trị công ty ASEAN

do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) hợp tác xây dựng

Chú trọng các trách nhiệm minh bạch thông tin, đảm bảo quyền lợi và đối xử bình đẳng với cổ đông và các bên hữu quan

Là công ty đại chúng quy mô lớn, cũng như thuộc nhóm VN30, VPBank luôn đề cao tính minh bạch, chính xác và kịp thời trong hoạt động công bố thông tin. Ngân hàng luôn nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật về quản trị công ty đối với công ty đại chúng quy mô lớn và doanh nghiệp niêm yết, như Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng đã xây dựng, phát triển Quy chế Quản trị và đã được ĐHCĐ thông qua, đồng thời, luôn đảm bảo tuân thủ đầy đủ nội dung và kỳ hạn công bố thông tin theo quy định hiện hành. Các thông tin liên quan đến hình thức quản trị, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các thông tin định kỳ và bất thường đều được VPBank công bố theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính minh bạch với các cổ đông và nhà đầu tư.

VPBank luôn coi trọng và đối xử bình đẳng với cổ đông và các bên hữu quan, bao gồm cổ đông thiểu số, cổ đông nước ngoài, đối tác cho vay và gửi tiền, cơ quan xếp hạng tín nhiệm... thông qua việc đảm bảo công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời trên website Quan hệ Nhà đầu tư VPBank - <https://www.vpbank.com.vn/quan-he-nha-dau-tu>, bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, cũng như trên trang thông tin điện tử của các sở giao dịch chứng khoán, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và các phương tiện thông tin đại chúng... Đặc biệt, những thông tin mang tính chiến lược, có tác động lớn tới quyền lợi của nhà đầu tư, cổ đông, luôn được VPBank chú trọng truyền

thông sâu rộng: thông tin trước, trong và sau ĐHCĐ, như thông tin chi trả cổ tức, tăng vốn điều lệ, kết quả kinh doanh, triển vọng, định hướng chiến lược, sự kiện hợp tác ký kết, tỷ lệ an toàn vốn (CAR), xếp hạng tín nhiệm từ các tổ chức uy tín (như Moody's) và các giải thưởng... Đồng thời, VPBank cũng tích cực hỗ trợ và giải đáp các câu hỏi cũng như yêu cầu cung cấp thông tin của nhà đầu tư thông qua các kênh truyền thông như email, điện thoại và website Quan hệ nhà đầu tư, qua đó khẳng định năng lực, uy tín của VPBank.

Bên cạnh đó, trong năm 2023, VPBank cũng tiếp tục hoàn thiện, ban hành Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Quy chế này tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cũng như các quy định về công bố thông tin của pháp luật có liên quan, qua đó đảm bảo tuân thủ quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cũng như đảm bảo quyền lợi, nâng cao giá trị cho cổ đông. Song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam nói chung và các quy định áp dụng đối với công ty niêm yết nói riêng, VPBank còn tích cực nghiên cứu áp dụng Thẻ điểm Quản trị công ty ASEAN, Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam do UBCKNN và Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) hợp tác xây dựng. VPBank xác định đây vừa là yêu cầu nội tại về quản trị công ty tại ngân hàng, vừa là mong muốn của cổ đông, nhà đầu tư, để phù hợp với sự phát triển mọi mặt của ngân hàng, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động, đạt được các chuẩn mực quản trị công ty tương đồng với các doanh nghiệp trong khối ASEAN và thế giới, duy trì năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

Đẩy mạnh hoạt động tiếp xúc và gặp gỡ với cộng đồng nhà đầu tư

Top 1
Ngân hàng tư nhân về giá trị vốn hoá trong 2 năm liên tiếp

Top 15
doanh nghiệp có vốn hóa lớn trong khuôn khổ giải thưởng “IR Award 2023

VPBank trong năm vừa qua đã không ngừng nâng tầm hoạt động quan hệ nhà đầu tư, nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp của các kênh cung cấp thông tin nhằm tăng cường khả năng tiếp cận của nhà đầu tư đối với các thông tin về Ngân hàng. Điều này đã nhận được sự đánh giá cao của nhà đầu tư trên thị trường. Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư (IR) đã có những bước tiến nhất định trong việc thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong năm 2023, VPBank tiếp tục chủ động tăng cường tần suất, đa dạng hình thức, cải tiến chất lượng, chủ động cung cấp thông tin tới thị trường thông qua việc tổ chức 8 buổi công bố kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý (Hội thảo gặp gỡ các chuyên gia phân tích và Hội thảo với các nhà đầu tư cá nhân). Trong khuôn khổ các hội thảo này, Ban lãnh đạo ngân hàng và các nhà đầu tư, chuyên gia phân tích trong và ngoài nước đã cùng trao đổi về kết quả, triển vọng kinh doanh của VPBank cũng như các công ty con trong hệ sinh thái. Các bản tin IR News hàng quý nhằm thường xuyên cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động nổi bật của VPBank theo các chủ đề nhà đầu tư quan tâm.

Công tác tiếp xúc nhà đầu tư cũng được mở rộng về quy mô và cải thiện về chất lượng. Cụ thể, năm 2023, VPBank đã thực hiện hơn 90 cuộc họp online cũng như offline với hơn 200 nhà đầu tư, chuyên gia phân tích lớn trong và ngoài nước, đồng thời tham dự 10 hội thảo đầu tư do các quỹ và công ty chứng khoán lớn nhỏ tổ chức. Chẳng hạn, hội thảo của các công ty chứng khoán lớn như VCSC, SSI và HSC, cùng các quỹ tên tuổi như Dragon Capital, EFG Hermes, Maybank KimEng, JP. Morgan... Qua đó, tiếp tục khẳng định tính chuyên nghiệp và minh bạch trong việc cung cấp thông tin tới nhà đầu tư và thị trường.

Bên cạnh kênh website IR, để có thể đăng tải lịch tổ chức sự kiện, video các buổi trao đổi và tài liệu kết quả kinh doanh hàng quý của VPBank, IR đã xây dựng và vận hành một website chuyên biệt dành cho nhà đầu tư tại địa chỉ: <https://irevents.vpbank.com.vn>. Ngoài ra, tất cả tài liệu dành cho nhà đầu tư luôn được cập nhật song ngữ trên website của ngân hàng để các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể tiếp cận thông tin kịp thời và nhất quán.



Các hoạt động trên đã và đang góp phần khẳng định tính chuyên nghiệp và minh bạch trong việc công bố thông tin của VPBank; giúp các nhà đầu tư và các bên hữu quan tiếp cận và cập nhật thông tin đầy đủ về hoạt động, kết quả kinh doanh cũng như định hướng chiến lược của VPBank. Từ đó, gia tăng niềm tin của nhà đầu tư, góp phần nâng cao vị thế thương hiệu của VPBank trên thị trường.

Với kết quả hoạt động tích cực cùng hiệu quả của công tác IR, VPBank đã ghi nhận:

- Cổ phiếu VPBank tiếp tục giữ vững vị trí trong các chỉ số chủ chốt như VN30 - Giá trị vốn hóa của VPBank đạt hơn 150 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2023, là ngân hàng tư nhân có vốn hóa lớn nhất.
- VPBank lần thứ 5 liên tiếp lọt Top 20 doanh nghiệp có cổ phiếu nằm trong danh mục Chỉ số Phát triển bền vững VNSI do HOSE đánh giá. Kết quả này ghi nhận những nỗ lực của VPBank trong hoạt động xây dựng và củng cố hệ sinh thái phát triển bền vững và toàn diện, trải dài từ chính sách về môi trường và xã hội, tới thực hành quản lý, chỉ số hiệu suất, và quản trị doanh nghiệp.
- VPBank xuất sắc vượt qua hơn 700 doanh nghiệp khác để chính thức lọt top 15 doanh nghiệp có vốn hóa lớn trong khuôn khổ giải thưởng “IR Award 2023” do Vietstock tổ chức, nhằm vinh danh các doanh nghiệp có hoạt động quan hệ nhà đầu tư tốt nhất tại Việt Nam.
- Năm 2023, VPBank cũng vinh dự là 1 trong 12 doanh nghiệp được Viện Thành viên Hội đồng Quản trị (VIOD) vinh danh “Hội đồng Quản trị cam kết thực hành tốt quản trị công ty”. Danh hiệu “Hội đồng Quản trị của năm” đã được trao là một sự đánh giá độc lập, khách quan của cơ quan uy tín về thúc đẩy môi trường quản trị công ty chuyên nghiệp đối với VPBank trong việc giám sát bảo vệ lợi ích cổ đông và đóng góp vào sự phát triển bền vững, trong đó hội tụ 3 giá trị: Cam kết, Tiên phong và Kiến định vì một xã hội tương lai thịnh vượng bền vững.

Top 20

doanh nghiệp có chỉ số phát triển bền vững VNSI cao nhất

Định hướng hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Trong năm 2024, bên cạnh việc thực hiện tốt các công việc có tính chất thường xuyên, VPBank sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng thông tin và truyền thông, mức độ tương tác với nhà đầu tư và các bên hữu quan với mục tiêu từng bước đưa hoạt động IR của VPBank tiệm cận với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông và nhà đầu tư. Đồng thời, VPBank tiếp tục hoàn thiện các quy định trong hoạt động IR để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và đồng nhất áp dụng không chỉ tại công ty mẹ, mà còn hướng tới áp dụng tại tất cả các đơn vị thành viên trong hệ sinh thái. Từ đó, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của VPBank với các cơ quan quản lý, đối tác, nhằm gia tăng niềm tin của cổ đông và uy tín của ngân hàng.

Thêm vào đó, trong năm 2023, VPBank đã chính thức chào đón SMBC dưới vai trò là một nhà đầu tư chiến lược. Ban lãnh đạo ngân hàng kỳ vọng, thương vụ với SMBC không chỉ mang lại cho VPBank một nền tảng vốn lớn mà tập đoàn này còn đóng góp vào sự tăng trưởng của VPBank thông qua việc chia sẻ những bí quyết, kinh nghiệm đã tích lũy được trong nhiều năm qua ở nhiều thị trường châu Á. Qua đó, SMBC sẽ hỗ trợ VPBank nâng cao chất lượng hoạt động quản trị công ty cũng như công tác quan hệ nhà đầu tư để tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn của các nước phát triển trong khu vực.

Đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp theo thẻ điểm quản trị khu vực ASEAN

VPBank cam kết thực hiện quản trị công ty tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật về quản trị công ty nói chung, các quy định áp dụng riêng đối với công ty niêm yết và đang từng bước hoàn thiện theo những những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực bao gồm Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất do UBCKNN và Tổ chức tài chính quốc tế IFC hợp tác xây dựng.

VPBank định kỳ đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản trị Ngân hàng theo Thẻ điểm quản trị công ty khu vực

ASEAN để không ngừng kiện toàn hoạt động quản trị ngân hàng đáp ứng các thông lệ hàng đầu khu vực, hướng tới các mục tiêu: (1) bảo đảm quyền lợi của cổ đông và các bên hữu quan, (2) xây dựng khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông, (2) tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của ngân hàng, (3) vận hành hiệu quả hệ thống quản trị công ty để giảm thiểu rủi ro và hướng tới sự phát triển bền vững của ngân hàng, (4) bảo đảm khả năng lãnh đạo hiệu quả và độc lập của Hội đồng quản trị. Qua đó, để phấn đấu thực hiện tốt hơn các thông lệ quốc tế,

VPBank xác định được một số nội dung cần tập trung cải thiện trong giai đoạn trung và dài hạn như

(1) nghiên cứu, xây dựng lộ trình cụ thể để tiệm cận các yêu cầu về tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT hay tính đa dạng của HĐQT,

(2) tăng cường sự tham gia của các thành viên độc lập trong các Ủy ban thuộc HĐQT nâng cao hiệu quả và tính độc lập của các Ủy ban này.

✓ : Tuân thủ ✓ : Lĩnh vực cần cải thiện

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
A. ĐẢM BẢO QUYỀN ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG			
A.1 Quyền cơ bản của cổ đông			
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	✓	VPBank luôn tuân thủ các quy định về chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong năm 2023, VPBank đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị (HĐQT) số 215/2023/NQ-HĐQT vào ngày 16/10/2023.
A.2 Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của doanh nghiệp			
A.2.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành?	✓	Chi phí thù lao, lương, thưởng và các chi phí khác phục vụ hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm Soát (BKS) định kỳ hàng năm được báo cáo và thông qua trong chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
A.2.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền để cử thành viên/ ủy viên Hội đồng Quản trị?	✓	Theo Điều lệ VPBank, VPBank có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát để cử thành viên HĐQT nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.
A.2.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên Hội đồng Quản trị?	✓	VPBank có cho phép cổ đông bầu cử từng thành viên của HĐQT.
A.2.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	✓	Thế lệ biểu quyết được trình bày chi tiết trong Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ công bố trên website ngân hàng trước khi tổ chức ĐHĐCĐ.
A.2.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	✓	Các câu hỏi và câu trả lời được ghi rõ trong phần Tóm tắt nội dung thảo luận của Biên bản họp ĐHĐCĐ công bố trên website ngân hàng.
A.2.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Kết quả biểu quyết cho từng nội dung được công bố tại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết.
A.2.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ.
A.2.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD/Giám đốc Điều hành (nếu TGD/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Thành phần tham dự ĐHĐCĐ 2023 bao gồm HĐQT, BKS, TGD được ghi rõ trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.
A.2.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	✓	Cổ đông vắng mặt được ủy quyền cho người khác dự đại hội và biểu quyết các vấn đề tại đại hội theo quy định tại Điều lệ VPBank, công bố trên website ngân hàng.
A.2.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	✓	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ, được thể hiện tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ 2023.
A.2.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	✓	Căn cứ vào Luật doanh nghiệp (Khoản 2, Điều 146) và Điều lệ VPBank (Khoản 1e, Điều 44), Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ năm 2023 đã đưa ra quy định về thành phần Ban kiểm phiếu gồm 03 người, trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban tổ chức Đại hội) và đồng thời được ĐHĐCĐ biểu quyết tín nhiệm. Quy định này của VPBank nhằm đảm bảo tính minh bạch của Ban kiểm phiếu mà vẫn đảm bảo các vấn đề bảo mật thông tin cho Đại hội.
A.2.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Quyết định của ĐHĐCĐ 2023 đã được công bố trong vòng 24H trên website ngân hàng sau khi ban hành Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ.
A.2.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bắt thường trước tối thiểu 21 ngày?	✓	Theo quy định tại Điều lệ VPBank, thông báo mời họp và các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 được công bố đầy đủ trên website ngân hàng trước tối thiểu 21 ngày.
A.2.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	✓	Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ được công bố trên website ngân hàng và gửi cho mỗi cổ đông đến tham dự cuộc họp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
A.2.15	Công ty có tạo cơ hội cho các cổ đông đề xuất/ kiến nghị về nội dung chương trình họp đại hội đồng cổ đông và/ hoặc yêu cầu triệu tập đại hội theo một tỷ lệ nhất định không?	✓	Theo quy định của Điều lệ VPBank, ngân hàng đảm bảo quyền được phát biểu và đóng góp ý kiến của các cổ đông trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, (nhóm) cổ đông có sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường và/ hoặc kiến nghị bằng văn bản về các vấn đề để đưa vào chương trình nghị sự ĐHĐCĐ. Đối với các (nhóm) cổ đông khác, ý kiến sẽ được lắng nghe, tiếp nhận thông qua bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư.
A.3 Thị trường giao dịch thấu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch			
A.3.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thấu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	✓	VPBank thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật để đảm bảo tính công khai, minh bạch, tính hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của VPBank và cổ đông của VPBank.
A.4 Cấn tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức			
A.4.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu (Cổ đông, Nhà đầu tư).
A.5 Cổ phiếu và quyền biểu quyết			
A.5.1	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	✓	Theo Điều lệ VPBank, toàn bộ cổ phần của VPBank là cổ phần phổ thông.
A.6 Thông báo ĐHĐCĐ			
A.6.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gắn nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết	✓	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gắn nhất chỉ liên quan đến một nội dung cụ thể.
A.6.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gắn nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	✓	VPBank công bố đầy đủ bản Tiếng Anh của thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ cùng ngày với tài liệu Tiếng Việt trên website ngân hàng.
Các thông báo/ thông tư của ĐHĐCĐ có các nội dung sau:			
A.6.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	✓	VPBank thực hiện công bố đầy đủ tiểu sử của các ứng viên sẽ được bầu chọn/ bầu chọn lại trên website ngân hàng. Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ của kỳ bầu cử gần nhất vào năm 2020 cho nhiệm kỳ 2020 - 2025.
A.6.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	✓	ĐHĐCĐ thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách trên, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả tài chính.
A.6.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	✓	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được công bố trên website ngân hàng.

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
A.7 Giao dịch nội bộ và kiểm lợi từ các thông tin các thông tin không được công bố ra bên ngoài cần bị nghiêm cấm			
A.7.1	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	✓	Thành viên HĐQT thực hiện công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu ít nhất 03 ngày làm việc, theo đúng quy định của pháp luật.
A.8 Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao			
A.8.1	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/ quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	✓	HDQT bao gồm cả thành viên độc lập của HĐQT phải trực tiếp phê duyệt Giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng theo quyền hạn được quy định trong Điều lệ VPBank (Điều 34, Điều 51).
A.8.2	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	✓	Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VPBank (Khoản 1c, Điều 53).
A.8.3	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	✓	Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Phó TGD và các chức danh tương đương thuộc đối tượng cấm cấp tín dụng theo quy định tại Quy định cho vay của VPBank, đảm bảo tuân thủ Luật các TCTD.
A.9 Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng			
A.9.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	✓	Các GDBLQ được thực hiện và công bố đầy đủ thông tin đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật.
A.9.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên hữu quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	✓	Cổ đông không được tham gia biểu quyết đối với giao dịch mà có lợi ích liên quan đối với cổ đông đó, quy định tại Điều lệ VPBank (Khoản 2 Điều 34).
C. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BỀN BỈ			
C.1 Công bố thông tin một cách nhất quán và đáng tin cậy về các chủ đề bền vững, bao gồm đầy đủ thông tin trọng yếu mang tính hồi tố và dự báo			
Các thông tin trọng yếu liên quan đến vấn đề phát triển bền vững cần được đề cập			
C.1.1	Công ty có xác định/ báo cáo các chủ đề ESG trọng yếu đối với chiến lược cốt lõi của tổ chức không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Xác định rõ ràng các lĩnh vực trọng yếu
C.1.2	Công ty có xác định biến đổi khí hậu là một vấn đề quan trọng không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Xác định rõ ràng các lĩnh vực trọng yếu. VPBank còn hàng năm xây dựng Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu để cung cấp một cái nhìn tổng quan về các hành động của Ngân hàng để quản lý cơ hội và rủi ro khí hậu đối với nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh của ngân hàng nói riêng.
C.1.3	Công ty có áp dụng khuôn khổ hoặc tiêu chuẩn báo cáo được quốc tế công nhận về tính bền vững không (ví dụ: GRI, Báo cáo tích hợp, SASB, Tiêu chuẩn công bố thông tin bền vững IFRS)?	✓	Thể hiện tại Báo cáo Phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Tổng quan về Thông lệ báo cáo. VPBank còn hàng năm xây dựng Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu theo các tiêu chuẩn của Lực lượng đặc nhiệm về công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD).

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
Khung công bố thông tin có quy định các số liệu đáng tin cậy liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững cần được công bố thường xuyên ở dưới dạng dễ tiếp cận			
C.1.4	Công ty có công bố mục tiêu bền vững dưới dạng định lượng không?	✓	Thể hiện tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu trên website ngân hàng - Chương 5 Chỉ số và Mục tiêu.
C.1.5	Các kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững được đề ra có được công bố không?	✓	Thể hiện tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu trên website ngân hàng - Chương 5 Chỉ số và Mục tiêu.
C.1.6	Có thông tin cho thấy Báo cáo Phát triển bền vững đã được xem xét và/ hoặc phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị hoặc một Ủy ban cấp Hội đồng Quản trị không?	✓	TGD, thành viên HĐQT, trực tiếp rà soát và phê duyệt các nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững tích hợp trong Báo cáo thường niên của ngân hàng.
C.2	Khung quản trị doanh nghiệp cần cho phép triển khai đối thoại giữa công ty, cổ đông và các bên liên quan để trao đổi quan điểm về các vấn đề bền vững		
C.2.1	Công ty có thiết lập kênh tương tác để thường xuyên tiếp nhận và phản hồi các mối quan tâm của các bên hữu quan bên trong về các vấn đề phát triển bền vững trọng yếu không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Xác định rõ ràng các lĩnh vực trọng yếu và Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu.
C.2.2	Công ty có thiết lập kênh tương tác để thường xuyên tiếp nhận và phản hồi các mối quan tâm của các bên hữu quan bên ngoài về các vấn đề phát triển bền vững trọng yếu không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu.
C.3	Khung quản trị doanh nghiệp phải đảm bảo rằng hội đồng quản trị xem xét đầy đủ các rủi ro và cơ hội bền vững trọng yếu khi thực hiện các chức năng chính của mình trong việc xem xét, giám sát và hướng dẫn các thông lệ quản trị, công bố thông tin, chiến lược, quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm cả các vấn đề về rủi ro khí hậu bao gồm rủi ro vật lý và rủi ro chuyển đổi		
HĐQT cần đánh giá tính tương thích giữa cơ cấu vốn của doanh nghiệp với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro liên quan để đảm bảo khả năng phục hồi			
C.3.1	Công ty có công bố rằng Hội đồng quản trị có đánh giá hằng năm rằng cơ cấu nợ vay của công ty tương thích với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro của công ty hay không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - nội dung Ủy ban quản lý rủi ro.
C.4	Khung quản trị doanh nghiệp cần công nhận, tôn trọng quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa doanh nghiệp và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, việc làm và sự bền vững về mặt tài chính của doanh nghiệp.		
Công ty có công bố chính sách và thông lệ liên quan đến:			
C.4.1	Các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng?	✓	Thể hiện tại các nội dung của Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN), bao gồm: Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu (Khách hàng), Tôn trọng quyền con người (Trong sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng).
C.4.2	Quy trình lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu (Nhà cung ứng dịch vụ).
C.4.3	Các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN), bao gồm: Tăng cường kết nối trong chuỗi cung ứng thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững, Tôn trọng quyền con người (Trong hoạt động mua sắm và chuỗi cung ứng).

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
C.4.4	Các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	✓	Thể hiện tại các nội dung của Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN), bao gồm: Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu (Cộng đồng), Hoạt động từ thiện xã hội.
C.4.5	Chương trình và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	✓	Thể hiện tại Báo cáo Phát triển bền vững (thuộc Báo cáo thường niên) - mục Phòng chống tham nhũng. Ngoài ra, Chính sách phòng chống tham nhũng của VPBank cũng được công bố minh bạch trên website ngân hàng.
C.4.6	Các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu (Đối tác khác). VPBank cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và các cam kết đối với bên cho vay trong mọi hoạt động, bao gồm các yêu cầu về quản trị rủi ro, báo cáo định kỳ/ đột xuất và công bố thông tin.
C.4.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	✓	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo Phát triển bền vững (thuộc BCTN).
C.5	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.		
C.5.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (ví dụ: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	✓	Thông tin liên hệ (đường dây nóng và email) liên hệ được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông bao gồm website ngân hàng và BCTN. Ngoài ra, VPBank đã thiết lập & công bố trên website ngân hàng Chính sách quản lý xung đột lợi ích, với các nguyên tắc quản lý rủi ro của VPBank và/ hoặc cán bộ nhân viên khi xử lý xung đột và để đảm bảo xung đột lợi ích không gây tác động tiêu cực đến lợi ích của VPBank, khách hàng và các bên hữu quan khác.
C.6	Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được xây dựng		
C.6.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	✓	Thể hiện tại các nội dung của Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN), bao gồm: Tôn trọng quyền con người (Trong quan hệ với người lao động), Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe nhân viên, Đảm bảo lợi ích kinh tế của đội ngũ nhân sự.
C.6.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	✓	Thể hiện tại các nội dung của BCTN, bao gồm: Phát triển nguồn nhân lực.
C.6.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	✓	Thể hiện trong Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Đảm bảo lợi ích kinh tế của Đội ngũ nhân sự.

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
C.7	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.		
C.7.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên hữu quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Cơ chế khiếu nại nội bộ.
C.7.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/ cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Tôn trọng quyền con người (Trong quan hệ với người lao động).
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH			
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch		
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	✓	VPBank có công bố thông tin cổ đông lớn (sở hữu từ 5% số cổ phiếu quyền biểu quyết trở lên) tại BCTN, mục Cơ cấu cổ đông.
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Cơ cấu cổ đông và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	✓	Thể hiện tại Báo cáo Quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Cơ cấu cổ đông và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	✓	Thể hiện tại Báo cáo Quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Cơ cấu cổ đông và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/ công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?	✓	Thể hiện tại Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - mục Thông tin chung (Công ty con) và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.2	Chất lượng của báo cáo thường niên		
Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau:			
D.2.1	Mục tiêu của công ty	✓	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - mục Thông tin chung.
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	✓	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - mục Thông tin chung và Tình hình hoạt động trong năm 2023.
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	✓	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - các mục Tình hình hoạt động trong năm 2023.
D.2.4	Chính sách cổ tức	✓	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị ngân hàng.
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	✓	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Danh sách thành viên HĐQT, BKS, và BDH.

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty			
D.2.6	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc Báo cáo thường niên).
D.3. Thủ lao của thành viên HĐQT và cán bộ điều hành chủ chốt			
D.3.1	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	✓	Thông tin thù lao của thành viên HĐQT không điều hành được công bố trong Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 43. Giao dịch với các bên liên quan.
D.3.2	Công ty có tiết lộ công khai [tức là báo cáo thường niên hoặc các tài liệu công bố công khai khác] chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT không điều hành?	✓	Thông tin thù lao của thành viên HĐQT không điều hành được công bố trong Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 43. Giao dịch với các bên liên quan.
D.3.3	Công ty có công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, phụ cấp, phúc lợi bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) (tức là sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với các thành viên HĐQT điều hành và TGD?	✓	Chính sách về thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các thành viên HĐQT và TGD được quy định và công bố tại Điều lệ VPBank (Điều 35).
D.3.4	Công ty có công bố công khai [tức là báo cáo thường niên hoặc các tài liệu được công bố công khai khác] chi tiết về thù lao của từng thành viên HĐQT điều hành và TGD [nếu TGD không phải là thành viên HĐQT]?	✓	Thông tin thù lao của TGD, thành viên HĐQT không điều hành duy nhất, được công bố trong Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 43. Giao dịch với các bên liên quan.
D.4. Công bố Giao dịch bên liên quan (GDBLQ)			
D.4.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	✓	Chính sách về rà soát và phê duyệt Giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng được quy định trong Điều lệ VPBank (Điều 37, 51).
D.4.2	Công ty có công bố tên của các bên hữu quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị của mỗi GDBLQ trọng yếu/ quan trọng?	✓	Thể hiện tại các công bố thông tin về giao dịch bên liên quan và được tổng hợp trong Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.5 Giám đốc và ủy viên giao dịch cổ phiếu của công ty			
D.5.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?	✓	Thể hiện tại các công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và được tổng hợp trong Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.6 Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán			
Trường hợp cùng một công ty kiểm toán tham gia cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phí kiểm toán			
D.6.1	Phí kiểm toán và phí kiểm toán có được công bố công khai?	✓	VPBank thực hiện công bố thông tin về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí.
D.6.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	✓	VPBank thực hiện công bố thông tin về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí.

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
D.7 Phương tiện truyền thông			
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:			
D.7.1	Báo cáo quý	✓	VPBank định kỳ cập nhật song ngữ Việt - Anh các tài liệu kết quả hoạt động và kinh doanh hàng quý trên website của Ngân hàng. Các tài liệu bao gồm Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, bản tin IR News và video buổi trao đổi với quý nhà đầu tư, Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn và các công bố thông tin khác.
D.7.2	Trang thông tin điện tử của công ty	✓	VPBank thường xuyên cập nhật song ngữ Việt - Anh các thông tin về hoạt động và kinh doanh của Ngân hàng trên website ngân hàng.
D.7.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	✓	VPBank chủ động xúc tiến các buổi trao đổi với chuyên gia phân tích trong và ngoài nước về kết quả và triển vọng kinh doanh của VP-Bank và các công ty con.
D.7.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	✓	VPBank chủ động cung cấp thông tin của Ngân hàng tới các cơ quan báo chí, truyền thông cũng như cử chuyên gia trả lời phỏng vấn chuyên sâu/ gặp gỡ đối thoại trên truyền hình nhằm giải đáp câu hỏi, thắc mắc của báo chí về các chủ đề liên quan.
D.8 Nội/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn			
D.8.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	✓	Công bố đầy đủ trên website của Ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư theo đúng quy định.
D.8.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	✓	Công bố đầy đủ trên website của Ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư theo đúng quy định.
D.8.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	✓	VPBank đảm bảo tuân thủ. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán độc lập và ĐHCĐ thông qua, thể hiện tại Nghị quyết ĐHCĐ thường niên công bố trên website ngân hàng.
D.9 Trang thông tin điện tử của công ty			
Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về			
D.9.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	✓	Một số tài liệu phân tích của các công ty chứng khoán uy tín cùng kết quả xếp hạng tín nhiệm được cập nhật đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
D.9.6	Điều lệ công ty	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.10	Quan hệ nhà đầu tư		
D.10.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	✓	Công bố đầy đủ trên Báo cáo thường niên cũng như trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E. VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
E.1	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT		
Trách nhiệm của HĐQT và quy chế quản trị công ty được xác định rõ ràng			
E.1.1	Công ty có công bố quy chế quản trị công ty/điều lệ hoạt động của HĐQT?	✓	Quy chế quản trị nội bộ VPBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	✓	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định cụ thể và rõ ràng tại Điều lệ VPBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN). Những tài liệu này đều được công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty			
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	✓	Tầm nhìn và sứ mệnh của VPBank được cập nhật ngay khi có thay đổi và công bố trên BCTN và website ngân hàng (mục Về chúng tôi).
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	✓	Thể hiện tại các Báo cáo quản trị công ty cũng như Báo cáo của HĐQT nằm trong tài liệu họp ĐHĐCĐ, tất cả được công bố trên website ngân hàng.
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	✓	Thể hiện tại các Báo cáo quản trị công ty cũng như Báo cáo của HĐQT nằm trong tài liệu họp ĐHĐCĐ, nội dung HĐQT trong Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN), tất cả được công bố trên website ngân hàng.
E.2	Cơ cấu HĐQT		
Quy tắc đạo đức hoặc ứng xử			
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	✓	Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của VPBank được công bố trên website của Ngân hàng - mục Về VPBank.
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	✓	Thể hiện tại Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của VPBank được công bố trên website của Ngân hàng - mục Về VPBank.
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	✓	Thể hiện tại Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của VPBank được công bố trên website của Ngân hàng - mục Về VPBank.
Cơ cấu HĐQT			
E.2.4	Thành viên độc lập HĐQT có chiếm ít nhất 50% tổng số thành viên HĐQT không?	✗	VPBank hiện có 01 thành viên HĐQT độc lập (chiếm 20%).

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm* đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? (*): <i>Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ty ASEAN vào năm 2011</i>	✓	Nhiệm kỳ áp dụng đối với thành viên HĐQT độc lập được quy định cụ thể trong Điều lệ VPBank (Khoản 4 Điều 49), đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	✓	Thể hiện tại Điều lệ VPBank (Khoản 1c, Điều 27) công bố trên website ngân hàng.
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
Tiểu ban bổ nhiệm			
E.2.8	Công ty có Ủy ban bổ nhiệm hay không?	✓	VPBank có thành lập Ủy ban nhân sự, có chức năng tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc đưa ra các quyết sách liên quan đến công tác quản trị nhân sự (bao gồm cơ cấu tổ chức, đề cử nhân sự cho HĐQT, BKS, các Hội đồng, Ủy ban cũng như tuyển dụng và bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao, nhân sự của ngân hàng).
E.2.9	Ủy ban bổ nhiệm có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	✗	Thành viên HĐQT độc lập không thuộc Ủy ban nhân sự của VPBank.
E.2.10	Chủ tịch của Ủy ban bổ nhiệm có phải là thành viên HĐQT độc lập?	✗	Chủ tịch Ủy ban Nhân sự của VPBank không phải là thành viên HĐQT độc lập.
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban bổ nhiệm?	✓	Thể hiện trong Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - nội dung Ủy ban nhân sự.
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban bổ nhiệm có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban bổ nhiệm có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - nội dung Ủy ban nhân sự. Trong năm, Ủy ban nhân sự tổ chức họp 12 phiên họp định kỳ hàng tháng.
Tiểu ban Thù lao/ Lương thưởng			
E.2.13	Công ty có Ủy ban thù lao lương thưởng không?	✓	VPBank có thành lập Ủy ban nhân sự, có chức năng tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc đưa ra các quyết sách liên quan đến các chính sách quản trị, đánh giá nhân sự & phát triển nguồn nhân lực (bao gồm tiền thưởng, thù lao).
E.2.14	Ủy ban thù lao lương thưởng có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ ủy viên HĐQT độc lập?	✗	Thành viên HĐQT độc lập không thuộc Ủy ban nhân sự của VPBank.
E.2.15	Chủ tịch của Ủy ban thù lao lương thưởng có phải là thành viên HĐQT độc lập?	✗	Chủ tịch Ủy ban Nhân sự của VPBank không phải là thành viên HĐQT độc lập.
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban thù lao lương thưởng?	✓	Ủy ban Nhân sự của VPBank có chức năng tư vấn, tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nhân sự (bao gồm tiền thưởng, thù lao). Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - nội dung Ủy ban nhân sự.

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban thù lao lương thưởng có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban thù lao lương thưởng có họp tối thiểu hai lần trong năm?	✓	Ủy ban Nhân sự của VPBank có chức năng tư vấn, tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nhân sự (bao gồm tiền thưởng, thù lao). Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - nội dung Ủy ban nhân sự. Trong năm, Ủy ban nhân sự tổ chức họp 12 phiên họp định kỳ hàng tháng.
Tiểu ban Kiểm toán			
E.2.18	Công ty có Ủy ban kiểm toán không?	✓	VPBank thành lập Ban kiểm soát (BKS) trực thuộc ĐHĐCĐ. BKS hoạt động độc lập, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ trong việc quản trị, điều hành VPBank của HĐQT.
E.2.19	Ủy ban kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	✓	Toàn bộ thành viên Ban kiểm soát không phải là thành viên HĐQT.
E.2.20	Chủ tịch của Ủy ban kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	✓	Trưởng Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT.
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Ủy ban kiểm toán?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Ban kiểm soát. Ngoài ra, nguyên tắc về vai trò, nghĩa vụ, cơ cấu thành viên của Ban kiểm soát được quy định trong Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Chương IV).
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Ủy ban kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	✓	Các thành viên Ban kiểm soát đảm bảo có kinh nghiệm chuyên môn về kiểm toán, thể hiện tại nội dung thành viên BKS trong Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN).
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Ban kiểm soát. Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức 8 cuộc họp.
E.2.24	Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	✓	Thể hiện tại Điều lệ VPBank (Khoản 5 Điều 59) công bố trên website ngân hàng.
E.3 Quy trình HĐQT			
Họp và tham dự họp HĐQT			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	✓	Họp HĐQT được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính.
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	✗	Theo báo cáo quản trị năm 2023, HĐQT VPBank tổ chức 04 phiên họp.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	✓	Các thành viên HĐQT tham dự 100% các cuộc họp HĐQT, thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Hội đồng quản trị.
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 55) công bố trên website ngân hàng.
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	✗	VPBank đang nghiên cứu để thực hiện.

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
Tiếp cận thông tin			
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	✓	HDQT bổ nhiệm Người phụ trách quản trị VPBank, thực hiện các nhiệm vụ Thư ký công ty đảm bảo hoạt động quản trị VPBank được tiến hành một cách có hiệu quả. Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 57) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 16).
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	✓	VPBank đảm bảo yêu cầu.
Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT			
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	✓	Thể hiện tại Điều lệ VPBank (Điều 26, 27, 50) và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT (Điều 14, 15 và 16).
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	✓	Thể hiện tại Điều lệ VPBank (Điều 31) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 11).
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm* một lần? (*) Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	✓	Nhiệm kỳ của HĐQT VPBank là 5 năm, được quy định tại Điều lệ VPBank (Khoản 4 Điều 49) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Khoản 1 Điều 11).
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	✓	Thể hiện tại Nghị quyết hợp ĐHĐCĐ và được quy định trong Điều lệ VPBank (Khoản 1 Điều 35).
E.3.13	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deferred bonus)?	✓	Chính sách, tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 35, 36, 37). Mức thù lao chi trả được ĐHĐCĐ thông qua dựa trên đánh giá về hiệu quả kinh doanh, thể hiện tại Nghị quyết ĐHĐCĐ.
Kiểm toán Nội bộ			
E.3.14	Công ty có Bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	✓	VPBank thành lập Khối kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban kiểm soát.
E.3.15	Trưởng Bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Kinh nghiệm của các cấp quản lý về các chủ đề ESG.
E.3.16	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Kiểm toán nội bộ có phải được Ủy ban kiểm toán thông qua?	✓	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban kiểm soát, quy định tại Điều lệ VPBank (Khoản 5 Điều 59).
Giám sát rủi ro			
E.3.17	Công ty có công bố Quy trình Kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	✓	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Nhận diện và quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu, Khối quản trị rủi ro.
E.3.18	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Hội đồng quản trị.

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
E.3.19	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	✓	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Nhận diện và quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu, Khối quản trị rủi ro.
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Ủy ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Ban Kiểm soát
E.4 Nhân sự trong HĐQT			
Chủ tịch HĐQT			
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD?	✓	Chủ tịch HĐQT của VPBank không đồng thời kiêm nhiệm chức vụ TGD.
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	✗	Chủ tịch HĐQT của VPBank không phải là thành viên HĐQT độc lập.
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc của công ty trong 2 năm trước?	✓	Ông Nguyễn Đức Vinh là thành viên HĐQT và đang là TGD điều hành VPBank.
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai?	✓	Quy định cụ thể tại Điều lệ VPBank (Điều 52) và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT (Điều 9).
Trưởng thành viên HĐQT độc lập			
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Thành viên HĐQT độc lập cấp cao (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	✓	VPBank có 01 thành viên HĐQT độc lập.
Kỹ năng và năng lực			
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	✓	Các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Kinh nghiệm của các cấp quản lý về chủ đề ESG.
E.5 Hiệu quả HĐQT			
Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	✓	VPBank có các chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới.
E.5.2	Công ty có chính sách và thực tế thực hiện các chương trình khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các khóa đào tạo chuyên môn thường xuyên hoặc liên tục không?	✓	VPBank khuyến khích các thành viên HĐQT, BKS, TGD, các cán bộ Ban Điều hành khác và Thư ký công ty tham gia vào các chương trình đào tạo về quản trị công ty, thể hiện tại Báo cáo quản trị công ty, công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/Ban điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/ Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	✓	VPBank có chương trình xây dựng người kế nhiệm cho các vị trí lãnh đạo và quản lý chủ chốt.
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Đánh giá hoạt động của BDH.
Đánh giá HĐQT			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Hội đồng quản trị và tài liệu họp ĐHĐCD dựa trên tiêu chí đánh giá quy định tại Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 35).

STT	Tiêu chí đánh giá	Tình hình tuân thủ	Cơ sở/ dẫn chứng
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Hội đồng quản trị và tài liệu họp ĐHĐCĐ dựa trên tiêu chí đánh giá quy định tại Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 35).
Đánh giá tiểu ban			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các Ủy ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc Báo cáo thường niên) - mục Hội đồng quản trị và Báo cáo quản trị công ty, công bố trên website ngân hàng.

THẺ ĐIỂM THƯỞNG

(B)A. Quyền của cổ đông

(B) A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông?	✓	VPBank đã có điều khoản về việc áp dụng công nghệ thông tin trong việc họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến cổ đông trực tuyến trong Điều lệ VPBank (Điều 44, 46) và đã được ĐHĐCĐ thông qua.
--------------	--	---	--

(B)B. Đối xử công bằng với cổ đông

(B) B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	✓	VPBank tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện thông báo về ĐHĐCĐ trước 21 ngày so với ngày họp chính thức.
--------------	--	---	--

(B)C. Phát triển bền vững và bền bỉ

(B) C.1.1	Cách thức quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu có được công bố không?	✓	Thể hiện tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu - Chương III. Chiến lược, công bố trên website ngân hàng.
(B) C.1.3	Công ty có công bố kênh tương tác/ đối thoại với các nhóm bên hữu quan và cách công ty phản hồi các mối quan ngại về ESG của các bên hữu quan không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu
(B) C.1.4	Công ty có thành lập một đơn vị/bộ phận/ủy ban chịu trách nhiệm giám sát/ quản lý các vấn đề quản trị bền vững không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững (thuộc BCTN) - mục Mô hình quản trị hướng đến phát triển bền vững
(B) C.1.5	Công ty có công bố các hoạt động giám sát của thành viên HĐQT đối với việc quản trị các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững không?	✓	Thể hiện tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu - Mục Việc giám sát các cơ hội và rủi ro khí hậu của Hội đồng quản trị công bố trên website ngân hàng.

(B)D. Công bố thông tin và minh bạch

(B) D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?	✗	BCTC Kiểm toán năm 2023 được công bố trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.
--------------	--	---	---

(B)E. Trách nhiệm của hội đồng quản trị

(B) E.2.2	Ủy ban bổ nhiệm có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	✓	Ủy ban Nhân sự của VPBank nêu cao việc xây dựng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT bám sát với định hướng chiến lược Ngân hàng.
--------------	--	---	--

THẺ ĐIỂM THƯỜNG

(B)E.5.1	HDQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và tích hợp vào khung quản trị rủi ro chung của ngân hàng?	✓	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Nhận diện và quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu, Khối quản trị rủi ro.
(B)E.6.1	Công ty có Ủy ban quản lý Rủi ro riêng biệt?	✓	VPBank có thành lập Ủy ban QTRR.

THẺ ĐIỂM PHẠT

(P)A. Quyền của cổ đông

(P) A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	✓	Vpbank không ghi nhận phản ánh liên quan đến rào cản về việc trao đổi thông tin giữa các cổ đông.

Cổ đông có quyền tham gia:

(P) A.2.2	Sửa đổi điều lệ công ty?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 37).
(P) A.2.3	Việc ủy quyền phát hành thêm cổ phiếu?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 37).
(P) A.2.4	Việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc phần lớn tài sản, dẫn đến việc bán công ty?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 37).
(P) A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.3.2	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch các Ủy ban và TGD có vắng mặt trong kỳ ĐHĐCĐ gần đây nhất không?	✓	Tham dự đầy đủ.

Công ty không công bố sự tồn tại của:

(P) A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại không?	✓	Không phát sinh tại VPBank.

(P)B. Đối xử công bằng với cổ đông

(P) B.1.1	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, Ban điều hành và nhân viên công ty trong ba năm qua?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P)B.1.2	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	✓	Đúng. Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 11, 14), công bố trên website ngân hàng.

THẺ ĐIỂM PHẠT			
(P)B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P)B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiểm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Khoản 2c, Điều 33) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 32), công bố trên website ngân hàng.
(P)B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 32) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 32, 33, 34), công bố trên website ngân hàng.
(P)C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan			
(P) C.1.1	Có vi phạm pháp luật nào liên quan đến các vấn đề lao động/việc làm/khách hàng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hoặc môi trường không?	✓	VPBank chưa ghi nhận bất kỳ vi phạm pháp luật nào liên quan đến các vấn đề lao động/việc làm/khách hàng/vỡ nợ/thương mại/cạnh tranh hoặc môi trường.
(P) C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) C.2.2	Có bằng chứng nào cho thấy công ty đang tham gia vào các hoạt động quảng cáo xanh (greenwashing) không?	✓	VPBank đã xây dựng chính sách khung tín dụng xanh với sự tư vấn của IFC để đưa ra các nguyên tắc và hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng và quản lý các khoản vay bền vững huy động từ các đối tác quốc tế để tài trợ cho các dự án xanh. Khung đã được tổ chức Sustainability công nhận phù hợp với khuôn khổ Nguyên tắc tín dụng xanh 2020 do Hiệp hội thị trường tín dụng (Loan Market Association - LMA) ban hành và đóng góp cho các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
(P)D. Công bố thông tin và minh bạch			
(P) D.1.1	Công ty có nhận được “ý kiến loại trừ” trong Báo cáo kiểm toán độc lập?	✓	Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P)D.1.2	Công ty có nhận được “ý kiến bất lợi” trong Báo cáo kiểm toán độc lập?	✓	Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P) D.1.3	Công ty có nhận được “từ chối đưa ra ý kiến” trong Báo cáo kiểm toán độc lập?	✓	Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P)D.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) D.2.6	Thông tin chi tiết về việc tham dự của thành viên HĐQT trong tất cả các cuộc họp HĐQT được tổ chức trong năm	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Hội đồng quản trị.

THẺ ĐIỂM PHẠT

(P)E. Trách nhiệm của hội đồng quản trị

(P) E.1.1	Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin?	✓	VPBank tuân thủ đầy đủ các quy tắc và quy định về niêm yết.
(P) E.1.2	Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) E.2.1	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm* (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? <i>(*) Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011</i>	✓	Không phát sinh tại VPBank
(P) E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập?	✓	VPBank xác định rõ thành viên HĐQT độc lập.
(P) E.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) E.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là TGD của công ty trong 3 năm qua không?	✓	Chủ tịch HĐQT của VPBank không đồng thời là TGD điều hành.
(P) E.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	✓	Không phát sinh tại VPBank.



Giải thưởng, các sự kiện đáng chú ý, hoạt động từ thiện xã hội năm 2023

Giải thưởng 148

Các sự kiện đáng chú ý 148

Hoạt động từ thiện xã hội 150

1. Giải thưởng

Doanh nghiệp sáng tạo ASEAN 2023

(2023 ASEAN Enterprise Innovation Award)

Diễn đàn Kinh doanh IoT Châu Á
(2023 AIBP Enterprise Innovation)

Ứng dụng tài chính hàng đầu Việt Nam

(Top Publisher Awards in the Top Finance Apps category in Vietnam)

cho ứng dụng VPBank NEO – Nhà cung cấp thông tin dữ liệu thị trường trên nền tảng thiết bị di động toàn cầu Data. AI

Ngân hàng xuất sắc nhất năm trong lĩnh vực quản trị rủi ro khí hậu

Climate Risk Manager of the year – Asia Risk Award

2. Các sự kiện đáng chú ý

VPBank đã đạt thỏa thuận bán

15% cổ phần

cho ngân hàng lớn thứ 2 Nhật Bản SMBC, chính thức đưa SMBC trở thành nhà đầu tư chiến lược của ngân hàng

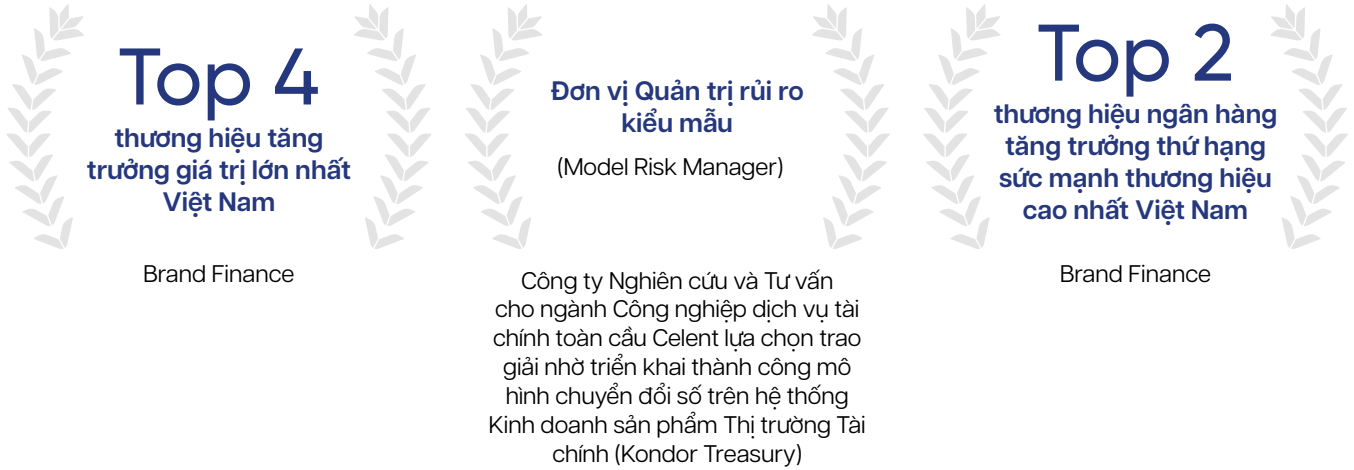
Tháng 3

Tháng 4

Tháng 6 & 7



- Giải chạy VPBank Bắc Giang Marathon được tổ chức nhằm thúc đẩy tinh thần thể dục thể thao, lan tỏa tinh thần thịnh vượng thể chất và vun đắp giá trị thịnh vượng cộng đồng thông qua hoạt động đăng ký mua BIB gây Quỹ từ thiện xã hội
- VPBank ký kết hợp tác chiến lược với Amazon Web Services (AWS), công ty công nghệ thuộc Tập đoàn Amazon, nhằm cung cấp cho khách hàng những trải nghiệm ngân hàng số ưu việt với các công nghệ tài chính tiên tiến nhất
- Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm Ba3, triển vọng ổn định cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) trong kỳ đánh giá tháng 4



Tăng 32 bậc trong bảng xếp hạng 500 thương hiệu ngân hàng có giá trị lớn nhất toàn cầu của Brand Finance, giá trị thương hiệu VPBank đạt gần

1,3 tỷ USD

Tháng 8

Giải chạy thường niên VPIM tổ chức thành công, thu hút

10.625
vận động viên

đến từ 38 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia

Tháng 10

Tháng 9

Lễ ký Cam kết thu xếp tài chính giữa DFC và VPBank được tổ chức trang trọng tại trụ sở chính của VPBank tại Hà Nội sáng ngày 10/09/2023, dưới sự chứng kiến của Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam – ông Marc Knapper, Đặc phái viên Tổng thống Hoa Kỳ về Khí hậu – ông John Kerry, Tổng giám đốc DFC – ông Scott Nathan, và Chủ tịch HĐQT VPBank – ông Ngô Chí Dũng, cùng nhiều lãnh đạo cấp cao của hai tổ chức

Tháng 11

Đêm nhạc Westlife được ngân hàng tài trợ diễn ra, thu hút đông đảo fan hâm mộ ban nhạc quốc tế đình đám này tại Việt Nam, qua đó giúp ngân hàng đạt hiệu ứng truyền thông thương hiệu vượt trội

3. Hoạt động trách nhiệm xã hội

CSR - lan tỏa dấu ấn một thương hiệu nhân văn

Các hoạt động Trách nhiệm xã hội (CSR) đã và đang tô đậm dấu ấn về VPBank như một thương hiệu ngân hàng nhân văn, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

Nổi dài thành công của hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) từ những năm trước, trong năm 2023, VPBank tập trung vào công tác tài trợ xây dựng điểm trường tại nhiều khu vực khó khăn và hỗ trợ người nghèo tại nhiều tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Tổng ngân sách dành cho CSR của ngân hàng lên tới hơn 148 tỷ đồng, chủ yếu tập trung cho các dự án giáo dục, y tế và an sinh xã hội do VPBank khởi xướng hoặc kết hợp với các đơn vị truyền thông uy tín.

Xuyên suốt trong nhiều tháng, VPBank đã đồng hành cùng chương trình Cặp lá yêu thương của VTV, hỗ trợ 30 điểm trường khó khăn tại Hà Giang, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Nghệ An và Long An - những khu vực còn nhiều thiếu thốn về cơ sở hạ tầng điện - đường - trường - trạm và khó khăn trong phát triển kinh tế địa phương.





Điểm nhấn trong hoạt động xây dựng điểm trường của VPBank bao gồm sự kiện khánh thành Trường THPT chất lượng cao Nguyễn Trung Trực - Bến Lức tại Long An. Ngôi trường này được VPBank tài trợ xây dựng toàn bộ, phục vụ hơn 1.800 học sinh và giáo viên trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, ngân hàng tiếp tục dành nguồn lực lớn xây dựng Trường THPT chất lượng cao Võ Văn Tấn - cũng tại tỉnh Long An, qua đó hỗ trợ cải thiện cơ sở hạ tầng giáo dục của tỉnh, mở đường cho nguồn cung nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy phát triển kinh tế tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Có thể nói, các hoạt động CSR đã góp phần lan tỏa một hình ảnh tích cực và nhân văn về VPBank trong cộng đồng và xã hội. Trong đó, chuỗi phóng sự hỗ trợ các điểm trường của Ngân hàng, phối hợp thực hiện với VTV, đã thu hút sự quan tâm mạnh mẽ từ cộng đồng, với hơn 270 triệu lượt xem và tương tác trên các nền tảng truyền hình và mạng xã hội. Chương trình đạt rating trung bình 5,5, đứng top 2 các chương trình truyền hình được xem nhiều nhất trên kênh VTV1.

Thông qua các chương trình xây trường học, xây bếp ăn, xây nhà, trao gửi yêu thương và sự ấm áp tới các em nhỏ hay người dân nghèo ở các khu vực hẻo lánh, xa xôi, mối liên hệ gắn kết giữa người VPBank với cộng đồng địa phương nơi ngân hàng hoạt động đã được củng cố. Và không chỉ có sự gắn kết bên ngoài, người VPBank đã thực sự xích lại gần nhau hơn qua các chuyến đi thực tế làm thiện nguyện tại nhiều vùng miền trên Tổ quốc.

Hành trình xây trường của VPBank, bên cạnh các hoạt động thiện nguyện như xây nhà tình nghĩa và tài trợ các dụng cụ y tế thiết thực vẫn sẽ được tiếp tục được nối dài sang năm 2024, với ít nhất 30 điểm trường đã nằm trong kế hoạch.

Các hoạt động CSR đã và đang tô đậm dấu ấn về VPBank như một thương hiệu ngân hàng nhân văn, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng, hướng tới sứ mệnh "Vì một Việt Nam thịnh vượng" và sự phát triển bền vững trong dài hạn.



Báo cáo phát triển bền vững

Thông điệp của Ban Lãnh Đạo	154
Chiến lược phát triển bền vững	156
Thành tựu nổi bật trong năm 2023 của VPBank	158
Tổng quan về báo cáo thông tin	159
Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu	160
Xác định rõ ràng các lĩnh vực trọng yếu	164
Mô hình quản trị định hướng phát triển bền vững	166
Thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững	172
Tham gia thúc đẩy xu hướng phát triển vững chắc của thị trường	182
Đóng góp kiến tạo nền tảng giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội	183
Đóng góp bảo vệ môi trường	192

1. Thông điệp của Ban lãnh đạo



Kinh tế thế giới đã trải qua một năm 2023 đầy biến động và nhiều thách thức. Các chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát, cùng sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do gia tăng căng thẳng địa chính trị tiếp tục đè nặng lên hoạt động của nhiều lĩnh vực của nền kinh tế. Đi đôi với tình trạng bất bình của kinh tế thế giới, năm 2023 còn là năm nóng kỷ lục trên diện rộng tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, theo ghi nhận của Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO). Dưới tác động của hiện tượng nóng lên toàn cầu, các hình thái thời tiết cực đoan như lũ lụt, sóng nhiệt, hạn hán và cháy rừng đang hoành hành tại nhiều khu vực trên thế giới, làm trầm trọng thêm những thách thức về kinh tế - xã hội, như an ninh năng lượng, an ninh lương thực, di cư, giảm sút khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Năm 2024 được dự báo sẽ tiếp tục đạt ngưỡng kỷ lục mới về sự nóng lên toàn cầu do xu hướng gia tăng cường độ của hiện tượng El Nino. Số liệu thống kê về các kỷ lục khí hậu liên tục bị phá vỡ đã gióng lên hồi chuông cảnh báo về việc các quốc gia cần hành động một cách đồng nhất, quyết liệt và thực tế hơn để hạn chế những rủi ro về khí hậu trong trung - dài hạn. Là một trong các quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, Việt Nam dự kiến sẽ chịu tổn thất khoảng 12-14,5% GDP mỗi năm vào năm 2050 do các tác động của biến đổi khí hậu nếu không có các biện pháp ứng phó và giảm thiểu phù hợp¹. Chính vì lẽ đó, các hoạt động chống biến đổi khí hậu và sáng kiến bền vững khác luôn giữ vai trò trọng tâm trong chiến lược phát triển của VPBank.

Đóng vai trò trung tâm trong hoạt động dịch chuyển dòng vốn của nền kinh tế nhằm thúc đẩy các sáng kiến giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu, hệ thống ngân hàng nói chung và VPBank nói riêng hành động theo một chiến lược phát triển bền vững nhất quán. Tuyên ngôn thương hiệu “Vì một Việt Nam thịnh vượng” của ngân hàng thể hiện rõ nét khát vọng kiến tạo sự phồn thịnh chung mang tầm quốc gia, đánh dấu tầm nhìn cho giai đoạn phát triển mới phù hợp với bối cảnh xã hội hiện tại. VPBank cam kết chung tay xây dựng một xã hội và cộng đồng nơi thế hệ hiện tại không chỉ kiến tạo và tận hưởng, mà còn trao truyền các giá trị thịnh vượng bền vững cho thế hệ tương lai.

VPBank, theo đó, cam kết sử dụng nguồn lực tài chính có trách nhiệm để đảm bảo công bằng tài chính, thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải carbon thấp, đẩy mạnh chuyển đổi số nâng cao trải nghiệm khách hàng và thực hiện các hoạt động an sinh xã hội. VPBank tin tưởng việc đầu tư vào sức khỏe cộng đồng thông qua việc giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội sẽ mang lại các giá trị lợi ích lâu dài cho ngân hàng và tạo ra giá trị đa chiều cho nền kinh tế và toàn xã hội.

Bên cạnh đó, nhằm nhận diện những thách thức và cơ hội của các nhóm khách hàng khác nhau, VPBank chú trọng xây dựng, tôn vinh và lan tỏa các giá trị văn hóa đa dạng gắn với bình đẳng giới tại nơi làm việc. Cách tiếp cận này giúp ngân hàng tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường nhân tài, thu hút và giữ chân được những cá nhân xuất sắc. Đáng chú ý, trong năm 2023, VPBank đã kiện toàn chiến lược Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) toàn diện được HĐQT thông qua nhằm xác định nhiệm vụ triển khai các sáng kiến, giải pháp về phát triển bền vững của từng đơn vị trong hệ thống, đảm bảo bám sát các chính sách và định hướng của HĐQT.

Những nỗ lực của VPBank trong hành trình phát triển bền vững đã được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đánh giá cao. Ngân hàng là đại diện Việt Nam duy nhất được vinh danh trong khuôn khổ giải thưởng cấp châu lục Energy Risk Asia Awards 2023 tại hạng mục “Ngân hàng xuất sắc nhất trong lĩnh vực quản trị rủi ro khí hậu”. Cùng với đó, VPBank cũng lần thứ năm liên tiếp lọt top 20 doanh nghiệp Việt Nam có chỉ số Phát triển bền vững cao nhất của HOSE. Đồng thời, ngân hàng cũng tiếp tục duy trì điểm rủi ro môi trường - xã hội và quản trị ở mức trung bình thấp theo đánh giá của Moody's. Điều này cho thấy các rủi ro môi trường và xã hội tiếp tục được quản lý hiệu quả để hạn chế tác động tới đến hoạt động của ngân hàng.

Trong chiến lược phát triển 5 năm (2022-2026), VPBank kiên định với chiến lược trở thành ngân hàng xanh và bền vững hàng đầu Việt Nam. Sự đồng hành của cổ đông chiến lược SMBC, với tiềm lực tài chính hùng hậu và bề dày kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, được kỳ vọng sẽ chấp thêm cánh cho VPBank trên hành trình hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững. Với uy tín ngày càng tăng cao trên trường quốc tế, VPBank không ngừng tìm kiếm cơ hội hợp tác cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính vượt trội hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam phát triển theo hướng kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, giảm thiểu dấu chân carbon và đáp ứng các tiêu chí sản xuất khắt khe của thế giới, từ đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của cộng đồng doanh nghiệp nội địa.

Dưới đây là bức tranh tổng quan để giúp các bên liên quan hiểu được cách tiếp cận của VPBank với các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường. VPBank khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan, nhằm kiến tạo sự thấu hiểu đa chiều trong nỗ lực đóng góp vào quá trình chuyển đổi bền vững của Việt Nam, bởi một tương lai bền vững chỉ có thể được thực hiện khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể khác nhau trong nền kinh tế.

¹ Ngân hàng Thế giới: Những điểm chính của Báo cáo quốc gia về Khí hậu và Phát triển của Việt Nam
<https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/brief/key-highlights-country-climate-and-development-report-for-vietnam>

2. Chiến lược phát triển bền vững

Tầm nhìn

- Trở thành ngân hàng có vị trí vững chắc trong top 3 ngân hàng lớn nhất Việt Nam và quy mô thuộc top 100 ngân hàng lớn nhất châu Á, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và thịnh vượng của quốc gia và cộng đồng.
- VPBank chuyển mình mạnh mẽ trên con đường trở thành ngân hàng xanh hàng đầu Việt Nam, đóng góp toàn diện cho các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường và kiến tạo tương lai phát triển bền vững.



Nhiệm vụ

- Tiên phong đổi mới, nâng tầm chất lượng giải pháp tài chính vượt trội cho khách hàng và đối tác thông qua việc mở rộng hệ sinh thái đa tầng cùng với việc tăng tốc chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trên tất cả các phân khúc và sản phẩm;
- Tạo lập “Giá trị nhiều hơn - Tác động tiêu cực ít hơn” thông qua nguyên tắc cho vay có trách nhiệm đảm bảo tài chính công bằng và bình đẳng cho các hoạt động phát triển bền vững;
- Tối đa hóa lợi ích lâu dài và giá trị gia tăng cho tất cả các bên liên quan;
- Tạo điều kiện tốt nhất để tất cả nhân viên khai thác tiềm năng và phát triển một cách toàn diện.

Hành động

Hiệu quả kinh tế

Thành công của chúng tôi mang lại lợi ích cho các bên liên quan

MỤC TIÊU: Tăng trưởng tín dụng và đẩy mạnh số hoá



Tài chính bền vững

Phát triển giải pháp tài chính xanh và tài chính xã hội để hỗ trợ chuyển đổi sang nền kinh tế trung hoà carbon, kinh tế tuần hoàn, đảm bảo tài chính công bằng.

MỤC TIÊU: Tăng trưởng tài chính bền vững



Đem lại giá trị bền vững cho các bên liên quan

Hoạt động của chúng tôi tuân theo nguyên tắc cho vay có trách nhiệm

MỤC TIÊU: Đảm bảo công bằng, trách nhiệm và minh bạch trong các sản phẩm, dịch vụ.



Gia tăng Giá trị

Giảm thiểu Tác động tiêu cực

Quản lý rủi ro môi trường và xã hội

Chúng tôi kiểm soát các rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng

MỤC TIÊU: Ngăn chặn các dự án có tác động không thể đảo ngược



Hiệu quả tài nguyên

Chúng tôi quản lý chất thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng

MỤC TIÊU: Giảm thiểu nhiên liệu tiêu thụ hàng năm



An toàn - Sức khỏe

Chúng tôi xây dựng một nơi làm việc an toàn, lành mạnh và hiệu quả

MỤC TIÊU: Không xảy ra tai nạn lao động, góp phần nâng cao sức khoẻ thể chất và tinh thần



3. Thành tựu nổi bật trong năm 2023 của VPBank



Top 2 ngân hàng có chỉ số sức mạnh thương hiệu tăng trưởng cao nhất Việt Nam

theo đánh giá của Brand Finance



Top 4 thương hiệu tăng trưởng giá trị lớn nhất Việt Nam

theo đánh giá của Brand Finance



Top 5 thương hiệu tài chính dẫn đầu Việt Nam

theo đánh giá của Forbes Việt Nam



Top 10 doanh nghiệp xanh và phát triển bền vững

theo đánh giá của Hiệp hội Công nghiệp Môi trường Việt Nam



Ngân hàng xuất sắc nhất năm trong lĩnh vực quản trị rủi ro khí hậu

do Tạp chí Asia Risk trao tặng



Top 20 doanh nghiệp có chỉ số Phát triển bền vững cao nhất

theo đánh giá của HOSE



Doanh nghiệp sáng tạo ASEAN 2023

do Tạp chí Asia Risk trao tặng



Ứng dụng tài chính hàng đầu Việt nam

cho nền tảng ngân hàng số VPBank NEO do Data.AI trao tặng



Ngân hàng dẫn đầu các giải pháp thanh toán không tiền mặt

với 10 giải thưởng danh giá do Mastercard và VISA trao tặng

4.

Tổng quan về thông lệ báo cáo

Tiêu chuẩn áp dụng và nguyên tắc báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững của VPBank được thực hiện dưới dạng báo cáo tích hợp lồng ghép với Báo cáo thường niên năm 2023 của VPBank. Công bố thông tin đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính, cũng như dựa trên cơ sở tham chiếu các tiêu chuẩn về hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) và các Mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) của Liên hợp quốc. VPBank luôn nỗ lực công khai, minh bạch trong công tác công bố thông tin theo các tiêu chuẩn được chấp nhận toàn cầu, nhằm giúp các bên liên quan hiểu rõ hơn về các tác động đối với môi trường, kinh tế và xã hội đến của các hoạt động nghiệp vụ, cũng như tạo thuận lợi cho việc tra cứu thông tin của cổ đông và nhà đầu tư.

VPBank lựa chọn các nội dung công bố dựa trên các nguyên tắc báo cáo của GRI, bao gồm (i) Đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan, (ii) Bối cảnh phát triển bền vững, (iii) Tính trọng yếu và (iv) Tính đầy đủ. Các nội dung công bố cũng được tham chiếu tới SDGs liên quan để thể hiện đóng góp của VPBank trong việc thực hiện những mục tiêu này.

Nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề

Các khía cạnh và chủ đề phát triển bền vững được lựa chọn trình bày trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2023 của VPBank được định kỳ rà soát và cập nhật hàng năm thông qua việc thực hiện phân tích tính trọng yếu trong mối tương quan với hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của ngân hàng, bối cảnh phát triển bền vững của quốc gia và toàn cầu. Tổng Giám đốc, đồng thời là thành viên HĐQT, là người trực tiếp rà soát và phê duyệt chính thức Báo cáo Phát triển bền vững của ngân hàng và đảm bảo rằng tất cả các chủ đề trọng yếu được đề cập đầy đủ.

VPBank tiếp tục nỗ lực cải thiện chất lượng Báo cáo Phát triển bền vững năm 2023 thông qua sự mở rộng về danh mục và ranh giới chủ đề được trình bày so với năm 2022, để đáp ứng đầy đủ các tiêu chí thuộc tùy chọn “Cốt lõi” của tiêu chuẩn GRI và hướng tới áp dụng các tiêu chí thuộc tùy chọn “Toàn diện”. VPBank đảm bảo sự công bố rộng rãi, chi tiết và minh bạch những đóng góp của mình cho mục tiêu phát triển bền vững và giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến chủ đề xã hội, môi trường và khí hậu.

Tổng quan về công bố thông tin theo tiêu chuẩn GRI được trình bày trong Phụ lục. Báo cáo phát triển bền vững.

5. Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu

VPBank xác định nguyên tắc kinh doanh đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm xã hội. Xuyên suốt trong năm, VPBank tăng cường kết nối và tích cực thảo luận với các bên liên quan về các chủ đề môi trường, xã hội, quản trị (ESG) và chống biến đổi khí hậu; qua đó, tiếp tục mở rộng và củng cố mối quan hệ hợp tác chặt chẽ. Đáng chú ý, để đảm bảo ý kiến của các cá nhân và tổ chức bên ngoài về các vấn đề môi trường và xã hội của VPBank và các khách hàng của VPBank được kịp thời tiếp nhận và xử lý, ngân hàng đã thiết lập các kênh tiếp nhận ý kiến trực tiếp thông qua bộ phận chuyên trách về môi trường và xã hội, thuộc Khối Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ và gián tiếp thông qua kênh đường dây nóng của ngân hàng. Quá trình trao đổi này giúp VPBank chủ động nhận diện được các vấn đề mang tính thời sự. Đây là cơ sở quan trọng để kịp thời rà soát và cập nhật định hướng hợp tác phát triển đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên.

Các bên liên quan	Kênh truyền thông/ gặp gỡ	Tần suất đối thoại	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của VPBank
Người lao động	Truyền thông nội bộ (Bản tin VPToday, EOffice, VP Radio, ứng dụng MyVPBank)	Liên tục	- Môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn; - Chế độ phúc lợi tương xứng với năng lực và mức độ đóng góp của nhân viên;	- Truyền thông để người lao động được cập nhật đầy đủ các thông tin của ngân hàng: hoạt động, sự kiện, kết quả kinh doanh và thành tựu nổi bật cũng như các chính sách, quy định nội bộ; - Đảm bảo sự minh bạch và thực hiện đầy đủ các chế độ lương thưởng, phúc lợi với người lao động và tự động hóa để tăng cường chất lượng các quy trình, dịch vụ nhân sự hướng tới hài lòng của người lao động;
	Sự kiện định kỳ nội bộ (giao lưu văn nghệ thể thao, thi đua văn hóa doanh nghiệp)	Định kỳ hàng quý/ hàng năm	- Lộ trình thăng tiến minh bạch và bình đẳng; - Chương trình đào tạo phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp;	
	Đào tạo nội bộ (VPBank Learning Academy)	Liên tục	Văn hóa và giá trị công ty hướng đến kiến tạo giá trị lâu dài cho xã hội.	
	Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên	Liên tục		

Các bên liên quan	Kênh truyền thông/ gặp gỡ	Tần suất đối thoại	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của VPBank
	Kênh liên lạc khác (website, diễn đàn, mạng xã hội, kênh tiếp nhận khiếu nại)	Liên tục		- Các chương trình đào tạo và củng cố văn hóa doanh nghiệp được thiết kế riêng cho từng cấp bậc để người lao động được phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phục vụ công việc; trong đó, bao gồm đào tạo về quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng và quyền con người; - Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh với cơ chế khiếu nại tố cáo để bảo vệ quyền lợi của người lao động
Khách hàng	Chi nhánh, Phòng giao dịch	Hàng ngày	- Nhu cầu sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính; - Phản ánh chất lượng các sản phẩm, dịch vụ do ngân hàng cung cấp; - Bảo mật thông tin khách hàng.	- Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ thông tin về: - Các sự kiện, sản phẩm, dịch vụ, chương trình ưu đãi của ngân hàng (bao gồm Chương trình Tài chính bền vững) đảm bảo sự minh bạch, dễ hiểu về các chi phí liên quan cũng như kết quả kinh doanh, thành tích nổi bật của ngân hàng; - Thay đổi của các quy định của cơ quan quản lý nhà nước ảnh hưởng tới quyền lợi của khách hàng; - Khuyến cáo về các thủ đoạn gian lận, lừa đảo và các thông tin khác đảm bảo quyền lợi và an ninh thông tin cho khách hàng; - Nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua ứng dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo tính bảo mật và an toàn cho thông tin khách hàng; - Đảm bảo việc tương tác, tiếp nhận các ý kiến một cách thường xuyên để nâng cao chất lượng sản phẩm/ dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu riêng biệt của từng nhóm khách hàng.
	Cổng chăm sóc, dịch vụ khách hàng 24/7	Liên tục		
	Website chính thức, mạng xã hội, ứng dụng của ngân hàng	Liên tục		
	Thông tin từ các phương tiện truyền thông đại chúng	Liên tục		
	Kênh liên lạc khác (email, tin nhắn)	Liên tục		
Cổ đông/ Nhà đầu tư	Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)	Họp thường niên 01 lần/năm hoặc họp bất thường	Hiệu quả kinh doanh và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư;	Duy trì đà tăng trưởng bền vững, giữ vững giá trị cổ phiếu trong dài hạn nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư và thực hiện chi trả cổ tức trong năm 2023 với tỷ lệ 10%;
	Họp công bố kết quả kinh doanh và gặp gỡ Nhà đầu tư	Định kỳ hàng quý		

Các bên liên quan	Kênh truyền thông/ gặp gỡ	Tần suất đối thoại	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của VPBank
Cổ đông/ Nhà đầu tư	Bản tin IR	Định kỳ hàng quý	- Quản trị doanh nghiệp hiệu quả với sự giám sát chặt chẽ về các vấn đề tài chính, quản lý rủi ro và chính sách tín dụng; - Công bố thông tin minh bạch và kịp thời; - Tôn trọng và thực thi đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đã cam kết.	- Tổ chức các hoạt động quan hệ nhà đầu tư để định kỳ cập nhật, trả lời các câu hỏi của cổ đông và nhà đầu tư về kết quả kinh doanh, triển vọng phát triển của ngân hàng, tác động của các biến động của thị trường lên hoạt động của ngân hàng; - Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định; - Chủ động trao đổi để cổ đông, nhà đầu tư hiểu được về chính sách, thực hành quản trị ESG cùng các sản phẩm tài chính bền vững của ngân hàng.
	Hội thảo, tọa đàm do các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư trong và ngoài nước tổ chức	Liên tục		
	Kênh liên lạc khác (website, mạng xã hội, trao đổi qua email, điện thoại)	Liên tục		
Đối tác khác (Bên cho vay/ Đơn vị đánh giá độc lập)	Họp trực tiếp với đại diện Ban lãnh đạo	Nhiều lần/ năm theo yêu cầu của phía đối tác	- Các trách nhiệm, nghĩa vụ hai bên cùng thỏa thuận và cam kết bao gồm cam kết về quản trị rủi ro và môi trường xã hội; - Minh bạch để nâng cao hiểu biết của đối tác về các chính sách, thực hành quản trị doanh nghiệp, quản lý tác động của ngân hàng đối với các vấn đề môi trường và xã hội.	- Tôn trọng và thực thi đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ VPBank đã cam kết; - Thúc đẩy trao đổi và đóng góp ý kiến cho các sáng kiến, tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế hàng đầu liên quan đến quản lý rủi ro ESG và tài chính bền vững; - Thực hiện đánh giá về mức độ tuân thủ của ngân hàng đối với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về thực hành quản trị ESG theo yêu cầu của đối tác; - Trong năm 2023, VPBank đã tích cực tham gia 09 cuộc họp và hội thảo với chuyên đề ESG do các tổ chức tài chính quốc tế tổ chức, 01 chương trình đánh giá về hiệu suất quản trị ESG do tổ chức xếp hạng độc lập tổ chức. VPBank là nhà tài trợ cấp cao cho Diễn đàn Kinh tế Xanh 2023 do Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu (EuroCham) Việt Nam tổ chức. Sự kiện có sự tham gia của các lãnh đạo đầu ngành, nhà hoạch định chính sách, cộng đồng doanh nghiệp của châu Âu và Việt Nam.
	Kênh liên lạc khác (email, điện thoại)	Liên tục		
Nhà cung ứng dịch vụ	Họp trực tiếp	Nhiều lần/ năm	- Chất lượng sản phẩm, dịch vụ; - Các trách nhiệm và nghĩa vụ hai bên cùng thỏa thuận và cam kết.	Đánh giá năng lực của đối tác trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ đáp ứng đúng nhu cầu để lựa chọn, làm việc và ứng xử với nhà cung cấp theo chính sách, quy trình minh bạch của ngân hàng đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật;

Các bên liên quan	Kênh truyền thông/ gặp gỡ	Tần suất đối thoại	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của VPBank
	Kênh liên lạc khác (email, điện thoại)	Liên tục		• Đối xử công bằng, tôn trọng và thực thi đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ VPBank đã cam kết; • Nâng cao nhận thức của nhà cung ứng dịch vụ về thực hành quản trị doanh nghiệp, thực thi yêu cầu tuân thủ môi trường xã hội để loại trừ tác động tiêu cực trong chuỗi cung ứng.
Chính phủ/ Cơ quan quản lý Nhà nước (CQQLNN)	Công văn, tờ trình và báo cáo gửi CQQLNN theo quy định	Định kỳ theo quy định của CQQLNN		• Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng;
	Họp trực tiếp	Nhiều lần/năm theo yêu cầu CQQLNN	• Các quy định của pháp luật; • Quản trị rủi ro, góp phần ổn định kinh tế, kiểm soát lạm phát, tạo động lực kinh tế phát triển bền vững; • Quản trị tác động của hoạt động tài chính với môi trường và xã hội.	• Định kỳ báo cáo đầy đủ theo quy định và nhiệt tình phối hợp với CQQLNN khi có yêu cầu; • Đóng góp ý kiến cho các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm 03 văn bản về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng và tài chính bền vững. Tham gia 07 cuộc họp liên quan đến chủ đề ESG do CQQLNN tổ chức;
	Kênh liên lạc khác (email, điện thoại)	Liên tục		• Thực hiện theo các chính sách kinh tế của CQQLNN bao gồm các chủ trương về tín dụng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn để tích cực đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.
Cơ quan truyền thông	Thông cáo báo chí, bản tin/ chương trình truyền hình	Liên tục		• Phối hợp chặt chẽ với cơ quan truyền thông để cung cấp các thông tin minh bạch và kịp thời tới công chúng;
	Các kênh liên lạc khác (website, email, điện thoại)	Liên tục	• Kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ, chiến lược phát triển của ngân hàng; • Thông tin, sự kiện quan trọng, giải thưởng của ngân hàng; • Hình ảnh thương hiệu.	• Các sự kiện đáng chú ý, sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng (bao gồm Chương trình Tài chính bền vững) cũng như kết quả kinh doanh, thành tích nổi bật của ngân hàng; • Các nội dung khác mà dư luận quan tâm. • Cử chuyên gia tham gia trả lời phỏng vấn chuyên sâu/ gặp gỡ đối thoại trên truyền hình nhằm giải đáp câu hỏi, thắc mắc của báo chí về các chủ đề liên quan.

Các bên liên quan	Kênh truyền thông/ gặp gỡ	Tần suất đối thoại	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của VPBank
Cộng đồng địa phương	Kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp về các vấn đề môi trường và xã hội	Liên tục	- Công bằng tài chính cho các cá nhân và doanh nghiệp; - Cơ hội việc làm cho người dân địa phương; - Chương trình phát triển cộng đồng và kinh tế địa phương; - Hoạt động an sinh xã hội.	Tiếp nhận và phản hồi ý kiến về môi trường và xã hội từ cộng đồng qua các kênh tiếp nhận của VPBank;
	Trao đổi và phối hợp cùng chính quyền địa phương	Liên tục		Đóng góp tích cực vào việc đẩy mạnh kinh tế bền vững và tạo việc làm cho cộng đồng;
	Website chính thức của ngân hàng	Liên tục		Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội, thiện nguyện (như xây dựng quỹ ủng hộ, trường học tình nghĩa) mà VPBank chủ động hoặc phối hợp thực hiện với các đơn vị khác và truyền thông rộng rãi các thông tin sau mỗi sự kiện.
	Thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng	Thường xuyên sau mỗi sự kiện		

6.

Xác định rõ ràng các lĩnh vực trọng yếu

Các đơn vị chuyên trách các nhiệm vụ quản trị ESG đã thực hiện phân tích và đánh giá mức độ quan tâm của các bên liên quan và tầm quan trọng đối với hoạt động của ngân hàng đặt trong mối liên hệ với các mục tiêu, nguyên tắc phát triển bền vững của VPBank, nhằm xác định các lĩnh vực trọng yếu, làm cơ sở lựa chọn và xây dựng các nội dung báo cáo phát triển bền vững. Chi tiết quy trình lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu như sau:

1. Theo dõi sát sao bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước để kịp thời ghi nhận các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững của quốc gia và trên thế giới. Phân tích ý kiến trong các buổi trao đổi với cổ đông, nhà đầu tư, các buổi hội thảo, làm việc trực tiếp với chuyên gia của các bên cho vay, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan báo chí truyền thông, đơn vị đánh giá độc lập cùng các ý kiến phản hồi từ các bên hữu quan nội bộ và bên ngoài mà VPBank thu thập được từ các kênh tương tác khác để tổng hợp danh sách các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững;

2. Ghi nhận mức độ quan tâm và đánh giá của các bên liên quan trọng yếu đã xác định về tầm ảnh hưởng của các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững này để xác định các vấn đề trọng yếu, nhận được đồng thuận sự quan tâm;
3. Xác định các vấn đề trọng yếu đối với VPBank dựa trên phân tích mối quan hệ giữa tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và mức độ ảnh hưởng tới quyết định của các bên liên quan;
4. Tham vấn ý kiến của quản lý cấp cao dựa trên cơ sở đánh giá thêm mối liên hệ của các vấn đề trọng yếu đang đề xuất với 17 mục tiêu Phát triển bền vững tới năm 2030 của Liên Hợp Quốc cũng như chiến lược, mục tiêu và nguyên tắc phát triển bền vững của VPBank;
5. Thống nhất lựa chọn các vấn đề trọng yếu để tập trung phân tích trong báo cáo.

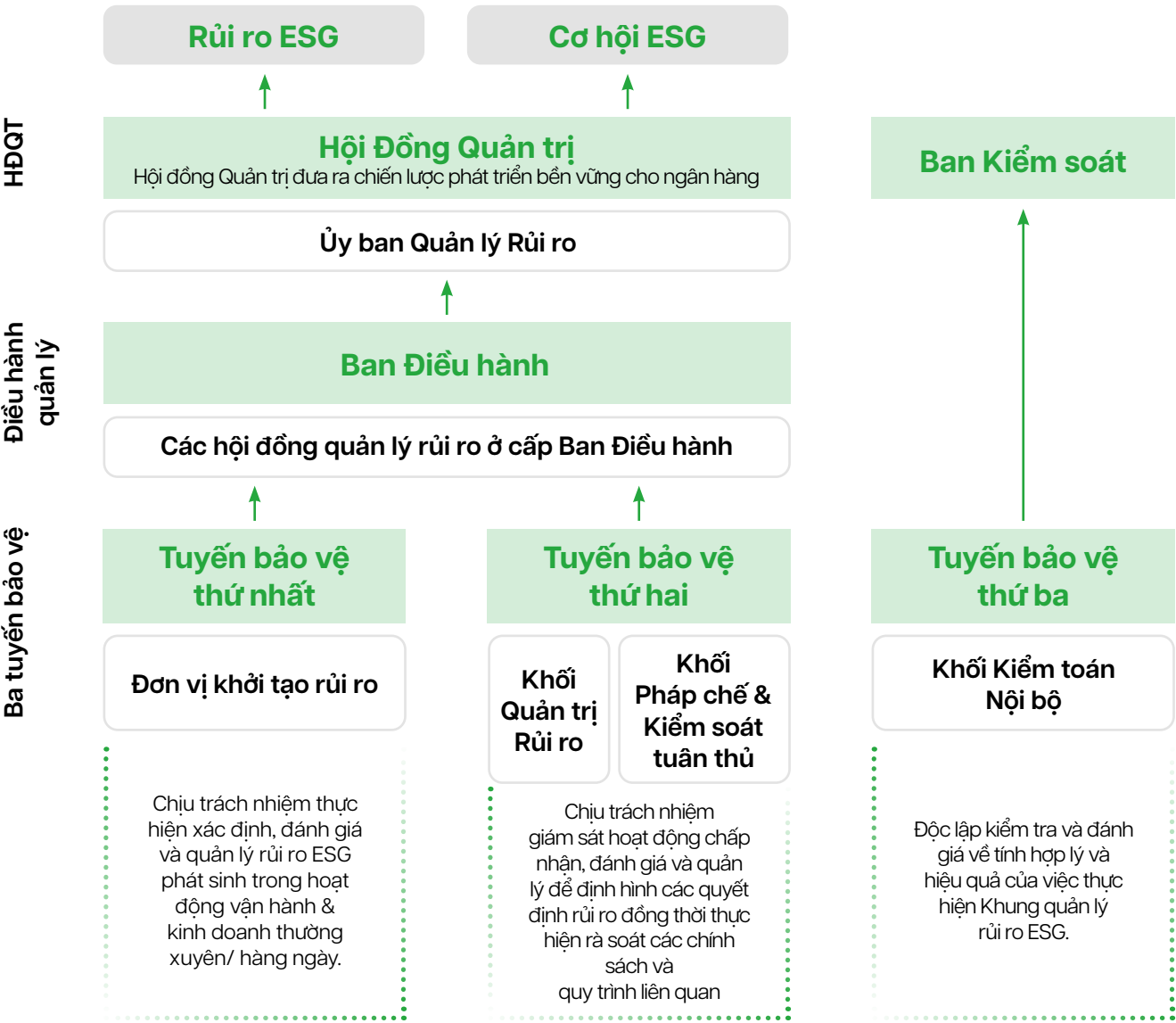
Dựa trên phân tích này, có tổng cộng 16 lĩnh vực trọng yếu được VPBank tập trung quản lý xoay quanh 3 trọng tâm kinh tế, môi trường và xã hội. Nổi bật trong đó, việc bảo vệ môi trường và nâng cao nhận thức đối với các vấn đề môi trường, đặc biệt là hành động vì mục tiêu chống biến đổi khí hậu không chỉ nhận được đồng thuận sự quan tâm của nhiều bên liên quan mà còn ngày càng gia tăng tác động tới hoạt động kinh doanh của VPBank thông qua các rủi ro khí hậu (rủi ro vật lý và chuyển đổi) hay các cơ hội kinh doanh mới đến từ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải carbon thấp. Phân tích này giúp VPBank xác định được các vấn đề ưu tiên để đảm bảo hiệu quả kinh doanh song song với phát triển bền vững.

Danh sách các lĩnh vực trọng yếu và mức độ ảnh hưởng tương ứng sẽ được VPBank rà soát và cập nhật hằng năm, phù hợp với những thay đổi trong mối quan tâm của các bên liên quan cũng như hoạt động kinh doanh của VPBank.



7. Mô hình quản trị hướng đến phát triển bền vững

Để đảm bảo toàn ngân hàng triển khai hiệu quả và từng bước hiện thực hóa kế hoạch phát triển bền vững bám sát định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị (HĐQT), VPBank áp dụng cơ cấu quản trị theo mô hình ba tuyến bảo vệ với chức năng, nhiệm vụ được phân công rõ ràng cho từng đơn vị, trên cơ sở tách chức năng giám sát ra khỏi chức năng điều hành. Cơ cấu quản trị này cùng quy trình quản lý rủi ro toàn diện được xây dựng dựa trên các thông lệ quốc tế hàng đầu, giúp VPBank chủ động quản lý các vấn đề ESG, đảm bảo ngân hàng hoạt động hiệu quả, an toàn trong phạm vi khẩu vị rủi ro mà ngân hàng sẵn sàng chấp nhận.



Tổng quan, HĐQT đưa ra định hướng chiến lược phát triển nhằm gia tăng giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan và giám sát việc triển khai chiến lược đã phê duyệt. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất đảm bảo việc thực thi và thúc đẩy lộ trình phát triển bền vững bám sát định hướng của HĐQT. Ban Điều hành (BDH) và các hội đồng quản lý rủi ro ở cấp BDH tích cực hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc triển khai chiến lược phát triển bền vững với vai trò và trách nhiệm cụ thể được phân công cho từng đơn vị chuyên môn. VPBank cũng xác định ba đơn vị chuyên trách để thúc đẩy các sáng kiến tăng cường năng lực quản trị ESG. Trong đó, Khối Quản trị Rủi ro thực hiện tích hợp việc quản lý rủi ro ESG vào khung quản lý rủi ro chung. Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ xây dựng hệ thống, chính sách quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Khối Thị trường Tài chính và Ngân hàng giao dịch huy động vốn quốc tế và đầu mối phối hợp với các đơn vị kinh doanh khác để thúc đẩy tài chính xanh và tài chính bền vững.

Vai trò của các cấp quản lý trong cơ cấu quản trị rủi ro ESG

HĐQT và Ủy ban cấp HĐQT	
HĐQT	- Cấp quản lý cao nhất có trách nhiệm giám sát BDH việc thiết lập và vận hành Khung quản lý rủi ro ESG; - Đặt ra định hướng chiến lược và khẩu vị rủi ro liên quan đến ESG; - Giám sát cách tiếp cận của ngân hàng đảm bảo tuân thủ các chiến lược, khẩu vị và mục tiêu quản lý rủi ro ESG, cũng như tình hình tuân thủ với các yêu cầu về quản trị ESG của các bên liên quan bên ngoài.
Ủy ban quản lý rủi ro	- Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro ESG; - Rà soát và đánh giá tính hiệu quả, thực hiện các hành động để xử lý những thiếu sót, hạn chế của chính sách, quy trình quản lý rủi ro ESG, bao gồm công tác xác định, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro ESG; - Giám sát BDH trong việc triển khai chính sách, chiến lược và khẩu vị rủi ro ESG.
BDH và các Hội đồng quản lý rủi ro ở cấp BDH	
BDH	- Chịu trách nhiệm trước HĐQT đảm bảo quản lý rủi ro ESG thận trọng và hiệu quả, tuân thủ theo các chính sách quản lý rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro đã được phê duyệt; - Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu, chương trình hành động để tăng cường năng lực quản lý rủi ro ESG theo chiến lược đã được phê duyệt.
Hội đồng quản lý rủi ro ở cấp BDH	Tư vấn và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc theo dõi các rủi ro ESG của ngân hàng, những rủi ro này được cụ thể hóa thông qua các rủi ro trọng yếu của ngân hàng.

Kinh nghiệm của các cấp quản lý về chủ đề ESG

Thành viên của HĐQT và BDH tại VPBank là những người quản lý giàu kinh nghiệm, có đầy đủ kiến thức và chuyên môn về đa dạng các chủ đề bền vững; nhờ đó, VPBank đưa ra các định hướng cấp cao về việc quản lý các vấn đề ESG bao gồm cả biến đổi khí hậu.

Họ và tên	Năm bổ nhiệm	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị rủi ro/ Kiểm toán/ Pháp luật
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Ông Ngô Chí Dũng (Chủ tịch)	2010	✓	✓
Ông Bùi Hải Quân (Phó Chủ tịch)	2006	✓	✓
Ông Lô Bằng Giang (Phó Chủ tịch)	2010	✓	✓
Ông Nguyễn Đức Vinh (Thành viên HĐQT; TGD)	2012	✓	✓
Ông Nguyễn Văn Phúc (Thành viên HĐQT độc lập)	2020	✓	✓
BAN ĐIỀU HÀNH			
Ông Nguyễn Đức Vinh (Thành viên HĐQT; TGD)	2012	✓	✓
Bà Lưu Thị Thảo (Phó TGD thường trực, GD Điều hành cao cấp)	2011	✓	✓
Ông Phùng Duy Khương (Phó TGD thường trực phụ trách phía Nam - GD Khối Khách hàng cá nhân)	2019	✓	✓
Bà Phạm Thị Nhung (Phó TGD thường trực - GD Khối Quản lý Đối tác và Quan hệ đối ngoại)	2019	✓	✓
Ông Nguyễn Thanh Bình (Phó TGD - GD Khối Tín dụng)	2002	✓	✓

Đánh giá các lĩnh vực trọng yếu			
Kinh tế/ Tài chính ngân hàng/ Tín dụng	Nhân sự/ Vận hành/ Công nghệ thông tin	Môi trường/ Xã hội/ Khí hậu	Trách nhiệm xã hội/ Truyền thông/ Marketing
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓

Kinh nghiệm của các cấp quản lý về chủ đề ESG

Họ và tên	Năm bổ nhiệm	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị rủi ro/ Kiểm toán/ Pháp luật
Bà Dương Thị Thu Thủy (Phó TGD - GD Khối khách hàng Doanh nghiệp lớn & Đầu tư)	2012	✓	✓
Ông Nguyễn Thành Long (Phó TGD - GD Khối Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ)	2014	✓	✓
Ông Đinh Văn Nho (Phó TGD - GD Khối khách hàng doanh nghiệp)	2018	✓	✓
Ông Wong Kok Seng Augustine (GD Khối Công nghệ thông tin)	2019	✓	✓
Bà Trần Thị Diệp Anh (GD Khối Quản trị nguồn nhân lực)	2018	✓	✓
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt (GD Khối Vận hành)	2019	✓	✓
Ông Dmytro Kolechko (GD Khối Quản trị Rủi ro)	2015	✓	✓
Ông Nguyễn Huy Phách (GD Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ)	2020	✓	✓
Bà Lê Hoàng Khánh An (GD Khối Tài chính)	2019	✓	✓
Bà Võ Hằng Phương (GD Khối Thị trường Tài chính và Ngân hàng giao dịch)	2014	✓	✓
Ông Poh Wei Li Johnson (GD Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu)	2023	✓	✓

Kinh tế/ Tài chính ngân hàng/ Tín dụng	Nhân sự/ Vận hành/ Công nghệ thông tin	Môi trường/ Xã hội/ Khí hậu	Trách nhiệm xã hội/ Truyền thông/ Marketing
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓

Kinh nghiệm của các cấp quản lý về chủ đề ESG

Họ và tên	Năm bổ nhiệm	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị rủi ro/ Kiểm toán/ Pháp luật
Bà Nguyễn Thùy Dương (GD Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị)	2021	✓	✓
Ông Mochizuki Masashi (GD Trung tâm Phát triển đầu tư nước ngoài)	2023	✓	✓
Ông Vũ Minh Trường (GD Trung tâm Quản lý tài sản Nợ - Có)	2023	✓	✓
KIỂM TOÁN NỘI BỘ			
Bà Trần Thị Huế (Quyền GD Khối Kiểm toán Nội bộ)	2014	✓	✓

Ghi chú:

- ✓ **Đã có kinh nghiệm đảm nhiệm cho lĩnh vực được đề cập**, cụ thể trong các trường hợp khi thành viên Ban lãnh đạo tốt nghiệp chuyên ngành liên quan **hoặc** có kinh nghiệm điều hành nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực được nêu từ 5 năm trở lên (bao gồm cả tại VPBank và các công ty khác trước đây).

8. Thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững



Kinh tế/ Tài chính ngân hàng/ Tín dụng	Nhân sự/ Vận hành/ Công nghệ thông tin	Môi trường/ Xã hội/ Khí hậu	Trách nhiệm xã hội/ Truyền thông/ Marketing
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓

✓ Đủ kiến thức/kinh nghiệm liên quan trong lĩnh vực được đề cập.



Kiến tạo kinh tế xanh, xây dựng chuỗi giá trị về cộng đồng bền vững

Tài chính bền vững

a. Củng cố nguồn vốn tài chính bền vững từ quốc tế

Với vị thế một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam, VPBank đã xây dựng Chiến lược ESG, với kế hoạch hành động cụ thể cho từng giai đoạn, hướng tới mục tiêu đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Trong đó, chiến lược huy động vốn quốc tế dài hạn trong năm 2023 được định hướng tập trung vào hoạt động hợp tác với các định chế tài chính vì các mục tiêu bền vững.

Trong năm tài chính qua, VPBank hoàn tất toàn bộ giao dịch vay hợp vốn với tổng trị giá 300 triệu USD từ Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) và các Định chế Tài chính phát triển châu Âu (DFIs) gồm DEG, FMO, CDP, Swedfund, Norfund, để tăng cường nguồn vốn hỗ trợ tài chính xanh và tài chính xã hội, tạo động lực tăng trưởng và hỗ trợ các hoạt động bền vững của ngân hàng.

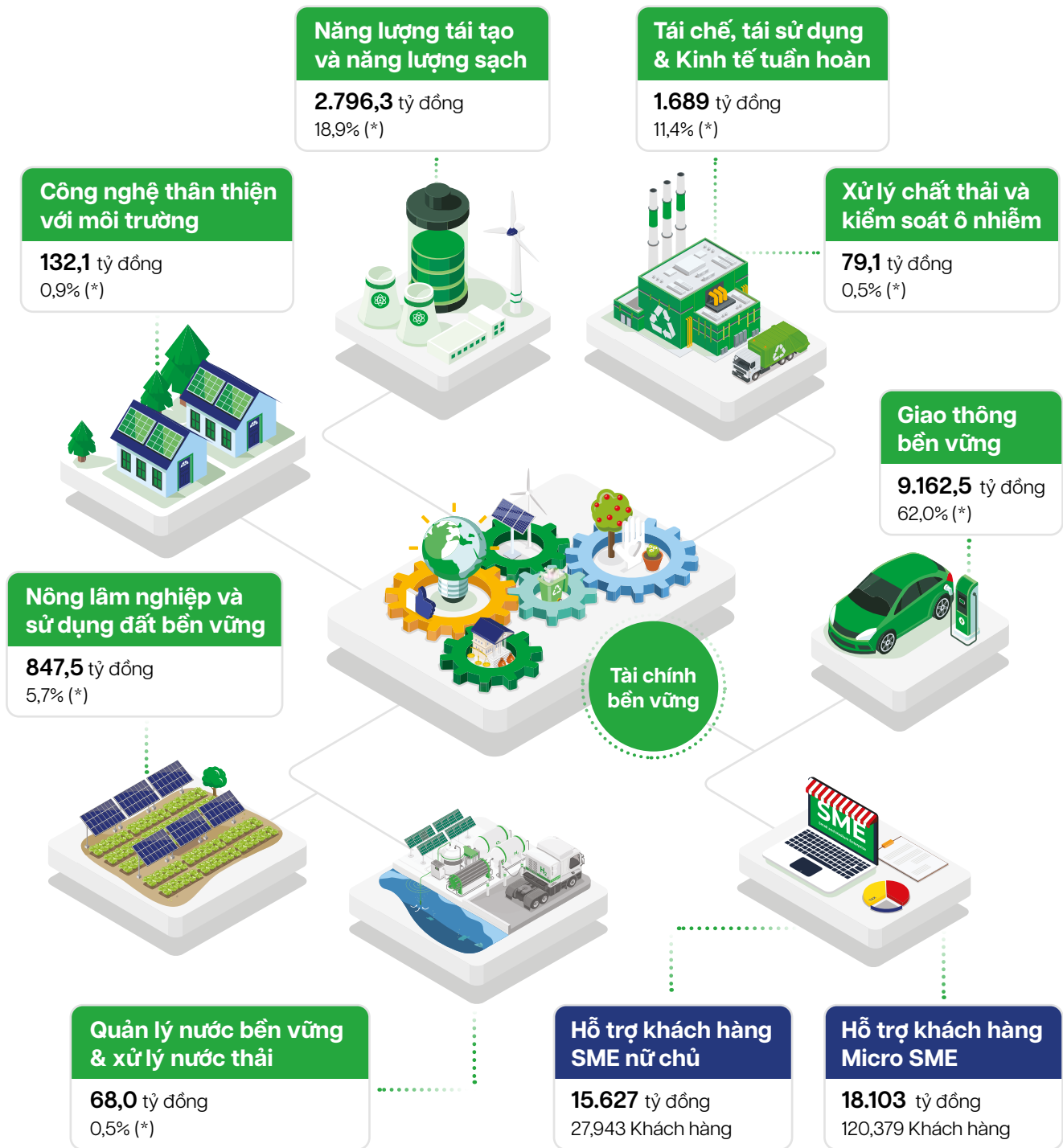
Đặc biệt, vào tháng 9/2023, VPBank đã ký cam kết với Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (DFC) - tổ chức trực thuộc Chính phủ Hoa Kỳ, cho khoản vay song phương trị giá 300 triệu USD, kỳ hạn 07 năm. Đây là khoản vay có giá trị lớn nhất từ trước tới nay của DFC cho thị trường Việt Nam trong lĩnh vực tư nhân, nhằm hỗ trợ nâng cao khả năng tiếp cận tài chính cho các doanh nghiệp SME, đặc biệt là các doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ hoặc lãnh đạo (WSMEs) và hỗ trợ các dự án xanh và bền vững. Lễ ký kết giữa DFC và VPBank diễn ra trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden nhân dịp hai nước kỷ niệm 10 năm thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện.

Với những thành công đã đạt được kể trên, trong thời gian tới, VPBank sẽ tiếp tục đẩy mạnh huy động nguồn vốn tài chính bền vững từ các DFIs theo Chiến

lược ESG của ngân hàng, nhằm góp phần cụ thể hóa cam kết cắt giảm khí nhà kính của Chính phủ Việt Nam và đóng góp vào việc cải thiện các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc thông qua việc giải quyết các vấn đề đói nghèo, sức khỏe cộng đồng, phúc lợi xã hội, chất lượng giáo dục, bình đẳng giới, môi trường - khí hậu, nước sạch và cơ sở hạ tầng. Song song với đó, VPBank sẽ tiếp tục mở rộng triển khai các cấu trúc tài chính chuyên biệt, như tín dụng xuất khẩu, tài trợ dự án, tài trợ thương mại để đa dạng hóa các nguồn hỗ trợ vốn cho khách hàng doanh nghiệp.

b. Dòng chảy tài chính bền vững tại VPBank

VPBank nhấn mạnh tầm quan trọng của tăng trưởng bền vững, đặc biệt trong bối cảnh các yêu cầu về ứng phó với các điều kiện môi trường, khí hậu và đảm bảo sự bình đẳng về cơ hội tiếp cận tài chính giữa các nhóm khách hàng ngày càng gia tăng. VPBank luôn nỗ lực tăng cường hỗ trợ tài chính toàn diện, hiệu quả, bám sát nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khác thông qua đảm bảo tính bền vững về môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Cụ thể, VPBank cung cấp các gói giải pháp toàn diện mang lại giá trị tài chính và phi tài chính cho nhiều doanh nghiệp SME, bao gồm WSMEs. Bên cạnh đó, VPBank tập trung tài trợ cho khách hàng trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và các hoạt động sản xuất - kinh doanh phát thải carbon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu, qua đó góp phần chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, ngăn chặn biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng.



(*) Tỷ lệ % so với tổng dư nợ của danh mục tín dụng xanh

Đóng góp về môi trường & khí hậu Khung Tài chính xanh	Đóng góp về kinh tế & xã hội Khung Tài chính xã hội
- Giảm thiểu & Thích ứng với biến đổi khí hậu - Bảo tồn tài nguyên & Đa dạng sinh học - Phòng ngừa & Kiểm soát ô nhiễm	- Dịch vụ tài chính thiết yếu cho doanh nghiệp SME và doanh nghiệp WSME - Y tế, giáo dục và nhà ở xã hội - Cơ sở hạ tầng cơ bản với giá cả phải chăng

Tài chính xanh

Tài chính xanh hiện được thừa nhận rộng rãi trên thị trường tài chính và giới chính sách như một công cụ chính để giải quyết những thách thức về biến đổi khí hậu mà hành tinh phải đối mặt. Với định hướng tham gia vào kinh tế toàn cầu bền vững theo Chiến lược ESG đã xây dựng, VPBank đặt trọng tâm vào tăng quy mô tài chính đầu tư vào các lĩnh vực xanh, nhằm hỗ trợ các nỗ lực giảm thiểu dấu chân carbon của khách hàng, mang lại lợi ích lâu dài cho môi trường và khí hậu.

Với sự hỗ trợ từ nguồn vốn trung, dài hạn và các tư vấn chuyên sâu về phát triển tài chính xanh từ các định chế tài chính quốc tế, tín dụng xanh tại VPBank tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ về mặt quy mô và tính đa dạng trong các lĩnh vực xanh và phân khúc khách hàng được tài trợ. Năm 2023, dư nợ tín dụng xanh đã tăng trưởng 70% so với năm 2022, đạt mức dư nợ 14.774 tỷ đồng. Số lượng khách hàng được hỗ trợ nguồn vốn xanh là 602 khách hàng thuộc tất cả các phân khúc kinh doanh của VPBank, tăng trưởng 41% so với cùng kỳ năm trước.

Danh mục tài chính xanh của VPBank tập trung vào các lĩnh vực giảm thiểu biến đổi khí hậu và đóng góp cho các mục tiêu về môi trường theo các nguyên tắc được đề xuất bởi Hiệp hội Thị trường vốn Quốc tế (ICMA), qua đó lần lượt đóng góp vào 8 Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc.

Lĩnh vực xanh	Đóng góp cho SDGs
Năng lượng tái tạo	 
Giao thông bền vững	 
Nông lâm nghiệp và sử dụng đất bền vững	  
Quản lý nước bền vững và xử lý nước thải	 
Quản lý chất thải, tái chế và kinh tế tuần hoàn	  

Hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo (WSME)

Theo thông tin công bố tại Sách Trắng về các doanh nghiệp WSME ở Việt Nam do Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) phát hành, Việt Nam có 105.876 doanh nghiệp WSME - chỉ chiếm khoảng 20% tổng số doanh nghiệp SME đang hoạt động. Đây là một con số chưa tương xứng với tiềm năng phát triển và những đóng góp cho nền kinh tế của các doanh nghiệp WSME.

Phần lớn các doanh nghiệp WSME cho rằng, hạn chế về tiếp cận tài chính là rào cản lớn đối với sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Những rào cản tài chính (bao gồm hạn chế về tài sản thế chấp và năng lực tài chính hoặc chi phí vay vốn cao) cùng các rào cản phi tài chính, như các định kiến về giới trong chuẩn mực xã hội và văn hóa, là những nguyên nhân khiến doanh nghiệp WSME có xu hướng nhỏ hơn về quy mô, ít tiếp cận được các cơ hội kết nối vào mạng lưới kinh doanh, trong khi các mạng lưới này mang lại lợi thế quan trọng để các doanh nghiệp có nhiều cơ hội tiếp cận được các khoản vay với lãi suất ưu đãi. Các rào cản phi tài chính mà các doanh nghiệp WSME thường phải đối mặt bao gồm hạn chế về các kỹ năng quản lý nhân sự, tiếp thị, kế toán, quản trị kinh doanh (như hoạch định chiến lược, quản lý dòng tiền) hay hạn chế về tiếp cận công nghệ, chủ yếu do thiếu cơ hội đào tạo. Tuy nhiên, trong giai

đoạn đại dịch Covid-19, nhiều doanh nghiệp đã nhanh chóng thích ứng với các mô hình kinh doanh kỹ thuật số, đặc biệt là trong lĩnh vực tiếp thị và bán hàng thông qua việc phát triển các trang web thương mại điện tử.

Thấu hiểu những rào cản cả về tài chính và phi tài chính của các doanh nghiệp WSME, từ năm 2017 đến nay, VPBank luôn duy trì vị thế là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc cung cấp giải pháp tài chính toàn diện, luôn đồng hành và trở thành đối tác đáng tin cậy của các doanh nghiệp WSME.

Năm 2023, VPBank là một trong 5 ngân hàng đã triển khai thành công dự án viện trợ không hoàn lại “Hỗ trợ giảm thiểu tác động của đại dịch Covid-19 cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ” trị giá 5 triệu USD từ Quỹ Sáng kiến Tài chính dành cho nữ doanh nhân (Women Entrepreneurs Finance Initiative - We-Fi) - ủy thác quản lý bởi ADB, nhằm mang lại ưu đãi lãi suất, miễn giảm phí dịch vụ hỗ trợ các doanh nghiệp WSME tiếp cận vốn vay với chi phí hợp lý. Đồng thời, VPBank đã đạt được những kết quả tích cực và bước tiến lớn trong chương trình nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam về giải pháp tài chính toàn diện cho các doanh nghiệp WSME do quỹ We-Fi tài trợ trị giá 750.000 USD.

Chương trình đã thu hút được sự tham gia của gần

1.000
doanh nghiệp
600
cán bộ

Nghiên cứu “Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ hoặc lãnh đạo”, được triển khai bởi VPBank và ADB với kinh phí 750.000 USD, do quỹ We-Fi tài trợ, là chương trình nghiên cứu chuyên sâu theo phương pháp tiếp cận khoa học thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên được thực hiện đầu tiên tại một ngân hàng tại thị trường Việt Nam nhằm mục tiêu tìm kiếm các giải pháp tài chính toàn diện cho các doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ hoặc lãnh đạo. Chương trình được triển khai trong vòng 3 năm từ 2023-2025. Sau 1 năm triển khai, chương trình đã thu hút được sự tham gia của gần 1.000 doanh nghiệp và hơn 600 cán bộ bán của ngân hàng để thử nghiệm các giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp, như ưu đãi lãi suất, mở rộng kết nối kinh doanh, hỗ trợ khách hàng, đào tạo nâng cao năng lực.



Bên cạnh đó, VPBank cũng tích cực ủng hộ các sáng kiến bền vững về hỗ trợ doanh nghiệp. Với việc các khoản huy động quốc tế của VPBank từ các DFIs đã đáp ứng tiêu chí của Chương trình “2X Challenge: Financing for Women”, VPBank đã cam kết đảm bảo tối thiểu 30% giá trị khoản vay sẽ được sử dụng để cấp vốn cho các doanh nghiệp WSME.



Sáng kiến toàn cầu “2X Challenge” được đưa ra tại Hội nghị thượng đỉnh G7 năm 2018 để tăng quyền năng kinh tế cho phụ nữ tại các quốc gia đang phát triển. Tham gia sáng kiến, các DFIs cam kết chung tay huy động tổng nguồn lực 3 tỷ USD để đầu tư vào khu vực tư nhân của các thị trường đang phát triển trong 3 năm. Những khoản đầu tư hướng đến mục tiêu hỗ trợ phụ nữ có khả năng tiếp cận tốt hơn với các cơ hội lãnh đạo, việc làm chất lượng cao, mở rộng quan hệ đối tác, sản phẩm và dịch vụ giúp tăng cường sự tham gia đầy đủ của phụ nữ trong các hoạt động kinh tế. VPBank cùng các ngân hàng trong khối tư nhân tại các quốc gia khác nhau đã cùng tham gia theo lời kêu gọi của 20 DFIs hàng đầu thế giới như IFC, DFC, ADB, JICA giúp tổng mức đầu tư theo 2X Challenge kể từ năm 2018 đến nay đã đạt mức 27,7 tỷ USD.

Các giá trị tài chính và phi tài chính VPBank đem lại cho doanh nghiệp WSME

Dư nợ cấp tín dụng cho doanh nghiệp WSWE

15.627 tỷ đồng

▲ 25% y-o-y
WSWE chiếm 25,4% tổng danh mục SME của Ngân hàng



Triển khai chương trình giảm lãi suất

1%

cho khách hàng quy mô siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ giải ngân lần đầu

Cung cấp các khóa học đào tạo CEO toàn diện online cho khách hàng WSWE

Đào tạo kỹ năng và triển khai các cuộc thi thúc đẩy bán cho khách hàng WSME

~1.000

cán bộ bán tham gia



Thiết lập quy trình quản lý rủi ro ESG toàn diện và hiệu quả

VPBank xây dựng và thực hiện rà soát độc lập khung quản lý rủi ro ESG toàn diện và được EY Consulting Vietnam xác nhận các cấu phần chính trong khung đã đáp ứng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro ESG bao gồm các hướng dẫn của Cơ quan tiền tệ Singapore (MAS), Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB), Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS), Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) cũng như các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Khung quản lý rủi ro ESG đảm bảo các rủi ro trọng yếu liên quan đến ESG bao gồm rủi ro khí hậu được nhận diện, đo lường, đánh giá, theo dõi, báo cáo, kiểm soát và giảm thiểu kịp thời, hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của Ngân hàng trong ngắn, trung và dài hạn.

Khung quản lý bắt đầu với (i) cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro trong đó xác định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của từng đơn vị và (ii) một quy trình toàn diện được thiết lập để xác định, đo lường, theo dõi và kiểm soát liên tục và hiệu quả. Quy trình quản lý rủi ro khí hậu được tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ để đảm bảo tính độc lập và hiệu quả của cơ chế giám sát và quản lý. Cơ sở dữ liệu và công cụ cũng được phát triển để hỗ trợ nhiệm vụ phân tích kịch bản và kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro khí hậu. Để đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng “0”, VPBank thực hiện truyền thông nội bộ để nâng cao nhận thức về các rủi ro khí hậu đã được xác định và đánh giá, từng bước tích hợp các khía cạnh rủi ro khí hậu vào văn hóa rủi ro tổng thể của ngân hàng một cách hiệu quả. Việc HĐQT phê duyệt tích hợp

các khía cạnh rủi ro khí hậu vào Tuyên bố khẩu vị rủi ro cho phép VPBank thúc đẩy việc tích hợp các đánh giá tác động của biến đổi khí hậu vào các quy trình liên quan của khung quản lý rủi ro. Mục tiêu cuối cùng là đưa ra các hành động/ quyết định có cân nhắc các yếu tố rủi ro khí hậu một cách thận trọng và góp phần hỗ trợ ngân hàng thực hiện các mục tiêu khí hậu một cách an toàn và bền vững. VPBank nhận thức rõ hai loại rủi ro khí hậu, bao gồm rủi ro vật lý (những thay đổi cấp tính và mãn tính về hình thái khí hậu hoặc mô hình thời tiết) và rủi ro chuyển đổi (những thay đổi liên quan đến quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế phát thải carbon thấp), sẽ tác động tới các loại rủi ro trọng yếu khác của VPBank. Quy trình, nguyên tắc nhận diện, đo lường, theo dõi và báo cáo về các rủi ro khí hậu của VPBank được trình bày chi tiết ²*Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu*. Trong báo cáo, VPBank cũng trình bày các ví dụ về rủi ro đến từ biến đổi khí hậu cũng như cơ hội đến từ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải carbon thấp mà ngân hàng nhận diện được cùng các phân tích về tác động tài chính của các cơ hội và rủi ro khí hậu này.

Dựa trên cơ sở xác định biến đổi khí hậu có tác động trọng yếu tới VPBank thông qua các hoạt động cho vay và đầu tư, ngân hàng đã tập trung vào việc tích hợp rủi ro khí hậu vào quy trình quản lý rủi ro tín dụng thông qua hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng và các chỉ số hạn mức rủi ro tích hợp đánh giá về khía cạnh rủi ro khí hậu.

Quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng

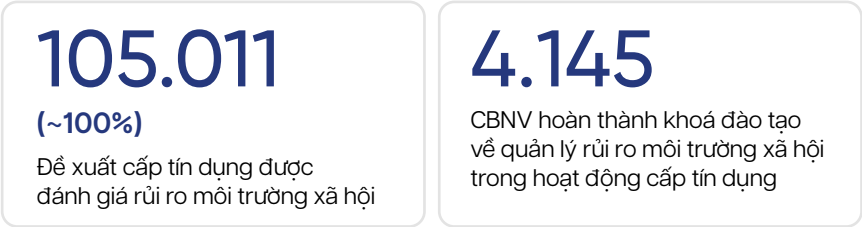
Với tập khách hàng hoạt động kinh doanh trên nhiều lĩnh vực với đa dạng sản phẩm, VPBank áp dụng phương pháp tiếp cận cân bằng khi lồng ghép các yếu tố quản lý rủi ro môi trường và xã hội vào hoạt động cấp tín dụng. Hệ thống quản lý rủi ro môi trường xã hội (Environmental and Social Management System - ESMS) được VPBank xây dựng và ban hành từ năm 2016 trên cơ sở tuân thủ theo luật pháp quốc gia và các Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC. Hệ thống này đã trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động quản lý rủi ro tín dụng của VPBank. ESMS quy định trách nhiệm cho tất cả các đơn vị, cá nhân làm việc tại VPBank có liên quan đến hoạt động tín dụng và áp dụng cho tất cả các khách hàng doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nhu cầu cấp tín dụng tại VPBank. Việc tuân thủ ESMS được áp dụng như một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc cho các CBNV liên quan, giúp VPBank giám sát chặt chẽ đảm bảo hệ thống được vận hành hiệu quả.

²<https://www.vpbank.com.vn/-/media/vpbank-latest/8aboutvpbank/phat-trien-ben-vung/2023/cong-bo-thong-tin-tai-chinh-lien-quan-den-khi-hau-nam-2022.pdf>

VPBank thực hiện sàng lọc, phân loại mức độ rủi ro về môi trường xã hội, từ đó xác định các biện pháp quản lý rủi ro môi trường xã hội phù hợp với mức độ rủi ro đã nhận diện và từ chối cấp tín dụng cho các dự án thuộc Danh sách không cấp tín dụng liên quan đến các vấn đề môi trường xã hội hoặc các dự án gây ra tác động nghiêm trọng không thể khắc phục đối với môi trường xã hội. VPBank sẽ yêu cầu khách hàng xây dựng và cam kết thực hiện Kế hoạch hành động về môi trường xã hội nếu khách hàng chưa đáp ứng chính sách môi trường xã hội của VPBank và ghi nhận trong hợp đồng tín dụng hoặc thoả thuận hợp tác như là một điều kiện để duy trì vốn vay. Quan trọng hơn cả, VPBank giám sát nhằm đảm bảo khách hàng tuân thủ các điều kiện về môi trường xã hội trong suốt thời gian duy trì vốn vay, để đảm bảo cộng đồng và môi trường được bảo vệ khỏi các tác động tiêu cực tiềm ẩn.

Đơn vị chuyên trách tuân thủ quản lý rủi ro môi trường xã hội thuộc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ thường xuyên đánh giá tác động, cập nhật các quy định pháp luật về môi trường, xã hội từ đó thực hiện sửa đổi, bổ sung vào các văn bản quy định, quy trình nội bộ của Hệ thống ESMS và truyền thông đến các đơn vị liên quan thông qua các bản tin truyền thông định kỳ của ngân hàng.

Kết quả kiểm soát rủi ro môi trường xã hội



Tăng cường kết nối trong chuỗi cung ứng thúc đẩy thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững

Hoạt động trong lĩnh vực tài chính, các nhà cung ứng dịch vụ chính trong chuỗi cung ứng của VPBank là các bên cung cấp dịch vụ kiểm toán, tư vấn; đơn vị cho thuê không gian văn phòng, bảo trì tòa nhà, an ninh; đơn vị cung cấp phần mềm, giải pháp công nghệ thông tin, bảo trì hệ thống; đơn vị cung cấp vật tư văn phòng.

Liên quan đến hoạt động mua sắm và thuê ngoài, nhà cung ứng được yêu cầu tuân thủ các quy định pháp luật, đặc biệt là Bộ luật Lao động hiện hành, cũng như tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh - xã hội, sức khỏe và an toàn lao động và quyền con người. Các yêu cầu tuân thủ môi trường xã hội cũng được VPBank áp dụng với nhà cung cấp và các hoạt động thuê ngoài để loại trừ tác động tiêu cực trong chuỗi cung ứng.

Phòng chống tham nhũng và rửa tiền để bảo vệ lợi ích quốc gia

Trên tinh thần thượng tôn pháp luật, VPBank luôn chủ động nắm bắt các thay đổi, cập nhật mới về các quy định và thủ tục pháp lý cũng như chủ động đối thoại về các vấn đề pháp lý cùng đối tác, nhà đầu tư, khách hàng và các bên liên quan, nhằm đảm bảo tính minh bạch, kịp thời, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro vi phạm có thể xảy ra.

Phòng chống tham nhũng

VPBank thiết lập đầy đủ các phòng, ban chuyên môn theo dõi, tổng hợp và thực hiện đánh giá rủi ro trọng yếu liên quan đến tham nhũng đối với tất cả các hoạt động của ngân hàng. VPBank đã ban hành chính sách phòng, chống tham nhũng, thực hiện tuyên truyền, phổ biến đầy đủ rõ ràng và minh bạch cho khách hàng và đối tác, ban hành biểu mẫu và yêu cầu tất cả khách hàng, đối tác ký Cam kết minh bạch, Cam kết tuân thủ quy định về phòng, chống tham nhũng khi thiết lập quan hệ, giao dịch với VPBank.

VPBank tập trung đánh giá các hoạt động có nguy cơ cao phát sinh tham nhũng, bao gồm xây dựng cơ bản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; hoạt động cấp tín dụng, đầu tư, rủi ro có thể phát sinh khi đối tác, khách hàng trong quá trình giao dịch, thiết lập giao dịch. Các trường hợp vi phạm về phòng chống tham nhũng đều được VPBank kịp thời phát hiện để ngăn chặn hậu quả, đồng thời xử lý nghiêm các cá nhân có liên quan theo quy định của ngân hàng. Kết quả xử lý được thông báo rộng rãi trên hệ thống để các CBNV rút ra bài học kinh nghiệm, nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

Hoạt động đào tạo, truyền thông nội bộ về phòng chống tham nhũng, quy tắc đạo đức nghề nghiệp được VPBank tổ chức thường xuyên cho các cấp quản lý, CBNV đang làm việc và CBNV tân tuyển. 100% các cấp quản lý và CBNV tham gia đầy đủ nội dung đào tạo về phòng chống tham nhũng.

Phòng chống rửa tiền

Năm 2023 đánh dấu những thay đổi đáng kể về mặt pháp lý đối với lĩnh vực phòng chống rửa tiền, trong đó Luật Phòng chống rửa tiền năm 2022 chính thức có hiệu lực từ tháng 3/2023. VPBank đã nhanh chóng rà soát các văn bản quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt để cập nhật đầy đủ các quy định pháp luật mới và áp dụng các biện pháp để nâng cao hiệu quả truyền thông nhằm kịp thời triển khai các yêu cầu tuân thủ của pháp luật.

Về mặt hệ thống, trên cơ sở vận hành thông suốt Hệ thống công nghệ thông tin về phòng chống rửa tiền (hệ thống OFSAA FCCM do Oracle cung cấp) từ năm 2021, VPBank trong năm 2023 đã tăng cường việc chủ động đánh giá kết quả hoạt động của hệ thống nhằm liên tục tinh chỉnh, cải tiến, nâng cao chất lượng các cài đặt về tham số hệ thống, đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động của VPBank. Tận dụng tối ưu các hỗ trợ tự động hóa của hệ thống, VPBank đẩy mạnh xử lý các cảnh báo phát sinh trên hệ thống.

Về công tác đào tạo, cùng với các lớp đào tạo hàng năm cho toàn thể CBNV, VPBank tăng cường các lớp đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ chuyên môn thuộc đa dạng các bộ phận, từ kinh doanh đến vận hành, thông qua cả hình thức tập trung và trực tuyến để đáp ứng nhu cầu cấp thiết trong việc nắm bắt và triển khai công tác phòng chống rửa tiền tại các đơn vị. Các bản tin, email truyền thông và báo cáo đánh giá rủi ro cũng liên tục được thực hiện nhằm kịp thời cảnh báo các rủi ro về rửa tiền, cấm vận trừng phạt cần lưu ý phát sinh trong hoạt động kinh doanh của VPBank, cũng như nỗ lực nâng cao nhận thức và tạo ra văn hóa về tuân thủ trong phạm vi toàn ngân hàng.

Nhờ có sự thực hiện đồng bộ các biện pháp trên, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp phòng chống rửa tiền của VPBank ngày càng được nâng cao. Đặc biệt, riêng với công tác giám sát giao dịch, số lượng trường hợp giao dịch đáng ngờ được VPBank phát hiện và báo cáo trong năm 2023 đã tăng gấp đôi so với năm 2022. Qua đó, VPBank ngày càng khẳng định tính tin cậy trong hoạt động tuân thủ về phòng chống rửa tiền, đem lại lợi ích thực sự cho cả khách hàng, đối tác và nhà đầu tư.

9. Tham gia thúc đẩy xu hướng phát triển bền vững của thị trường

VPBank tích cực, chủ động tham gia đóng góp ý kiến nhằm góp nâng cao tính thực tiễn và chất lượng của các văn bản quy phạm pháp luật của các CQQLNN, bám sát nhu cầu thực tế của xã hội. Với vai trò đối tác đáng tin cậy của các tổ chức tài chính quốc tế hàng đầu, VPBank chủ động duy trì đối thoại và trao đổi để củng cố vị thế tiên phong trong việc thực thi các sáng kiến phát triển bền vững.

Quyền hội viên trong các hiệp hội

VPBank là thành viên tích cực của Hiệp hội Ngân hàng (VNBA) và Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), với đại diện tham gia Ban Thường vụ kiêm Trưởng ban Xếp hạng tín nhiệm và Trưởng ban Đào tạo và sự kiện của hiệp hội. Năm 2023, VPBank đã tham gia tham vấn nội dung cho Hội thảo Thị trường trái phiếu doanh nghiệp - Quản trị thanh khoản trong môi trường biến động và Triển vọng tương lai; và Hội thảo Thị trường trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội, trái phiếu bền vững tại Việt Nam, cũng như tham gia đóng góp ý kiến cho các đề xuất của các hiệp hội gửi lên CQQLNN. VPBank còn trở thành nhà tài trợ bạc cho sự kiện Interbank Offsite 2023 quy mô hơn 700 đại diện đến từ các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

VPBank là thành viên bạch kim đã đồng hành với Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD). Nổi bật trong năm 2023, VPBank vinh dự là 1 trong 12 doanh nghiệp được VIOD vinh danh “Hội đồng Quản trị cam kết thực hành tốt Quản trị Công ty”. Chứng nhận này thuộc danh hiệu “Hội đồng Quản trị của năm” - nhằm tôn vinh các HĐQT có thành tích nổi bật trong vai trò giám sát bảo vệ lợi ích cổ đông, kiến tạo giá trị lâu dài cho các bên liên quan và tiên phong áp dụng các chuẩn mực về quản trị doanh nghiệp hiệu quả, đóng góp cho phát triển bền vững và biến đổi khí hậu.

10.

Đóng góp kiến tạo giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội

Tôn trọng quyền con người

Là một trong những định chế hàng đầu Việt Nam, VPBank không chỉ cam kết tuân thủ pháp luật, các chuẩn mực quốc tế đối với hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng mà còn đề cao việc tôn trọng, bảo vệ và thực thi ngành càng tốt hơn các quyền cơ bản của con người theo thông lệ quốc tế, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Tại VPBank, các quyền cơ bản của con người được ngân hàng bảo vệ thông qua triển khai các chính sách, quy định đối với người lao động, hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng và việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của đối tác. Khóa học về quyền con người được đưa vào chương trình đào tạo bắt buộc nhằm nâng cao nhận thức của toàn hệ thống về các vấn đề quyền con người. Theo kết quả thực hiện, 100% CBNV của VPBank (bao gồm cả các nhân viên an ninh) được ghi nhận tham gia đầy đủ các khóa học về quyền con người.

Cách tiếp cận nhân quyền của VPBank được phân theo các phạm vi mà tại đó, các hoạt động của ngân hàng có thể có tác động, và với mỗi phạm vi sẽ bao gồm các yêu cầu riêng biệt.

Phạm vi	Hành động của VPBank	Kết quả thu được
Trong quan hệ với người lao động	Mối liên hệ trực tiếp và có tầm ảnh hưởng đáng kể đến các vấn đề quyền con người là trong mối quan hệ với người lao động. - VPBank tập trung vào các khía cạnh bao gồm xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, trao cơ hội bình đẳng, thiết lập các cơ chế giám sát và bảo vệ chống phân biệt đối xử, kỳ thị, quấy rối tại nơi làm việc, đe dọa xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm hại sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, ngăn chặn sử dụng lao động trẻ em và cưỡng bức lao động cũng như đảm bảo quyền tham gia Công đoàn và tôn trọng Thỏa ước lao động tập thể. - VPBank đã thiết lập, thường xuyên rà soát các chính sách, thực hiện các biện pháp truyền thông, đào tạo, giám sát tuân thủ để bảo đảm bình đẳng giới trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, điều kiện làm việc, cơ hội khen thưởng, thăng tiến và các chế độ lương thưởng, phúc lợi về vật chất và tinh thần của người lao động. Ngoài ra, VPBank luôn tham khảo ý kiến của lao động nữ và đại diện của họ khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của phụ nữ. - Dựa trên Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, VPBank xây dựng một cơ chế khiếu nại nội bộ minh bạch và thành lập Công đoàn để đại diện và bảo vệ quyền lợi người lao động, cũng như giao trách nhiệm cho bộ phận an ninh tiếp nhận các thông tin phản ánh đồng thời bảo vệ kịp thời cho người lao động trước các hành vi vi phạm về quyền con người.	- Không ghi nhận vụ việc vi phạm nào liên quan đến phân biệt đối xử trong năm 2023; 100% người lao động làm việc tại VPBank được ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, trong đó ghi rõ chế độ làm việc, lương, thưởng, ngày nghỉ và các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người lao động. Mọi quyết định liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động chỉ được đưa ra sau khi có sự thỏa thuận, thương lượng với người lao động.
Trong sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng	VPBank hiểu rằng, thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho khách hàng cũng có thể dẫn đến tác động tiêu cực gián tiếp đến quyền con người. Đây có thể là trường hợp nếu khách hàng không tuân thủ các quy định pháp luật về sử dụng lao động, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động hoặc dự án của khách hàng gây ảnh hưởng đến sinh kế của cộng đồng địa phương hoặc đe dọa xâm phạm quyền tiếp cận các di sản văn hóa hoặc các địa điểm linh thiêng của người bản địa. Do vậy, thông qua Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, VPBank từ chối cấp tín dụng đối với các mục đích sử dụng vốn không phù hợp, các hoạt động vi phạm pháp luật liên quan đến quyền con người, bao gồm nhưng không giới hạn lao động cưỡng bức, buôn bán người và lao động trẻ em, các hoạt động gây ra tác động tiêu cực không thể hoán đảo đối với cộng đồng và sinh kế của người bản địa, các hoạt động tham nhũng, hoạt động hỗ trợ cho rửa tiền và tài trợ khủng bố.	- Thông qua Hệ thống ESMS, VPBank góp phần xóa bỏ việc sử dụng lao động trẻ em và các hình thức lao động cưỡng bức một cách hiệu quả; - Không ghi nhận vụ kiện pháp lý công khai liên quan trong đó VPBank hoặc nhân viên của VPBank bị cáo buộc tham nhũng trong năm 2023;

Phạm vi	Hành động của VPBank	Kết quả thu được
	- VPBank cam kết bảo vệ và tôn trọng quyền riêng tư của khách hàng và không phân biệt đối xử với khách hàng khi cung cấp các sản phẩm, dịch vụ. VPBank nghiêm cấm các hành vi hạch sách, đòi hỏi, gợi ý khách hàng phải hối lộ, quà cáp, biếu xén hoặc cung cấp các đặc quyền cho mình hoặc người có liên quan để đổi lấy việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng; - VPBank xây dựng, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các chính sách và quy định nghiêm ngặt về bảo mật thông tin khách hàng và áp dụng những sáng kiến đổi mới trong việc bảo mật thông tin khách hàng, cũng như đẩy mạnh truyền thông để nâng cao nhận thức của khách hàng về việc bảo vệ thông tin cá nhân.	Hệ thống quản lý an toàn thông tin của VPBank đã đạt chứng chỉ ISO/EC 27001 (2023-2026), tiêu chuẩn quốc tế về bảo mật an ninh thông tin cũng như vượt qua bài đánh giá khung Kiểm soát bảo mật khách hàng CSP-SWIFT.
Trong hoạt động mua sắm và chuỗi cung ứng	- VPBank tôn trọng quyền con người khi làm việc với các nhà cung cấp, hoạt động mua sắm và thuê ngoài. VPBank đặt ra các tiêu chí chặt chẽ trong việc lựa chọn đối tác cung cấp dịch vụ và yêu cầu các nhà cung cấp phải tuân thủ các quy định pháp luật, bao gồm pháp luật về môi trường và xã hội, bảo vệ an toàn thông tin và đặc biệt không dung túng việc sử dụng lao động trẻ em và cưỡng bức lao động. - Tương tự như trong quan hệ với khách hàng, VPBank nghiêm cấm các hành vi hạch sách, đòi hỏi, hối lộ khi làm việc với nhà cung cấp.	Thông qua quá trình đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp nghiêm ngặt, VPBank chưa ghi nhận đối tượng nào có rủi ro về việc sử dụng lao động trẻ em hay cưỡng bức lao động.

Lan tỏa giá trị văn hóa doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp

Trong suốt 30 năm hình thành và phát triển, VPBank luôn xác định văn hóa doanh nghiệp là chìa khóa để ngân hàng theo đuổi những mục tiêu tham vọng, tạo ra những giá trị khác biệt, là nền móng nâng đỡ chiến lược, giúp hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh để hướng tới việc thực thi khát vọng cống hiến cho cộng đồng và phụng sự quốc gia. Văn hóa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt dẫn dắt, gắn kết các thành viên VPBank cùng đồng lòng, cung chung chí hướng, hoài bão đưa ngân hàng tiến đến thành công.

Trong năm 2023, VPBank đã chính thức công bố 5 giá trị cốt lõi mới Khát vọng - Chính trực - Hiệu quả - Kỷ cương - Sáng tạo vào đúng dịp kỷ niệm sinh nhật 30 năm, cũng như dành nguồn lực lớn để đầu tư cho dự án Phát triển Văn hóa doanh nghiệp để đảm bảo văn hóa doanh nghiệp đi vào đời sống, trở thành văn hóa ứng xử đặc trưng của mỗi CBNV VPBank.

Hệ giá trị cốt lõi mới này được phát triển dựa trên sự kế thừa những giá trị, phẩm chất đã hình thành nên bản sắc VPBank trong nhiều năm qua, đồng thời bổ sung những tinh thần, giá trị mới để ngân hàng tiếp tục duy trì sự tăng trưởng bền vững trong tương lai. VPBank đã sửa đổi Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp VPBank, gồm 20 quy tắc quy định rõ trách nhiệm với: (i) VPBank; (ii) Đồng nghiệp; (iii) Khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, và các bên liên quan khác; (iv) Cơ quan quản lý nhà nước và pháp luật và (v) Cộng đồng dựa trên 5 giá trị cốt lõi mới để tiếp tục

định hướng cho các quyết định và hành động của toàn bộ CBNV VPBank. VPBank đã chất lọc, đúc kết và lựa chọn những nội dung cốt lõi để tổng hợp trong Sổ tay văn hóa. Đây là kim chỉ nam để mỗi cán bộ tự soi chiếu, hoàn thiện, phát triển bản thân trở thành những cá nhân thịnh vượng, giàu khát vọng, đam mê sáng tạo, có tư tưởng, hành động kỷ luật. Việc tuân thủ các chuẩn mực quy định trong Bộ quy tắc này là trách nhiệm của các cấp lãnh đạo, quản lý và mỗi CBNV VPBank, nhằm góp phần bảo vệ danh tiếng và uy tín của ngân hàng.

Nguyên tắc cơ bản về các hành vi ứng xử và đạo đức nghề nghiệp mà mọi CBNV VPBank phải tuân thủ là: **Không một cán bộ, nhân viên nào sẽ đánh đổi danh tiếng và uy tín của VPBank để nhận lấy một quyền lợi cá nhân hay một lợi ích nào khác ngay cả đối với chính ngân hàng.** Ngay từ thời điểm gia nhập, mỗi nhân viên đều được phổ biến và yêu cầu cam kết tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử cùng với các quy chế, quy định nội bộ khác của VPBank. Ngân hàng thực hiện đào tạo nội bộ định kỳ nhằm giúp mỗi cá nhân đều hiểu rõ và nghiêm túc tuân thủ Bộ quy tắc. VPBank xử lý nghiêm khắc bất cứ hành vi nào đi ngược lại với những chuẩn mực quy định trong Bộ quy tắc này.

Để hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng có vị trí vững chắc trong top 3 ngân hàng lớn nhất Việt Nam, quy mô thuộc top 100 ngân hàng lớn nhất châu Á, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và thịnh vượng của quốc gia và cộng đồng, VPBank cần có chỉ số sức khỏe doanh nghiệp tốt, có văn hóa doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ, xứng tầm, làm nền tảng vững chắc, hậu thuẫn cho sự phát triển kinh doanh. Ban Lãnh đạo ngân hàng luôn mong muốn và tạo các cơ hội cởi mở để lắng nghe ý kiến của các CBNV, qua đó góp phần cùng phát triển và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp VPBank.

Thúc đẩy sự phát triển bền vững của đội ngũ nhân sự

Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe nhân viên

Cam kết	Toàn thể CBNV là yếu tố quan trọng tạo nên thành công của VPBank. VPBank cam kết cung cấp một môi trường làm việc lành mạnh và an toàn.
Mục tiêu	• Không để xảy ra tai nạn lao động; • Không để xảy ra các sự cố cháy nổ và mất an toàn lao động; • Nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của các CBNV
Chính sách	Quy định, hướng dẫn về bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động được VPBank ban hành cùng với Nội quy lao động của ngân hàng.

Hành động

- Thiết lập khu vực chăm sóc sức khỏe cho CBNV tại nơi làm việc;
- Mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV, hỗ trợ chi phí điều trị bệnh cho CBNV khi ốm đau, khi bị tai nạn trên đường đi công tác;
- Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho CBNV tại các bệnh viện/cơ sở y tế lớn và có uy tín, tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp tại các vị trí công việc đặc thù theo quy định pháp luật;
- Lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động, chăm lo cải thiện điều kiện lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, biển cảnh báo, thực hiện các chế độ khác về an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường. Nổi bật, VPBank đã hoàn thiện và ban hành Bộ tiêu chuẩn 5S (gồm sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng và sẵn sàng) áp dụng cho toàn hàng và thành lập Tổ đánh giá 5S để kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại các vị trí làm việc, thúc đẩy toàn bộ CBNV thi đua thực hiện các giải pháp tăng cường an toàn vệ sinh lao động và nâng cao ý thức tiết kiệm và xanh hóa văn phòng. VPBank cũng thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại các vị trí làm việc;
- Xây dựng Khung quản trị mức độ căng thẳng (Human stress management framework) áp dụng cho nhóm CBNV có công việc đặc thù với mức độ căng thẳng trung bình đến cao, với các công cụ nhận diện sớm, đo lường và phân tích mức độ căng thẳng để áp dụng các biện pháp giải tỏa áp lực cũng như quản trị tâm lý và cảm xúc phù hợp, nhằm chăm sóc sức khỏe tinh thần của mỗi CBNV. Bên cạnh đó, các chương trình hội thảo chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về các chủ đề nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần được tổ chức thường xuyên và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của các CBNV;
- Ghi chép và lưu trữ dữ liệu về an toàn, sức khỏe của CBNV trong phần mềm quản lý thông tin nhân sự toàn hệ thống;
- Thiết lập đầy đủ chính sách, quy trình, bố trí nhân sự và trang thiết bị phù hợp để đảm bảo luôn sẵn sàng các nguồn lực để ứng phó kịp thời các sự cố khẩn cấp đảm bảo an toàn, an ninh cho nhân viên, khách hàng và cổ đông, cũng như duy trì hoạt động kinh doanh liên tục cho ngân hàng. VPBank hàng năm triển khai diễn tập phòng cháy chữa cháy, sơ tán thoát hiểm, hướng dẫn ứng phó bão, lũ lụt, góp phần nâng cao tính chủ động trong việc xử lý khi tình huống khẩn cấp có thể xảy ra, tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa lãnh đạo, CBNV và lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu hộ, cứu nạn khu vực.

Kết quả đạt được

Loại thương tích, tỷ lệ thương tích (IR), tỷ lệ bệnh nghề nghiệp (ODR)	Tỷ lệ LDR (ngày nghỉ không lương/ tổng số ngày công) toàn ngân hàng	Tỷ lệ AR (vắng mặt)
0%	2,13%	5,49%

Đảm bảo lợi ích kinh tế của đội ngũ nhân sự

Bổ nhiệm và đánh giá cán bộ quản lý

Dựa trên các quy định pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu về quản trị doanh nghiệp, VPBank xây dựng quy trình bổ nhiệm và lựa chọn các thành viên ban lãnh đạo, cán bộ quản lý tuân theo các quy định của NHNN, đảm bảo các tiêu chí về tính đa dạng và tính độc lập. Sự đa dạng về giới tính, độ tuổi, quốc tịch, tôn giáo, vùng miền của các cán bộ quản lý với trình độ chuyên môn cao, được đào tạo chính quy cũng như giàu kinh nghiệm liên quan đến các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội đã và đang giúp VPBank thúc đẩy tư duy đổi mới, sáng tạo trong việc giải quyết các thách thức kinh doanh, cân bằng những nhu cầu riêng biệt của các bên liên quan nhằm tăng trưởng bền vững.

Hiệu quả làm việc của các cán bộ cấp quản lý được đánh giá định kỳ 2 lần/năm thông qua quá trình tự đánh giá và đánh giá lại bởi cấp quản lý trực tiếp và Ủy ban Nhân sự hoặc HĐQT nhằm đảm bảo tính độc lập. Các cán bộ không đạt hiệu quả làm việc theo mức yêu cầu sẽ phải xây dựng kế hoạch cải thiện để nâng cao hiệu quả làm việc.

Chế độ lương thưởng được đánh giá dựa trên hiệu quả làm việc

VPBank áp dụng chính sách chi trả thù lao cạnh tranh với thị trường theo nhóm tính chất công việc, cấp bậc, hiệu quả làm việc và năng lực của CBNV. VPBank tuân thủ các quy định pháp luật về mức lương tối thiểu theo vùng địa lý được quy định bởi Chính phủ căn cứ trên chỉ số giá tiêu dùng tại mỗi thời kỳ. Hàng năm, VPBank mua khảo sát về đãi ngộ của thị trường để nắm bắt thông tin và đề xuất với Ủy ban Nhân sự rà soát và quyết định mức thù lao, đãi ngộ. Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên VPBank trong năm 2023 là 296 triệu đồng, tăng 4,3% so với năm 2022.

Các chính sách thù lao - đãi ngộ cá nhân, cơ hội thăng tiến được gắn liền với năng lực thành tích, mức đóng góp của cá nhân trong tương quan hiệu quả chung của đơn vị và của ngân hàng, đảm bảo cơ hội bình đẳng, công bằng cho tất cả các nhân sự, không phân biệt giới tính, vùng miền. Bằng phương pháp đánh giá dựa trên hiệu quả công việc, VPBank đảm bảo thu hút và giữ chân nhân tài và khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc thông qua thực thi sự minh bạch và công bằng khi trả lương tương xứng với năng lực và đóng góp vào sự phát triển chung của ngân hàng.

Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định

Ngoài việc sẵn sàng chi trả mức thu nhập cạnh tranh, VPBank còn có các chế độ phúc lợi khác cho người lao động, bao gồm:

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn phí theo quy định của Nhà nước;
- Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn;
- Các phúc lợi khác: thưởng các dịp lễ tết và sinh nhật ngân hàng trong năm, sinh nhật CBNV, chi tiền mừng khi CBNV kết hôn, các khoản phụ cấp ăn trưa, điện thoại, công tác phí, chi phí đi lại, đồng phục...

- Chế độ thai sản:
 - Theo chính sách của VPBank, chế độ nghỉ thai sản được áp dụng đối với toàn thể nhân viên, bao gồm cả nam và nữ tuân thủ quy định của Bộ luật Lao động. Đồng thời, nhân viên còn được áp dụng các chương trình bảo hiểm sức khỏe VPBank Care với nhiều quyền lợi dành riêng cho nhân viên nữ trong thời gian mang thai và nghỉ thai sản. Ngoài ra, trong và sau thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được hưởng các chế độ phúc lợi theo quy định của ngân hàng, vẫn được đánh giá và xếp hạng hiệu quả công việc định kỳ hàng năm theo thời gian làm việc thực tế.
 - 100% cán bộ được giữ lại và quay lại làm việc sau khi kết thúc nghỉ thai sản. VPBank luôn đồng hành hỗ trợ cho người lao động nghỉ thai sản và quay lại làm việc, làm sao hòa nhập và bắt nhịp lại với công việc như trước cũng như bảo đảm vị trí công việc và chức vụ như cũ.
 - Số lượng cán bộ nghỉ thai sản theo giới tính của kỳ báo cáo 2023



44
cán bộ



621
cán bộ

Phát triển nguồn nhân lực

Nhân tài là tài sản giá trị và cốt lõi nhất giúp tạo nên sự khác biệt và phát triển bền vững tại VPBank. Ngân hàng, theo đó, luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi CBNV phát triển một cách toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, cấp bậc công việc thông qua hàng loạt các chương trình đào tạo mang tính ứng dụng cao, nhằm không ngừng phát triển chất lượng nhân sự. Danh mục chủ đề đào tạo hằng năm luôn được Học viện Đào tạo VPBank rà soát nhằm đưa ra những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với nhu cầu của các CBNV. Mục tiêu là để giúp các nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tựu trong nghề nghiệp và tiếp tục gắn bó lâu dài với sự phát triển của ngân hàng.

Mỗi năm, VPBank tổ chức Chương trình Đào tạo bắt buộc vào hai kỳ chính thức và 01 kỳ bổ sung để đảm bảo toàn bộ CBNV tham gia đầy đủ vào các khóa đào tạo bắt buộc. Chương trình Lãnh đạo VPBank (iLEAD) tiếp tục được triển khai với sự tham gia của 94 học viên nhằm phát triển nhân tài trọng điểm với các nội dung đào tạo được thiết kế chuyên biệt, phù hợp với đối tượng học viên là các đối tượng cán bộ quản lý. Nổi bật trong năm 2023, VPBank đã tổ chức thành công chuỗi 23 khóa đào tạo về điện toán đám mây thuộc khuôn khổ Dự án chuyển đổi lên Public Cloud, thu hút tổng cộng gần 1.500 CBNV lượt tham dự. Mục tiêu của chương trình là phát triển đội ngũ nhân sự nòng cốt phục vụ cho quá trình chuyển đổi, góp phần nâng tầm VPBank lên một vị thế mới trong các hoạt động công nghệ.

Số hóa quy trình đào tạo được đẩy mạnh với những cải tiến quan trọng nhằm nâng cao trải nghiệm của các CBNV. Các chương trình đào tạo được triển khai thông qua đa dạng các hình thức, bao gồm: E-learning (trên hệ thống VPBank xây dựng hoặc thông qua hệ thống của đối tác bên ngoài), lớp học tập trung trực tiếp và lớp học ảo thông qua các nền tảng trực tuyến như MS Teams, Webex, Zoom Meeting... nhằm tạo sự thuận tiện, linh hoạt về thời gian và địa điểm học tập. Nổi bật, trong năm 2023, nhiều khóa đào tạo phát triển năng lực cốt lõi đã triển khai trên hệ thống E-learning để thúc đẩy văn hóa tự học. Ngoài ra, quy trình quản lý đào tạo được tích hợp vào Hệ thống quản lý nhân sự SAP tạo điều kiện cho các CBNV dễ dàng tham gia và theo dõi quá trình học tập tại VPBank; cũng như sẽ giúp tiết kiệm thời gian vận hành, tăng cường hiệu quả quản lý đào tạo.

Những con số ấn tượng của hoạt động đào tạo trong năm 2023

3.324

▲ 38,1% vs 2022

Tổng số khóa học được triển khai trong năm 2023

1.576.406

▲ 78,8% vs 2022

Tổng số giờ đào tạo trên toàn hệ thống ngân hàng (bao gồm đào tạo tập trung, lớp học ảo và E-learning)

113,7

▲ 60,4% vs 2022

Số giờ đào tạo trung bình/ CBNV trong năm 2023

4,8/5,0

Điểm hài lòng trung bình của học viên sau khóa học

Số giờ đào tạo trung bình của một CBNV trong năm 2023 phân theo giới tính

Nam: 95,4 giờ/CBNV

Nữ: 120,3 giờ/CBNV

Số giờ đào tạo trung bình của một CBNV trong năm 2023 phân theo giới tính

Quản lý: 111,3 giờ/CBNV

Phi quản lý: 109,5 giờ/CBNV

Tôn trọng sự bình đẳng và đa dạng

VPBank tuân thủ các chính sách và quy định về bình đẳng giới trong các hoạt động nhân sự, không ngừng nâng cao tính đa dạng trong đội ngũ nhân viên.

a) Cơ cấu lao động

Sự đa dạng về giới tính và độ tuổi

Tỷ lệ lãnh đạo nữ trong Ban Điều hành



42,1%



57,9%

Tỷ lệ nữ giới trong lực lượng nhân viên



60,1%



39,9%

Cơ cấu các cá nhân trong cấp quản lý
phân theo nhóm tuổi và giới tính

	Dưới 30 tuổi	30-50 tuổi	Trên 50 tuổi
Nam	5,2%	91,1%	3,7%
Nữ	6,8%	89,1%	4,1%

Cơ cấu lực lượng nhân viên
phân theo nhóm tuổi và giới tính

	Dưới 30 tuổi	30-50 tuổi	Trên 50 tuổi
Nam	46,4%	52,9%	0,8%
Nữ	53,9%	45,9%	0,2%

Các thông tin về sự đa dạng khác của lực lượng lao động

Tổng số nhân viên đang làm việc tại ngân hàng VPBank: 13.599 nhân viên (tại 31/12/2023)

Tổng số nhân viên theo loại hợp đồng và theo vùng

	Bắc bộ	Trung bộ	Nam bộ
Thử việc	402	76	281
HĐLĐ xác định thời hạn	4.435	582	2.281
HĐLĐ không xác định thời hạn	3.437	577	1.528

Tổng số nhân viên theo loại hợp đồng và theo giới tính

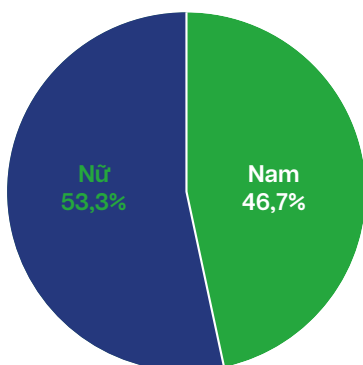
	Nam	Nữ
Thử việc	390	369
HĐLĐ xác định thời hạn	2.966	4.332
HĐLĐ không xác định thời hạn	2.181	3.361

b) Cơ cấu tuyển dụng mới trong kỳ báo cáo

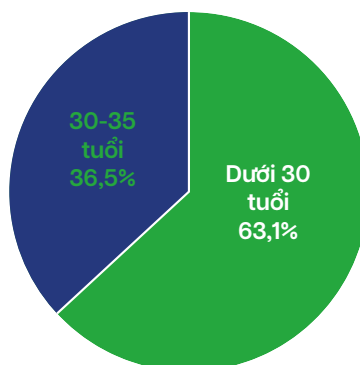
Tuyển dụng lao động mới của kỳ báo cáo 2023:

34%

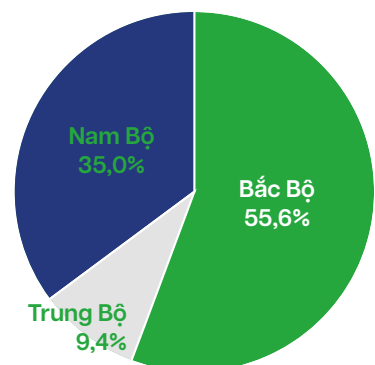
THEO GIỚI TÍNH



THEO NHÓM TUỔI



THEO KHU VỰC



Cơ chế khiếu nại nội bộ

VPBank đã ban hành đầy đủ các quy định, quy trình, cơ chế về tiếp nhận, giải quyết khiếu nại tố cáo và đảm bảo duy trì hiệu quả và tính minh bạch của các chính sách này. Lợi ích của người lao động được tôn trọng và bảo vệ thông qua quyền tự chủ tham gia vào quá trình giải quyết các vấn đề liên quan và ảnh hưởng đến mình trong thời gian công tác, bao gồm các vấn đề về lao động, phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính, bất bình đẳng, các vấn đề xâm hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Người lao động được khuyến khích gửi kiến nghị, phản ánh nếu phát hiện các vấn đề nghiêm trọng như vi phạm quấy rối tình dục, phân biệt, kỳ thị, lạm dụng lao động trẻ em, vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp, vi phạm chính sách về phòng chống tham nhũng hoặc bất cứ một vấn đề mà người lao động cho rằng không phù hợp với các quy tắc, chuẩn mực chung theo quy định của VPBank hay quy định của pháp luật.

Các kênh tiếp nhận khiếu nại tố cáo

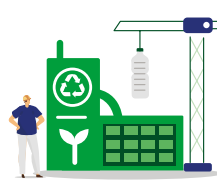
Tiếp nhận văn bản và làm việc trực tiếp	Tiếp nhận qua email	Điện thoại đường dây nóng
Phòng Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ Địa chỉ: Tầng 16 Tòa nhà VPBank – 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.	kiemsoatuanthu@vpbank.com.vn hoặc xulykhiueunai@vpbank.com.vn	Điện thoại đường dây nóng: 0473059129 (số điện thoại ghi âm tự động)

11. Đóng góp bảo vệ môi trường

Quản lý chất thải

VPBank tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải, thực hiện theo nguyên tắc quản lý tổng hợp để ưu tiên các giải pháp tiết kiệm, tuần hoàn nhằm hạn chế tối đa lượng chất thải phát sinh.

Hoạt động quản lý chất thải tại VPBank



Rác thải được phân loại tại nguồn



Nhà thầu xử lý chất thải có đầy đủ năng lực theo quy định



Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường



Không ghi nhận sự cố môi trường



Không có khiếu nại của cộng đồng xung quanh về môi trường

Loại chất thải	Khối lượng phát sinh	Biện pháp quản lý áp dụng (theo thứ tự áp dụng ưu tiên từ trái qua phải)		
		Tiết kiệm	Tuần hoàn /Tái sử dụng	Thải bỏ và xử lý
Chất thải rắn thông thường	1.011 tấn/năm (phương pháp ước tính theo hệ số cho từng tỉnh do Bộ Tài nguyên - Môi trường công bố năm 2019, nhân với hệ số theo giờ làm việc trung bình mỗi CBNV tại VPBank là 8 tiếng/ngày)	- Tiết kiệm giấy, khuyến khích trao đổi công việc qua email, số hoá quy trình truyền thông nội bộ để giảm thiểu sử dụng giấy; - Định mức sử dụng văn phòng phẩm; sử dụng giấy in văn phòng sản xuất từ nguyên liệu được chứng nhận quản lý rừng bền vững (chứng nhận FSC); - Hạn chế sử dụng đồ nhựa 1 lần, túi nilon.	- Các dạng tài sản lớn như bàn ghế, tủ, máy tính khi hỏng hóc được thanh lý theo quy trình, không thải bỏ cùng các chất thải khác; - In giấy 2 mặt; - Tái sử dụng các bao bì, hộp chứa.	- Chất thải rắn thải bỏ được phân loại tại nguồn, có nhân viên vệ sinh thu gom hàng ngày; - Chất thải sau thu gom được chuyển giao cho đơn vị thuê ngoài có năng lực để xử lý theo quy định pháp luật.
Nước thải	148.088 m³/năm (phương pháp ước tính theo hệ số phát thải trung bình 100 lít/người/ngày, nhân với hệ số theo giờ làm việc trung bình mỗi CBNV tại VPBank là 8 tiếng/ngày)	Tiết kiệm nước tại khu vệ sinh (truyền thông nội bộ, dán thông báo).	Có hệ thống tuần hoàn nước thải sau xử lý để sử dụng cho khu vệ sinh.	Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo quy chuẩn môi trường.
Khí thải	Dữ liệu phát thải khí nhà kính của VPBank được trình bày chi tiết trong <i>Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (trang 41)</i>	- Áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển. Sử dụng các phương tiện đạt tiêu chuẩn về khí thải; - Chỉ sử dụng máy phát điện trong trường hợp có sự cố hoặc cần thiết; - Hệ thống điều hoà theo công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng. Hệ thống điều hoà được tắt sau giờ làm việc, chỉ duy trì tại các khu vực cần thiết.	Không áp dụng	- Định kỳ duy trì bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các phương tiện, thiết bị để tối ưu hiệu suất; - Áp dụng công nghệ lọc khí thải đạt quy chuẩn môi trường đối với máy phát điện.
Chất thải nguy hại	465 kg (*) Chất thải nguy hại chuyển giao cho đơn vị có giấy phép môi trường phù hợp để thu gom và xử lý. (*) thống kê cho Tòa nhà văn phòng của Hội sở chính.	Thay thế đèn huỳnh quang bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường.	Khuyến khích bơm mực thêm cho các máy in, máy photo-copy thay vì thay mới để hạn chế phát thải ra môi trường.	- Phân loại tại nguồn, thu gom và lưu trữ theo quy định; - Bố trí các thùng chứa an toàn để thu gom riêng pin thải từ hoạt động văn phòng; - Chất thải nguy hại sau thu gom được chuyển giao cho đơn vị thuê ngoài có năng lực để xử lý theo quy định pháp luật. Chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại được lưu trữ đầy đủ theo quy định pháp luật.

³<https://www.vpbank.com.vn/-/media/vpbank-latest/8aboutvpbank/phat-trien-ben-vung/2023/cong-bo-thong-tin-tai-chinh-lien-quan-den-ki-hau-nam-2022.pdf>

Quản lý năng lượng

Với các quy định, hướng dẫn thực hành tiết kiệm năng lượng được đẩy mạnh truyền thông tới rộng rãi toàn thể CBNV kết hợp với việc giám sát, kiểm tra định kỳ để đưa ra các chế tài khen thưởng, xử phạt phù hợp. Ngoài ra, các chiến dịch thi đua tiết kiệm, xanh hóa văn phòng cũng nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của các CBNV. Trên cơ sở đó, mỗi CBNV VPBank đã xây dựng và ngày càng nâng cao ý thức tiêu thụ năng lượng có trách nhiệm.

Điện

Lượng điện tiêu thụ trung bình trong năm 2023 của mỗi CBNV VPBank là 1.728 kWh/người, tương đương với năm 2022 và đã giảm 5,5% so với năm 2021.

Nước

Chi phí nước tiêu thụ trung bình trong năm 2023 của mỗi CBNV VPBank là VND 164.630/ người, tương đương với năm 2022 và đã giảm 9,5% so với năm 2021.

Trong năm 2023, VPBank vẫn tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng hệ thống, với tổng số phòng giao dịch và chi nhánh trong năm 2023 đã tăng 15% so với năm 2022, Toàn hệ thống cũng đã quay trở lại văn phòng, không còn áp dụng chính sách làm việc tại nhà như năm 2022. Bên cạnh đó, giá nước sinh hoạt của khu vực Hà Nội đã điều chỉnh tăng 22% từ tháng 7/2023. Trong bối cảnh đó, mức tiêu thụ điện và chi phí sử dụng nước trung bình trên mỗi CBNV trong năm 2023 vẫn được giữ ở mức ổn định so với năm 2022. Điều này cho thấy sự cải thiện đáng kể trong hiệu suất sử dụng năng lượng của VPBank.

Quản lý hoạt động phát thải khí nhà kính (KNK)

VPBank đã thiết lập và đảm bảo các mục tiêu khí hậu của ngân hàng phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong Hội nghị các Bên tham gia Công ước Khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (COP) và từng bước xây dựng một kế hoạch chuyển đổi toàn diện với lộ trình và hành động cụ thể, gắn với thực tiễn để thúc đẩy mạnh mẽ các đóng góp cho quá trình chuyển đổi và hiện thực hóa mục tiêu đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Mức độ phát thải KNK và các mục tiêu cắt giảm được tóm tắt trong bảng dưới đây và được VPBank đề chi tiết trong “*Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu*” hàng năm theo tiêu chuẩn TCFD và đăng tải trên website chính thức của ngân hàng.

Kết quả ước tính lượng phát thải KNK của Phạm vi 1 & 2 của năm 2022 tiếp tục giảm so với các năm trước, cụ thể, giảm 24,5% so với năm cơ sở 2018 mặc dù quy mô hoạt động của ngân hàng đã mở rộng, cho thấy hiệu quả của các giải pháp tiết kiệm năng lượng đang được áp dụng tại ngân hàng. Ngân hàng cũng nhận thực được tầm quan trọng của việc nghiên cứu thực hành các giải pháp kỹ thuật khác như đánh giá tính khả thi của việc lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời và/ hoặc năng lượng tái tạo khác cho trụ sở chính, các chi nhánh và/ hoặc phòng giao dịch, theo định hướng của Chính phủ tại chỉ thị số 20/CT-TTg về tăng cường tiết kiệm điện trong giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo.

⁴<https://www.vpbank.com.vn/-/media/vpbank-latest/8aboutvpbank/phat-trien-ben-vung/2023/cong-bo-thong-tin-tai-chinh-lien-quan-den-ki-hau-nam-2022.pdf>

Chỉ số	2018	2019	2020	2021	2022	Mục tiêu
Lượng phát thải KNK từ riêng hoạt động vận hành của ngân hàng ⁵	28.406 tấn CO ₂ e	25.384 tấn CO ₂ e	23.358 tấn CO ₂ e	22.119 tấn CO ₂ e	21.428 tấn CO ₂ e	Phát thải ròng bằng "0" năm 2027
Lượng phát thải KNK của các ngành được ngân hàng cấp tín dụng	-	-	-	-	-	Phát thải ròng bằng "0" năm 2050
Dư nợ tín dụng cho các hoạt động liên quan đến than	0,40%	0,23%	0,25%	0,20%	0,18%	Loại bỏ hoàn toàn vào năm 2050

Về hoạt động phát thải của Phạm vi 3, VPBank hiểu rõ phần lớn tổng lượng phát thải của Ngân hàng gián tiếp đến từ hoạt động tài trợ tài chính cho việc sản xuất và kinh doanh của các khách hàng và các hoạt động phát thải kéo theo khác nằm trong chuỗi giá trị của khách hàng, được gọi chung là "phát thải tài chính". Trong giai đoạn hiện nay khi Việt Nam đang thiếu hụt dữ liệu về phát thải KNK ở cấp quốc gia và cấp doanh nghiệp, với sự hỗ trợ từ các tổ chức hàng đầu trong và ngoài ngành tài chính, VPBank thí điểm sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên mô hình để ước tính sơ bộ lượng phát thải KNK đến từ danh mục tín dụng của VPBank, phù hợp với chuẩn mực toàn cầu về kiểm kê và báo cáo khí nhà kính của PCAF dành cho ngành tài chính. Do những hạn chế cố hữu của phương pháp ước tính dựa trên mô hình, VPBank quyết định tiếp cận một cách thận trọng để bước đầu giám sát kết quả đánh giá và từng bước tăng cường kiến thức và năng lực để tìm hiểu thêm tổng lượng phát thải khí nhà kính trước khi chính thức công bố các mục tiêu và việc theo dõi tiến độ.

Kết quả thí điểm bước đầu giúp Ngân hàng hiểu rõ hơn về quy mô phát thải và các nguyên nhân chính, giúp ngân hàng chủ động đưa ra các quyết định để dẫn cấu trúc lại danh mục tín dụng, chuyển dần từ việc tài trợ các hoạt động thâm dụng carbon sang các hoạt động có mức phát thải carbon thấp hơn. Bước đầu, VPBank đã liệt kê khai thác than hoặc các dịch vụ, cơ sở hạ tầng dành riêng phục vụ hoạt động khai thác than trong danh mục từ chối cấp tín dụng và thắt chặt chính sách tín dụng đối với ngành nhiệt điện than. VPBank chỉ xem xét cấp tín dụng trong trường hợp: (i) tài trợ để đầu tư các thiết bị, công nghệ giảm thiểu tác động tới môi trường, giảm phát thải KNK, chống biến đổi khí hậu và tuân thủ phòng cháy chữa cháy; hoặc (ii) cấp vốn lưu động cho các nhà máy điện than hiện hữu khi không kéo dài tuổi thọ hoặc mở rộng công suất dự án, đồng thời có lộ trình áp dụng công nghệ giảm phát thải KNK và nằm trong hạn mức nội bộ áp dụng đối với nhóm ngành hạn chế này theo quy định trong từng thời kỳ.

⁵ Số liệu đã được hiệu chỉnh để áp dụng hệ số điều chỉnh đối với lượng phát thải khí nhà kính từ nước thải nhằm phản ánh thời gian làm việc thực tế của nhân viên (8 giờ/ngày) theo hướng dẫn của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) vì VPBank đang sử dụng phương pháp ước tính dựa trên hệ số phát thải theo Hướng dẫn về kiểm kê khí nhà kính quốc gia của Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC).



Báo cáo tài chính

Báo cáo kiểm toán độc lập	198
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	202
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	205
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	206
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	208

Thông tin chung

Thông tin về ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 08 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 45 ngày 27 tháng 11 năm 2023. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; dịch vụ quản lý tài sản; cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.339.326 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 67.434.236 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, bảy mươi sáu (76) chi nhánh, một trăm tám mươi bảy (187) phòng giao dịch trên cả nước và bốn (4) công ty con.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Kim Ly Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách
Bà Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên chuyên trách
Ông Vũ Hồng Cao	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Bà Phạm Thị Nhung	Phó Tổng Giám đốc thường trực (Từ ngày 20 tháng 10 năm 2023) Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 19 tháng 10 năm 2023)
Ông Phùng Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách phía Nam
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Khôi	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 31 tháng 3 năm 2023)
Ông Đinh Văn Nho	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Đức Vinh – Tổng Giám đốc được Ông Ngô Chí Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Văn bản Ủy quyền số 09/2012/UQ-CT ngày 05 tháng 7 năm 2012.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
29-03-2024

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 202 đến trang 292, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	2.284.990	2.658.493
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	8.422.511	9.935.379
Tiền gửi và cấp tín dụng các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác		94.093.778	47.965.493
• Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	81.299.073	40.771.879
• Cấp tín dụng cho các TCTD khác	7.2	12.794.705	7.193.614
Chứng khoán kinh doanh	8	12.325.809	7.793.447
• Chứng khoán kinh doanh	8.1	12.406.274	7.850.639
• Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	8.2	(80.465)	(57.192)
Cho vay khách hàng		551.472.066	424.662.382
• Cho vay khách hàng	10	566.271.290	438.338.047
• Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(14.799.224)	(13.675.665)
Hoạt động mua nợ	12	821.761	893.186
• Mua nợ		827.971	899.936
• Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(6.210)	(6.750)
Chứng khoán đầu tư		94.587.476	83.075.897
• Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13.1	88.050.457	82.718.218
• Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.2	6.755.260	610.279
• Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	13.3	(218.241)	(252.600)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		189.210	189.210
• Đầu tư dài hạn khác	14.1	189.210	189.210
Tài sản cố định		1.923.801	1.858.126
• Tài sản cố định hữu hình	15.1	1.298.099	1.219.108
* Nguyên giá tài sản cố định		2.994.200	2.733.537
* Hao mòn tài sản cố định		(1.696.101)	(1.514.429)
• Tài sản cố định vô hình	15.2	625.702	639.018
* Nguyên giá tài sản cố định		1.908.548	1.709.523
* Hao mòn tài sản cố định		(1.282.846)	(1.070.505)
Tài sản Có khác		51.445.520	51.981.273
• Các khoản phải thu	16.1	33.969.441	39.409.465
• Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	8.976.228	7.879.131
• Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	1.297.724	566.968
• Tài sản Có khác	16.3	7.354.383	4.205.385
* Trong đó: Lợi thế thương mại	17	118.507	195.492
• Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	16.4	(152.256)	(79.676)
TỔNG TÀI SẢN		817.566.922	631.012.886

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	18	4.118.311	1.929.233
• Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		4.118.311	1.929.233
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính (“TCTC”), TCTD khác		156.356.651	140.249.116
• Tiền gửi của các TCTD khác	19.1	83.234.756	51.325.927
• Vay các TCTC, TCTD khác	19.2	73.121.895	88.923.189
Tiền gửi của khách hàng	20	442.368.381	303.151.417
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	392	15.369
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	21	22.045	47.050
Phát hành giấy tờ có giá	22	47.787.312	63.699.974
Các khoản nợ khác		27.118.303	18.418.807
• Các khoản lãi, phí phải trả	23.1	13.812.285	8.596.581
• Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	24.2	65.310	8.844
• Các khoản phải trả và công nợ khác	23.2	13.240.708	9.813.382
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		677.771.395	527.510.966
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
• Vốn		103.331.782	66.550.770
* Vốn điều lệ		79.339.236	67.434.236
* Thặng dư vốn cổ phần		23.992.546	-
* Cổ phiếu quỹ		-	(883.466)
• Các quỹ của TCTD		12.233.282	13.535.084
Lợi nhuận chưa phân phối		19.065.969	16.751.804
• Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		5.164.494	6.664.262
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	25	139.795.527	103.501.920
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		817.566.922	631.012.886

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại) (triệu đồng)
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	40	641.955.933	550.597.539
Bảo lãnh vay vốn		1.754.978	2.468.421
Cam kết giao dịch hối đoái		296.858.798	162.851.173
• Cam kết mua ngoại tệ		264.965	1.158.171
• Cam kết bán ngoại tệ		992.663	786.489
• Cam kết nhận - giao dịch hoán đổi tiền tệ		147.839.284	80.349.191
• Cam kết trả - giao dịch hoán đổi tiền tệ		147.761.886	80.557.322
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		38.680.116	46.948.724
Bảo lãnh khác		19.546.205	22.209.420
Các cam kết khác		285.115.836	316.119.801
• Trong đó: Hạn mức tín dụng chưa sử dụng có thể hủy ngang		205.810.854	206.575.687
Các khoản mục ngoại bảng khác	41	150.407.789	164.391.718
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	41.1	8.211.807	8.238.825
Nợ khó đòi đã xử lý	41.2	51.100.127	67.869.591
Tài sản và chứng từ khác	41.3	91.095.854	88.283.302

Người lập:

Bà Phạm Minh Thư
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

29-03-2024

Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
• Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	76.557.377	62.200.250
• Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(38.382.701)	(21.179.192)
Thu nhập lãi thuần		38.174.676	41.021.058
• Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		12.307.787	10.455.695
• Chi phí hoạt động dịch vụ		(5.095.905)	(4.017.943)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	7.211.882	6.437.752
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	(805.973)	(618.050)
Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	380.173	(149.194)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	250.032	508.755
• Thu nhập từ hoạt động khác		7.774.012	13.017.039
• Chi phí cho hoạt động khác		(3.248.461)	(2.433.072)
Lãi thuần từ hoạt động khác	33	4.525.551	10.583.967
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	34	3.147	12.801
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		49.739.488	57.797.089
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(13.941.218)	(14.115.731)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		35.798.270	43.681.358
• Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	36	(24.994.374)	(22.461.226)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		10.803.896	21.220.132
• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(2.984.015)	(4.859.848)
• Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		674.290	548.523
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24	(2.309.725)	(4.311.325)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		8.494.171	16.908.807
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(1.479.768)	(1.259.161)
Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		9.973.939	18.167.968
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26	1.433	2.718

Người lập:

Bà Phạm Minh Thư
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

29-03-2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		75.607.344	60.431.597
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(33.563.210)	(18.788.241)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		6.769.431	6.183.410
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		504.746	(519.558)
Thu nhập khác		2.065.153	6.808.756
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		2.495.093	3.746.268
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(13.563.177)	(13.872.589)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	24.1	(4.082.839)	(6.445.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		36.232.541	37.544.371
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
• (Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		(5.581.091)	9.644.430
• Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(15.071.380)	(7.099.610)
• Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác		-	103.299
• Tăng các khoản cho vay khách hàng và mua nợ		(132.240.812)	(83.012.963)
• Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(19.444.959)	(18.737.489)
• Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động		1.051.359	(2.608.156)
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		2.189.078	(6.525.142)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay từ các TCTC, các TCTD khác		16.107.535	25.630.010
Tăng tiền gửi của khách hàng		139.216.964	61.314.389
Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(15.912.662)	(17.595.659)
Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(25.005)	(56.880)
(Giảm)/Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(14.977)	15.369
Tăng khác về công nợ hoạt động		4.952.988	2.076.568
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.459.579	692.537

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

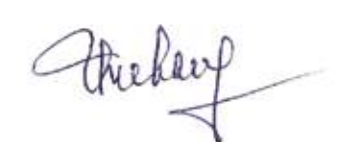
	Thuyết minh	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(107.210)	(105.899)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		965	3.242
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(635.438)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		3.147	12.801
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(103.098)	(725.294)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		35.897.546	-
Cổ tức trả cổ đông, lợi nhuận đã chia		(7.933.924)	-
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ		302.196	300.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		28.265.818	300.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		39.622.299	267.243
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		54.045.171	53.777.928
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	37	93.667.470	54.045.171
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM			
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu		-	22.377.306
Giảm thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu quỹ theo ESOP từ nguồn cổ phiếu quỹ		(581.270)	(577.046)

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:


Bà Phạm Minh Thư
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán


Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng


Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính


Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

29-03-2024

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. Đặc điểm hoạt động của ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 08 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 45 ngày 27 tháng 11 năm 2023. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; dịch vụ quản lý tài sản; cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.339.236 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 67.434.236 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, bảy mươi sáu (76) chi nhánh, một trăm tám mươi bảy (187) phòng giao dịch trên cả nước và bốn (04) công ty con.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có bốn (04) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPB AMC”)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần gần nhất ngày 12 tháng 5 năm 2023	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ đồng Việt Nam	100%
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (“VPB SMBC FC”)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp thay đổi gần nhất ngày 14 tháng 02 năm 2022	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	10.928 tỷ đồng Việt Nam	50%
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (“VPBankS”)	Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 4 năm 2009 và Giấy phép Điều chỉnh gần nhất ngày 14 tháng 8 năm 2023	Các hoạt động chứng khoán	15.000 tỷ đồng Việt Nam	99,9537%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES (“OPES”)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 79/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất ngày 16 tháng 12 năm 2021	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	550 tỷ đồng Việt Nam	98%

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 24.973 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 29.111 nhân viên).

2. Năm tài chính và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng là đồng Việt Nam ("VND") và được làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("triệu VND").

3. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

3. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo kết quả lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đi kèm này cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám Đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, trừ các thay đổi sau:

Thông tư 18/2022/TT-NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, NHNN ban hành Thông tư 18/2022/TT-NHNN (“Thông tư 18”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các thay đổi của Thông tư 18 liên quan đến chính sách kế toán như sau:

- Bổ sung định nghĩa Giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được mua bán;
- Bổ sung quy định về thời hạn thanh toán số tiền mua, bán nợ của bên mua nợ cho bên bán nợ;
- Bổ sung quy định về tài sản đảm bảo đối với số tiền mà bên mua nợ chưa thanh toán đủ cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ;
- Bổ sung quy định về quản lý, theo dõi, phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với phần nợ chưa bán trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ;
- Bổ sung quy định chi tiết về xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với khoản nợ đã mua, bán.

Thông tư 18 có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 02 năm 2023 với điều kiện chuyển tiếp: Các hợp đồng mua, bán nợ được xác lập trước ngày Thông tư 18 có hiệu lực, bên mua nợ, bên bán nợ và các bên có liên quan được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký và các quy định của Thông tư 09. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng mua, bán nợ, việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán nợ phải phù hợp với quy định tại Thông tư 18.

Thông tư 02/2023/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn

Ngày 23 tháng 4 năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 02/2023/TT-NHNN (“Thông tư 02”) quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Các nội dung chính của Thông tư 02 bao gồm:

- Phạm vi và điều kiện đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
- Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ, hạch toán lãi dự thu và trích lập dự phòng đối với khoản nợ có số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2023.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11").

Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại tổ chức tín dụng trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam) và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh 4.5*.

Theo Thông tư 11, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng nêu trên.

4.4 Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm và đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày trong *Thuyết minh số 4.5*.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành và tài sản có rủi ro tín dụng khác

Ngân hàng áp dụng phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 11 trong việc phân loại nợ đối với các tài sản có sau: các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm trái phiếu do các TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là “các khoản nợ”).

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư cùng ngày của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật; tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài; khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5).

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 11.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	a. Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc b. Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	a. Nợ quá hạn từ 10 đến 90 ngày trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) của Nhóm 1; hoặc b. Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	a. Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc b. Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc c. Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc d. Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. e. Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc f. Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc g. Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ	a. Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc b. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc d. Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc e. Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc f. Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc g. Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	a. Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc b. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc d. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên; hoặc e. Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc f. Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc g. Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc h. Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc i. Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, Ngân hàng phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng và công ty con tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Ngân hàng cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“CIC”) cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 01/2020/TT-NHNN (“Thông tư 01”) do NHNN ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày liên kế sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch COVID-19, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19, thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản nợ này và vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 01 năm 2020.

Từ ngày 17 tháng 5 năm 2021, Ngân hàng áp dụng Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 2 tháng 4 năm 2021 (“Thông tư 03”) do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 10 tháng 6 năm 2020 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19, thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ.

Từ ngày 7 tháng 9 năm 2021, Ngân hàng áp dụng Thông tư 14/2021/TT-NHNN (“Thông tư 14”) của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11.

Thông tư 03 yêu cầu Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi được thực hiện phân loại theo hai loại nợ như sau: (1) Phân loại nợ nếu áp dụng giữ nguyên nhóm nợ khi thực hiện cơ cấu nợ, miễn giảm lãi; (2) Phân loại nợ nếu không áp dụng giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của NHNN về phân loại nợ trong hoạt động của TCTD.

Trong trường hợp chênh lệch số tiền dự phòng cần phải trích theo loại nợ (2) so với loại nợ (1) là dương, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung như sau:

Dự phòng bổ sung	Thời hạn
Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, Ngân hàng căn cứ quy định của NHNN về trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, để trích lập dự phòng rủi ro đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 03.

Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Ngân hàng áp dụng Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 (“Thông tư 02”) do NHNN ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng đáp ứng quy định tại Thông tư này. Theo đó, khoản nợ đáp ứng các quy định sau: dư nợ gốc phát sinh trước ngày 24 tháng 4 năm 2023 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 24 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024; số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận; các khách hàng này được TCTD đánh giá không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm so với doanh thu, thu nhập tại phương án trả nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận; khách hàng được đánh giá có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại, thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ không vượt quá 12 tháng kể từ ngày đến hạn của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, và được giữ nguyên nhóm nợ đối với khoản nợ có số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư 02 yêu cầu Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện phân loại theo hai loại nợ như sau: (1) Phân loại nợ nếu áp dụng giữ nguyên nhóm nợ khi thực hiện cơ cấu nợ; (2) Phân loại nợ nếu không áp dụng giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của NHNN về phân loại nợ trong hoạt động của TCTD. Trong trường hợp chênh lệch số tiền dự phòng cần phải trích theo loại nợ (2) so với loại nợ (1) là dương, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung như sau:

Dự phòng bổ sung	Thời hạn
Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023
100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 11.

Chính sách trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (“VPBankS”).

Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng của VPBankS được trình bày tại *Thuyết minh 4.14.2* theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC (“Thông tư 48”), theo bản chất cụ thể của các khoản phải thu này và đảm bảo thống nhất với báo cáo của VPBankS. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.6 Chứng khoán kinh doanh

4.6.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.6.2 Đo lường

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro và dự phòng giảm giá chứng khoán. Trong đó giá của trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này. Theo Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2022, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương không thuộc đối tượng trích lập dự phòng giảm giá.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do Tổ chức tín dụng khác phát hành thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11 được mô tả tại *Thuyết minh 4.5*.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Thu nhập lãi từ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thực nhận.

4.6.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán (trừ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết) được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 (có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022). Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương không thuộc đối tượng trích lập dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết và kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác phát hành thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.8 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.8 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Theo Thông tư số 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X_{(m)}$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m ;
- X_{m-1} là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ $m-1$;
- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- Z_m là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$ thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ($X_{(m)}$) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”. Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tắt toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào “Thu nhập hoạt động khác”.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và các công ty con mua hân với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán trước thời điểm đáo hạn, danh mục còn lại của chứng khoán này sẽ được phân loại sang chứng khoán kinh doanh hoặc chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được trình bày tại mục *Thuyết minh số 4.7*.

4.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.10 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng, nếu các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư thì Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư theo khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

Căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm báo cáo tài chính năm của Ngân hàng, dự phòng cho từng khoản đầu tư được tính theo công thức sau:

Mức dự phòng
cho mỗi khoản
đầu tư

=

Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ
thực góp (%) của
Ngân hàng tại tổ chức
kinh tế nhận vốn góp
tại thời điểm trích lập
dự phòng

×

Vốn đầu tư thực tế
của các chủ sở hữu ở
tổ chức kinh tế nhận
vốn góp tại thời điểm
trích lập dự phòng

−

Vốn chủ sở hữu
của tổ chức kinh tế
nhận vốn góp tại
thời điểm trích lập
dự phòng

Trong trường hợp tổ chức kinh tế nhận vốn góp không lập báo cáo tài chính cùng thời điểm Ngân hàng trích lập dự phòng thì Ngân hàng không được thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.12 Hao mòn tài sản cố định

Hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Máy móc thiết bị	3 – 7 năm
Phần mềm máy vi tính	2 – 14 năm
Tài sản cố định khác	2 – 5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.13 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “*Tổng chi phí hoạt động*” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.14 Các khoản phải thu

4.14.1 Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.14.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được ghi nhận vào khoản mục “*Tổng chi phí hoạt động*” trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.15 Chi phí trả trước, chi phí chờ phân bổ và các khoản ký quỹ

Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Khoản ký quỹ bảo hiểm của Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES

Căn cứ Nghị định 46/2023/NĐ-CP và Luật kinh doanh bảo hiểm ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2022, hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2023, Công ty phải sử dụng một phần vốn điều lệ, vốn được cấp để ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Mức tiền ký quỹ bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu. Công ty được hưởng lãi trên khoản ký quỹ bảo hiểm và chỉ được phép rút khoản ký quỹ này khi chấm dứt hoạt động kinh doanh. Khoản ký quỹ bảo hiểm được sử dụng để hoàn thành nghĩa vụ được cam kết với người được bảo hiểm chỉ khi khả năng thanh toán của Công ty không đủ đáp ứng và được sự chấp thuận trước của Bộ tài chính.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.16 Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) hướng dẫn một số điều của Luật kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm 2022. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo phương pháp được Bộ Tài Chính chấp thuận cụ thể như sau:

4.16.1 Dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 1 năm trở xuống

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng phí bảo hiểm đảm bảo cho phần rủi ro mà Ngân hàng có thể phải gánh chịu sau ngày báo cáo. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm và được tính theo phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Thông tư 50.

Theo đó, dự phòng phí chưa được hưởng đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm được tính theo công thức tổng quát sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả. Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.16.2 Dự phòng bồi thường cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết và cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm cuối năm tài chính, và
- Các yêu cầu đòi bồi thường cho “các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các yêu cầu đòi bồi thường đã phát sinh trong kỳ kế toán hiện tại hoặc các kỳ kế toán trước, nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc công ty tái bảo hiểm tại thời điểm kết thúc năm tài chính và dự phòng bồi thường được trích lập theo tỷ lệ 3% tổng số phí bảo hiểm giữ lại trong một năm gần nhất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.16 Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (tiếp theo)

4.16.3 Dự phòng dao động lớn cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng dao động lớn được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại theo tỷ lệ là 1% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm mỗi năm cho đến khi quỹ dự phòng này đạt mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính. Dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.16.4 Dự phòng toán học cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Ngân hàng áp dụng phương pháp trích lập theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp. Trong mọi trường hợp Ngân hàng đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm và chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp phí bảo hiểm thuần.

Dự phòng toán học được hạch toán vào tài khoản dự phòng phí chưa được hưởng trên báo cáo tính hình tài chính hợp nhất.

4.16.5 Dự phòng bồi thường cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT cho năm TC hiện tại

=

Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp

×

Số tiền BT phát sinh của năm TC hiện tại

×

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC hiện tại

×

Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại

Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp

×

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước

×

Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.16 Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (tiếp theo)

4.16.5 Dự phòng bồi thường cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe (tiếp theo)

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.16.6 Dự phòng đảm bảo cân đối cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Mức trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm và được hạch toán vào tài khoản dự phòng dao động lớn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.17 Vốn và các quỹ

4.17.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

4.17.2 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch (tăng hoặc giảm) do giá phát hành cổ phiếu cao hoặc thấp hơn mệnh giá (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ), cũng như các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.

4.17.3 Cổ phiếu quỹ

Trước ngày 01 tháng 01 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.17 Vốn và các quỹ
(tiếp theo)

4.17.4 Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân phối từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Ngân hàng sẽ thực hiện trích lập các quỹ dự trữ nêu trên dựa trên kết quả hoạt động riêng vào cuối năm tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPB AMC”) thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015, VPB AMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 thay thế Nghị định 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Các quỹ dự trữ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Trước ngày 01 tháng 02 năm 2022
Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của Công ty Chứng khoán, công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối như sau:

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.17 Vốn và các quỹ (tiếp theo)

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này được trích vào cuối năm, không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022

Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2021 đã bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Công ty chứng khoán tổ chức hoạt động, quản lý tài chính theo quy định tại Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập, Công ty Chứng khoán bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

Với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ đã trích lập, Công ty Chứng khoán bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Quỹ dự trữ của Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Tỷ lệ được trích lập của quỹ dự trữ bắt buộc bằng năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là mười phần trăm (10%) vốn điều lệ dựa theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.18 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Doanh thu và chi phí từ các hoạt động ngân hàng

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 11, các khoản nợ Nhóm 1 nhưng phải trích dự phòng cụ thể sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Đối với số lãi phải thu của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (Nhóm 1) theo quy định tại Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 kể từ ngày được cơ cấu lại không phải hạch toán thu nhập (dự thu) mà được thực hiện theo dõi ngoại bảng để đơn đốc thu; thực hiện hạch toán vào thu nhập khi thu được theo quy định của pháp luật về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi. Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa được phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Thay vào đó, chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi Ngân hàng sẽ được cập nhật và trình bày.

Doanh thu và chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

• Doanh thu bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 67 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Theo đó, Công ty hạch toán khoản thu phí bảo hiểm gốc vào doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết hoặc có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Công ty và bên mua bảo hiểm; (2) Bắt đầu thời hạn bảo hiểm quy định trong hợp đồng bảo hiểm; (3) bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm hoặc Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp thỏa thuận thanh toán phí bảo hiểm một lần, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Trường hợp thỏa thuận thanh toán phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng, cuối năm kết chuyển vào tài khoản doanh thu phí bảo hiểm gốc để tính doanh thu thuần.

Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật kinh doanh bảo hiểm 2022 và để áp dụng quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm 2022.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.18 Ghi nhận thu nhập và chi phí (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (tiếp theo)

• Chi bồi thường, hoa hồng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các chi phí khai thác khác

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng đã xác định được chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và đã thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán này cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ kế toán được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm được tính theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc theo các Hợp đồng đại lý, Thỏa thuận môi giới phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 50 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong năm theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Chi phí hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các chi phí khai thác khác là các khoản chi phí phát sinh trực tiếp để có được các hợp đồng bảo hiểm, được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng. Số dư của các chi phí này tại ngày báo cáo phản ánh chi phí tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi khen thưởng và chi hỗ trợ đại lý không vượt quá 50% hoa hồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm đã khai thác trong năm tài chính. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý không vượt quá 100% hoa hồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe đã khai thác trong năm tài chính theo quy định tại Thông tư 89/2020/TT-BTC ("Thông tư 89") ngày 11 tháng 11 năm 2020.

• Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được hạch toán cùng kỳ với kỳ kế toán ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gốc hoặc phí nhận tái bảo hiểm tương ứng.

Cuối năm tài chính, số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng.

4.19 Hoạt động mua, bán nợ

Hoạt động mua, bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ("Thông tư 09") và Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ("Thông tư 18") sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 09 quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Hoạt động mua nợ

Khoản mua nợ được ghi nhận ban đầu theo giá mua, sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng rủi ro tín dụng. Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua nợ.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 09 và Thông tư 18, Ngân hàng xử lý tài chính, ghi nhận kế toán đối với các khoản nợ đã mua như sau:

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.19 Hoạt động mua, bán nợ (tiếp theo)

- Trường hợp giá mua nợ nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua: Số tiền nợ gốc thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, Ngân hàng hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Trường hợp, số tiền mua nợ đã được thu hồi hết, số nợ gốc còn lại (phần chênh lệch còn lại giữa số nợ gốc của khoản nợ được mua với số tiền mua nợ) và số tiền nợ lãi thu được theo hợp đồng được ghi nhận vào thu nhập trong kỳ của Ngân hàng;
- Trường hợp giá mua nợ lớn hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua: Số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua được hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Đến thời điểm khi số tiền đã mua nợ còn lại nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ đã mua tại thời điểm đó thì số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, Ngân hàng thực hiện xử lý theo trường hợp giá mua nợ nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua như nêu trên.

Đối với các khoản nợ được mua, Ngân hàng phân loại số tiền đã thanh toán để mua nợ vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Sau đó, việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng khác theo Thông tư 11.

Hoạt động bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2015/TT-NHNN, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:**
 - Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau;
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán thì sau khi thu hồi số nợ gốc, nợ lãi của khoản nợ đã bán, phần chênh lệch nếu có giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được hạch toán vào thu nhập trong năm của Ngân hàng;
 - Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được mua bán, ngoài số tiền thu được từ bán nợ, Ngân hàng sử dụng tiền bồi thường (trong trường hợp tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan và phải bồi thường theo quy định về chế độ tài chính theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức Bảo hiểm. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu thì thực hiện như sau:
 - * Đối với số nợ gốc không thu được: Sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ. Sau khi hoàn thành việc xử lý tài chính nêu trên, Ngân hàng thực hiện xuất toán đối với số nợ gốc không thu được;
 - * Đối với số nợ lãi không thu được: Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng đã hạch toán vào thu nhập, Ngân hàng thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí. Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng, Ngân hàng thực hiện xuất toán số nợ lãi của khoản nợ đã bán.
- Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi báo cáo tình hình tài chính, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.19 Hoạt động mua, bán nợ (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ đã bán (trừ khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro) nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ thì Ngân hàng thực hiện phân loại số tiền chưa thu được như là khoản nợ chưa bán theo Thông tư 11.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá bán nợ là số tiền bên bán nợ nhận được từ bên mua nợ theo hợp đồng bán nợ.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm tài chính, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Thuyết minh số 50). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên tài khoản “Vốn chủ sở hữu” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.23 Tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng thực hiện phân bổ các chi phí này vào “Chi phí lãi và các chi phí tương tự” theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.25 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng. Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ được ghi nhận vào khoản mục "Tài sản và chứng từ khác" trên các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.26 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 11 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 11 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

4.27 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được căn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc căn trừ và dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.28 Các công cụ phái sinh

Ngân hàng và các công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi và hợp đồng tương lai nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại ngày hiện tại hoặc một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian.

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Các hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ

Các hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ (“TPCP”) là cam kết thực hiện mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định là TPCP hoặc trái phiếu giả định có đặc điểm như một TPCP do Kho Bạc Nhà Nước phát hành (hoặc loại khác theo quy định pháp luật) theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai.

Định kỳ hàng ngày, trong thời gian nắm giữ hợp đồng, căn cứ kết quả đánh giá lãi/lỗ vị thế theo từng mã hợp đồng tương lai TPCP, Ngân hàng ghi nhận vào khoản mục “Thu nhập từ hoạt động khác” hoặc “Chi phí cho hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.29 Lợi ích của nhân viên

4.29.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.29.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.29.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.30 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm.

5. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	2.076.239	2.315.511
Tiền mặt bằng ngoại tệ	208.662	342.564
Vàng tiền tệ	89	418
	2.284.990	2.658.493

6. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước việt nam (“NHNN”)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Tiền gửi tại NHNN		
• Bằng VND	8.090.914	8.959.095
• Bằng ngoại tệ	331.597	976.284
	8.422.511	9.935.379

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 0,50%/năm và 0,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0,50%/năm và 0,00%/năm).

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc (%)	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Số dư bình quân tháng trước của:		
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD nước ngoài	1,00	1,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
Tiền gửi bằng VND kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
Tiền gửi bằng VND kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00

7. Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	9.627.143	13.919.103
Bằng VND	7.948.388	12.276.429
Bằng ngoại tệ	1.678.755	1.642.674
Tiền gửi có kỳ hạn	71.671.930	26.852.776
Bằng VND	63.720.000	20.280.000
Bằng ngoại tệ	7.951.930	6.572.776
	81.299.073	40.771.879

7.2 Cấp tín dụng cho các TCTD khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Bằng VND	12.794.705	7.193.614
	12.794.705	7.193.614

Mức lãi suất tiền gửi và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00 - 4,50	4,00 – 10,75
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,50 - 5,20	0,01 – 4,25
Cấp tín dụng bằng VND	1,70 - 9,30	4,00 – 10,34
Cấp tín dụng bằng ngoại tệ	Không áp dụng	Không áp dụng

Chi tiết chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	84.466.635	34.046.390
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	84.466.635	34.046.390

7. Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.3 Dự phòng cấp tín dụng cho các TCTD khác

Thay đổi dự phòng cấp tín dụng cho các TCTD khác trong năm như sau:

	Năm 2023 Triệu đồng	Năm 2022 Triệu đồng
Số dư đầu năm	-	83.146
Sử dụng dự phòng rủi ro trong năm	-	(83.146)
Số dư cuối năm	-	-

8. Chứng khoán kinh doanh

8.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	581.548	-
Chứng khoán nợ do các TCTD khác phát hành	1.565.554	225.000
Chứng khoán nợ do các TCKT khác phát hành	8.749.317	7.625.639
Chứng khoán vốn do các TCKT khác phát hành	1.509.855	-
	12.406.274	7.850.639
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(80.465)	(57.192)
Dự phòng cụ thể	(14.845)	-
Dự phòng chung	(65.620)	(57.192)
	12.325.809	7.793.447

Tổng mệnh giá của các giấy tờ có giá mang đi thế chấp, cầm cố tại các TCTD khác tại 31 tháng 12 năm 2023 là 1.550.000 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 425.000 triệu đồng).

8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	57.192	-	-	57.192
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 31)	8.428	14.845	-	23.273
Số dư cuối năm	65.620	14.845	-	80.465

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	-	-	34.120	34.120
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh số 31)	57.192	-	(34.120)	23.072
Số dư cuối năm	57.192	-	-	57.192

8.2 Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu đã niêm yết	581.548	-
Trái phiếu chưa niêm yết (Thuyết minh 8.3)	8.749.317	7.625.639
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn đã niêm yết	25.771	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	1.484.084	-
Chứng khoán kinh doanh khác		
Giấy tờ có giá khác chưa niêm yết (Thuyết minh 8.3)	1.565.554	225.000
	12.406.274	7.850.639

8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8.3 Phân tích về chất lượng chứng khoán kinh doanh

Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	10.240.644	7.850.639
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	74.227	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	10.314.871	7.850.639

9. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		Giá trị thuần Triệu đồng
		Dòng tiền vào Triệu đồng	Dòng tiền ra Triệu đồng	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	203.295.596	190.677.043	(190.424.992)	252.051
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	69.085.137	69.360.046	(69.238.263)	121.783
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	134.210.459	121.316.997	(121.186.729)	130.268
Công cụ tài chính phái sinh khác	48.616.991	32.589.355	(32.841.798)	(252.443)
	251.912.587	223.266.398	(223.266.790)	(392)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	107.266.787	105.648.534	(105.642.631)	5.903
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	27.580.241	27.692.826	(27.472.003)	220.823
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	79.686.546	77.955.708	(78.170.628)	(214.920)
Công cụ tài chính phái sinh khác	74.334.962	44.718.498	(44.739.770)	(21.272)
	181.601.749	150.367.032	(150.382.401)	(15.369)

10. Cho vay khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	%	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại) Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	507.160.706	89,56	399.183.017	91,07
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	195.586	0,03	191.133	0,04
Các khoản trả thay khách hàng	146.281	0,03	64.862	0,01
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	36.757	0,01	99.305	0,02
Cấp tín dụng khác	51.564.355	9,10	35.518.813	8,11
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	7.167.605	1,27	3.280.917	0,75
	566.271.290	100	438.338.047	100

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %/năm
Cho vay bằng VND	3,00 – 14,10	3,90 – 16,40
Cho vay bằng ngoại tệ	4,30 – 8,50	3,00 – 7,10
Cho vay tiêu dùng bằng VND	41,59	39,13

10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại) Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	491.716.829	386.129.398
Nợ cần chú ý	38.959.002	23.790.598
Nợ dưới tiêu chuẩn	12.074.224	7.945.484
Nợ nghi ngờ	11.990.997	10.031.492
Nợ có khả năng mất vốn	4.362.633	7.160.158
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	7.167.605	3.280.917
	566.271.290	438.338.047

10. Cho vay khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại)
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	199.935.076	143.626.003
Nợ trung hạn	221.800.751	179.453.811
Nợ dài hạn	137.367.858	111.977.316
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	7.167.605	3.280.917
	566.271.290	438.338.047

10.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại)	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	168.557	0,03	906.593	0,21
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	24.285	0,00	43.668	0,01
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	13.071	0,00	8.742	0,00
Công ty TNHH khác	119.502.110	21,10	79.873.098	18,22
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	91.318	0,02	81.251	0,02
Công ty cổ phần khác	146.002.988	25,78	99.493.286	22,70
Công ty hợp danh	946	0,00	1.064	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	55.690	0,01	73.521	0,02
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	221.562	0,04	73.039	0,02
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	57.718	0,01	81.571	0,02
Hộ kinh doanh, cá nhân	292.960.355	51,74	254.415.952	58,03
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	4.963	0,00	4.924	0,00
Khác	122	0,00	421	0,00
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	7.167.605	1,27	3.280.917	0,75
	566.271.290	100	438.338.047	100

10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo một số ngành kinh tế của khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại)	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.041.136	0,54	3.678.961	0,84
Khai khoáng	1.502.568	0,27	1.327.520	0,30
Công nghiệp chế biến, chế tạo	26.526.255	4,68	21.391.907	4,88
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1.408.650	0,25	2.302.444	0,53
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	692.813	0,12	618.115	0,14
Xây dựng	28.271.295	4,99	24.118.023	5,50
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	53.438.420	9,44	44.228.974	10,09
Vận tải kho bãi	9.817.781	1,73	11.131.595	2,54
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	13.296.812	2,35	9.999.309	2,28
Thông tin và truyền thông	911.727	0,16	310.635	0,07
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	21.236.503	3,75	3.930.818	0,90
Hoạt động kinh doanh bất động sản	114.894.070	20,29	67.593.114	15,42
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	1.634.569	0,29	2.533.769	0,58
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.495.928	0,26	1.392.211	0,32
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	4.870	0,00	4.411	0,00
Giáo dục và đào tạo	2.645.282	0,47	214.772	0,05
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.219.198	0,22	458.645	0,10
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	3.891.018	0,69	1.820.380	0,42
Hoạt động dịch vụ khác	2.012.512	0,36	1.174.612	0,27
Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	185.376.652	32,72	153.904.425	35,10
Cho vay cá nhân để mua nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây nhà ở	85.785.626	15,15	82.922.490	18,92
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	7.167.605	1,27	3.280.917	0,75
	566.271.290	100	438.338.047	100

11. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Dự phòng chung	4.152.736	3.233.834
Dự phòng cụ thể	10.595.049	10.441.831
Dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	51.439	-
	14.799.224	13.675.665

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.233.834	10.441.831	-	13.675.665
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh số 36)	935.297	23.961.316	51.439	24.948.052
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và bán nợ	(16.395)	(23.808.098)	-	(23.824.493)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.152.736	10.595.049	51.439	14.799.224

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.656.662	7.234.275	-	9.890.937
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh số 36)	577.172	21.884.012	-	22.461.184
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và bán nợ	-	(18.676.456)	-	(18.676.456)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.233.834	10.441.831	-	13.675.665

12. Hoạt động mua nợ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Mua nợ bằng VND	827.971	899.936
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(6.210)	(6.750)
	821.761	893.186

Chi tiết giá trị nợ gốc, lãi của các khoản mua nợ như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Mua nợ gốc	827.971	899.936
	827.971	899.936

Phân tích chất lượng hoạt động mua nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	827.971	899.936
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	827.971	899.936

Thay đổi dự phòng mua nợ trong năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Số đầu năm	6.750	7.245
Hoàn nhập trong năm (Thuyết minh số 36)	(540)	(495)
Số cuối năm	6.210	6.750

13. Chứng khoán đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Chứng khoán nợ	88.035.100	82.702.861
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	37.771.313	29.029.461
Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	26.658.071	20.781.501
Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	359.442	2.293.454
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	23.605.716	32.891.899
Chứng khoán vốn	15.357	15.357
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	15.357	15.357
	88.050.457	82.718.218
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(210.216)	(252.600)
Dự phòng chung	(177.043)	(246.689)
Dự phòng cụ thể	(27.932)	-
Dự phòng giảm giá	(5.241)	(5.911)
	87.840.241	82.465.618

Tổng mệnh giá của các giấy tờ có giá mang đi thế chấp, cầm cố tại các TCTD khác và thiết lập hạn mức tại Ngân hàng Nhà nước vào thời điểm cuối năm tài chính là 3.345.000 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11.305.000 triệu đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng mệnh giá của các giấy tờ có giá được bán và cam kết mua lại là 5.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.745.537 triệu đồng).

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Trái phiếu niêm yết	38.130.755	31.322.915
Trái phiếu chưa niêm yết (Thuyết minh số 13.5)	36.426.537	46.784.107
Giấy tờ có giá khác chưa niêm yết (Thuyết minh số 13.5)	13.477.808	4.595.839
Chứng khoán vốn niêm yết	15.357	15.357
	88.050.457	82.718.218

13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.2 Chứng khoán đầu tư
giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ	1.054.790	498.679
Trái phiếu của TCKT trong nước phát hành	1.070.000	-
Giấy tờ có giá khác của TCTD khác trong nước phát hành	280.033	111.600
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt VAMC	4.350.437	-
	6.755.260	610.279
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(8.025)	-
	6.747.235	610.279

Tại ngày báo cáo Ngân hàng và công ty con không có trái phiếu mang đi thế chấp,
cầm cố (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 đồng).

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày
đáo hạn tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Trái phiếu đã niêm yết	1.054.790	498.679
Trái phiếu chưa niêm yết	1.070.000	-
Giấy tờ có giá khác chưa niêm yết	280.033	111.600
	2.404.823	610.279

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)
Trái phiếu Chính phủ	4 – 10 năm	4,50 – 6,60	5 – 10 năm	2,90 – 9,10
Trái phiếu của TCKT trong nước phát hành	5 năm	9,70	-	-
Giấy tờ có giá khác của TCTD khác trong nước phát hành	6 – 12 tháng	7,00 – 11,30	6 – 12 tháng	7,00 – 7,50

13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	246.689	-	5.911	252.600
Dự phòng rủi ro (hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh số 32)	(69.646)	27.932	(670)	(42.384)
Số dư cuối năm	177.043	27.932	5.241	210.216

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	208.122	-	29.902	238.024
Dự phòng rủi ro trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh số 32)	38.567	-	(23.991)	14.576
Số dư cuối năm	246.689	-	5.911	252.600

13.4 Thay đổi dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Năm 2023 Triệu đồng	Năm 2022 Triệu đồng
Số dư đầu năm	-	-
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh số 32)	8.025	-
• Dự phòng chung	8.025	-
Số dư cuối năm	8.025	-

13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.5 Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành và trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	37.827.345	51.379.946
Nợ cần chú ý	8.696.500	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.880.500	-
Nợ nghi ngờ	1.000.000	-
Nợ có khả năng mất vốn	500.000	-
	49.904.345	51.379.946

13.6 Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.350.033	111.600
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	1.350.033	111.600

14. Dự phòng đầu tư dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14.1 Đầu tư dài hạn khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Đầu tư vào tổ chức kinh tế				
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng (PCB)	3.934	3,28	3.934	3,28
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	185.276	7,44	185.276	7,44
	189.210		189.210	

14.2 Dự phòng đầu tư dài hạn

Thay đổi dự phòng đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	Năm 2023 Triệu đồng	Năm 2022 Triệu đồng
Số đầu năm	-	21
Sử dụng dự phòng để xử lý khoản góp vốn đầu tư dài hạn	-	(21)
Số cuối năm	-	-

15. Tài sản cố định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc (triệu đồng)	Máy móc, thiết bị (triệu đồng)	Phương tiện vận tải (triệu đồng)	Thiết bị dụng cụ quản lý (triệu đồng)	TSCĐ hữu hình khác (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
Số dư đầu năm	1.017.139	1.298.191	193.641	163.862	60.704	2.733.537
Mua trong năm	-	44.262	22.986	1.713	-	69.766
Tặng khác	-	216.078	-	17.216	-	232.489
Giảm khác	-	(12.758)	-	-	-	(12.758)
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.627)	(3.954)	(3.623)	(3.630)	(28.834)
Số dư cuối năm	1.017.139	1.528.146	212.673	179.168	57.074	2.994.200
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	146.088	1.043.071	127.382	138.124	59.764	1.514.429
Khấu hao trong năm	26.412	160.294	18.549	16.916	774	222.945
Giảm khác	-	(12.758)	-	-	-	(12.758)
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.627)	(3.661)	(3.597)	(3.630)	(28.515)
Số dư cuối năm	172.500	1.172.980	142.270	151.443	56.908	1.696.101
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	871.051	255.120	66.259	25.738	940	1.219.108
Tại ngày cuối năm	844.639	355.166	70.403	27.725	166	1.298.099

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.184.580 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.015.623 triệu đồng).

15. Tài sản cố định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất (triệu đồng)	Phần mềm máy vi tính (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	65.127	1.644.396	1.709.523
Mua trong năm	-	38.249	38.249
Tăng khác	-	163.29	163.29
Giảm khác	-	(2.514)	(2.514)
Số dư cuối năm	65.127	1.843.421	1.908.548
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	1.069.637	1.070.505
Hao mòn trong năm	-	214.855	214.855
Giảm khác	-	(2.514)	(2.514)
Số dư cuối năm	868	1.281.978	1.282.846
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	64.259	574.759	639.018
Số dư cuối năm	64.259	561.443	625.702

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 688.966 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 535.647 triệu đồng).

16. Tài sản Có khác

16.1 Các khoản phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Các khoản phải thu nội bộ	218.912	289.741
Các khoản phải thu bên ngoài	33.611.235	38.996.111
• Phải thu về thư tín dụng trả chậm	28.000.136	34.191.479
• Ký quỹ và khoản phải thu hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3.503	1.740
• Đặt cọc theo các hợp đồng kinh tế	1.404.973	1.712.935
• Tài sản có rủi ro tín dụng	84.567	151.549
• Phải thu về hoạt động thanh toán	1.928.290	971.281
• Tạm ứng nhà cung cấp	393.098	325.548
• Dự phòng phí và bồi thường nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	384.160	226.317
• Phải thu bên ngoài khác	1.412.508	1.415.262
Mua sắm tài sản cố định	134.526	109.566
Xây dựng cơ bản dở dang	4.768	14.047
	33.969.441	39.409.465

16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Phân tích chất lượng tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Nợ đủ tiêu chuẩn	-	71.549
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	29.148	-
Nợ nghi ngờ	28.567	-
Nợ có khả năng mất vốn	26.853	80.000
	84.567	151.549

16.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Lãi phải thu từ tiền gửi	29.858	10.037
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	1.675.475	2.067.399
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	5.071.637	3.746.679
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	1.070.899	1.364.283
Lãi phải thu từ hoạt động mua nợ	1.682	4.504
Phí phải thu	1.126.677	686.229
	8.976.228	7.879.131

16.3 Tài sản Có khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Vật liệu	15.566	17.898
Chi phí trả trước chờ phân bổ	6.632.078	3.692.112
Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng chờ xử lý	588.232	299.883
• Trong đó : Bất động sản	588.232	299.883
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	118.507	195.492
	7.354.383	4.205.385

16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16.4 Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng. Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Số dư đầu năm	79.676	52.327
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm, trong đó:	72.580	27.332
• Trích lập dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng (Thuyết minh số 36)	46.862	537
• Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 35)	25.718	26.795
Tăng khác	-	17
Số dư cuối năm	152.256	79.676

Chi tiết dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Dự phòng chung tài sản có rủi ro tín dụng	47.399	537
• Dự phòng chung	433	537
• Dự phòng cụ thể	46.966	-
Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác	104.857	79.139
	152.256	79.676

17. Lợi thế thương mại

	năm 2023 (triệu đồng)	năm 2022 (triệu đồng)
Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	231.167	231.167
Thời gian phân bổ (năm)	3	3
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	35.675	-
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	195.492	-
LTTM tăng trong năm	-	231.167
LTTM phát sinh trong năm	-	231.167
LTTM giảm trong năm	76.985	35.675
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	76.985	35.675
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối năm (Thuyết minh số 16.3)	118.507	195.492

18. Các khoản
nợ chính phủ
và ngân hàng
nhà nước
Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.117.311	1.921.140
Vay chiết khấu các giấy tờ có giá	4.112.234	1.913.726
Vay khác	5.077	7.414
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	1.000	8.093
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng VND	1.000	8.093
	4.118.311	1.929.233

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có kỳ hạn 3 tháng đến 1 năm và lãi suất 3,30%/năm đến 6,33%/năm (31 tháng 12 năm 2022: tiền vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và lãi suất 3,30%/năm đến 6,33%/năm).

19. Tiền gửi và
vay các tổ chức
tài chính, tổ chức
tín dụng khác

19.1 Tiền gửi của các
tổ chức tín dụng khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Tiền gửi không kỳ hạn	6.917.556	11.040.926
Bằng VND	6.917.543	11.040.899
Bằng ngoại tệ	13	27
Tiền gửi có kỳ hạn	76.317.200	40.285.001
Bằng VND	72.450.000	27.412.000
Bằng ngoại tệ	3.867.200	12.873.001
	83.234.756	51.325.927

19. Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19.2 Vay các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Phải trả về nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm	25.371.494	31.795.948
Vay các TCTC, TCTD khác	47.750.401	57.127.241
Bằng VND	4.304.954	6.723.401
• Trong đó: Vay cầm cố	1.394.205	419.732
Bằng ngoại tệ	43.445.447	50.403.840
• Trong đó: Vốn vay bằng ngoại tệ từ Công ty Tài Chính Quốc tế ("IFC")	4.746.837	5.755.219
	73.121.895	88.923.189

Các khoản vay các TCTC, TCTD khác theo kỳ hạn gốc tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Đến 6 tháng	5.032.482	5.096.405
Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	8.497.107	12.456.417
Từ trên 12 tháng đến 5 năm	34.201.079	39.541.529
Từ trên 5 năm trở lên	4.746.837	5.755.219
	47.750.401	57.127.241

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các TCTC, TCTD khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	1,00 - 4,50	4,00 – 12,00
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	5,10 - 5,20	1,10 – 4,80
Tiền vay các TCTC, TCTD khác bằng VND	1,40 - 9,58	2,50 – 14,00
Tiền vay các TCTC, TCTD khác bằng ngoại tệ	0,75 - 8,61	0,75 – 8,06

20. Tiền gửi của khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Tiền gửi không kỳ hạn	75.333.245	50.149.266
• Bằng VND	73.081.876	47.395.456
• Bằng ngoại tệ	2.251.369	2.753.810
Tiền gửi có kỳ hạn	365.220.955	249.386.270
• Bằng VND	364.344.580	247.109.955
• Bằng ngoại tệ	876.375	2.276.315
Tiền gửi vốn chuyên dùng	83.763	67.894
• Bằng VND	55.778	10.696
• Bằng ngoại tệ	27.985	57.198
Tiền ký quỹ	1.730.418	3.547.987
• Bằng VND	1.666.917	2.606.571
• Bằng ngoại tệ	63.501	941.416
	442.368.381	303.151.417

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	%	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)	%
Công ty Nhà nước	631.891	0,14	2.588.867	0,85
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	1.799.529	0,41	919.889	0,30
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	69.581	0,02	86.401	0,03
Công ty TNHH khác	38.222.990	8,64	28.194.131	9,30
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	2.088.042	0,47	1.769.711	0,58
Công ty cổ phần khác	103.374.399	23,37	96.917.697	31,97
Công ty hợp danh	3.021	0,00	3.741	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	42.028	0,01	42.039	0,01
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	327.345	0,07	417.126	0,14
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	57.201	0,01	31.408	0,01
Hộ kinh doanh, cá nhân	292.614.183	66,15	168.798.744	55,70
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	2.405.140	0,54	2.981.847	0,98
Khác	733.031	0,17	399.816	0,13
	442.368.381	100	303.151.417	100

20. Tiền gửi của khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mức lãi suất tiền gửi của khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,20	0,20
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,20 – 12,65	0,20 - 12,10
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 0,70	0,00 - 0,80

21. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND từ Dự án Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	22.045	47.050

Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro có kỳ hạn từ 4 năm đến 10 năm và lãi suất 4,896%/năm (31 tháng 12 năm 2022: kỳ hạn từ 4 năm đến 10 năm và lãi suất 4,332%/năm).

22. Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá theo loại hình giấy tờ có giá theo kỳ hạn gốc như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Dưới 12 tháng	20.082.475	29.220.569
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	26.711.509	33.439.747
Từ 5 năm trở lên	993.328	1.039.658
	47.787.312	63.699.974

Giấy tờ có giá bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu, có lãi suất từ 3,90%/năm đến 12,65%/năm (31 tháng 12 năm 2022: từ 3,00%/năm đến 15,00%/năm).

Phát hành giấy tờ có giá theo loại hình giấy tờ có giá như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng cá nhân	4.799.409	48.579
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho các tổ chức kinh tế	29.916.339	36.039.248
Trái phiếu	13.071.564	27.612.147
	47.787.312	63.699.974

23. Các khoản nợ khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	8.091.846	4.399.365
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm	1.065.174	657.227
Lãi phải trả cho phát hành giấy tờ có giá	2.450.263	1.752.852
Lãi phải trả cho tiền vay các TCTC, TCTD khác	945.586	920.457
Lãi phải trả cho vốn nhận ủy thác từ các tổ chức khác	21	40
Lãi phải trả cho hoạt động nhận cấp tín dụng khác	-	3.458
Lãi phải trả cho các hợp đồng công cụ tài chính phái sinh	1.253.292	855.076
Phí phải trả	6.103	8.106
	13.812.285	8.596.581

23.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Các khoản phải trả nội bộ	98.556	261.019
Phải trả nhân viên	98.556	261.019
Các khoản phải trả bên ngoài	13.142.152	9.552.363
Các khoản khách hàng trả trước	1.315.509	652.547
Doanh thu chờ phân bổ	400.613	246.740
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	1.016.439	565.852
Các khoản treo chờ chuyển tiền	291.057	371.948
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước (<i>Thuyết minh số 24</i>)	2.302.966	3.157.923
Phải trả về hoạt động thanh toán	4.222.815	2.518.300
Phải trả nhà cung cấp	44.371	15.711
Phải trả các khoản vay khách hàng của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VPBank	1.396.750	-
Các khoản phải trả khác	2.151.632	2.023.342
	13.240.708	9.813.382

24. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Số dư đầu năm (triệu đồng)	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm (triệu đồng)
		Số phải nộp (triệu đồng)	Số đã nộp (triệu đồng)	
Thuế giá trị gia tăng	97.460	771.747	(572.230)	296.977
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.960.226	2.984.015	(4.082.839)	1.861.402
Thuế khác	100.237	1.366.566	(1.322.216)	144.587
	3.157.923	5.122.328	(5.977.285)	2.302.966

24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 8 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Lợi nhuận thuần trước thuế Cộng/(Trừ)	10.803.896	21.220.132
• Lỗ từ Công ty con	3.698.695	3.126.138
• Thu nhập không chịu thuế	(3.147)	(12.801)
• Chi phí không được khấu trừ	65.201	20.142
• Các khoản giảm trừ khác	-	(6.408)
• Điều chỉnh chi phí do hợp nhất báo cáo tài chính	330.262	174.198
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	14.894.907	24.521.400
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	2.978.981	4.904.280
Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	5.034	(44.432)
Chi phí thuế TNDN trong năm	2.984.015	4.859.848
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.960.226	4.545.027
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.082.839)	(6.445.272)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp do hợp nhất BCTC	-	623
Thuế TNDN phải trả cuối năm	1.861.402	2.960.226

24. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Ngân hàng chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.300.221	566.968
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.153	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước	(10.650)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.297.724	566.968

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả của Ngân hàng chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	74.154	8.844
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước	(8.844)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	65.310	8.844

25. Vốn và các quỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Thặng dư vốn cổ phần (triệu đồng)	Quỹ dự sung vốn điều lệ (triệu đồng)	Quỹ dự phòng tài chính (triệu đồng)	Quỹ đầu tư phát triển (triệu đồng)	Cổ phiếu quỹ (triệu đồng)	Lợi nhuận chưa phân phối (triệu đồng)	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	45.056.930	77.202	2.219.420	7.111.749	3.227.663	(1.760.512)	22.439.214	7.906.481	86.278.147
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	18.167.968	(12.591.161)	16.908.807
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (i)	22.377.306	-	(1.374.648)	-	-	-	(21.002.658)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	961.649	1.917.845	-	-	(2.879.494)	-	-
Điều chuyển quỹ Đầu tư Phát triển sang Thặng dư vốn cổ phần	-	499.844	-	-	(499.844)	-	-	-	-
Phát hành ESOP từ cổ phiếu quỹ (ii)	-	(577.046)	-	-	-	877.046	-	-	300.000
Chuyển từ quỹ Đầu tư Phát triển của công ty con về lợi nhuận chưa phân phối của Ngân hàng mẹ	-	-	-	-	(28.750)	-	28.750	-	-
Ảnh hưởng do mua mới công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	17.236	17.236
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	-	294	(294)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.270)	-	(2.270)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	67.434.236	-	1.806.421	9.029.594	2.699.069	(883.466)	16.751.804	6.664.262	103.501.920

25. Vốn và các quỹ (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Thặng dư vốn cổ phần (triệu đồng)	Quỹ dự sung vốn điều lệ (triệu đồng)	Quỹ dự phòng tài chính (triệu đồng)	Quỹ đầu tư phát triển (triệu đồng)	Cổ phiếu quỹ (triệu đồng)	Lợi nhuận chưa phân phối (triệu đồng)	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát (trieu đồng)	Tổng cộng (trieu đồng)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	67.434.236	-	1.806.421	9.029.594	2.699.069	(883.466)	16.751.804	6.664.262	103.501.920
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	9.973.939	(1.479.768)	8.494.171
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (iii)	11.905.000	23.992.546	-	-	-	-	-	-	35.897.546
Trích lập các quỹ	-	-	544.804	1.076.595	-	-	(1.621.399)	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(292.890)	-	-	-	-	(292.890)
Điều chuyển quỹ Đầu tư Phát triển sang Lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	(2.049.041)	-	2.049.041	-	-
Điều chuyển quỹ Đầu tư Phát triển sang Thặng dư vốn cổ phần	-	581.270	-	-	(581.270)	-	-	-	-
Phát hành ESOP từ cổ phiếu quỹ (iv)	-	(581.270)	-	-	-	883.466	-	-	302.196
Chia cổ tức năm 2022 cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	(7.933.924)	-	(7.933.924)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(153.492)	(20.000)	(173.492)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	79.339.236	23.992.546	2.351.225	9.813.299	68.758	-	19.065.969	5.164.494	139.795.527

25. Vốn và các quỹ (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 240/2022/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 8 năm 2022 về phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, Ngân hàng đã phát hành thành công 2.237.730.614 cổ phiếu tại ngày 11 tháng 10 năm 2022 để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Ngày 14 tháng 10 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phát hành Công văn số 6876/UBCK-QLCB về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu nêu trên của VPBank.
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 236/2022/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 8 năm 2022, Ngân hàng đã phát hành thành công 30.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên (ESOP) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 26 tháng 8 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phát hành Công văn số 5764/UBCK-QLCB về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả sử dụng cổ phiếu quỹ bán cho người lao động.
- (iii) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 223/2023/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2023, Ngân hàng đã phát hành thành công 1.190.500.000 cổ phiếu tại ngày 20 tháng 10 năm 2023 cho Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) để tăng vốn cổ phần. Ngày 24 tháng 10 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phát hành Công văn số 7178/UBCK-QLCB về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu nêu trên của VPBank.
- (iv) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 199/2023/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 10 năm 2023, Ngân hàng đã phát hành thành công 30.219.600 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên (ESOP) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 09 tháng 10 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phát hành Công văn số 6755/UBCK-QLCB về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả sử dụng cổ phiếu quỹ bán cho người lao động.

25.2 Vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Mệnh giá (triệu đồng)	Số lượng (Cổ phiếu)	Mệnh giá (triệu đồng)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.933.923.601	79.339.236	6.743.423.601	67.434.236
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.933.923.601	79.339.236	6.743.423.601	67.434.236
• Cổ phiếu phổ thông	7.933.923.601	79.339.236	6.743.423.601	67.434.236
Số lượng cổ phiếu đã được mua lại làm cổ phiếu quỹ	-	-	(30.219.600)	(302.196)
• Cổ phiếu phổ thông	-	-	(30.219.600)	(302.196)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.933.923.601	79.339.236	6.713.204.001	67.132.040
• Cổ phiếu phổ thông	7.933.923.601	79.339.236	6.713.204.001	67.132.040

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu của Ngân hàng là 10.000 VND.

26. Thu nhập trên cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (Triệu đồng)	9.973.939	18.167.968
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	6.958.838.203	6.685.217.725
Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.433	2.718

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Ngân hàng mẹ trừ đi (-) cổ tức chi trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có).

Tại thời điểm cuối năm tài chính, không có sự kiện hoặc tình huống nào có thể dẫn đến lãi suy giảm trên cổ phiếu.

27. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Thu nhập lãi tiền gửi	845.204	373.072
Thu nhập lãi cho vay	67.655.529	53.704.418
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	6.134.210	5.836.749
• Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	694.160	141.437
• Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	5.440.050	5.695.312
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	265.085	257.656
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua nợ	120.037	103.867
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.537.312	1.924.488
	76.557.377	62.200.250

28. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Trả lãi tiền gửi	26.071.508	13.336.596
Trả lãi tiền vay	5.513.344	2.914.952
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	5.940.883	4.074.916
Chi phí hoạt động tín dụng khác	856.966	852.728
	38.382.701	21.179.192

29. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	12.307.787	10.455.695
Thu từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	3.109.866	2.364.657
Thu từ dịch vụ tư vấn	93.493	81.520
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	2.937.498	3.353.881
Thu từ dịch vụ khác	6.166.930	4.655.637
Chi phí hoạt động dịch vụ	(5.095.905)	(4.017.943)
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(385.847)	(285.365)
Chi về dịch vụ tư vấn	(4.164)	(3.835)
Chi về dịch vụ bảo hiểm	(279.617)	(57.204)
Hoa hồng môi giới	(253.324)	(989.431)
Chi từ dịch vụ khác	(4.172.953)	(2.682.108)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	7.211.882	6.437.752

30. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.351.790	1.995.482
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	3.040.262	1.449.660
Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	172	2.697
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.311.356	543.125
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối	(5.157.763)	(2.613.532)
Chi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(1.108.687)	(797.163)
Chi về kinh doanh ngoại tệ và vàng	(15.976)	(25.822)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(4.033.100)	(1.790.547)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(805.973)	(618.050)

31. Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	535.368	239.784
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(131.922)	(365.906)
Chi phí dự phòng chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 8.1)	(23.273)	(23.072)
	380.173	(149.194)

32. Lãi thuần từ
mua bán chứng
khoán đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	328.218	1.019.730
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(112.545)	(496.399)
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh số 13.3)	34.359	(14.576)
	250.032	508.755

33. Lãi thuần từ
hoạt động khác

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Thu nhập từ hoạt động khác	7.774.012	13.017.039
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	3.641.446	2.838.951
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	2.495.093	3.746.268
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	903	2.944
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	15.586	82.643
Thu từ hoạt động mua bán nợ	1.517.577	340.102
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	1.629	814
Thu nhận hỗ trợ và thu nhập khác	101.778	6.005.317
Chi phí cho hoạt động khác	(3.248.461)	(2.433.072)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(2.864.611)	(1.988.474)
Chi về thanh lý tài sản cố định	(257)	(163)
Chi về thanh lý tài sản khác	(9.704)	(32.286)
Chi về hoạt động mua bán nợ	-	(21)
Chi khác	(373.889)	(412.128)
	4.525.551	10.583.967

34. Thu nhập từ
góp vốn mua
cổ phần

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	3.147	12.801
	3.147	12.801

35. Chi phí hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Chi phí thuế, lệ phí và phí	12.787	1.171
Chi phí cho nhân viên	8.609.213	8.327.741
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	7.837.017	7.616.701
Các khoản chi đóng góp theo lương	395.816	377.974
Chi trợ cấp	162.156	185.655
Chi khác	214.224	147.411
Chi về tài sản	1.689.084	1.627.331
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	437.800	366.377
Chi thuê tài sản	812.756	807.641
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.262.910	1.571.486
Trong đó:		
Chi công tác phí	34.862	29.439
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	220	20.897
Trích lập dự phòng rủi ro khác	25.718	26.795
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 16.4)	25.718	26.795
Chi bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	301.649	182.448
Chi phí hoạt động khác	2.039.857	2.378.759
	13.941.218	14.115.731

36. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Thuyết minh số 11)	24.896.613	22.461.184
Chi phí dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước (Thuyết minh số 11)	51.439	-
Hoàn nhập dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (Thuyết minh số 12)	(540)	(495)
Chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản có rủi ro tín dụng khác (Thuyết minh số 16.4)	46.862	537
	24.994.374	22.461.226

37. Tiền và các khoản tương đương tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	2.284.990	2.658.493
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	8.422.511	9.935.379
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	9.627.143	13.919.103
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi	71.671.930	26.832.776
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua	1.660.896	699.420
	93.667.470	54.045.171

38. Tình hình thu nhập của nhân viên

	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
I. Tổng số nhân viên bình quân (người) (Chỉ bao gồm các nhân viên chính thức)	27.042	27.433
II. Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	7.615.260	7.305.817
2. Thu nhập khác	387.378	479.620
3. Tổng thu nhập (1+2)	8.002.638	7.785.437
4. Tiền lương bình quân tháng	23,47	22,19
5. Thu nhập bình quân tháng	24,66	23,65

39. Loại hình và giá trị sổ sách tài sản thế chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thế chấp của khách hàng tại thời điểm cuối năm:

	Giá trị sổ sách	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Bất động sản	616.667.767	764.230.582
Động sản	82.757.721	78.159.112
Giấy tờ có giá	79.409.408	224.648.570
Các tài sản đảm bảo khác	872.798.273	485.374.522
	1.651.633.169	1.552.412.786

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu của TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị sổ sách	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Giấy tờ có giá	-	192.069

39.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Chi tiết các tài sản, giấy tờ có giá của Ngân hàng được đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu vào thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị sổ sách	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố (Thuyết minh số 13.1, 8.1)	4.895.000	11.305.000
Giấy tờ có giá bán và cam kết mua lại (Thuyết minh số 13.1, 8.1)	5.000.000	3.745.537
Các tài sản khác đưa đi thế chấp, cầm cố	10.639.910	23.809.034
	20.534.910	38.859.571

40. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại) (triệu đồng)
Cam kết bảo lãnh vay vốn	1.754.978	2.468.421
Cam kết giao dịch hối đoái	296.858.798	162.851.173
Cam kết mua ngoại tệ	264.965	1.158.171
Cam kết bán ngoại tệ	992.663	786.489
Cam kết nhận - giao dịch hoán đổi tiền tệ	147.839.284	80.349.191
Cam kết trả - giao dịch hoán đổi tiền tệ	147.761.886	80.557.322
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38.680.116	46.948.724
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38.826.301	47.999.900
Trừ: Tiền ký quỹ	(146.185)	(1.051.176)
Bảo lãnh khác	19.546.205	22.209.420
Cam kết bảo lãnh thanh toán	6.796.559	7.891.410
Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.410.630	6.479.337
Cam kết bảo lãnh dự thầu	371.974	420.894
Cam kết bảo lãnh khác	8.370.870	7.739.348
Trừ: Tiền ký quỹ	(403.828)	(321.569)
Các cam kết khác	285.115.835	316.119.801
Cam kết hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo – nhận	26.662.517	31.872.180
Cam kết hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo – trả	27.153.623	31.916.502
Cam kết hoán đổi lãi suất một đồng tiền	21.973.473	42.462.782
Cam kết mua bán giấy tờ có giá	3.366.684	2.120.425
Cam kết khác	205.959.538	207.747.912
Trong đó: Hạn mức tín dụng chưa sử dụng có thể hủy ngang	205.810.854	206.575.687
Nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	641.955.932	550.597.539

41. Các khoản mục ngoại bảng khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41.1 Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Lãi cho vay chưa thu được	7.854.292	7.489.151
Lãi chứng khoán chưa thu được	40.252	-
Phí phải thu chưa thu được	317.263	749.674
	8.211.807	8.238.825

41.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	27.104.854	41.712.320
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	23.995.273	26.157.271
	51.100.127	67.869.591

41.3 Tài sản và chứng từ khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại) (triệu đồng)
Tài sản khác giữ hộ	36.177.136	16.066.099
Tài sản thuê ngoài (*)	-	-
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	54.918.718	72.217.203
	91.095.854	88.283.302

(*) Do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD Việt Nam nên ngân hàng không trình bày khoản mục này.

42. Cam kết thuê hoạt động

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang. Trong đó:		
• Đến hạn trong 01 năm	131.923	153.966
• Đến hạn từ 01 đến 05 năm	302.887	305.300
• Đến hạn sau 05 năm	2.339	48.503
	437.149	507.768

43. Giao dịch với các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Ngân hàng có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a)** Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b)** Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c)** Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của Ngân hàng;
- (d)** Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e)** Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị	
		Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Cổ đông lớn (*)	Chi phí lãi tiền vay từ SMBC	(145.607)	-
	Doanh thu lãi tiền gửi tại SMBC	3.657	-
	Doanh thu từ hợp đồng phái sinh với SMBC	226.184	-
	Chi phí từ hợp đồng phái sinh với SMBC	(239.022)	-
	Chi phí khác	(26.360)	-
	Gửi tiền tại SMBC	75.000	-
	Rút tiền tại SMBC	(75.000)	-
	Đi vay SMBC	(4.229.750)	-
	Trả tiền vay SMBC	3.625.863	-
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Chi phí nhận tiền gửi	(22.548)	(2.117)

43. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các khoản phải thu, phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Diễn giải	Số dư phải thu/ (phải trả)	
		Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Cổ đông lớn (*)	Dự chi lãi vay	(53.140)	-
	Dự chi từ hợp đồng phái sinh	(241.710)	-
	Dự thu từ hợp đồng phái sinh	368.650	-
	Phí trả trước chờ phân bổ	148.867	-
	Tiền gửi tại SMBC	175.091	-
	Vay từ SMBC	(11.894.724)	-
	Tiền gửi của SMBC	(597)	-
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Tiền gửi tại Ngân hàng	(194.907)	(189.229)

Giá trị hợp đồng phái sinh, mua bán ngoại tệ của các bên liên quan chi tiết như sau:

Bên liên quan	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (triệu đồng)
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Cổ đông lớn (*)	28.541.180	-

(*) Giá trị/số dư giao dịch với SMBC và các chi nhánh được trình bày là số liệu từ ngày 20 tháng 10 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 sau khi SMBC trở thành cổ đông lớn sở hữu 15,005% vốn điều lệ của Ngân hàng.

43. Giao dịch
với các bên liên
quan (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Chức danh		Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)
Thành viên Hội đồng Quản trị			
Thù lao			
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch	(3.360)	(3.360)
Ông Bùi Hải Quân	Phó chủ tịch	(3.120)	(3.120)
Ông Lô Bằng Giang	Phó chủ tịch	(3.120)	(3.120)
Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên độc lập	(1.200)	(1.200)
Thành viên Ban kiểm soát			
Thù lao, tiền lương và phụ cấp	Ban Kiểm soát	(6.010)	(7.928)
Tổng Giám đốc và Thành viên Ban Tổng Giám đốc			
Tiền lương và phụ cấp	Ban Tổng Giám đốc	(57.428)	(57.747)

Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con không có các giao dịch, các khoản phải thu, phải trả trọng yếu nào khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày với các bên liên quan.

44. Mức độ
tập trung theo
khu vực địa lý
của các tài sản,
công nợ và các
khoản mục
ngoại bảng

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của Ngân hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Trong nước (triệu đồng)	Nước ngoài (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
Tổng dư nợ cho vay khách hàng, mua nợ và cấp tín dụng cho các TCTD khác	579.893.966	-	579.893.966
Tổng huy động	604.279.643	46.373.057	650.652.700
Các cam kết tín dụng và bảo lãnh khác	59.981.299	-	59.981.299
Công cụ tài chính phái sinh	(111.039)	111.431	392
Kinh doanh và đầu tư chứng khoán	107.211.991	-	107.211.991

45. Chính sách quản lý rủi ro tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Ngân hàng chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này trình bày thông tin về những rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải theo loại rủi ro; mục tiêu, chính sách và quy trình của Ngân hàng nhằm đánh giá và quản lý rủi ro và việc quản lý nguồn vốn của Ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất, đồng thời chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng, hiệu quả quản lý rủi ro của Ngân hàng. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ (“ALCO”) và Ủy ban Quản lý Rủi ro (“RCO”), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên có quyền biểu quyết và các thành viên không có quyền biểu quyết.

Khung quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động Ngân hàng. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo; các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực, trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.1 Rủi ro tín dụng

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng, gửi tiền tại và cấp tín dụng cho các TCTD khác và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro tín dụng phát sinh khi khách hàng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo các cam kết và thỏa thuận đã ký với Ngân hàng. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ hoạt động cho vay và ứng trước khách hàng doanh nghiệp, cho vay và ứng trước khách hàng bán lẻ và đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng chứng từ và các công cụ tài chính phái sinh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của Ngân hàng. Ngân hàng xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng và các giới hạn cấp tín dụng bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng. Về nguyên tắc, Ngân hàng nhận dạng và quản lý các rủi ro tín dụng tại tất cả các hoạt động và sản phẩm tiềm ẩn rủi ro và đảm bảo rằng Ngân hàng chỉ cung cấp các sản phẩm mới khi có đầy đủ các quy định, quy trình liên quan đến sản phẩm mới, hoạt động trên thị trường mới nhằm nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi và kiểm soát các rủi ro phát sinh trọng yếu. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

Ngân hàng thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNN.

Cách tiếp cận tổng thể của Ngân hàng đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà Ngân hàng đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.1 Rủi ro tín dụng
(tiếp theo)

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản bằng với giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng) của nhóm tài sản đó trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

	Chưa quá hạn (triệu đồng)	Đã quá hạn và chưa bị giảm giá (triệu đồng)	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác	94.093.778	-	-	94.093.778
• Tiền gửi tại TCTD khác	81.299.073	-	-	81.299.073
• Cấp tín dụng cho các TCTD khác	12.794.705	-	-	12.794.705
Chứng khoán kinh doanh	12.406.274	-	-	12.406.274
Cho vay khách hàng và mua nợ	499.553.399	3.956.524	63.589.338	567.099.261
Chứng khoán đầu tư	82.654.490	8.871.000	3.280.227	94.805.717
• Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	75.899.230	8.871.000	3.280.227	88.050.457
• Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	6.755.260	-	-	6.755.260
Tài sản Có khác	51.316.177	9.660	271.939	51.597.776
Tổng cộng	740.024.118	12.837.184	67.141.504	820.002.806

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

Các tài sản tài chính quá hạn của Ngân hàng được phân loại theo từng đối tác có rủi ro tín dụng theo phương pháp định lượng được hướng dẫn theo Thông tư 11, Thông tư 01, Thông tư 03, Thông tư 14, Thông tư 02.

Các tài sản đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá là do Ngân hàng và các công ty con đang nắm giữ các tài sản đảm bảo đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do những biến động bất lợi và thay đổi của các nhân tố rủi ro thị trường (bao gồm lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường...) gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của Ngân hàng.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác thuộc Khối Quản trị Rủi ro. Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình; xây dựng các công cụ đo lường; đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của Ngân hàng. Các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất sổ ngân hàng thuộc chức năng giám sát và tham mưu của Hội đồng Quản lý Rủi ro Thị trường (MACO).

Về hệ thống các quy định nội bộ quản lý Rủi ro Thị trường, ngân hàng đã ban hành chính sách quản lý Rủi ro Thị trường, quy định các nguyên tắc quản trị rủi ro, vai trò và trách nhiệm các bên liên quan trong quy trình quản trị rủi ro thị trường, quy chuẩn nguyên tắc đo lường và giám sát rủi ro thị trường. Bên cạnh đó, quy định về phân tách Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng cũng được ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tuân thủ tiêu chuẩn Basel II, đảm bảo quản lý từng công cụ theo bản chất rủi ro gắn liền với công cụ đó. Để quản lý theo cấp độ danh mục, ngân hàng đề ra chiến lược cho từng danh mục của Khối Thị trường Tài chính, được rà soát và cập nhật hàng năm. Chiến lược quy định rõ các công cụ hợp lệ, phân tích các rủi ro tiềm ẩn và chiến lược phòng vệ cho từng danh mục. Phương pháp định giá cũng đã được ban hành theo tiêu chuẩn IFRS, giúp tính toán giá trị hợp lý của các sản phẩm tài chính một cách chính xác.

Các loại rủi ro thị trường của Ngân hàng (bao gồm rủi ro tiền tệ, lãi suất, giá hàng hóa, quyền chọn, chênh lệch lợi suất và thanh khoản thị trường) đều được phân tích chuyên sâu, nhận diện, đo lường và quản lý bằng hệ thống các hạn mức nội bộ. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro bao gồm các báo cáo rủi ro định kỳ (chủ yếu là hàng ngày) và báo cáo các trường hợp vi phạm hạn mức.

Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường được xây dựng kết hợp giữa phương pháp tiếp cận từ trên xuống (top-down) dựa vào khẩu vị rủi ro của Ngân hàng, quy định của NHNN và các quy định của đối tác chiến lược và phương pháp từ dưới lên (bottom-up) dựa vào nhu cầu từ đơn vị kinh doanh và phân tích rủi ro-lợi nhuận.

Đối với công tác quản lý rủi ro Đối tác, Ngân hàng đã ban hành văn bản về quy định xác định và phê duyệt hạn mức giao dịch của Ngân hàng đối với khách hàng là định chế tài chính, trong đó đưa ra quy định để xác định hạn mức cho các giao dịch có yếu tố rủi ro thị trường và rủi ro đối tác, đảm bảo tất cả mọi yếu tố rủi ro đều được cân nhắc trong quá trình cấp hạn mức cho đối tác.

45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn định lại lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ. Tất cả các hoạt động tín dụng, huy động, đầu tư của Ngân hàng đều phát sinh rủi ro lãi suất.

Dựa trên cơ sở trạng thái “nhạy cảm với lãi suất” theo từng kỳ thay đổi lãi suất, các chỉ tiêu là tài sản, nguồn vốn và các tài sản ngoại bảng được xếp vào các kỳ hạn của bảng “*Khe hở lãi suất*” của toàn Ngân hàng.

Thời hạn định lại lãi suất đối với các khoản mục có lãi suất cố định là thời gian còn lại cho đến khi đáo hạn của tài sản, đối với lãi suất thả nổi là thời gian còn lại cho đến kỳ định lại lãi suất gần nhất.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong xây dựng bảng “*Khe hở lãi suất*”:

- Tiền mặt và vàng, góp vốn, đầu tư dài hạn, tài sản cố định và các tài sản Có khác, các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- Thời gian định lại lãi suất của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian thanh toán/đáo hạn còn lại theo hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất nếu chứng khoán đó có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định lại lãi suất theo hợp đồng nếu chứng khoán đó có lãi suất thả nổi;
- Thời gian định lại lãi suất của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(các khoản nợ) tài chính khác; các khoản cho vay khách hàng; hoạt động mua nợ; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, TCTD khác, khoản mục tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định: thời gian định lại lãi suất dựa trên thời gian thanh toán/đáo hạn theo hợp đồng tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời gian định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất theo hợp đồng tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 10 và *Thuyết minh số 20*.

45. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Thời hạn định lại lãi suất								
	Quá hạn (triệu đồng)	Không chịu lãi (triệu đồng)	Đến 1 tháng (triệu đồng)	Từ 1-3 tháng (triệu đồng)	Từ 3-6 tháng (triệu đồng)	Từ 6-12 tháng (triệu đồng)	Từ 1-5 năm (triệu đồng)	Trên 5 năm (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	2.284.990	-	-	-	-	-	-	2.284.990
Tiền gửi tại NHNN	-	-	8.422.511	-	-	-	-	-	8.422.511
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác – gộp	-	-	82.980.332	6.885.597	2.894.475	1.333.374	-	-	94.093.778
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	11.289.917	-	534.809	-	-	-	581.548	12.406.274
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	21.774.163	-	316.272.818	122.558.083	37.494.089	48.666.978	19.553.967	779.163	567.099.261
Chứng khoán đầu tư – gộp	317.000	4.365.794	6.486.606	16.951.017	12.118.014	7.176.324	20.659.122	26.731.840	94.805.717
Góp vốn đầu tư dài hạn – gộp	-	189.210	-	-	-	-	-	-	189.210
Tài sản cố định	-	1.923.801	-	-	-	-	-	-	1.923.801
Tài sản Có khác – gộp	281.599	51.184.512	45.497	85.867	301	-	-	-	51.597.776
Tổng tài sản	22.372.762	71.238.224	414.207.764	147.015.373	52.506.879	57.176.676	40.213.089	28.092.551	832.823.318
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	4.113.277	2.181	2.665	188	-	-	4.118.311
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	103.509.227	24.648.721	19.008.572	9.190.131	-	-	156.356.651
Tiền gửi của khách hàng	-	-	176.411.376	92.059.330	131.063.088	37.015.687	5.817.671	-	442.368.381
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	4.131.583	10.018.770	(940.715)	(8.615.111)	(4.594.135)	1.229	392
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	22.045	-	-	-	-	22.045
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	8.522.760	13.905.641	14.358.019	5.461.428	5.539.464	-	47.787.312
Các khoản nợ khác	-	25.729.120	458.303	685.837	113.575	131.468	-	-	27.118.303
Tổng nợ phải trả	-	25.729.120	297.146.526	141.342.525	163.605.204	43.183.791	6.763.000	1.229	677.771.395
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	22.372.762	45.509.104	117.061.238	5.672.848	(111.098.325)	13.992.885	33.450.089	28.091.322	155.051.923
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng	-	-	(8.087)	9.391.356	(736.077)	(7.721.103)	(1.215.660)	-	(289.571)
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	22.372.762	45.509.104	117.053.151	15.064.204	(111.834.402)	6.271.782	32.234.429	28.091.322	154.762.352

45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường
(tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất
(tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tài sản và nợ phải trả chịu lãi suất (kể cả các tài sản và nợ phải trả có lãi suất cố định) có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế; lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng như sau:

		Ảnh hưởng đến		
		Mức tăng lãi suất	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế và Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	USD	1,50%	(65.352)	(52.282)
	VND	3,00%	2.789.528	2.231.622
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	USD	1,50%	(124.846)	(99.877)
	VND	3,00%	1.814.806	1.451.845

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ (hay thường gọi là rủi ro tỷ giá) là rủi ro gây ra tổn thất cho Ngân hàng do các thay đổi bất lợi của giá trị hợp lý của các trạng thái mở ngoại tệ. Trạng thái ngoại hối cũng như các trạng thái vàng và kim loại quý khác có tiềm ẩn rủi ro tỷ giá. Rủi ro tỷ giá xuất hiện khi danh mục bao gồm các dòng tiền giao ngay hoặc dòng tiền tương lai bằng ngoại tệ. Rủi ro tỷ giá tiềm ẩn trên cả Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng. Rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp tới bảng cân đối tài sản và bảng thu nhập khi các loại tài sản, nợ và thu nhập bằng ngoại tệ cần được chuyển đổi sang nội tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ được quản lý bằng các công cụ hạn mức cho trạng thái mở ngoại tệ cho từng loại ngoại tệ cũng như tổng trạng thái mở ngoại tệ. Ngân hàng quản lý bằng cách thiết lập các hạn mức trạng thái mở của từng ngoại tệ phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đồng Việt Nam là đồng tiền chính trong giao dịch của Ngân hàng; đồng Đô la Mỹ được giao dịch chủ yếu trên các khoản cho vay, tiền gửi và phái sinh; các loại ngoại tệ khác chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng tài sản và nợ của Ngân hàng. Các trạng thái mở ngoại tệ được giám sát hàng ngày và các chiến lược phòng vệ được sử dụng để đảm bảo các trạng thái luôn trong hạn mức cho phép.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 50*.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể. Mức tăng tỷ giá thể hiện đồng USD mạnh lên so với đồng Việt Nam.

		Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu (triệu đồng)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
USD		2,00%	32.130
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			
USD		2,00%	(6.998)

45. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(b) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tài sản	EUR được quy đổi (triệu đồng)	USD được quy đổi (triệu đồng)	Vàng được quy đổi (triệu đồng)	Các loại ngoại tệ khác được quy đổi (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	55.868	111.657		41.137	208.751
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	765	330.832		-	331.597
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác – gộp	152.170	9.204.944		273.571	9.630.685
Cho vay khách hàng và mua nợ – gộp	1.138	7.674.004		-	7.675.142
Tài sản Có khác – gộp	242.284	7.458.527		4.750	7.705.561
Tổng tài sản	452.225	24.779.964		319.458	25.551.736
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các TCTC, TCTD khác	226.100	49.056.793		3.439.528	52.722.421
Tiền gửi của khách hàng	111.270	2.959.378		148.582	3.219.230
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	93.445	(30.449.604)		(3.391.389)	(33.747.548)
Các khoản nợ khác	17.545	1.205.254		18.644	1.241.443
Tổng nợ phải trả	448.360	22.771.821		215.365	23.435.546
Trạng thái tiền tệ nội bảng	3.865	2.008.143		89	2.116.190
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	8.010	(653.491)		-	(727.697)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	11.875	1.354.652		89	1.388.493

45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi Ngân hàng không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của Ngân hàng; thậm chí có thể làm cho Ngân hàng bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Ngân hàng thực hiện quản lý thanh khoản của toàn Ngân hàng và theo từng loại tiền chính (VND, USD) theo cơ chế, quy trình điều tiết, giám sát và quản lý thanh khoản được quy định cụ thể trong chính sách và các quy định, quy trình về quản lý thanh khoản. Theo đó, quản trị rủi ro thanh khoản của Ngân hàng được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 Khối trung tâm là: Trung tâm Quản lý Tài sản Nợ - Có, Khối Quản trị rủi ro và Khối Thị trường tài chính. Trong đó, Khối Thị trường tài chính có vai trò chủ đạo trong việc quản lý thanh khoản ngắn hạn và Trung tâm Quản lý Tài sản Nợ - Có có vai trò chủ đạo trong việc quản lý thanh khoản dài hạn trên cơ sở phù hợp và tuân thủ với khẩu vị rủi ro, chỉ tiêu rủi ro, chiến lược và chính sách quản trị rủi ro thanh khoản do Khối Quản trị rủi ro chịu trách nhiệm xây dựng.

Ngân hàng luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của Ngân hàng. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của Ngân hàng mà Ngân hàng sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

Ngân hàng hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng. Ngân hàng nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản Ngân hàng. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của Ngân hàng trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. Ngân hàng định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của Ngân hàng trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán có thời gian đáo hạn đến 1 tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được coi là có thời gian đáo hạn dưới 1 tháng do các chứng khoán này được nắm giữ trong ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán. Trong đó, các khoản chứng khoán do Chính phủ phát hành/bảo lãnh, mặc dù được xếp vào các kỳ hạn dài theo kỳ hạn còn lại, nhưng là tài sản thanh khoản trên thị trường, hoàn toàn có thể chuyển thành tiền trong một khoảng thời gian ngắn. Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn/trả trước;
- Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là -trên năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định hoặc theo thời gian xác định trong Nghị quyết đầu tư của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tài chính, các TCTD khác, các khoản tiền gửi của khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và tài sản Có khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và được phân loại là tiền gửi không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được phân loại vào kỳ hạn "Đến 1 tháng".

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phải thanh toán.

45. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Quá hạn			Trong hạn				
	Trên 3 tháng (triệu đồng)	Đến 3 tháng (triệu đồng)	Đến 1 tháng (triệu đồng)	Từ 1-3 tháng (triệu đồng)	Từ 3-12 tháng (triệu đồng)	Từ 1-5 năm (triệu đồng)	Trên 5 năm (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	2.284.990	-	-	-	-	2.284.990
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	-	8.422.511	-	-	-	-	8.422.511
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác – gộp	-	-	82.580.333	7.285.597	4.227.848	-	-	94.093.778
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	11.871.465	534.809	-	-	-	12.406.274
Cho vay khách hàng và mua nợ – gộp	15.726.809	6.047.354	92.324.121	49.717.173	146.431.810	181.792.244	75.059.750	567.099.261
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	317.000	302.964	5.418.895	26.224.059	32.525.208	30.017.591	94.805.717
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	189.210	189.210
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	31.293	1.892.508	1.923.801
Tài sản Có khác – gộp	242.791	38.808	30.594.025	9.697.775	10.808.402	13.999	201.976	51.597.776
Tổng tài sản	15.969.600	6.403.162	228.380.409	72.654.249	187.692.119	214.362.744	107.361.035	832.823.318
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	-	4.113.277	2.181	2.853	-	-	4.118.311
Tiền gửi và vay các TCTC, TCTD khác	-	-	85.036.338	16.775.775	24.448.185	30.096.353	-	156.356.651
Tiền gửi của khách hàng	-	-	176.411.376	92.059.330	168.078.775	5.817.671	1.229	442.368.381
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	22.684	5.170	(57.477)	30.015	-	392
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	3.655	7.496	10.519	375	22.045
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	8.522.760	13.905.641	19.819.447	5.539.464	-	47.787.312
Các khoản nợ khác	-	-	22.750.085	3.425.329	927.990	14.899	-	27.118.303
Tổng nợ phải trả	-	-	296.856.520	126.177.081	213.227.269	41.508.921	1.604	677.771.395
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	15.969.600	6.403.162	(68.476.111)	(53.522.832)	(25.535.150)	172.853.823	107.359.431	155.051.923

45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(d) Rủi ro giá cả thị trường khác

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

46. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của NHNN và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

• **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

• **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

46.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tài sản tài chính (tiếp theo)

• Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất;
- Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

• Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác, phát hành giấy tờ có giá và các khoản phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

• Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động:

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

• Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

46. Tài sản tài chính và
nợ phải trả tài chính
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Giá trị ghi sổ					Giá trị hợp lý (triệu đồng)
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động (triệu đồng)	Giữ đến ngày đáo hạn (triệu đồng)	Cho vay và phải thu (triệu đồng)	Sẵn sàng để bán (triệu đồng)	Tài sản và nợ khác hệ thống toán theo giá trị phần bổ (triệu đồng)	Tổng cộng giá trị ghi sổ (triệu đồng)
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	2.284.990	-	-	2.284.990
Tiền gửi tại NHNN	-	-	8.422.511	-	-	8.422.511
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác – gộp	-	-	81.299.073	-	-	81.299.073
Chứng khoán kinh doanh – gộp	12.406.274	-	-	-	-	12.406.274
Cho vay khách hàng và mua nợ – gộp	-	-	567.099.261	-	-	567.099.261
Chứng khoán sẵn sàng để bán – gộp	-	-	-	88.050.457	-	88.050.457
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn - gộp	-	6.755.260	-	-	-	6.755.260
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	189.210	-	189.210
Tài sản tài chính khác – gộp	1.070.899	64.890	39.417.737	1.610.585	-	42.164.111
	13.477.173	6.820.150	698.523.572	89.850.252	-	808.671.147
Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	-	-	4.118.311	4.118.311
Tiền gửi và vay các TCTC, các TCTD khác	-	-	-	-	83.234.756	83.234.756
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	442.368.381	442.368.381
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	392	-	-	-	-	392
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	22.045	22.045
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	47.787.312	47.787.312
Các khoản nợ tài chính khác	1.253.292	-	-	-	21.951.501	23.204.793
	1.253.684	-	-	-	599.482.306	600.735.990

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

47. Báo cáo bộ phận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

47.1 Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực sau:

Hoạt động ngân hàng và tín dụng	Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm: • Nhận tiền gửi; • Cấp tín dụng; • Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và • Các hoạt động ngân hàng khác.
Hoạt động công ty tài chính	Cho vay tiêu dùng và các hoạt động tài chính khác
Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản
Hoạt động chứng khoán	Các hoạt động về nghiệp vụ chứng khoán
Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động cung cấp dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ

47. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47.1 Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực
kinh doanh (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày như bảng sau:

Doanh thu	Hoạt động ngân hàng (triệu đồng)	Hoạt động công ty tài chính (triệu đồng)	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản (triệu đồng)	Hoạt động chứng khoán (triệu đồng)	THoạt động kinh doanh bảo hiểm (triệu đồng)	Điều chỉnh nội bộ (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
Doanh thu lãi	61.138.882	14.859.622	2.210	1.312.614	106.872	(862.823)	76.557.377
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	6.103.506	1.058.311	(5)	161.899	139.050	(250.879)	7.211.882
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác	2.667.698	1.835.639	5.283	266.317	(551)	(421.456)	4.352.930
	69.910.086	17.753.572	7.488	1.740.830	245.371	(1.535.158)	88.122.189
II. Chi phí							
Chi phí lãi	(34.748.649)	(4.478.897)	-	(102.296)	(1.197)	948.338	(38.382.701)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(325.610)	(102.849)	-	(5.180)	(4.161)	-	(437.800)
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(8.837.295)	(4.482.109)	(327)	(310.554)	(83.796)	210.663	(13.503.418)
	(43.911.554)	(9.063.855)	(327)	(418.030)	(89.15)	1.159.001	(52.323.919)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	25.998.532	8.689.717	7.161	1.322.800	156.217	(376.157)	35.798.270
Chi phí dự phòng rủi ro	(12.530.235)	(12.388.411)	-	(68.065)	-	(7.663)	(24.994.374)
Kết quả kinh doanh bộ phận	13.468.297	(3.698.694)	7.161	1.254.735	156.217	(383.820)	10.803.896
III. Tài sản							
Tiền mặt	2.284.990	-	-	-	-	-	2.284.990
Tài sản cố định	1.569.669	319.029	-	31.293	3.672	138	1.923.801
Tài sản khác	771.980.474	62.742.255	170.007	22.483.699	3.185.476	(47.203.780)	813.358.131
	775.835.133	63.061.284	170.007	22.514.992	3.189.148	(47.203.642)	817.566.922
IV. Nợ phải trả							
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	633.534.854	51.124.876	-	4.552.670	4.920	(24.686.632)	664.530.688
Nợ phải trả nội bộ	12.378	44.645	500	41.033	-	-	98.556
Nợ phải trả khác	8.134.917	1.616.270	28.991	1,475.859	2,559.407	(673.293)	13,142.151
	641.682.149	52,785.791	29,491	6,069.562	2,564.327	(25,359.925)	677,771.395

47.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47.2 Báo cáo bộ phận
thứ yếu theo khu vực
địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Ngân hàng không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do Ngân hàng hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng nhận định rằng Ngân hàng chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Ngân hàng không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

48. Thuyết minh
về biến động
lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của VPBank cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 giảm 10.416.236 triệu đồng so với lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, tương đương -49,09% do các nguyên nhân sau:

	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)
Giảm lợi nhuận do giảm thu nhập lãi thuần	(2.846.382)
Tăng lợi nhuận do tăng thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	774.130
Giảm lợi nhuận do giảm thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	(187.923)
Tăng lợi nhuận do tăng thu nhập thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	529.367
Giảm lợi nhuận do giảm thu nhập thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	(258.723)
Giảm lợi nhuận do giảm thu nhập thuần từ hoạt động khác	(6.058.416)
Giảm lợi nhuận do giảm thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	(9.654)
Tăng lợi nhuận do giảm chi phí hoạt động	174.513
Giảm lợi nhuận do tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.533.148)
	(10.416.236)

49. Các sự kiện
sau ngày kết thúc
năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Ngân hàng và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

50. Tỷ giá một số loại ngoại tệ và vàng so với VND vào thời điểm cuối năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (VND)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (VND)
AUD	16.476	16.150
CAD	18.260	17.490
CHF	28.740	25.661
CNY	3.407	3.436
DKK	3.160	3.160
EUR	26.699	25.369
GBP	30.796	28.672
JPY	171	181
NZD	17.249	17.249
SEK	3.078	3.078
SGD	18.332	17.686
THB	640	640
USD	24.170	23.700
XAU (*)	745.000	663.000

(*) Đây là tỷ giá cho 0,01 lượng vàng.

Người lập:

Bà Phạm Minh Thư
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

29-03-2024

PHỤ LỤC BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bảng tham chiếu tiêu chuẩn GRI

Số tiêu chí	Thông tin công bố	Nội dung trong Báo cáo	Trang
GRI 2	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG		
2-1	Thông tin chi tiết về Tổ chức	Thông tin khái quát Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
2-2	Các Đơn vị được bao gồm trong báo cáo Phát triển bền vững	- Báo cáo phát triển bền vững được lập trong phạm vi hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng với 2 đơn vị hội sở, 262 chi nhánh và phòng giao dịch, không bao gồm hoạt động của các công ty con do VPBank nắm quyền kiểm soát được liệt kê trong Báo cáo tài chính - Các trường hợp đặc biệt (thay đổi về phạm vi thu thập dữ liệu) sẽ được ghi chú cho từng nội dung	14, 27-37
2-3	Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ	- Báo cáo Phát triển bền vững năm 2023 được lập theo niên độ kế toán, cho giai đoạn từ 1/1/2023 - 31/12/2023 - Tuần suất báo cáo: Thường niên - Ngày phát hành báo cáo: MARCOM diễn thông tin - Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo: Phòng Quan hệ nhà đầu tư - VPBank Email: ir@vpbank.com.vn Điện thoại: (84) 24 7305 6600	
2-4	Trình bày lại thông tin	- Khung quản lý rủi ro ESG của VPBank được thực hiện rà soát độc lập với EY Consulting Vietnam và xác nhận đã đáp ứng cơ bản các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro ESG. Các tiêu chuẩn đánh giá xem tại Thiết lập quy trình quản lý rủi ro ESG toàn diện và hiệu quả. - Không có nội dung nào trong Báo cáo phát triển bền vững năm 2022 cần trình bày lại.	181
2-6	Các hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh Các công ty con Tăng cường kết nối trong chuỗi cung ứng thúc đẩy thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững	24-25
2-7	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	Tôn trọng sự đa dạng và bình đẳng	192-193
2-9	Cơ cấu và thành phần quản trị	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	26-27
2-10	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	Quy trình đề cử, bầu, bổ nhiệm cùng các tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị, cấp quản lý cao nhất được quy định trong Điều lệ VPBank, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá về công tác quản trị doanh nghiệp khu vực ASEAN	142
2-11	Chủ tịch cơ quan quản trị cao nhất	Chủ tịch HĐQT của VPBank không đồng thời kiêm nhiệm chức vụ TGD, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá về công tác quản trị doanh nghiệp khu vực ASEAN.	143

Số tiêu chí	Thông tin công bố	Nội dung trong Báo cáo	Trang
2-12	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	Mô hình quản trị hướng đến phát triển bền vững	168-169
2-13	Sự phân chia trách nhiệm về việc quản lý các tác động	Mô hình quản trị hướng đến phát triển bền vững	168-169
2-14	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong báo cáo phát triển bền vững	Nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	161
2-15	Xung đột lợi ích	- Các thực hành quản trị xung đột lợi ích bao gồm việc thiết lập và thực hiện theo Chính sách quản lý xung đột lợi ích tại VPBank, đã đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá về công tác quản trị doanh nghiệp khu vực ASEAN	133, 135, 146
		- VPBank công khai minh bạch các thông tin về cơ cấu cổ đông, giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan trong Báo cáo thường niên.	75-77
2-16	Truyền đạt các vấn đề trọng yếu tới cơ quan quản trị cao nhất	Mô hình quản trị hướng đến phát triển bền vững	168-169
2-17	Kiến thức tổng hợp của cơ quan quản trị cao nhất	Kinh nghiệm của các cấp quản lý về chủ đề ESG	170-174
2-18	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất	Báo cáo quản trị ngân hàng	118-147
2-19	Chính sách về thù lao của cơ quan quản trị cao nhất và giám đốc điều hành cấp cao	Thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BKS, BDH	126
2-20	Quy trình xác định mức thù lao	- Thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BKS, BDH	126
		- Đảm bảo lợi ích kinh tế của đội ngũ nhân sự	190
		- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	90-91
2-22	Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	Thông điệp của Ban lãnh đạo và Chiến lược phát triển bền vững	156-159
2-23	Cam kết chính sách	- Kiến tạo kinh tế xanh, xây dựng chuỗi giá trị về cộng đồng bền vững	176-183
		- Tôn trọng quyền con người	185-187
		- Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu	162-166
2-24	Triển khai cam kết chính sách	- Kiến tạo kinh tế xanh, xây dựng chuỗi giá trị về cộng đồng bền vững	176-183
		- Đóng góp kiến tạo giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội	185-187, 188-189, 194
2-25	Các quy trình khắc phục tác động tiêu cực	- Chiến lược phát triển bền vững	158-159
		- Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu	162-166
2-26	Cơ chế tư vấn và báo cáo các quan ngại	- Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu	162-166
		- Cơ chế khiếu nại nội bộ	194
2-28	Hiệp hội thành viên	Tham gia thúc đẩy xu hướng phát triển bền vững của thị trường	184
2-29	Phương pháp tiếp cận sự tham gia của các bên liên quan	Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu	162-166
2-30	Thỏa ước lao động tập thể	100% CBNV chính thức đều tham gia công đoàn, đại diện của người lao động. Chi tiết tại Tôn trọng quyền con người	186

Số tiêu chí	Thông tin công bố	Nội dung trong Báo cáo	Trang
GRI 3	LĨNH VỰC TRỌNG YẾU		
3-1	Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu	Xác định rõ ràng các lĩnh vực trọng yếu	166-167
3-2	Danh sách lĩnh vực trọng yếu	Xác định rõ ràng các lĩnh vực trọng yếu	166-167
3-3	Quản lý lĩnh vực trọng yếu	Báo cáo phát triển bền vững	156-197
GRI 201	HIỆU QUẢ KINH TẾ		
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	- Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và các thuyết minh trong Báo cáo tài chính kiểm toán - Tình hình tài chính trong năm 2023	207, 261-269 72-73
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	Trình bày riêng tại Chương 3. Chiến lược và Chương 4. Quản trị rủi ro của Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (trang 14-37)	
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	- Tóm tắt những thay đổi trong chính sách đối với người lao động 2023 - Đảm bảo lợi ích kinh tế của đội ngũ nhân sự - Toàn bộ CBNV tại VPBank tham gia Bảo hiểm xã hội có bao gồm chế độ hưu trí.	90 190
GRI 202	SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG		
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	Đảm bảo lợi ích kinh tế của đội ngũ nhân sự	190
GRI 203	TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP		
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	Giải thưởng, các sự kiện đáng chú ý, hoạt động từ thiện xã hội năm 2023	150-153
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	Hoạt động từ thiện xã hội Thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững	152-153 174-183
GRI 205	CHỐNG THAM NHŨNG		
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	Phòng chống tham nhũng	183
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	Phòng chống tham nhũng	183
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý	- Các trường hợp vụ việc có yếu tố tham nhũng đều được VPBank kịp thời phát hiện để ngăn chặn hậu quả, đồng thời xử lý nghiêm các cá nhân có liên quan theo quy định của Ngân hàng - Không ghi nhận vụ kiện pháp lý công khai liên quan trong đó VPBank hoặc nhân viên của VPBank bị cáo buộc tham nhũng trong năm 2023.	
GRI 302	NĂNG LƯỢNG		
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	Quản lý năng lượng	196
302-3	Cường độ sử dụng Năng lượng	Quản lý năng lượng	196
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	Quản lý năng lượng	196
GRI 303	NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI		
303-4	Nước thải	Quản lý chất thải	195

Số tiêu chí	Thông tin công bố	Nội dung trong Báo cáo	Trang
GRI 305	PHÁT THẢI		
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	Quản lý hoạt động phát thải khí nhà kính Chi tiết tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu - mục Phát thải khí nhà kính (trang 41)	197
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	Quản lý hoạt động phát thải khí nhà kính Chi tiết tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu - mục Phát thải khí nhà kính (trang 41)	197
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	Quản lý hoạt động phát thải khí nhà kính Chi tiết tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu - mục Phát thải khí nhà kính (trang 41-42)	197
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	Quản lý hoạt động phát thải khí nhà kính Chi tiết tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu - mục Tín dụng xanh (trang 43)	197 75
GRI 306	CHẤT THẢI		
306-2	Quản lý các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	Quản lý chất thải	194-196
306-3	Chất thải phát sinh	Quản lý chất thải	194-196
GRI 308	ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG		
308-1	Các nhà cung cấp đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	Tăng cường kết nối trong chuỗi cung ứng thúc đẩy thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững	182
308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	Quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng thông qua hệ thống ESMS để góp phần bảo vệ môi trường khỏi các tác động tiêu cực tiềm ẩn	181-182
GRI 401	VIỆC LÀM		
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	Cơ cấu tuyển dụng mới trong kỳ báo cáo	193
401-3	Nghỉ thai sản	- Chế độ thai sản - 100% CBNV được nghỉ thai sản theo đúng quy định của pháp luật	191
GRI 402	MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/ QUẢN LÝ		
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	VPBank căn cứ vào tính chất & tác động của sự thay đổi để quyết định thời gian thông báo phù hợp cho CBNV để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng tới CBNV và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật. Các điều khoản tham vấn và đàm phán được nêu trong thỏa ước lao động tập thể	
GRI 403	AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
403-1	Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe nhân viên	188-189
403-2	Nhận dạng mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố	Tôn trọng quyền con người Cơ chế khiếu nại nội bộ	186 194
403-3	Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe nhân viên	188-189
403-4	Sự tham gia của người lao động, tham vấn và truyền thông về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	- Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu - Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe nhân viên - Công đoàn với sự tham gia của 100% CBNV, là đại diện trao đổi với Người sử dụng lao động về các nội dung an toàn và vệ sinh lao động	162-163 188-189

Số tiêu chí	Thông tin công bố	Nội dung trong Báo cáo	Trang
403-5	Huấn luyện người lao động về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp	Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe nhân viên	188-189
403-6	Nâng cao sức khỏe người lao động	Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe nhân viên	188-189
403-7	Phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp được liệt kê trực tiếp bởi các mối quan hệ kinh doanh	Tôn trọng quyền con người	186-187
403-8	Người lao động được bảo đảm bởi hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	100% cán bộ nhân viên chính thức tại VPBank được tham gia vào các hệ thống các chính sách, thực hành bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của VPBank	
GRI 404	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	Những con số ấn tượng của hoạt động đào tạo trong năm 2023	192
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	- Chiến lược "buy & build"	66
		- Phát triển nguồn nhân lực	94
		- Kết quả kiểm soát rủi ro môi trường xã hội	182
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	100% CBNV có thời gian làm việc từ 3 tháng trở lên đều được đánh giá hiệu quả làm việc 6 tháng/1 lần. CBNV không có đủ 3 tháng làm việc trong 6 tháng đầu năm thực hiện đánh giá tổng kết cuối năm	
GRI 405	ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	Tôn trọng sự bình đẳng và đa dạng	192-193
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	Đảm bảo lợi ích kinh tế của đội ngũ nhân sự	190
GRI 406	KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	- Tôn trọng quyền con người - VPBank không ghi nhận phát sinh vụ việc vi phạm liên quan đến phân biệt đối xử trong năm 2023.	186-187
GRI 407	TỰ DO LẬP HỘI/ QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ		
407-1	Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/ quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	Tôn trọng quyền con người	186
GRI 408	LAO ĐỘNG TRẺ EM		
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	- Tôn trọng quyền con người - VPBank không triển khai các hoạt động có rủi ro về sử dụng lao động trẻ em. Đối với các khách hàng và nhà cung cấp, VPBank chưa ghi nhận đối tượng có rủi ro đáng kể.	186
GRI 409	LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC HOẶC BẮC LỰC		
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	- Tôn trọng quyền con người - VPBank không triển khai các hoạt động có rủi ro về cưỡng bức lao động. Đối với các khách hàng và nhà cung cấp, VPBank chưa ghi nhận đối tượng có rủi ro đáng kể.	186
GRI 410	THÔNG LỆ VỀ AN NINH		
410-1	Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách liên quan đến quyền con người	Tôn trọng quyền con người	85

Số tiêu chí	Thông tin công bố	Nội dung trong Báo cáo	Trang
GRI 411	QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA		
411-1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	Không ghi nhận phát sinh vụ vi phạm liên quan tại VPBank trong năm 2023	
GRI 412	ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI		
412-2	Đào tạo nhân viên các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	Tôn trọng quyền con người	185
GRI 413	CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	- Hoạt động từ thiện xã hội	152-153
		- Thúc đẩy sự gắn kết với các bên liên quan trọng yếu	166
		- Kiến tạo kinh tế xanh, xây dựng chuỗi giá trị về cộng đồng bền vững	176-180
GRI 417	TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU		
417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	VPBank thiết lập và nghiêm túc thực hiện theo các quy định, quy trình về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cung cấp thông tin cho đơn vị báo chí nhằm đảm bảo các thông tin truyền thông là chính xác, kịp thời và đầy đủ, các thông điệp đưa ra đúng đối tượng, đúng thời điểm, góp phần thực hiện mục tiêu, chiến lược kinh doanh và củng cố hình ảnh thương hiệu của Ngân hàng	
417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	VPBank chưa xác định được bất kỳ hành vi không tuân thủ quy định và/hoặc bộ quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ nào	
417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	VPBank chưa xác định được bất kỳ hành vi không tuân thủ quy định và/hoặc bộ quy tắc tự nguyện liên quan đến truyền thông tiếp thị	
GRI 418	QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG		
418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	VPBank không ghi nhận vụ tấn công nào ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng. Các thực hành để đảm bảo an ninh thông tin cho khách hàng được thể hiện tại:	
		- Số hóa quản trị rủi ro	69
		- Gia cố nền tảng hệ tầng và an ninh thông tin, tăng cường chuyển đổi số các hoạt động quản lý, vận hành	70
		- Tôn trọng quyền con người	187



NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK)

Trụ sở chính: 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024 392 888 69 / Fax: 024 392 888 67

Hotline: 024 392 88880 / 1900545415